

ISSN 1859-0152
Số 5 (103). 2013

TẠP CHÍ
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng biên tập:
Nguyễn Đình Thuận

Phó Tổng biên tập:
Nguyễn Văn Tiến

Hội đồng biên tập:
GS, TS Ngô Đắc Chứng
TS Phan Thanh Hải
PGS, TS Trần Ngọc Nam
ThS Nguyễn Hữu Thông
CN Trần Đại Vinh

Trụ sở:
Số 24 đường Lê Lợi, TP Huế
ĐT: 054 3837900, 3835008
FAX: 054 3837900
Email: tc.nghiencuuphattrien@gmail.com
www.vjol.info.vn

Giấy phép xuất bản:
Số 130/GP-BTTTT,
ngày 23 tháng 7 năm 2012
do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

In tại:
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ TTH.

Phát hành:
- Qua bưu điện, mã số phát hành: C937
- Các nhà sách:
Nhà sách Tạp chí Xưa và Nay,
số 181 Đề Thám,
Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Nhà sách Hà Nội,
số 245 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Tòa soạn Tạp chí NCPT,
số 24 đường Lê Lợi, TP Huế.

Tài khoản số:
4.000211.100014
Tại Chi nhánh Ngân hàng
Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Thừa Thiên Huế.

Giá: 20.000 đồng

Chuyên đề sử liệu Việt Nam
LẠC VIÊN TIỂU SỬ

MỤC LỤC

* Lời Tòa soạn.	3
* Lời người dịch. Trần Đại Vinh.	5
* Tài liệu tham khảo (Phần chú giải của dịch giả và ban biên tập).	8
* Lời giới thiệu [của ông Lê Xuân Ninh trong bản lược dịch “Tiểu sử Lạc-Viên”].	9
* Đôi nét về hành trạng của Thượng thư Bộ Hình Tôn Thất Đàm (1871-1936). Phan Thuận An.	12
* Lạc Viên tiểu sử, quyển 1.	19
* Lạc Viên tiểu sử, quyển 4.	52
* Lạc Viên tiểu sử, quyển 5.	88

LỜI TÒA SOẠN

Vào giữa năm 2011, tòa soạn tạp chí Nghiên cứu và Phát triển được một bạn đọc thân thiết ở Hà Nội là anh Nguyễn Bá Dũng tặng một bản lược dịch cuốn hồi ký mang tên *Lạc Viên tiểu sử* của cụ Tôn Thất Đàm (1871-1936), Thượng thư Bộ Hình sung Cơ Mật Viện đại thần triều Nguyễn. Anh Dũng cũng cho biết bản dịch này nằm trong một tập tài liệu đánh máy được người bạn của anh mua từ một cửa hàng bán sách cũ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận thấy đây là một cuốn hồi ký lịch sử có giá trị nhiều mặt, tòa soạn đã liên hệ với gia đình cụ Tôn Thất Đàm, sau nhiều lần làm việc, chúng tôi đã được gia đình cụ chuyển giao toàn bộ bản thảo (bản chụp lại) cuốn *Lạc Viên tiểu sử* để dịch thuật và công bố nhằm phục vụ nhu cầu tham khảo của bạn đọc.

Theo thông tin từ gia đình, bộ *Lạc Viên tiểu sử* đã được tác giả viết xong và đóng tập hoàn chỉnh thành nhiều cuốn, nhưng do chiến tranh, bản hoàn chỉnh này bị thất lạc, sau năm 1975 gia đình chỉ tìm lại được tập bản thảo ba cuốn là cuốn 1, cuốn 4 và cuốn 5. Sau đó gia đình đã nhờ nhà nghiên cứu Hán Nôm Phan Đăng Tài lược dịch tóm tắt nội dung cả ba cuốn, đóng thành tập để lưu truyền trong gia đình. Bản lược dịch mà chúng tôi may mắn có được chính là một trong những bản sao của bản này.

Dù nguyên bản không còn trọn vẹn nhưng *Lạc Viên tiểu sử* cũng giúp người đọc khắc họa rõ nét cuộc đời của một nhân vật lịch sử, từ chuyện gia đình, học hành thi cử, đến chuyện quan trường, tình hình đất nước... Ở lĩnh vực nào, *Lạc Viên tiểu sử* cũng đều có những điểm nhấn đặc sắc.

Trong gia đình, Lạc Viên (tên hiệu của Tôn Thất Đàm) là người con hết mực hiếu thảo. Mồ côi cha từ nhỏ, ông được mẹ nuôi nấng, dạy dỗ chu đáo nhưng cũng rất nghiêm khắc. Cái chết của người mẹ hiền là một tổn thất lớn trong đời Lạc Viên đến nỗi ông suýt bỏ dở cả công danh sự nghiệp. Qua những lời tự bạch của Lạc Viên về hoàn cảnh gia đình, người đọc cũng hình dung được phần nào nề nếp sinh hoạt của một gia đình xứ Huế.

Trong chuyện học hành, thi cử và trên bước đường làm quan, tác giả Lạc Viên đã kể lại những mẩu chuyện sống động về tệ thi cử gian dối, nạn chạy chọt mua bán chức quyền, tình trạng tham nhũng của tầng lớp quan lại từ triều đình đến các địa phương.

Nổi bật hơn cả trong *Lạc Viên tiểu sử* là những ghi chép của tác giả về tình hình đất nước, ở những nơi mà ông trấn nhậm và ngay tại triều đình Huế khi ông giữ chức Thượng thư Bộ Hình sung Cơ Mật Viện đại thần. Những ghi chép ấy một mặt cung cấp cho người đọc những thông tin quý giá về tình hình đất nước vào cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20, mặt khác nó góp phần giải tỏa những định kiến sai lầm mà trước đây một số người đã gán cho Tôn Thất Đàm qua phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Qua *Lạc Viên tiểu sử* người đọc thấy rõ khi phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh xảy ra, trong vai trò Khâm sai đại thần - một vai trò mà ông đã bị cả người Pháp lẫn triều đình Huế ép phải nhận - Tôn Thất Đàm chưa bao

giờ chủ trương đàn áp, khủng bố người dân bằng bạo lực mà chỉ tìm cách vỗ yên dân tình bằng cách đề xuất nhiều chính sách và biện pháp an dân.

Có thể khẳng định được điều ấy bởi xuyên suốt hành trạng của Lạc Viên, người đọc thấy rõ ông luôn lấy tư tưởng “trên vì vua, dưới vì dân” làm phương châm xử thế. Ông sẵn sàng phản kháng quyết liệt những ai đi ngược lại tinh thần ấy, kể cả người đó là người thân hoặc thượng cấp của mình. Ngay cả đối với người Pháp, từ Công sứ đến Khâm sứ, Toàn quyền, thậm chí cả với những yếu nhân trong chính phủ Pháp như Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, ông cũng sẵn sàng tranh luận tới cùng để bảo vệ lý lẽ của mình.

Một tác phẩm hồi ký tất nhiên không thể tránh khỏi những yếu tố chủ quan. Trong *Lạc Viên tiểu sử*, những lời nhận xét, đôi khi rất gay gắt của tác giả đối với Phụ chánh thân thần Tôn Thất Hân hay Viện trưởng Viện Cơ Mật Nguyễn Hữu Bài có thể xuất phát từ những nhận định chủ quan của tác giả, nhưng ở một chiều kích khác, những thông tin mà Lạc Viên cung cấp lại giúp cho người đọc soi rọi rõ hơn một vài sự kiện và nhân vật lịch sử đương thời. Ví như sự bất lực của Phụ chánh thân thần Tôn Thất Hân mà tác giả Lạc Viên chỉ trích, thật ra cũng là sự bất lực chung của cả một triều đình đã bị thực dân Pháp biến thành công cụ để xâm lược lâu dài đất nước ta, Lạc Viên đương nhiên cũng không thể thoát khỏi tình cảnh chung ấy. Hay sự “lộng quyền” của Nguyễn Hữu Bài mà tác giả Lạc Viên nhiều lần phê phán, trong một vài trường hợp lại cho thấy đó là sự quyền biến, tinh khôn của người đứng đầu Viện Cơ Mật, để giữ lại cho triều đình Huế chút quyền lực nhỏ nhoi trong một vài vụ việc cụ thể.

Về hình thức thể hiện, tác giả Lạc Viên chọn cách nói thẳng vào sự việc, không văn chương hoa mỹ. Ông không ngại ngùng khi nói về những công việc mình đã làm được, cũng không quanh co né tránh khi nói về người khác. Nhờ khả năng quan sát tinh tế và óc phán đoán, xử lý công việc minh mẫn, nhiều vụ án hoặc sự kiện được ông kể lại một cách lôi cuốn, hấp dẫn.

Trong tình hình sử liệu nước ta vốn thiếu nhiều tác phẩm hồi ký lịch sử, hy vọng rằng việc công bố cuốn *Lạc Viên tiểu sử* sẽ mở đầu cho việc xuất hiện thêm những tập hồi ký của những nhân vật lịch sử khác, đang còn lẫn khuất đâu đó trong lớp bụi thời gian. Đó hẳn cũng là niềm mong ước chung của tất cả những ai quan tâm đến việc tìm hiểu lịch sử nước nhà.

Do khuôn khổ có hạn của tạp chí, chúng tôi không thể đăng hết phần nguyên văn chữ Hán mà chỉ có thể giới thiệu một số trang có các sự kiện hoặc tình tiết quan trọng. Trong bản dịch, những chú thích của tác giả Lạc Viên đặt trong dấu ngoặc đơn, phần chú giải của dịch giả và ban biên tập đặt trong dấu ngoặc vuông hoặc ở cuối trang. Các chữ số Ả Rập đặt trong dấu ngoặc vuông là số trang nguyên bản.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn gia đình tác giả Lạc Viên đã cho phép công bố cuốn hồi ký quý giá này. Xin cảm ơn dịch giả Trần Đại Vinh đã bỏ nhiều công sức để cống hiến cho bạn đọc một bản dịch chân xác, súc tích. Xin cảm ơn nhà nghiên cứu Phan Thuận An đã có bài viết riêng cho chuyên đề này về hành trạng của cụ Tôn Thất Đàm để bạn đọc tiện tham khảo, đối chiếu.

Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển

LỜI NGƯỜI DỊCH

Lạc Viên tiểu sử là một cuốn hồi ký của Phò Nhon nam Tôn Thất Đàm (1871-1936) ghi chép về gia cảnh, quá trình học tập và khoa cử, làm quan của bản thân ông từ lúc ấu thơ cho đến khi vua Bảo Đại về nước và cải cách triều đình, cho về hưu một loạt 5 cụ Thượng thư lão thành, trong đó có ông, đang đảm trách Thượng thư Bộ Hình sung đại thần Viện Cơ Mật. Tác phẩm dừng lại ở chỗ ông và cụ Phụ chánh thân thần Phò Quang bá Tôn Thất Hân - người chú của ông - thất bại trong việc can ngăn vua Bảo Đại kết hôn với Nguyễn Hữu Thị Lan tức Hoàng hậu Nam Phương.

Hồi ký này được chép thành 5 quyển (nhưng hiện nay gia đình chỉ giữ được 3 quyển) trên giấy bồi, đang ở dạng bản thảo đầu tiên có dập, xóa, viết xen rải rác ở giữa các dòng.

Quyển 1: Chặng đời từ 1871 đến 1902, từ lúc sinh ra cho đến năm 31 tuổi. Thân phụ là Tôn Thất Nhân, đương chức Bang biện tỉnh vụ ở Thanh Hóa, đi công cán ở vùng thượng du bị nhiễm sơn lam chướng khí nên lâm trọng bệnh, trở về tỉnh thì qua đời lúc 36 tuổi. Cảnh nhà thanh bạch, neo đơn, người mẹ bươn chải nuôi các con, dù gian khó vẫn cố gắng cho các con học tập. Ông lại khoa trường lao đao. Cưới vợ sinh được con trai đầu chưa đầy năm thì vợ thấy cuộc sống nghèo khó nên ly dị.

Năm 23 tuổi (1894), thi Hương rớt vì bị phạm trường quy. Năm Đinh Dậu 1897 mới đỗ cử nhân, sau khi vừa mới cưới kế thất. Năm 1898 lại hỏng thi Hội. Vào học chữ Pháp ở Trường Quốc Học, năm 1900 đỗ tốt nghiệp thứ nhì, được Bộ Lại ghi vào danh sách bổ Tri phủ, nhưng vì không lo lót chạy chọt nên chỉ được bổ làm Tri huyện Bình Khê, một nơi nổi tiếng nước độc thời ấy của tỉnh Bình Định, sau khi đã chờ đợi bổ nhiệm gần một năm. Ông đem mẹ và cả gia đình vào nhậm chức, mới vừa được 2 tháng thì mẹ bị đau thương hàn và qua đời tại đây. Nhờ sự thương mến giúp đỡ của thân hào tổng lý nơi này và của bạn bè, ông đã cùng gia đình anh trai (anh đang làm Tri huyện Hoài Ân) phò linh cữu mẹ về Huế an táng. Sau những ngày buồn chán, lại được người khuyên, ông xin vào học lại ở Trường Quốc Học với học bổng mỗi tháng 10 đồng để nuôi cả gia đình. Năm 1902, ông được bổ làm Tri huyện huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Quyển 2 và quyển 3 của hồi ký này bị thất lạc nên hành trạng của Tôn Thất Đàm giai đoạn từ 1903 đến 1920 không rõ.

Quyển 4: Giai đoạn từ năm 1920 đến 1926. Ông đang làm Tham tri Bộ Binh. Xảy ra vụ án Thượng thư Bộ Công là Đoàn Đình Duyệt làm trái, ông tham gia điều tra. Năm 1922 được thăng hàm Tổng đốc bổ Tuần vũ Trị Bình, giải quyết được các vụ kiện tranh giành ruộng đất, tài sản của dân.

Năm 1923, ông làm Tổng đốc An Tĩnh. Năm 1924 về kinh mừng thọ tứ tuần của vua Khải Định, cuối năm 1925 về dự tang lễ của nhà vua. Thấy nghị lễ lộn xộn, ông bất bình, lòng chán nản nên xin từ chức.

Quyển 5: Giai đoạn từ năm 1926 đến 1934. Việc từ chức không được Viện Cơ Mật chuẩn y, ông phải trở lại nhậm chức ở Nghệ Tĩnh, xảy ra việc người con thứ của ông trên đường về quê bị tai nạn lật xe chết. Ông thu xếp để dứt khoát từ nhiệm về quê. Viện Cơ Mật và Tòa Khâm sứ khuyên ông trở lại làm Tổng đốc không được, đến tháng 7/1926 bổ ông làm Thượng thư Bộ Hình sung đại thần Cơ Mật Viện, tiếp đó lại kiêm nhiếp Tôn Nhân Phủ.

Năm 1930, dân huyện Thanh Chương (Nghệ An) phá đồn điền của tên Ký Viễn vì bị y chiếm đất. Tòa Công sứ Nghệ An phái lính Tây bắn chết hai người dân. Phong trào phản kháng lan sang các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc rồi lan rộng ra cả tỉnh (phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh). Ông bị ép phải theo Khâm sứ Pháp ra Nghệ An khảo sát tình hình, tìm cách để đối phó. Tổng đốc Hồ Đắc Khải từ chức. Về kinh, ông lại bị cử làm Khâm sai - đại diện cho Viện Cơ Mật cùng một quan Pháp - đại diện Tòa Khâm sứ lại ra Nghệ An để giải quyết sự biến ở đây. Trước khi đi ông đã trình Viện Cơ Mật và Tòa Khâm sứ đồng ý về chương trình 12 điểm để dẹp yên, bao gồm các biện pháp về chính trị và quân sự, chú trọng việc vỗ yên dân chúng, hạn chế việc đàn áp, bắn giết bừa bãi.

Nhưng lại xảy ra sự biến dân của tổng Phù Long, phủ Hưng Nguyên giết phái viên và lính phủ. Quan Toàn quyền Pháp thúc giục đốt sạch các làng ở đây. Toàn quyền Robin lên thay Pasquier đề nghị bổ Nguyễn Khoa Kỳ ra làm Tổng đốc Nghệ Tĩnh, thay Tổng đốc Phạm Bá Phổ do ông đề cử trước đó. Bonhomme, đại diện Tòa Khâm sứ chán nản trước áp lực của Tòa, xin trở về nước. Công sứ Thanh Hóa được cử làm đại diện, lại chỉ đóng ở Tòa Công sứ Thanh Hóa. Chán nản do không tiện hội thương để làm việc nên Tôn Thất Đàm xin trở về kinh.

Tháng 3 năm 1931, Tôn Thất Đàm cầm đầu một phái bộ sang Pháp thăm Bảo Đại và dự hội chợ đấu xảo, báo cáo tình hình và quan sát sự tiến bộ của người Pháp về các mặt. Ngày 11 tháng 5, đoàn đến Paris. Hai tháng sau thì trở về.

Ngày 16/7/1932, quan Toàn quyền từ Pháp trở sang quyết định ba việc: chỉnh đốn quan lại, chỉnh đốn học vụ và chỉnh đốn luật lệ. Ông đã cùng quan cố vấn người Pháp là luật sư Collet chỉ đạo việc sửa chữa các điều luật châm chước từ *Hoàng triều luật lệ*.

Rồi vua Bảo Đại trở về nước, triều đình đón tiếp long trọng. Tháng 4 năm 1933, Toàn quyền Pháp và Giám đốc Sở Liêm phóng Đông Dương Louis Marty vào kinh gặp Bảo Đại, sau đó họp riêng với cựu Toàn quyền Charles và tân Thượng thư Tổng lý Ngự tiền văn phòng là Phạm Quỳnh bàn định.

Ngày 8 tháng 4 năm Quý Dậu (2/5/1933), Toàn quyền họp triều thần, đọc dụ của vua Bảo Đại cho về hưu 5 cụ Thượng thư: Bộ Lại Nguyễn Hữu Bài, Bộ Lễ Võ Liêm, Bộ Hình Tôn Thất Đàm, Bộ Binh Phạm Liệu và Bộ Công Vương Tứ Đại. Bãi bỏ chức Viện trưởng Viện Cơ Mật, bổ Thượng thư Bộ Hộ Thái Văn Toản làm Thượng thư Bộ Lễ kiêm Bộ Công, bổ Tổng đốc Bình Phú Hồ Đắc Khải làm Thượng thư Bộ Hộ, Thượng thư sung Ngự tiền văn phòng Phạm Quỳnh

kiêm Thượng thư Bộ Học. Tuần vũ Bình Thuận Ngô Đình Diệm được thăng Thượng thư Bộ Lại, Tuần vũ Bắc Giang Bùi Bằng Đoàn thăng Thượng thư Bộ Hình, đều tham gia vào Viện Cơ Mật.

Tháng 5, Tôn Thất Đàm được phong tước Phò Nhone nam, từ đó tiêu dao thán ngày. Nhưng khi nghe tin vua Bảo Đại định cưới cháu ngoại của Lê Phát An là người Công giáo, sợ ảnh hưởng đến việc phụng thờ tông miếu nên vận động dòng họ can ngăn, nhưng việc không thành.

Hồi ký dừng dang dở ở đó.

*

* *

Dưới ngòi bút chủ quan của mình, tác giả cho thấy việc phấn đấu học tập của một Nho sinh vào lúc xế chiều của khoa cử, thảm trạng của quan trường và sự bất lực của triều đình nhà Nguyễn vào giai đoạn mặt kỳ dưới danh nghĩa bảo hộ của Pháp, sức mạnh quật khởi của nông dân qua phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Qua tập hồi ký, chúng ta cũng thấy được nạn mua quan bán tước, nạn hống hách bòn rút của quan lại Nam triều từ cấp phủ huyện cho đến cấp tỉnh và các quan lớn ở Viện Cơ Mật.

Qua nhiều cảnh ngộ, hồi ký cũng cho thấy tác giả là một người có khí chất cương trực, ít nhiều cũng chăm lo cho dân và nuôi dưỡng một ước mơ “trên vì đức, dưới vì dân”, “trên giúp vua, dưới giúp dân”, nơi này hay nơi khác ông đã gắng thực hiện đường lối nhân chính của Nho giáo, nhưng cuối cùng ông mới biết là hão huyền.

Có thể ông chưa hiểu đúng bản chất của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh nhưng hành vi “võ yên” của ông nhằm xoa dịu mâu thuẫn giữa người dân và thực dân Pháp, trên cương vị là đại diện Viện Cơ Mật đã không có gì là quá đáng. Và chính ông cũng thấy rõ sự bất lực của mình trước sự áp đặt của quan Toàn quyền và Tòa Khâm sứ, cũng như của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp. Những năm cuối đời, ông vẫn còn mang một niềm tin ngây thơ vào sự tốt đẹp của chính sách bảo hộ, về quyền lực của vua Bảo Đại và của Viện Cơ Mật Nam triều.

Mặc dù có những hạn chế tất yếu, nhưng hồi ký này giúp cho người đọc hôm nay thấy được bức tranh lịch sử xã hội sinh động của một giai đoạn đất nước bị thực dân thống trị và nỗi niềm của những con người trí thức trong cảnh ngộ bế tắc của cả một triều đình nô lệ.

Về văn bản, tác giả quen viết kiểu chữ hành phóng bút lưu loát trên trang giấy hẹp, đa số là 6 dòng, mỗi dòng khoảng 21 đến 25 chữ. Nhưng có khi lại viết xen thêm thành 12 dòng, như trang 139 (quyển 5), có khi lại viết trên tờ giấy rộng đến 15 dòng, như trang 23 (quyển 5). Có khi viết xen, móc sót như trang 46, 74 (quyển 5) làm cho khó đọc. Tuy vậy người dịch đã vượt qua được các trở ngại này, hầu như đã dịch trọn vẹn từ ngữ, câu chữ của văn bản.

Trần Đại Vinh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Phần chú giải của dịch giả và ban biên tập)

- Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên Đệ lục kỷ phụ biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa-Văn nghệ, TP HCM, 2011.
- Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên Đệ thất kỷ*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa-Văn nghệ, TP HCM, 2012.
- Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, 5 tập, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997.
- Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, *Đồng Khánh địa dư chí*, École Pratique des Hautes Etudes, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, École Française d'Extrême-Orient, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2003.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, *Địa chí Thừa Thiên Huế*, Phần Dân cư và Hành chính, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2013.
- Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997.
- Trần Thanh Tâm, Huỳnh Đình Kết, *Địa danh thành phố Huế*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2001.
- Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.
- Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945)*, Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.
- Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995.
- Võ Hương An, *Từ điển nhà Nguyễn*, Nxb Nam Việt, California, USA, 2012.
- Phan Thuận An, *Huế xưa và nay: Di tích và danh thắng*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2008.
- Lê Thành Lâm, *Đối chiếu lịch dương với lịch âm-dương của Việt Nam và Trung Quốc 2030 năm (0001-2030)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
- Nguyễn Văn Dương, *Tìm hiểu các nước trên thế giới*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2004.
- Henri Le Graucloade, *Những thời kỳ trọng đại của nước Việt Nam trong lúc hồi xuân*, T.F và P.V dịch sang Quốc ngữ, Éditions de la presse populaire de l'Empire d'Annam, Hanoi-Huê-Saigon, 1933.
- Nguyễn Tiến Lãng, "Quelques mandarins d'hier" (Một vài vị quan lớn ngày trước), *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, tập XXVI, 1939.

LỜI GIỚI THIỆU

[của ông Lê Xuân Ninh trong bản lược dịch “Tiểu sử Lạc-Viên”]^(*)

LẠC VIÊN (vườn vui) là biệt hiệu của tác giả tập hồi ký viết bằng chữ Hán này. Tên chính của tác giả là Tôn Thất Đàm.

Năm 1943 ở Huế, sau khi làm rể gia đình Lạc Viên, tôi được thấy trong tủ sách chữ Hán của ông nhạc để lại, một tập hồi ký do chính Ngài sáng tác với nhan đề là “Lạc Viên tiểu sử”. Năm đó, tôi mới bắt đầu học chữ Hán, nên chỉ hiểu đại khái, nhưng vì háo hức muốn tìm hiểu gia đình cho rõ thêm, nên tôi cố gắng đọc và thấy rõ giá trị phản ánh thời đại của nó về mặt xã hội và lịch sử, nên định sau này khi đã biết chữ Hán khá hơn, tôi sẽ đem ra xem lại và dịch ra cho mọi người trong gia đình cùng xem.

Nhưng tiếp theo thời kỳ nói trên là những diễn biến lịch sử dồn dập: Nhật đảo chính Pháp tháng 3/1945, Cách mạng tháng 8, tôi tạm biệt thành phố Huế về công tác ở Hà Tĩnh. Mãi cho đến kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Hiệp định Genève được ký kết, vợ tôi được về thăm quê nhà. Tập hồi ký của bố cũng như các sách chữ Hán khác đều đã bị thất lạc.

Nhưng mùa xuân năm 1975 đã đến với chiến dịch Hồ Chí Minh vĩ đại, miền Nam được giải phóng, nước nhà được thống nhất, anh chị em trong gia đình Lạc Viên lại đặt vấn đề tìm lại món “gia tài” vô giá kia. Tìm mãi vẫn chưa ra bản hoàn chỉnh mà tôi đã được thấy năm 1943. Chỉ mới thấy một bản nháp do tác giả phác thảo, nhưng lại không trọn bộ, chỉ gồm có 3 quyển: quyển 1, quyển 4 và một quyển không đánh số.

Bản nháp này phần nhiều viết tắt, chỗ thêm, chỗ bớt, chỗ xóa đi, chỗ lấy lại, rất khó đọc, không như bản tôi đã thấy năm 1943, chữ viết to lại viết theo lối chân phương, giấy thì vừa trắng vừa dày đọc rất dễ. Nghe vợ tôi bảo là tác giả đã thuê người chép từ bản nháp ra. Tập hoàn chỉnh này được đóng thành nhiều quyển có đánh số thứ tự, nhưng tôi không nhớ rõ cả thấy là bao nhiêu quyển.

Bản nháp này đòi hỏi một người có trình độ Hán học cao, am hiểu cách đọc lối chữ viết thảo, cách viết chữ Nôm, vì tên người, tên đất, tên phiên âm tiếng Pháp đều viết bằng chữ Nôm.

Một sự may mắn hiếm có là tôi có một người bạn chí thân là anh Phan Đăng Tài, am hiểu Hán học và có một vốn văn hóa chung khá cao, nên tôi đã nhờ bạn xem và dịch hộ.

* Bản “Tiểu sử Lạc-Viên” do nhà nghiên cứu Phan Đăng Tài lược dịch, được đánh máy và đóng thành tập để lưu truyền trong gia đình. Lời giới thiệu này được chúng tôi trích nguyên văn theo bản đánh máy vào tháng 4/1980.

Mặc dầu tuổi đã già, sức khỏe cũng chẳng lấy gì làm tốt cho lắm, nhất là đôi mắt đục nhân phải mổ, bạn lại đang còn bận công tác với một nhóm nghiên cứu văn học dân gian, nhưng bạn đã vui lòng nhận lời và chỉ sau hai tháng, bạn đã hoàn thành công việc khó khăn đó. Thật là quý hóa quá! Mong bạn nhận ở đây lòng biết ơn chung vô cùng chân thành của gia đình Lạc Viên chúng tôi.

Bạn cho biết cách dịch của bạn là: lược bớt các chi tiết tỉ mỉ, chỉ ghi những sự kiện chính yếu. Xem hết một đoạn nguyên văn dăm trang, rồi xếp lại tóm tắt nội dung. Thỉnh thoảng khi cần nhấn mạnh một chi tiết mới xem lại để ghi cho kỹ.

Bạn nói: “Xin thú thật với anh lúc đầu, đứng trước một bản nháp khó đọc như vậy, tôi cũng không hào hứng cho lắm, nhưng càng đọc càng thấy thú vị. Nhất là đối với một ông quan mà lâu nay đồng bào Nghệ Tĩnh chúng ta phê phán gay gắt, tôi nghĩ đây chẳng qua cũng chỉ là phường “giá áo túi cơm” như đa số bọn quan lại hồi Pháp thuộc mà thôi. Ngờ đâu, càng đọc càng thấy ông là một con người có bản lĩnh. Tất nhiên cách nhìn về chính trị của một nhà Nho cách đây một thế kỷ thì làm sao cho khỏi bị hạn chế bởi tư tưởng Khổng Mạnh! Muốn đánh giá một con người cho đúng thì phải xét bối cảnh lịch sử, những điều kiện xã hội lịch sử, trong đó người ấy sống và hoạt động, nếu không thì dễ có những nhận định vội vã, phiến diện, máy móc không đúng.”

Tôi cho bạn nghĩ như vậy là rất khách quan, chí lý, và như vậy là việc nhờ bạn dịch bản tiểu sử này, tôi đã làm đúng phương châm “chọn mặt gửi vàng” vậy.

Ba quyển tiểu sử kể về ba quãng thời gian gián đoạn trong cuộc đời của tác giả:

- Quyển 1: từ thuở bé đi học đến lúc được bổ ra làm quan lần đầu tiên.
- Quyển 4: từ lúc đã làm Tham tri Bộ Hình được ít lâu cho đến lúc đang làm Tổng đốc An-Tĩnh thì về kinh dự lễ tang vua Khải Định.
- Quyển không đánh số (mà dịch giả ước đoán là quyển 5, bị mất mấy trang đầu): từ lúc đưa con trai thứ, Tôn Thất Lập chết vì tai nạn ô tô đến lúc can vua Bảo Đại cưới vợ Công giáo.

Sau khi đối chiếu với dương lịch các thời điểm ghi trong nguyên văn theo âm lịch hoặc theo niên hiệu nhà vua, thì thấy:

- Quyển 1 tương ứng với thời gian 1871-1903 (từ bé đến 31 tuổi);
- Quyển 4 tương ứng với thời gian 1921-1926 (từ 49 đến 54 tuổi);
- Quyển không đánh số là khoảng 1926-1934 (từ 54 đến 62 tuổi).

Tức là thiếu mất: từ 1903 đến 1921 (18 năm) và từ 1934 đến lúc tác giả qua đời năm 1936, năm sinh của cậu con út Tôn Thất Tương.

Tiếc thay đó lại là hai thời kỳ tràn đầy sự kiện liên quan đến những diễn biến lịch sử khá thú vị của nước ta mà quyển hồi ký này có thể cung cấp cho nhà nghiên cứu biết bao là tư liệu bổ ích.

Mặc dù thế, chúng ta cũng đã nắm được một số nét về bản lĩnh của một con người luôn luôn biết bảo vệ nhân phẩm của mình và chẳng có gì đáng làm cho con cháu hổ thẹn. Và nhờ vậy đã có thể xóa đi bao nỗi mặc cảm, tự ti lâu nay cứ lẩn quẩn trong đầu óc chúng ta.

Để cho bà con dễ theo dõi trật tự thời gian trong tiểu sử, tôi đã ghi thẳng vào bản dịch (đặt trong dấu ngoặc đơn) những năm dương lịch tương ứng với các năm âm lịch và niên hiệu nhà vua. Đồng thời, để cho con cháu thế hệ sau này dễ hiểu hơn, tôi đã chú thích những từ ngữ thông dụng hồi đó nhưng nay đã lạc hậu khó hiểu.

Điều mong ước trên hết là bà con trong gia đình chúng ta tìm cho ra tập tiểu sử hoàn chỉnh của tác giả. Tôi nghĩ rằng tập sách quý đó vẫn đang còn thất lạc đâu đây, chứ chưa bị tiêu hủy hẳn đâu. Vì chẳng ai có lý do gì mà đốt, xé hoặc chôn nó đi trong lúc những sách vở chữ Hán khác vẫn còn nguyên vẹn.

Trong tiểu sử có nói đến một tập thơ chữ Hán và một tập nhật ký sang Pháp bằng chữ Quốc ngữ do tác giả viết. Vậy rồi đây nếu anh chị em con cháu tác giả kiên trì sưu tầm bằng được tập tiểu sử hoàn chỉnh này thì cũng nên chú ý tìm luôn cả hai tập thơ và nhật ký ấy để giữ làm kỷ niệm thì thật không có gì quý giá hơn !

Hà Nội, tháng 4 năm 1980

Lê Xuân Ninh

VÀI NÉT VỀ HÀNH TRẠNG CỦA THƯỢNG THƯ BỘ HÌNH TÔN THẮT ĐÀN (1871-1936)

Phan Thuận An*



Planche XXXbis. - S. E. Tôn - Thất - Đàn.

Thượng thư Bộ Hình Tôn Thất Đàn.
Ảnh BAVH.

Tôn Thất Đàn là một nhân vật khá nổi tiếng trong quan trường Trung Kỳ, nhất là tại kinh đô Huế vào những thập niên đầu thế kỷ XX.

Ông có biệt tự là Hinh Nhi và biệt hiệu là Lạc Viên thị. Lạc Viên vốn là tên của khu nhà vườn mà ông tạo dựng ở quê nhà.

Xuất thân từ một gia đình hoàng phái và quan lại, ông sinh ngày 10 tháng Giêng năm Tân Mùi, Tỵ Đức thứ 24, tức là ngày 28/2/1871 tại làng Lại Thế (kế cận thôn Vĩ Dạ), tổng Đường Anh, huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên (nay là xóm 3, thôn Lại Thế, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế). Gia đình ông thuộc hệ 5 trong dòng họ Tôn Thất. Vị viễn tổ của ông là Cương Quận Công, hiện có phủ thờ khá lớn cũng ở thôn Lại Thế.

Năm 20 tuổi (1890), Tôn Thất Đàn được vào học ở Trường Quốc Tử Giám, thuộc diện tôn sinh (con em trong Hoàng tộc). Ở tuổi 27, ông đậu Cử nhân trong khoa thi Hương năm Đinh Dậu, Thành Thái thứ 9 (1897) tại trường thi Thừa Thiên.⁽¹⁾

Ông được xem là người khai khoa trong

phòng Cương Quận Công, vì trước đó, con cháu phòng này chưa có ai đậu Cử nhân cả. Một năm sau đó (1898), triều đình mở khoa thi Hội, ông có đi thi để lấy học vị Tiến sĩ nhưng bài làm không đủ điểm.

Cuối năm ấy, ông vào học tiếng Pháp tại Trường Quốc Học Huế vừa mới mở trước đó 2 năm. Sau khi học tại đây 2 năm (1898-1900), ông thi tốt nghiệp và đậu thứ nhì. Thế là ông đã được trang bị một số vốn liếng kiến thức cả Hán học lẫn Tây học. Ông được Bộ Lại ghi vào danh sách những người có khả năng bổ đi làm Tri phủ. Nhưng, như chính lời ông kể, vì “Tệ mua quan bán chức lúc ấy đã thịnh hành, tôi không biết cậy nhờ nên chỉ được bổ làm Tri huyện huyện Bình Khê”⁽²⁾ (nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

* Thành phố Huế.

Mới nhậm chức ở huyện Bình Khê chỉ mấy tháng thì mẹ mất vì bệnh, ông Tri huyện phải xin nghỉ việc để về Huế cư tang.

Sau 2 năm để tang cho mẹ (1900-1902), ông được bổ đi làm Tri huyện huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa). Ông nhậm chức tại đây suốt 5 năm (1902-1907), từ thời Thành Thái đến đầu thời Duy Tân. Có tài năng và đức độ, ông được mọi người kính phục. Từ đó trở đi, ông dần dần được thăng quan tiến chức và lần lượt giữ các chức vụ sau đây:

- Tri phủ phủ Diên Châu (tỉnh Nghệ An) từ năm 1907.
- Phủ thừa phủ Thừa Thiên từ năm 1910.
- Án sát tỉnh Quảng Bình từ năm 1913.
- Án sát tỉnh Quảng Nam từ năm 1916.
- Bố chánh tỉnh Nghệ An từ năm 1917.
- Bố chánh tỉnh Bình Thuận từ năm 1919.
- Tham tri Bộ Binh từ năm 1920.
- Tuần vũ 2 tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình từ năm 1922.
- Tổng đốc 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh từ năm 1923.

Đến năm 1926, Tôn Thất Đàn được triệu về kinh đô giữ chức Thượng thư Bộ Hình, sung Cơ Mật Viện đại thần. Một năm sau (1927), ông được giao kiêm nhiệm chức Tôn Nhơn lệnh ở Tôn Nhơn Phủ, tức là người đứng đầu cơ quan quản lý tất cả các thành viên trong Hoàng tộc. Đầu năm 1928, ông được thăng hàm Hiệp tá đại học sĩ.

Vào năm 1930, khi phong trào Xô viết Nghệ-Tĩnh nổi lên chống chính quyền ở Nghệ An và Hà Tĩnh, Nam triều và chính phủ Bảo hộ Pháp giao cho ông và ông Bonhomme (Thanh tra Chính trị và Hành chánh sự vụ ở Trung Kỳ) nhiệm vụ ra tìm cách ổn định tình hình tại 2 tỉnh ấy.

Về nhiệm vụ này, Thượng thư Tôn Thất Đàn đã phân trần trong hồi ký của mình rằng lúc đầu, ông đã mấy lần từ chối, nhưng một quan chức cao cấp ở Tòa Khâm sứ là Thibaudeau nói với ông rằng: "... nay đại nhân muốn thoái thác, thì quan Khâm sứ sẽ diện trình với Toàn quyền đại thần diện về nước Pháp tâu xin Hoàng đế Bảo Đại giáng dụ, thì đại nhân có thể từ chối chẳng...".⁽³⁾ Cuối cùng, ông đành phải nhận nhiệm vụ khó khăn này. Dù sao, ông cũng đã làm một việc đáng lẽ không nên làm mà một số Thượng thư khác trong Viện Cơ Mật đã từng đùn đẩy cho nhau và đều từ chối.

Năm sau, 1931, Tôn Thất Đàn được cử làm đại diện của Nam triều cầm đầu phái bộ đi dự cuộc đấu xảo thuộc địa quốc tế ở Paris, và nhân dịp này, ông có thể đi tham quan những thành phố chính của nước Pháp.⁽⁴⁾ Ngoài ra, ông còn chịu khó đi khảo sát đời sống và sinh hoạt của người Pháp trên thực địa ở các vùng nông thôn nữa. Ông kể rằng:

"Tôi lưu trú ở Pháp 2 tháng, thường đi khắp thành Ba-Lê [Paris] xem xét nửa tháng để xem đấu xảo và giao thiệp sắp đặt, mắt nhìn lòng hiểu, biết được nước Pháp có phương pháp hay để đào tạo quốc dân. Già trẻ đều biết bảo tồn công lý.

“Lại đi Vi-Si [Vichy], Pha-Ra, A-Miên, A-Ra, Bóc-Đô [Bordeaux], Mã-Tái [Marseille], mỗi nơi khoảng 2, 3 ngày. Và đến các làng thôn lân cận của Ba-Lê, một ngày hoặc nửa ngày để xem xét việc cày cấy gieo trồng làm ăn. Về khéo léo hoa lệ thì chưa dám nghĩ đến, duy việc cân kiệm, kiên nhẫn, thì người nước ta mười phần chưa được hai, ba. Còn như mỹ tục giữ lễ nhượng, ngăn chặn gian phi, thương người xa tới, vui giao tiếp và yêu nước, đoàn kết, người nước ta vạn phần chưa được một, hai. Ngày đi tối suy nghĩ, nhìn người xét ta, lòng nhiệt tâm bỗng bột hy vọng, định ngày trở về nước đem hết điều nghe thấy hô hào truyền bá, trước hết đem những điều gần gũi giản dị ra làm thì tinh thần vẫn minh cũng khá hy vọng từ từ cảm hóa. Lại kính đệ sắc thư về nước trình với Phụ chánh thân thần và các đại thần Viện Cơ Mật đồng tâm thi thố để tạm cải cách bỏ vụng tăng khéo, vì quốc dân tạo hạnh phúc, báo đáp ít ỏi lòng mong ước”.⁽⁵⁾

Cũng nhân dịp đi Tây này, Tôn Thất Đàn đã nhiều lần dẫn sứ bộ Nam triều đến yết kiến vua Bảo Đại bấy giờ đang tiếp tục chương trình du học tại Paris để “tâu xin Hoàng thượng sớm hồi loan chính đốn quốc chính để thần dân ngấm trông thanh quang, văn giáo tỏ bày thì thói ngoan ngạnh tận diệt”. Nhà vua nói rằng: “Trẫm học chưa tốt nghiệp, hồi loan chưa có lợi ích, cần lưu lại năm ba năm vào đại học để tìm phương pháp chính trị, hấp thụ chính sách văn minh để khai hóa quốc dân mới đạt được mục đích của việc du học”. Ông Tôn Thất Đàn tâu: “Dân trông vua như trông tuổi, xin Hoàng thượng nắm rõ các việc then chốt, hiểu rõ đại thể, rồi mua sách đem về nước từ từ nghiên cứu, việc học của Hoàng thượng có thể mong phát huy sáng tỏ, mà việc nước cũng có phương hướng chủ trương, thì rất may cho xã tắc, rất may cho thần dân”.⁽⁶⁾

Như vừa thấy, bấy giờ vua Bảo Đại dự định sẽ ở lại Pháp để tiếp tục học thêm năm ba năm nữa, nhưng, một phần vì theo lời tâu của Thượng thư Bộ Hình Tôn Thất Đàn, một phần vì sự đòi hỏi của tình hình trị trệ trong nước, nhà vua đã “hồi loan” vào năm 1932 sau 10 năm du học (kể từ năm 1922), trong đó có 7 năm ủy quyền nhiếp chính cho cụ Thân thần Tôn Thất Hân (từ năm 1925 đến 1932). Vua Bảo Đại về đến Huế ngày 8/9/1932 và trực tiếp cầm quyền. Trong những tháng cuối năm đó và đầu năm sau, nhà vua mở 3 cuộc tuần du ra các tỉnh phía bắc Trung Kỳ, phía nam Trung Kỳ và cao nguyên Trung Kỳ với “mục đích là xem xét hiện tình để sửa định hành chính”.

Ngày 2/5/1933, nhà vua ban bố đạo dụ cải cách chính phủ Nam triều (L'Ordonance de Réforme du Gouvernement Impérial).⁽⁷⁾ Bấy giờ, vua Bảo Đại “ban hành những cải cách xã hội và hành chánh”.⁽⁸⁾ Chính sự “cải cách hành chánh” ở Nam triều đã làm cho Thượng thư Bộ Hình Tôn Thất Đàn và các Thượng thư ở 4 bộ khác đồng loạt mất chức và hầu như bị loại hẳn ra khỏi chính trường.

Trong tờ dụ ban hành vào ngày mồng 8 tháng 4 năm Bảo Đại thứ 8 (tức là ngày 2/5/1933), nhà vua nhận định và quyết định rằng:

“Các quan đại thần các bộ bây giờ là tiêu biểu cho một cái chế độ đã cũ rồi, không thích hợp với trình độ tân thời nữa, nên từ khi ta hồi loan, các

quan đã hiểu rõ ràng nghĩa vụ của mình là nên lui về để nhường chỗ lại cho các bậc tân tiến...

“Vậy bắt đầu từ ngày nay [2/5/1933] quan Quận công Cơ Mật Viện trưởng, Lại Bộ Thượng thư Nguyễn Hữu Bài; các quan Hiệp tá Võ Liêm, Lễ Bộ Thượng thư; Tôn Thất Đàm, Hình Bộ Thượng thư; Phạm Liệu, Binh Bộ Thượng thư; và Vương Tứ Đại, Công Bộ Thượng thư đều được về hưu trí”.⁽⁹⁾ Chỉ có Thượng thư Bộ Hộ Thái Văn Toản là được giữ lại để bổ dụng làm Thượng thư của một trong năm bộ mới là Bộ Công tác kiêm Mỹ thuật và Lễ nghi.⁽¹⁰⁾

Như vậy, trong công cuộc đổi mới bấy giờ của vua Bảo Đại, ông Tôn Thất Đàm ở tuổi 63 đã phải về hưu ngoài ý muốn. Trong hồi ký của mình, ông viết:

“Đến ngày được tuyên lễ bái mạng, sau đó đến điện Càn Thành bệ kiến, lúc đó vẫn võ đình thần tề tựu tại Tả Vu chờ xếp ban châu. Quan lớn Bộ Lễ đứng trước Viện trưởng than thở rằng: Không ngờ có việc hôm nay. Các quan đều có vẻ không vui. Tôi trình với Viện trưởng nên xét lại mình. Lại nói rằng: “Chúng ta lâu nay cùng làm việc, nay cùng trở về, như một bầy cá trôi theo nước lụt, khiến cho người ta trông vào cũng khoái, mà đình thần cũng được một trận cười...”

“Thượng tuần tháng 5, tiếp Tôn Nhơn Phủ cung lục phụng thượng dụ tấn phong tôi làm Phò Nhơn nam...”

“Nhân lúc nhàn hạ đọc sách để bổ sung chỗ chưa đủ...”

“Bạn cũ chỉ có hai ông Thương Xuyên, Chu Khuê [người trong Hoàng tộc] có lúc cầm tay trò chuyện rong chơi đùa trăng ghẹo gió, hoặc làm vườn trồng hoa để thư trí não, hoặc xem núi ngắm biển để giải u hoài, hoặc nhàn lạc nơi vườn rừng, không từng nói đến triều đình”.⁽¹¹⁾



Lạc Viên từ đường.

Cổng nhà thờ Lạc Viên. Ảnh Phan Thuận An, 2013.

Nói là không quan tâm gì đến triều đình nữa, nhưng ông lại quan tâm đến một vấn đề nan giải của Hoàng gia. Đó là việc vua Bảo Đại muốn kết hôn với một phụ nữ người Công giáo người Nam Bộ, Marie Thérèse Nguyễn Hữu Hào (tức Nguyễn Hữu Thị Lan). Vào tháng 2/1934, sau khi về hưu khoảng nửa năm, Tôn Thất Đàn bỗng nghe tin ấy đang lan truyền trong nước, nhất là ở đất thân kinh. Mọi người đều lấy làm lạ và xôn xao bàn luận về cuộc hôn nhân dị giáo này. Bối rối nhất là những người trong Hoàng gia và Hoàng tộc, vì họ ngại rằng nếu nhà vua lấy một bà hoàng hậu người Công giáo thì bao nhiêu điển lễ truyền thống trong Hoàng gia sẽ bị phá vỡ. Chính ông Tôn Thất Đàn là người chấp bút viết một tờ sớ và cho người đi lấy chữ ký của một số bậc lão thần có uy tín trong Hoàng phái để dâng lên vua nhằm can gián nhà vua về mối tình ấy.

Việc viết sớ dâng lên vua đến tai Khâm sứ Trung kỳ Yves Charles Châtel. Viên Khâm sứ cử Trưởng ty Liêm phóng Sogny đến nhà ông Tôn Thất Đàn đề nghị dừng tiếp tục làm điều đó nữa. Thế là những tiếng nói can gián đối với cuộc tình vương giả ấy đành phải im lặng trong nỗi buồn ảm ức, và cuộc lễ kết hôn giữa vị Hoàng đế Đại Nam và Hoàng hậu Nam Phương tương lai vẫn diễn ra tại lầu Kiến Trung trong hoàng cung triều Nguyễn vào ngày mùng 6 tháng 2 năm Bảo Đại thứ 9, tức là ngày 20/3/1934.⁽¹²⁾

Từ đó, Tôn Thất Đàn cảm thấy buồn thối thía về thế sự và thời cuộc, nên ông gác bỏ mọi chuyện đời trong xã hội ra ngoài tai, về Lạc Viên hưởng thú điền viên và vui sống cùng con cháu. Với tâm trạng đó, ông đã viết 2 câu đối bằng chữ Hán và cho ghi ở hai bên mặt tiền cổng chính của Lạc Viên:

家有琴書兒背樂
門無車馬故人初

Phiên âm:

*Gia hữu cầm thư nhi bối lạc,
Môn vô xa mã cố nhân sơ.*

Bản dịch của TS Ngô Thời Đôn:

*Nhà có sách đàn, bày con sướng,
Cửa không xe ngựa, cố nhân thưa.*

Ông mất ngày 8/5/1936, thọ 65 tuổi, được an táng tại núi Ngũ Phong (thuộc địa phận làng An Cựu), không xa núi Ngự Bình; và được vua Bảo Đại truy tặng hàm Đông Các đại học sĩ.

Sau hơn 3 thập niên cần mẫn và tích cực trên hoạn lộ, ông đã được Nam triều và chính phủ Bảo hộ Pháp tặng thưởng một số huân chương và rất nhiều bằng sắc với những lời ca ngợi tốt đẹp. Ông được người đương thời đánh giá là một nhà Nho có cá tính, cương nghị và thẳng thắn.⁽¹³⁾ Ông còn được một số quan lại bấy giờ ca ngợi là một người có cuộc sống thanh liêm, bằng chứng cụ thể nhất là hiện nay, ở gian giữa nội thất “Lạc Viên từ đường” vẫn còn treo một bức hoành phi đề 2 chữ đại tự “政清 Chính thanh”, nghĩa là làm quan một cách trong sạch, với lạc khoản ghi “Duy Tân Tân Hợi ngũ niên thu”, nghĩa là bức hoành phi được tặng vào mùa thu năm Tân Hợi, Duy Tân thứ 5, tức là năm 1911. Ngoài ra, ở nội ngoại thất “Lạc Viên từ đường” hiện còn khá



Bức hoành phi “Chính thanh”. Ảnh Phan Thuận An, 2013.

về hưu trí, ông đều dành thời gian để sáng tác thơ văn và viết hồi ký. Ông đã thực hiện các tác phẩm sau đây:

- Tập hồi ký *Lạc Viên tiểu sử* bằng chữ Hán, gồm 5 quyển.
- Tập *Nhật ký sang Tây* bằng chữ Quốc ngữ.
- “Tập Quốc ngữ”, trong đó có 3 bài thơ tác giả làm để chia tay bạn bè khi về hưu (1933).
- “Văn tập”, trong đó có bài “Biểu bái tạ” nhân dịp vua Bảo Đại tấn phong ông làm Phò Nho nam.⁽¹⁴⁾

nhiều hoành phi và đối liên mang nội dung xiển dương tài đức của ông cũng như biểu tỏ lòng kính mến và ngưỡng mộ ông của thân tộc, thuộc hạ và đồng liêu, như của Thượng thư Bộ Hình Tôn Thất Hân (1921), Thị lang Bộ Hộ Hồ Đắc Khải (1926)...

Trong khi ngược xuôi trên quan trường cũng như sau khi



Đại gia đình cụ Tôn Thất Đàm (người ngồi ở giữa). Ảnh chụp năm 1934.

Chỉ tiếc một điều là cho đến nay, những đứa con tinh thần ấy của vị Nho quan này không còn lại được bao nhiêu. Tuy nhiên, hiện tại, hậu duệ của Lạc Viên thị vẫn còn bảo quản được trong ngôi từ đường hơn 10 bản sắc phong bằng giấy hoặc bằng lụa do các vua Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại ban tặng; hàng chục văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ liên quan đến học hành, công vụ của ông, và nhiều hoành phi, đối liên trang trí ở nội ngoại thất của ngôi nhà vườn cổ kính ấy.

P T A

CHÚ THÍCH

- (1) Cao Xuân Dục, *Quốc triều Hương khoa lục*, bản dịch của Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm, Nxb TP HCM, 1993, tr. 538. Xem thêm: *Những ông Nghè, ông Cống triều Nguyễn* của Bùi Hạnh Cẩn, Nguyễn Loan, Lan Phương, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 1995, tr. 889.
- (2) Tôn Thất Đản, *Lạc Viên tiểu sử*, bản dịch của Trần Đại Vinh, quyển 1, tr. 35.
- (3) *Lạc Viên tiểu sử*, bản dịch đã dẫn, q. 5, tr. 103.
- (4) Nguyễn Tiến Lãng, “Quelques mandarins d’hier” (Một vài vị quan lớn ngày trước), *BAVH*, 1939, tr. 138-139. Tham khảo bản dịch của Hà Xuân Liêm, tạp chí *Những người bạn Cổ đô Huế*, tập XXVI, năm 1939, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2012, tr. 221-222.
- (5) *Lạc Viên tiểu sử*, bản dịch đã dẫn, q. 5, tr. 115.
- (6) *Lạc Viên tiểu sử*, bản dịch đã dẫn, q. 5, tr. 110.
- (7) “Souverains et notabilités d’Indochine” (Các đấng quân vương và các nhà quyền quý của Đông Dương), Phủ Toàn quyền Đông Dương xuất bản, Nhà in Trường Viễn Đông Bác Cổ, Hà Nội, 1943, trang I-II.
- (8) Nguyễn Bá Trác, *Hoàng Việt Giáp Tý niên biểu*, bản dịch của Bửu Cẩm và các cộng tác viên, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1963, tr. 372.
- (9) Henri Le Graucloade, *Những thời kỳ trọng đại của nước Việt Nam trong lúc hồi xuân*, nguyên văn tiếng Pháp, bản dịch tiếng Việt của T.F. và P.V., Éditions de la Presse populaire de l’Empire d’Annam, 1933, tr. 219.
- (10) Sự thay cũ đổi mới về nhân sự bấy giờ đã gây ra một cuộc đàm tiếu sâu rộng ở kinh đô Huế, nhất là trong giới trí thức và văn nhân. Một số người đã xem sự kiện ấy như là một “cuộc chính biến” và đã sáng tác thơ văn để “trào phúng năm cụ Thượng thơ về hưu trí bất đắc dĩ”. Trong số đó có bài thơ thất ngôn bát cú của Nguyễn Trọng Cẩn (1900-1947) và “Bài văn tế sống năm cụ” của Võ Thái (1867- ?). Vì bài văn tế hơi dài, có đến khoảng 80 vế, nên nay chỉ xin ghi lại ở đây bài thơ chơi chữ của Hoài Nam Nguyễn Trọng Cẩn, trong đó có **Tên** và **Bộ** của năm vị Thượng thư:

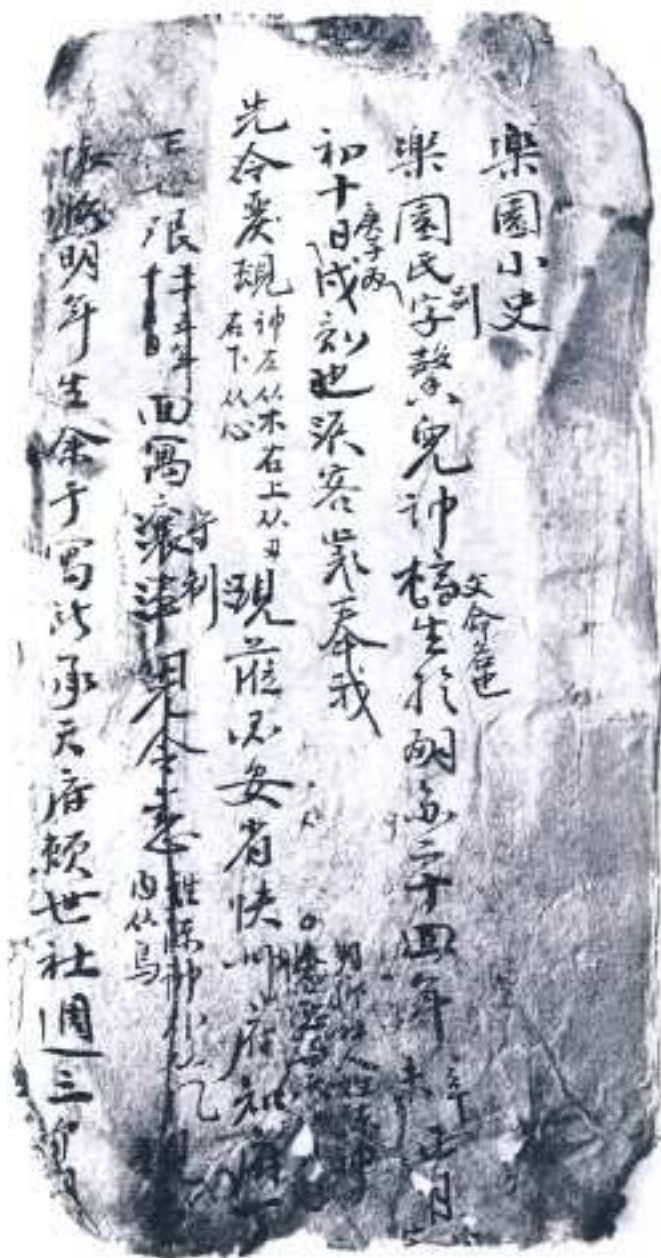
Cuộc chính biến ngày 2/5/1933
 Năm trụ khi không ngã cái ình!
 Đất bằng một tiếng thảy đều kinh:
Bài không đeo nũa xin dâng **L**ại
Đàn nỏ ai nghe khéo đỡ **H**ình.
Liệu thể không xong **B**inh chẳng dặng,
Liên đành giữ tiếng, **L**ễ đừng rinh.
Công danh thôi thể là hưu hĩ,
Đại sự xin nhường lớp hậu sinh.

(Dẫn từ sách *Hương Bình thi phẩm* của Hoàng Trọng Thuộc, Nhà in Thông tin, Sài Gòn, 1962, tr. 154. Về “Bài văn tế sống năm cụ”, xin xem quyển *Tinh thần trào phúng trong thi ca xứ Huế* của Hoàng Trọng Thuộc, Nhà in Trung Việt, Sài Gòn, 1973, tr. 186-190).

- (11) *Lạc Viên tiểu sử*, bản dịch đã dẫn, q. 5, tr. 127, 128.
- (12) Sa Majesté Bảo Đại, *Le Dragon d’Annam*, Plon, 1980, tr. 64.
- (13) Nguyễn Tiến Lãng, bài đã dẫn, tr. 139.
- (14) *Lạc Viên tiểu sử*, bản dịch đã dẫn, q. 5, tr. 109, 128.

LẠC VIÊN TIỂU SỬ

Quyển 1



Trang 1, quyển 1, Lạc Viên tiểu sử

[1] Lạc Viên thị húy ĐÀN (tên do cha đặt vậy), có tự riêng là Hinh Nhi, sinh vào giờ Tuất, ngày mồng 10 tháng Giêng năm Tân Mùi, năm Tự Đức thứ 24.⁽¹⁾

Năm trước, thân phụ húy Nhẫn, đang làm Tri phủ phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Thân mẫu trở về thọ tang mẹ (Trần Thị Phượng), nên đầu năm sau sinh tôi tại nơi trú ngụ là làng Lại Thế,⁽²⁾ phủ Thừa Thiên.

Lúc tôi vừa tròn 3 tháng [2] thì thân phụ đổi bổ làm Tri phủ phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nội, rồi được chuẩn sung làm Bang biện việc tỉnh tỉnh Thanh Hóa. Lúc đó Bắc Kỳ có tin giặc, cha tôi phải lên vùng thượng du chọn đất lập đồn để ngăn chặn giặc Khách, bị nhiễm sơn lam chướng khí nên lâm trọng bệnh, trở về tỉnh thì qua đời, lúc 36 tuổi. Mẹ tôi phải trình xin nhờ dịch trạm chuyển đưa linh cữu về kinh an táng. Lúc ấy tôi mới 3 tuổi, anh cả là Xuân 12 tuổi, chị cả là Trân 10 tuổi, chị thứ là Lê 8 tuổi. Cảnh nhà thanh bạch, nhưng mẹ tôi kham khổ gắng nuôi các anh chị tôi ăn học. Lúc tôi lên 7 tuổi, đã theo

¹ Nhằm ngày 28/02/1871. Bản dịch của Phan Đăng Tài (bản đánh máy tháng 10/1983) chú sai là ngày 19/12/1872.

² Thời Nguyễn, làng Lại Thế thuộc tổng Đường Anh, huyện Phú Vang, nay thuộc xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

học vỡ lòng với thầy là [3] Tú tài Phan Văn Giai người làng Bao La.⁽³⁾ Năm lên 8 tuổi, học với Hối Đương tiên sinh hứ Dương. Năm lên 9 tuổi lại học với Tú tài Đỗ Văn Quỳnh người làng Minh Hương.⁽⁴⁾ Năm ấy tôi bị bệnh đậu mùa nên bỏ học. Năm sau mẹ tôi ủy tôi học với Cử nhân tọa giám⁽⁵⁾ là Mai Văn Lệnh người làng Việt Yên, tỉnh Hà Tĩnh, dạy học tại từ đường của dòng tộc, anh em cùng học với các người trong tộc. Lúc 10 tuổi tôi học đã khá thông, thầy Mai rất yêu mến. Nhưng thầy lại bị bệnh, nghỉ dạy về quê tĩnh dưỡng. Lúc ra đi thầy đã dặn dò mẹ tôi dù gia thế quần bách vẫn cứ gắng [4] cho tôi theo học, mai sau sẽ có thành tựu lớn. (Thầy về quê ít lâu thì qua đời). Mẹ tôi bẩm tính trọng văn, rất thích đọc sách, chuộng hiếu nghĩa. Lúc ấy ngụ ở làng bên có Tú tài Võ Ân Đĩnh, người làng Thạch Bình⁽⁶⁾ vốn là bạn thân của cha tôi (làm Điển bạ ở Nội Các, sau làm đến Án sát tỉnh Phú Yên, thăng Thái thường tự khanh hưu trí, mất năm 82 tuổi), bà vợ họ Lê. Nhà có quy củ, mẹ tôi thường biệt đãi, nên cho tôi đến theo học. Thầy có người con rể là Tú tài Hoàng Liên người làng Xuân Tuyền.⁽⁷⁾ Ông này có em trai là Hoàng Thông, nổi tiếng văn học, nhiều lần thi nhưng chưa đỗ. Thầy đã làm mối hỏi chị cả tôi cho Hoàng Thông [5]. Mẹ tôi thuận gả, không đòi vàng bạc, chỉ mong thành hôn xong, chú rể cùng anh em tôi học tập thành tài. Sau đó anh Thông hạch trúng bổ làm tỉnh học sinh, cùng tôi và anh cả tôi vào Quốc Tử Giám dọn phòng trú học.

Năm Nhâm Ngọ, Tự Đức thứ 35 [1882] anh cả thi chỉ đỗ trường nhất, anh rể chỉ vào được trường ba.⁽⁸⁾ Rồi mở lớp dạy tại nhà ông Phó sứ Hộ lãng là Tôn Thất Hàm. Tôi cũng đến theo học. Trong trường có Tôn Thất Tế 11 tuổi nhưng làm văn đủ thể trường ba. Tôi 12 tuổi nhưng văn, phú chưa từng khá. Tôi lấy làm thẹn nên xin học văn, được 3 tháng thì làm [6] đủ thể trường ba.

[Đoạn in nghiêng dưới đây là các trang rời không rõ thứ tự, chúng tôi tạm xếp vào đây vì thấy liên mạch về thời gian]

Anh rể về ngụ ngụ giúp Lai Trung⁽⁹⁾ mở trường dạy em và cháu, lại thêm cày ruộng, câu cá, dẫn tôi về ở học tập. Từ mùa đông năm Quý Mùi [1883] đến mùa hè năm Ất Dậu [1885], tôi lui tới không thường. Thỉnh thoảng tôi lên kinh làm bạn với quan Tư giáo Trường, nhà vợ ông mỗi khi có tiệc thường mời bạn bè chia vui. Chú tôi đã đăng ký cho chúng tôi vào danh sách người trong

³ Thời Nguyễn thuộc tổng Thanh Cẩn, nay thuộc xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁴ Thời Nguyễn thuộc tổng Vĩnh Trị, nay thuộc xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁵ Túc Cử nhân đang theo học tại Trường Quốc Tử Giám để chờ thi Hội.

⁶ Thời Nguyễn thuộc tổng Khuông Phò, huyện Quảng Điền, nay thuộc thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁷ Thời Nguyễn thuộc tổng Hạ Lang, huyện Quảng Điền, nay thuộc xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁸ Phép thi thời Nguyễn, mỗi khoa thi gồm nhiều kỳ, gọi là trường. Tùy theo triều đại, các môn thi và kỳ thi có thể thay đổi, chẳng hạn, năm 1832 vua Minh Mạng cho rút thi Hương còn 3 trường, năm 1850 vua Tự Đức tái lập thi Hương với 4 trường, đến năm 1858 lại trở về 3 trường.

⁹ Thời Nguyễn thuộc tổng Thanh Cẩn, huyện Quảng Điền, nay thuộc xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hoàng phái và dân chúng tôi đến Tôn Nhân Phủ lĩnh bổng. Lúc đó tôn nam mỗi tháng lĩnh một lần, tôn nữ một năm 2 kỳ có làm sách khai bẩm về các công vụ...

Bất ngờ, gặp ngày 23 tháng 5 kinh đô thất thủ, các người trong tông tộc nghi ngờ sợ hãi nhiều, đến trú nhà bà Tham Trinh ở phố Đông Gia.⁽¹⁰⁾ Chúng tôi về giục mẹ bỏ nhà tránh xa. Mẹ tôi vẫn bàng hoàng chưa biết ứng phó thế nào. Gặp anh rể đem người nhà đến đón, mẹ tôi dẫn chị hai và bà Tham Khoán ra đi, tôi đi theo đến nhà anh rể ở Lai Trung, liền thuê người trở về kiểm điểm nhà cửa, chôn giấu chén bát đồ vật, gửi cho nhà hàng xóm là bà Quán Lâm coi giùm. Anh cả tôi không thể đi theo...[Mất chữ] bèn cùng chú là Tôn Thất Thành uống say nằm mê nghe người ta đồn rằng Đại Pháp tìm người trong Hoàng tộc, chú tôi bèn đem gia quyến cùng anh em chúng tôi về Lai Trung trú ẩn. Được vài tháng nghe Tam cung trở về cùng Đại Pháp giảng hòa (Lúc ấy Cảnh Tôn Thuần Hoàng Đế lên ngôi, cải nguyên là Đồng Khánh) mới dám trở về nhà. Gia nghiệp mất mát nhiều. Tôi lúc đó coi ngó việc nhà và giữ chức Tư giáo thay, lo ra vào cửa quan Bộ Hộ và Tôn Nhân Phủ, mỗi tháng một hai lần.

Anh tôi lại đến dạy ở nhà Trùm Chiêm làng An Thành.⁽¹¹⁾ Tôi lại đến trú học. Năm ấy anh rể thi đỗ Cử nhân, lại mở lớp tại làng Thanh Lương.⁽¹²⁾ Tôi lại theo học. Thành Thái năm đầu, Kỷ Sửu [1889], anh rể thi Hội vào đến Tam trường, được bổ Giáo thụ tại phủ Hoài Nhơn [Bình Định], gửi tôi đến học với anh trai là Cơ Mật Viện Chủ sự Hoàng Liên đang trú ở Hộ Bộ Đường. Năm Thành Thái thứ 2, tôi vừa 20 tuổi, hạch trúng được vào học Quốc Tử Giám, hạng tôn sinh.⁽¹³⁾ Khoa Tân Mão [1891] lần đầu vào thi, bị hỏng, vẫn theo học



Trang chưa rõ số thứ tự, quyển 1, nói về tình hình loạn lạc sau biến cố thất thủ kinh đô (5/7/1885)

¹⁰ Phố Đông Gia, dân gian quen gọi là Đông Ba, xây dựng năm Minh Mạng thứ 18 (1837), kéo dài từ cầu Đông Hội (làng Thế Lại, sau bị phá bỏ) đến chân cầu Đông Gia (Ba), nay là đoạn đường Bạch Đằng thuộc địa bàn phường Phú Hiệp, thành phố Huế.

¹¹ Thời Nguyễn thuộc tổng An Thành, huyện Quảng Điền, nay thuộc xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

¹² Thời Nguyễn thuộc tổng Hương Cầm, huyện Hương Trà, nay thuộc phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

¹³ Những học sinh người Hoàng tộc, Tôn thất, do Tôn Nhơn Phủ tuyển chọn và giới thiệu.

ở trường Giám. Trục học sĩ Tế tửu Quốc Tử Giám là Nguyễn đại nhân khen tôi học lực khá, thi hỏng lại phải cần cù hơn. Tôi sáng vào học chiều trở về để làm mẹ vui lòng.

Một hôm đến thăm nhà em họ, có chồng là Nguyễn Văn Lam ở làng Đốc Sơ,⁽¹⁴⁾ làm Điển bạ ở Nội Các; nhân gặp Cử nhân Hồ Quý [7] Châu⁽¹⁵⁾ người làng Quỳnh Đôi, tỉnh Nghệ An, cùng bàn luận văn chương. Tôi tự nghĩ là người thi hỏng, Nho học tầm thường đâu dám cùng với tiền bối bình phẩm. Nhưng Hồ tiên sinh bảo là làm bạn vong niên. Em họ tôi mời lưu lại khoản đãi cơm. Hồ tiên sinh mời tôi uống rượu. Tôi nói: Rượu không làm say người, người tự say vậy. Rồi không dám từ chối, bèn vui uống cao đàm. Tiên sinh đã giao kết, nói qua về giờ ngày tháng năm sinh lấy đầu số phi tinh, tôi có số bất cập, chất phác thanh cần, tự tu dưỡng không nhờ mệnh số. Tiên sinh nói rằng: Thuật số nói xằng về phúc họa, không thể hoàn toàn [8] tin mà tìm cách tránh hung. Người sĩ quân tử tu nhân để hợp với trời làm một, khéo cư xử với người, nhận khí âm dương để sống thuận phác, lấy cái chính trực làm trước, chạy theo thói tục là hạ sách. Châu này theo thuật đầu số phi tinh mấy chục năm nay, chưa tra cứu rõ tính của sao nhưng căn cứ theo sự vận hành của trời, xem xét vị trí của cung, đối chiếu sinh khắc, cát hung, chế hóa, chẳng ngoài âm dương ngũ hành. Xưa Phu Tử nói rằng: Nếu cho ta vài năm mới chết, thì sẽ học Dịch mới có thể không sai lầm lớn vậy. Dịch học há chẳng phải là cái học về âm dương sao? Khổng Tử là bậc thánh sinh nhi tri, mà cũng còn mong là không sai lầm, hướng chi là [9] chúng ta sao. Châu thấy anh ngôn ngữ cử chỉ cao vời, có Nho phong, mới đoán biết là có quý mệnh, nếu muốn rõ hơn thì phải xem niên hạn, xin chớ nghi ngờ. Tôi thấy lòng thành của tiên sinh, bèn ghi giờ ngày năm tháng của mình. Tiên sinh bấm tay tính toán sau đó cầm bút viết ra. Bỗng thấy trăng lấp ló sau hoa, gió thoảng mặt nước, tiên sinh rủ tôi dạo thuyền tâm sự. Hai người tự chèo một chiếc thuyền nhỏ (của nhà Nguyễn Lam) trên sông An Hòa chuyện trò. Tiên sinh mang theo một bình rượu mà không cho tôi biết. Vừa nói chuyện vừa uống rượu [10], lời nói thông suốt, gan ruột ấm lên. Tiên sinh bèn ghi cho tôi đầu số. Số tôi thuộc nhàn cung, các sao nhập miếu, Thiên Khôi, Thiên Việt gặp Tử Vi, đó là số Khổng Minh lập bát trận đồ. Rồi bình luận rằng:

Tôn tử nhân trung chí khí cô, (Thân gặp quả tú. Chú thích của tác giả)
Sơn hà đảo thủ độc xanh chu.

Hạn hành tam thập nhất nhi hậu, (Ra khỏi hạn tuần triệt)

Phúc lộc nguyên lai thị cố ngô.

(Người trong tôn thất chí lẻ loi,

Đất nước đến tay, dạo thuyền chơi.

Hạn qua khi đến băm một tuổi,

Phúc lộc nguồn cơn vốn ở ta).

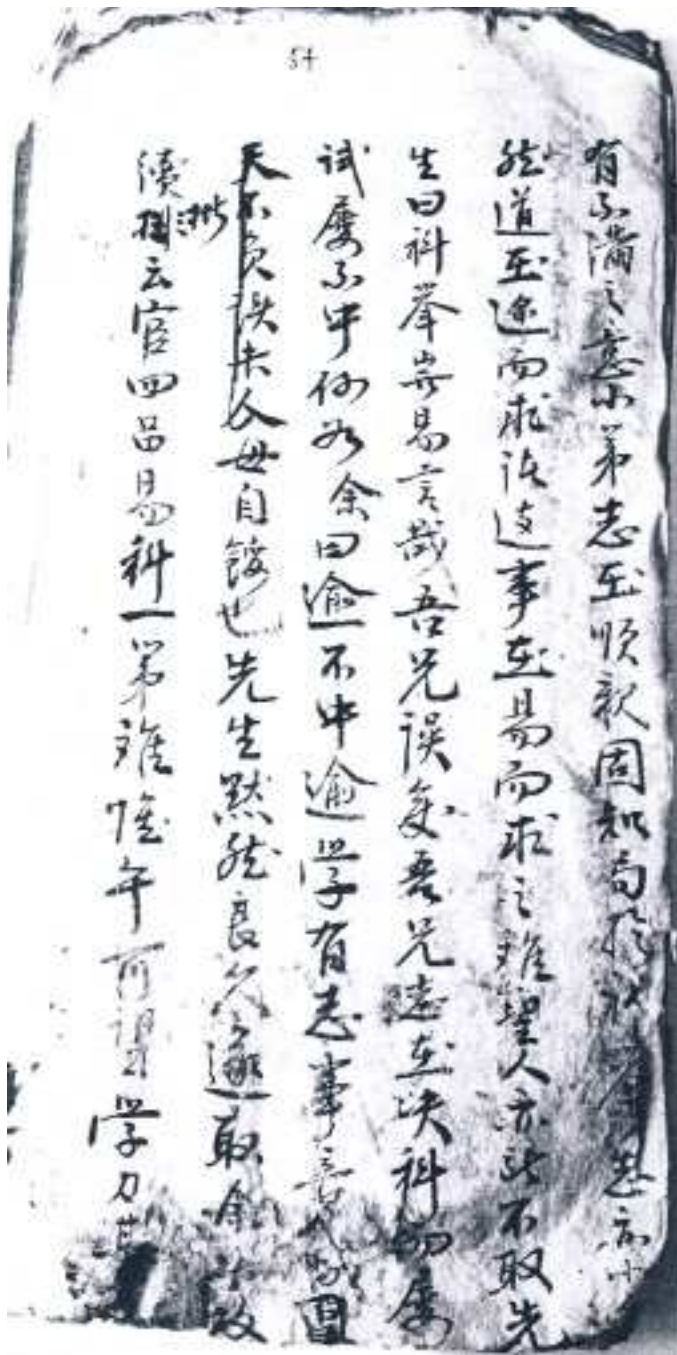
xong đưa ra bảo rõ cho tôi. Tôi cảm tạ rằng: Tiểu đệ chỉ là một học trò nghèo, tuổi nhỏ học ít, trí thức cạn, tài sơ. Tiên sinh đem cốt cách anh hùng bình

¹⁴ Thời Nguyễn thuộc tổng Phú Xuân, huyện Hương Trà, nay thuộc phường Hương Sơ, thành phố Huế.

¹⁵ Đồ khoa thi năm 1886.

phẩm tiểu đệ sao được. Tiên sinh đáp: Xem quý mệnh hợp như [11] thế thì giải đoán sơ qua mà thôi, chứ nào phải có tình riêng mà khen. Nhưng người có quý mệnh như thế thì phải lo rửa nhục cho vua cho nước, ngày sau sự nghiệp thi thố với miếu xã, tên được biểu dương, há lại không lớn lao sao. Cớ sao chôn vùi trong cái học khoa cử. Tôi nói: Tiên sinh từ trong khoa cử mà ra, vì sao lại khinh bỉ cái học khoa cử. Tiên sinh đáp: Tôi lúc trẻ chìm đắm trong khoa cử, tầm chương trích cú, thật là vô bổ cho việc đời. Nay mới giác ngộ, muốn xuất dương tìm thực học, cầu thân với Mỹ, Nhật để mưu đồ khôi phục đất nước [12], hiềm vì tôi vốn tầm thường, sợ không có gì làm tin với các nước. Còn anh thì vốn là người trong Hoàng tộc, lại có học thức, là bậc đế trụ đường đường, có thể nói với người, tôi muốn phò anh làm minh chủ, trở về Nghệ Tĩnh tập hợp thêm đồ đệ cùng đi đến các nước như Nhật, Mỹ để cầu thân, may ra họ có hưởng ứng hộ cho độc lập của nước ta chăng. Tôi nói: Chí của tiên sinh lớn lao thay, nhưng mưu đồ của tiên sinh thì không thể. Nay nếu cầu thân với Nhật để giúp đuổi Đại Pháp, điều đó gọi là ngăn hổ cửa trước, rước sói cửa sau, thế thì có ích gì. Ngày xưa Thiếu Khang khôi phục nhà Hạ, Câu Tiễn diệt Ngô chưa từng nghe mượn tay cầu kẻ khác... Thế Tổ Cao [13] Hoàng Đế dẹp loạn Tây Sơn thu được cả nước việc không phải chỉ chuyên cậy nhờ Bá Đa Lộc. Tiên sinh có đủ học thức, mà không nghĩ đến kế sách tự cường mà còn nhờ cậy người ngoài, tiểu đệ không dám vâng theo. Tiên sinh nói: Xuất dương thực học tự cường là diệu kế. Chí tôi đã quyết anh chớ nghi ngại. Tôi trả lời: Tốt là tốt rồi, nhưng tiểu đệ chưa tiện lia nhà. Vả lại, thân ta gánh vác cương thường, cả trung lẫn hiếu. Có hiếu với cha mẹ mới trung với vua được. Tiểu đệ mồ côi cha từ khi 3 tuổi, mẹ hiền thủ tiết nuôi con [14], mẹ nay đã già, cảnh nhà lại gặp lúc suy, tiểu đệ tha thiết với tình mẹ, cầu mong có được bổng lộc đầu tháng để an ủi mẹ. Đó là việc cần kíp nhất, còn như việc đông tây nam bắc, một trường oanh liệt thì như người xưa nói: “Ngày thờ vua còn dài, ngày thờ cha mẹ còn ngắn”, tiểu đệ đâu dám nghĩ tới. Đó chính là việc của tiên sinh chăng. Tiên sinh nói: Hiếu cũng có nhiều lối vậy. Trong Nhị thập tứ hiếu con người ứng xử nhiều cách. Người trong làng khoa giáp sao lại nhìn thấy hẹp vậy. Tôi trả lời: Người xưa nuôi thân và nuôi chí, cũng gọi là hiếu. Tiểu đệ có mẹ già thủ tiết ba chục năm nay nuôi con cần cù mà con chưa đỗ thì cứ trông mong. Anh cả của tiểu đệ đã được thưởng hàm bổ quan [15] nhưng vẫn còn có ý không thỏa mãn. Chí của tiểu đệ ở chỗ thuận với mẹ. Vốn biết rằng để tâm vào khoa cử thì chí cũng nhỏ, nhưng đường đi phải từ chỗ gần mới mong đến được chỗ xa, công việc từ chỗ dễ mới mong làm được việc khó, thánh nhân cũng đã nói thế. Tiên sinh bảo: Việc khoa cử có thể dễ nói sao. Anh đã lầm rồi. Anh để tâm vào khoa cử nhưng nhiều lần thi, nhiều lần không đỗ. Vì sao vậy? Tôi đáp: Càng không đỗ thì càng học. Có chí ắt sẽ thành công. Trời cao không phụ kẻ đọc sách.

Tiên sinh trầm ngâm ít lâu rồi lấy lá số của tôi phê tiếp rằng: Quan tứ phẩm là dễ, khoa cử một lần mà đỗ là khó. Duy năm Ngọ mới có thể trông mong học lực thành tựu [16]. Phê xong bảo tôi đọc lại vài lần. Rồi đem việc đầu số chỉ bày. Sao nào nhập cung nào. Rồi nói: Mệnh quý thì phải đảm đang việc thiên hạ. Anh cần phải nghĩ cho kỹ. Tôi nói: Trong vũ trụ đều là phận sự của ta. Gặp thời nào thì làm theo thời ấy, cốt phải yên với mệnh vậy.



Trang 15, quyển 1, quan niệm của tác giả Lạc Viên về việc lập thân bằng con đường khoa cử.

thân hào trong hạt mưu đồ khởi nghĩa. Chính phủ đã phá nã, Tôn Thất Toại

Nói chuyện quá nhiều không biết là phương đông trời đã sáng. Bèn chèo thuyền trở về bến cũ. Tôi sắp từ biệt trở về, tiên sinh nói: Tôi sáu, bảy năm nay đi khắp đông tây nam bắc thăm hỏi đã nhiều, nay gặp anh mới một lần mà đã trở thành tri kỷ, ngôn ngữ cử chỉ nghĩ cũng là “nghĩa phương”,⁽¹⁶⁾ lần này tôi muốn xin [17] bài yết bá mẫu có được chăng. Tôi nói rằng: Mẹ tôi ngày thường nói gặp được kẻ sĩ trong thiên hạ cũng là điều tốt, thường dặn anh em chúng tôi chọn bằng hữu, anh chớ ngại gì, tiểu đệ lại càng rất vui vậy. Bèn dặt tay nhau về nhà, thăng đường thi lễ xong, mẹ tôi sai thết cơm sáng. Tôi khoản đãi thật vui. Tiên sinh nói: Tôi đến thăm nhà, mới biết là đêm qua lời nói của anh đều xuất phát từ chân tình, nên không dám cưỡng cầu anh nữa. Nay xin tạm biệt, vài năm sau xin lại tương kiến. Tôi bái tiễn.

Cách vài tháng sau, tôi mắc bệnh không dậy được. Anh cả tôi lại gặp tai ách [18].

Có người mật cáo anh cả tôi cùng với tay Tôn Thất Toại ở hệ Bảy,⁽¹⁷⁾ Tư giáo Tôn Thất Đại và Tư vụ Nguyễn Tri Khâm người làng Chí Long⁽¹⁸⁾ ngầm liên kết với các quan và

¹⁶ Có đạo nghĩa.

¹⁷ Theo thể phả của họ Nguyễn Phúc, mỗi đời chúa lập thành một hệ, mỗi hệ gồm nhiều phòng, mỗi phòng lại có nhiều chi. Hệ Bảy do chúa Nguyễn Phúc Chu khai sáng.

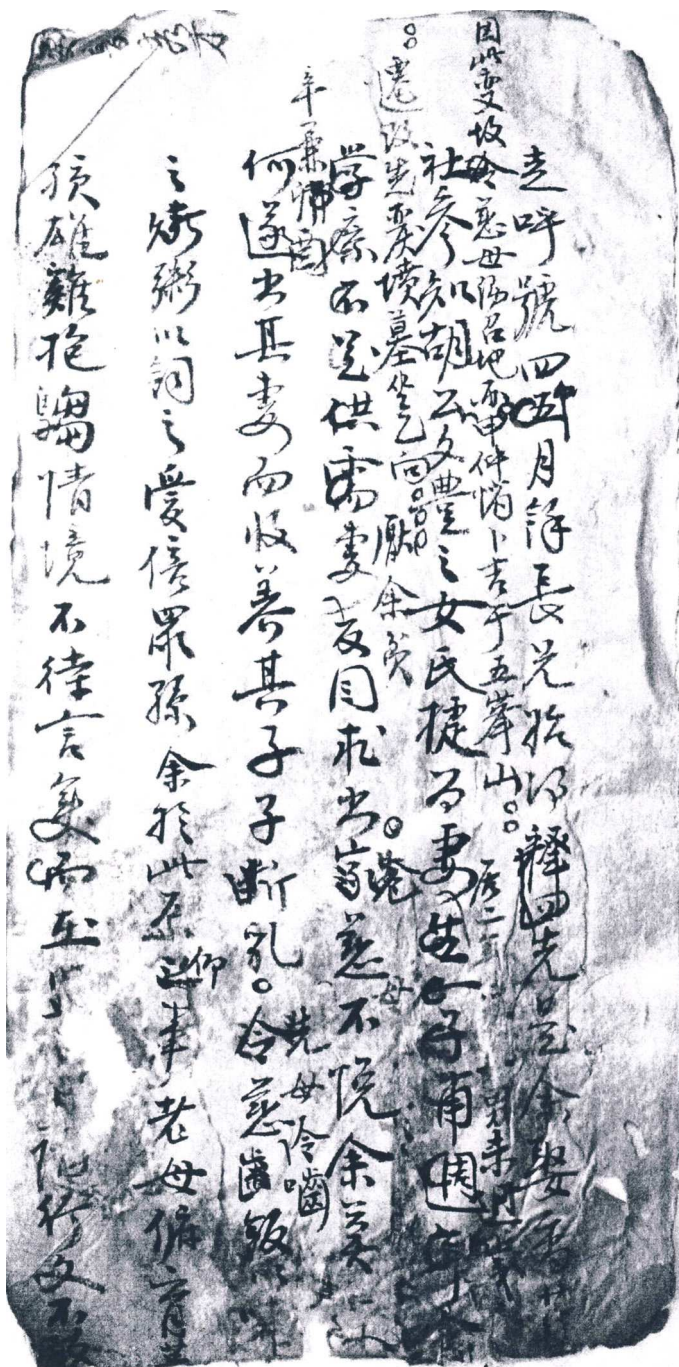
¹⁸ Tên cũ là Đường Long, nay thuộc xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

trốn biệt, anh cả tôi và hai người kia đều bị giam trong trại. Tôi bệnh mới giảm, gắng gượng đến thăm vấn kế Tả Thị lang Bộ Công là ngài họ Võ. Ngài họ Võ nói rằng: Nên hoãn, chưa thể cấp. Anh cả dặn tôi về thưa với mẹ xin thỉnh tội thay. Mẹ tôi với nhạc mẫu của anh cả là bà Tư Chân cùng nhau khóc. Tôi rất đau xót, bèn chạy vạy kêu nài khắp nơi. Lúc ấy vợ của Thông ngôn Nguyễn Đình Hòe ở Tòa Khâm sứ (tục gọi là bà Huyện Hòe) sai người nói với bà Tư Chân [19] đến nhà bàn bạc mới giải thoát được. Bà Tư Chân rất thương rể, bèn đem lễ vật đến khấn xin Thông ngôn Hòe, Thông Hòe bảo về làm đơn gửi đến Tòa Khâm sứ kêu oan. Bà Tư Chân về nói lại, nhờ tôi làm thay. Tôi nhận lời, liền đến báo với anh cả về việc thương lượng. Lúc ấy có con của Tư Đại là Tôn Thất Tiến nói rằng: Y với vợ Thông Hòe có quen biết cũ. Thông Hòe làm việc được quý Khâm sứ là Pha-Di-Ê⁽¹⁹⁾ tin dùng, việc này có thể xong. Tôi tin lời đến báo với anh cả, anh cả sai tôi và Cả Tiến làm đơn bạch với Tòa Khâm sứ để kêu oan. Tòa Khâm nhận đơn, nói rằng hãy đợi. Đến tối tôi đến nhà Thông Hòe. Y lại nói hãy về đợi [20] khi nào thẩm xét tờ đơn ấy thì biện một lễ bái yết, rồi khoảng tuần nhật sẽ thả. Tôi và Cả Tiến trở về, hơn một tuần nhật chưa có tin tức gì, bèn cùng đến lại. Thông Hòe nói rằng: Công vụ rất nhiều nên quan lớn chưa xem đến, nên hôm sau hãy đến trước cổng tòa, chờ khi quan Khâm sứ ra cổng thì lạy kêu oan, ngài mới không quên. Chúng tôi theo kế ấy mà làm, phỏng hơn một tuần được gặp Khâm sứ, chúng tôi khóc kể, Khâm sứ gọi Thông ngôn là Phan Tần người Nam Kỳ gặp. Thông ngôn nói rằng: Về khoản này quan lớn đã thương nghị với Cơ Mật Viện, vậy hãy trở về không được đến lại. Tôi trình lại, Thông Hòe bảo chưa từng dám, nhưng hãy nhờ chú là Tôn Thất Liên Đình⁽²⁰⁾ đến [21] nói với Thông Tần, vì ông ta và Thông Tần vốn quen thân nhau, nên hãy thỉnh cầu chú giúp đỡ cho. Mẹ tôi im lặng không nói, tôi cũng không thuận nghe. Sau đó hơn tuần nhật tôi lại đến thẳng Tòa Khâm sứ, và lại đến nhà Thông Hòe hỏi. Y miễn cưỡng từ chối, nói rằng hãy đợi đến ba ngày tết, nếu chưa được thả thì đợi đến ngày khai hạ. Tôi lại đến lạy ngài họ Võ ở Bộ Công. Ngài dặn hãy đến lạy kêu ở Cơ Mật Viện, còn ngài sẽ giúp riêng. Tôi rủ Cả Tiến nhờ Án sát Quảng Bình Phan Khắc Hòa (ông ta can vào khoản riêng, bị tình nghi, cũng bị giam cùng một trại với anh tôi) viết đơn kêu cứu với Đệ tam Phụ chính đại thân là Kim Giang tướng công [Nguyễn Trọng Hợp]. Ngài dặn phải chờ, không được kêu nài nữa. Đến trung tuần tháng 2, anh cả tôi và 2 người mới được thả về. Phan Khắc Hòa gửi đơn khiếu nại cũng được thả ra. Chỉ có Tôn Thất Toại thì bị tước tịch [22]. Như vậy tôi đã chạy vạy kêu nài khắp đến 4, 5 tháng thì anh cả mới được tha. Nhân biến cố này mẹ tôi mời thầy địa xem xét mộ phần, chọn được nơi tốt ở núi Ngũ Phong,⁽²¹⁾ mới dời mộ phần cha tôi, theo vị trí tọa ất hướng tân kiêm mao dậu.

¹⁹ Túc Jules Friès, về sau làm Công sứ Bình Định và quyền Khâm sứ Trung Kỳ. Theo mạch văn thì sự kiện này xảy ra khoảng năm 1891-1892. Khâm sứ Trung Kỳ thời điểm này là Séraphin Hector (1889-tháng 10/1891) và Ernest Albert Brière (tháng 10/1891-1897). Lúc này, có thể Friès chỉ làm Công sứ Thừa Thiên.

²⁰ Túc Tôn Thất Hân.

²¹ Làng An Cựu, nay thuộc phường An Tây, thành phố Huế.



Trang 22, quyển 1, chi tiết về người vợ đầu của tác giả.

Tôi cưới vợ là Hồ Thị Tiệp, con gái ông Tham tri Hồ Văn Phong làng Hương Cấn.⁽²²⁾ Ở được 2 năm, sinh một trai chưa đầy tuổi thì vợ tôi chán tôi nghèo, gia tư không đủ cung ứng nhu cầu, nên bỏ về xin ly dị. Mẹ tôi không vui, tôi đành bỏ vợ mà nhận nuôi dưỡng con trai. Con tôi phải bỏ bú. Mẹ tôi phải nhai cơm, hay nấu cháo để cháu ăn. Lúc bấy giờ tôi ngẩng lên thì thờ phụng mẹ già, cúi xuống thì chăm nuôi con thơ. Tình cảnh gà trống nuôi con không đợi phải nói vậy. Mà việc học tập ở trường Giám lại càng vất vả [23]. Sáng sớm đi, chiều tối trở về. Nhưng các kỳ thi hạch mùa xuân, mùa thu đều được hạng ưu. Nguyệt bổng được 24 quan, đủ tiêu dùng. Lại làm văn giùm cho các công tử (như Hồng Lô, Hồng Đới, Hồng Thu, Hồng Đê) mỗi tháng ước được 12 quan. Việc nhà trầm trệ do ít rảnh nên việc đọc sách trong năm, ba ngày chỉ được một ngày, khiến cho tựa hồ như là thất học. Lúc bấy giờ ngài họ Võ làm Biện lý Bộ Công có mời Cử nhân Mai Văn Vị người làng La Hà, Quảng Bình đến bộ thự mở lớp dạy học, Võ công bảo tôi đến làm trưởng tràng, làm bạn đọc với con trai của ngài là Võ Bút (anh là bạn của tôi 13, 14 năm

hơn). Nhưng tôi bận rộn việc nhà nên không được cơ duyên này. Năm Thành Thái Quý Tỵ [1893] [24], Võ công nhờ tôi đi với công tử vào học Giám, tôi mới được nỗ lực ôn tập có chút tiến bộ.

²² Thời Nguyễn thuộc tổng Hương Cấn, nay thuộc xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Khoa Giáp Ngọ đời Thành Thái [1894] dự thi Hương, tôi rớt trường nhì, văn lý vẫn bị hạng liệt (trường nhất 4 bình, trường nhì 1 thứ 4 bình, nhưng vì bài phú có chữ dài không hợp, nên giám khảo cho rớt). Tế tửu Trường Quốc Tử Giám là Khiếu đại nhân [Khiếu Năng Tĩnh] nhiều lần đem quyển thi của tôi nói với nguyên quan trường xem lại, nhưng cũng không làm sao được.

Nhớ lại Cử nhân Hồ Quý Châu đã giải lá số của tôi duy khoa năm Ngọ là khá trông mong, năm nay há không phải là năm Ngọ ư. Lòng tôi nghĩ đến gia quyến, đến ông chú của bốn phòng⁽²³⁾ có [25] nói với tôi rằng: Người ta thường nói học tài thi phận. Thơ có nói rằng nhất duyên nhì phận tam phong thổ. Cháu thi hai khoa đều bị trường quy (khoa trước, kỳ ba bài thi bị ố bản không cho điểm, khoa này dài chữ không hợp, bị điểm rớt). Hay là hệ chúng ta chưa có “địa khoán”, đỡ một khoa rất khó. Nay nhân viên Tư giáo trong hệ bị huyền chức, cháu thì thế thứ tuổi tác phẩm hạnh đều đáng được, hệ ta sẽ thu nhận cháu, làm giấy bảo cử. Tôi nguyện theo chí mẹ lưu lại trường Giám chờ khoa thi. Nhưng tuổi đã quá ba mươi mà chưa đỗ, thì trong các nghề y, lý, bốc, nông, công, thương hãy học một nghề, chứ không thể làm thư lại.

Chú lại nói [26]: Xem sách tử vi nói rằng “Tuần triệt đương đầu, thiếu niên tân khổ”. Mệnh của cháu năm nay bị tuần triệt, cho nên công danh của cháu chưa xong là do chưa ra khỏi hạn, làm cho cháu bị trường quy thi hỏng. Nhưng số cháu lại có Văn Xương, Hóa Kỵ, như thế thì có “Khoa Quyền đối chiếu, Khôi Việt Âm Dương miếu vượng”, cháu hãy cố gắng lên. Tôi vâng dạ bái tạ.

Thuở ấy, khoa trường thi hỏng sau vào học Giám thì có Cử nhân Lê Quang Bính làng Xuân Hòa,⁽²⁴⁾ ăm sinh Thân Trọng Đễ làng Nguyệt Biều,⁽²⁵⁾ y mạch tinh thông, tôi bèn đến xin học. Lại nghe Sứ quán Toán tu Nguyễn Trung Quán thông thiên văn, giỏi đoán mệnh vận theo phép Thái Ất [27]. Tôi bèn đến xin lay nhập môn. Đại nhân đã truyền lại các điều then chốt, nói rằng: Nếu như muốn học kỹ thì phải sau một, hai năm mới truyền bí quyết. Tôi trở về tìm sách *Gia trạch quân khuy*, 3 quyển lẽ không thành bộ đọc trong mấy tháng hơn, gặp những câu không hiểu thì viết lại đến nhờ thầy giảng giải. Nguyễn đại nhân từ chối vì công vụ nhiều. Tôi lại nghe nói trú tại Sứ quán có Giáo thụ phủ Quy Châu là Phạm Khắc Doãn tinh về thuật số, tôi đến học hỏi. Phạm tiên sinh bảo tôi có phong thái, ngày sau giúp vua giúp dân, ưu du chốn miếu đường, cần gì lại học nghề mọn [28]. Tôi thưa: “Nhất sự bất tri, Nho giả sở sĩ” [Một việc mà không biết, nhà Nho lấy làm hổ thẹn]. Đang lúc khoa trường đang rảnh, tiểu đệ muốn tìm một nghề tùy thân, nhưng chọn thuật số không thể không thận trọng, phải xem qua các sách, sách nào đáng học, lại phải chuyên một nghề, sau này có được làm hành chính, lúc lâm sự cũng có bổ ích, nên xin chớ tiếc. Tiên sinh bảo: Tôi chỉ học bốc dịch và lục nhâm độn pháp. Anh có muốn thì đọc các sách này một, hai thiên, có gì nghi hoặc, tôi sẽ giải thích riêng.

²³ Tôn Thất Đản thuộc phòng Cương quận công, hệ Năm. Hệ Năm do chúa Nguyễn Phúc Tần khai sáng, gồm 3 phòng: Phúc quốc công, Cương quận công và Quốc Oai công.

²⁴ Thời Nguyễn thuộc tổng An Ninh, nay thuộc xã Hương Long, thành phố Huế.

²⁵ Thời Nguyễn thuộc tổng Cư Chánh, nay thuộc phường Thủy Biều, thành phố Huế.

Theo lời đại nhân, cứ vài ba tháng một lần tôi đến thăm hỏi Phạm tiên sinh. Tiên sinh nói: Cái học về địa lý, con người đã [29] biết. Tôi lãnh hội được là do Tú tài Thân Trọng Tĩnh. Học địa lý thì phải viếng thăm các ngôi mộ nổi tiếng. Ngày xem mộ, đêm thì đọc sách. Tú tài họ Thân từng bảo tôi rằng: Trong các bí ẩn của tạo hóa, tìm học địa lý thật khó. Học địa lý thì phải bảo tồn cái cảnh không đủ, phải răn cấm chớ tham, mới mong khỏi sai lầm. Cần phải xem xét các mộ phân cũ. Cái học phong thủy thường phải nhiều lúc đi xa, mà việc thờ cha mẹ nuôi con không có người ủy thác. Tôi bèn dự định tục huyền. Chị dâu và anh cả thường làm mối cho các con gái nhà giàu, tôi lại sợ thanh khí bất đồng, chưa đồng thuận. Tôi thường lên xuống Quốc Tử Giám, khoảng chùa Thiên Mụ có con gái quan huyện Bình Sơn từng thấy tôi mà vui lòng. Thân phụ của nàng cho tôi là danh sĩ nên muốn gả con. Riêng bà huyện và ông bà nội ưa tiền của nên muốn gả làm thiếp [30] cho Viên ngoại Nguyễn Văn Tuyển. Tôi đành tạm để đó.

Ở làng Nguyệt Biều có bà.. [mấy chữ bị mờ] có cô con gái nghe tôi chưa tục huyền muốn gả cho. Nhân cô tôi là cô Từ đến nhà thăm hẹn ước, tưởng nên duyên phận, bắt đồ hương công Bửu Thạch ở phủ Thoại Thái Vương giành cưới cô gái ấy. Anh cả của nàng là ông Cảnh và vợ làm mai (Bửu Thạch là anh chú bác của Hoàng đế Thành Thái. Bà Phủ Duy thấy thế lực muốn xu phụ, con gái bà không vui, muốn lấy tôi). Một là bà con quận vương sang trọng, một là nhà Nho nghèo để vợ, như thế thì bà con nghe tin đều muốn tôi rút lui.

Ấm sinh Nguyễn Khải ở làng Thanh Tiên⁽²⁶⁾ làm mối cho tôi con gái của Tham tri Cao Đăng Đệ. Đại nhân thuận gả. Nhưng bà thứ thất họ Nguyễn lại ưa người tuổi tác hình dáng nhỏ hơn nên bày kế làm khó. Việc dần phé bỏ.

Cùng tổng với tôi có thượng hạng học sinh [31] Tú tài Trần Đình Bá dạy học ở làng Trúc Lâm tại nhà bà Giám. Bà là em gái bà Thị lang họ Võ ở làng An Ninh.⁽²⁷⁾ Con gái út⁽²⁸⁾ của bà Thị lang từng đến nhà bà Giám bàn bạc việc nhà. Tú tài Trần thấy dung hạnh đoan trang xin giới thiệu cho tôi. Mẹ tôi biết rằng nhà họ Võ là một cao môn phiệt duyệt [dòng họ có danh vọng], nam có đủ tài văn võ, nữ làm quý cung phi, cô gái út thờ mẹ lại hiếu đạo, nên rất vui. Mẹ tôi liền cho người đến thăm. Bà Thị đòi tôi đến gặp xong thuận gả, bèn chọn ngày làm lễ sơ vấn. Hẹn sang năm dự thi Hương xong sẽ làm lễ thành hôn [32].

Bất ngờ đầu xuân năm Thành Thái thứ 9 [1897], ba ngày tết chưa qua, mẹ tôi lại bị nhiễm hàn khí nên bị ốm. Lúc ấy Khiếu tiên sinh [Khiếu Năng Tĩnh] tuyển sinh viên 30 người vào học chuẩn bị đi thi, niêm yết rằng ngày mồng 6 năm mới làm lễ khai giảng làm văn, ba ngày sau sẽ họp lại để bình văn.

²⁶ Thời Nguyễn thuộc tổng Mậu Tài, nay thuộc xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

²⁷ Thời Nguyễn các làng Trúc Lâm và An Ninh (Thượng, Hạ) đều thuộc tổng An Ninh, nay thuộc xã Hương Long, thành phố Huế.

²⁸ Theo Hoàng triều tôn phổ thì bà tên là Võ Thị Lai, 27 tuổi, người làng An Ninh Hạ và là chánh thất (?) của Tôn Thất Đản. Dẫn theo Lời bổ sung trong bản dịch của Phan Đăng Tài (bản đánh máy tháng 10/1983), tr. 4.

Mỗi tháng có 6 kỳ. Sinh viên đều đến phòng học lưu trú để học tập. Tôi vì việc nhà, chỉ xin dự lễ khai giảng, làm văn sơ sài cho đủ quyển và đem tình thực xin cho trở về. Tế tửu Khiếu tiên sinh dạy rằng: Tôi lo việc trường, trước hết lo đào tạo các tôn sinh cho được thành tài để báo đáp ơn vua, sau nữa an ủi nguyện vọng của tôi. Theo ý tôi [33] thì anh và Tôn Thất Tế có thể cùng đỗ khoa này. Nhưng Tôn Thất Tế bị tang, anh lại lười biếng coi thường, quá phụ lòng tôi. Tôi thưa rằng: Trò xin thâm cảm ơn thầy dạy dỗ, luôn nghĩ cố gắng, nào dám bỏ bê. Chỉ vì mẹ già đau bệnh, cần người thuốc thang mà vẫn chưa có. Tiên sinh lại bảo: Anh nên nghĩ kỹ, anh hầu hạ mẹ vốn là bổn phận làm con, nhưng anh bạc đầu vẫn còn dang dở, công danh chẳng tỏ, lòng của mẹ anh làm sao được an ủi lâu dài. Không bằng giao việc nhà cho người khác, còn anh hãy gắng công vài tháng, ra sức dùi mài để tranh hạng đỗ, một mai sự học được thành tựu, tên ghi bảng vàng, há có làm cho mẹ vui hơn không. Tôi bèn bái lạy lần nữa, xin theo kỳ làm văn và dự họp bình văn, còn xin miễn cho việc lấy phòng lưu trú. Tiên sinh cũng y theo lời xin.

Tôi sớm đi [34] chiều về, việc đèn sách tuy không được chuyên, nhưng văn khí ngày càng tiến, chỉ lo mẹ hiền uống thuốc đã hơn tháng rưỡi, thay đổi 3 thầy thuốc nhưng bệnh tình chợt giảm chợt tăng, có phần phiền uất. Đến rằm tháng 2, gặp ngày kỵ của ông tổ, hai chị đến hầu. Mẹ tôi vui vẻ nói: Bệnh mẹ sợ không khỏi, các con đã thành gia thất, mẹ có xa các con cũng không có gì ân hận, duy em út của các con, có con mà không có vợ, công danh chưa tỏ. Năm nay lại có khoa trường, em các con bận rộn việc nhà, không biết tiến bộ thế nào. Mẹ chết không [35] nhắm mắt được. Hai chị thuật lại cho tôi, nhìn nhau mà bàng hoàng. Tôi gạt lệ làm như vẻ vô lo mà thưa rằng: Con từ ngày khai giảng đến nay, hành văn tiến bộ gấp bội, cũng mong là thi đỗ. Còn chuyện tục huyền thì đã được đính ước, rồi ra tiểu đăng khoa sẽ nối tiếp đại đăng khoa, xin mẹ chớ lo buồn. Nếu mẹ hết lo buồn thì thuốc cũng sớm có công hiệu, để ngọc thể ngày càng mạnh, con có đường tiến thủ cũng là nhờ đó vậy.

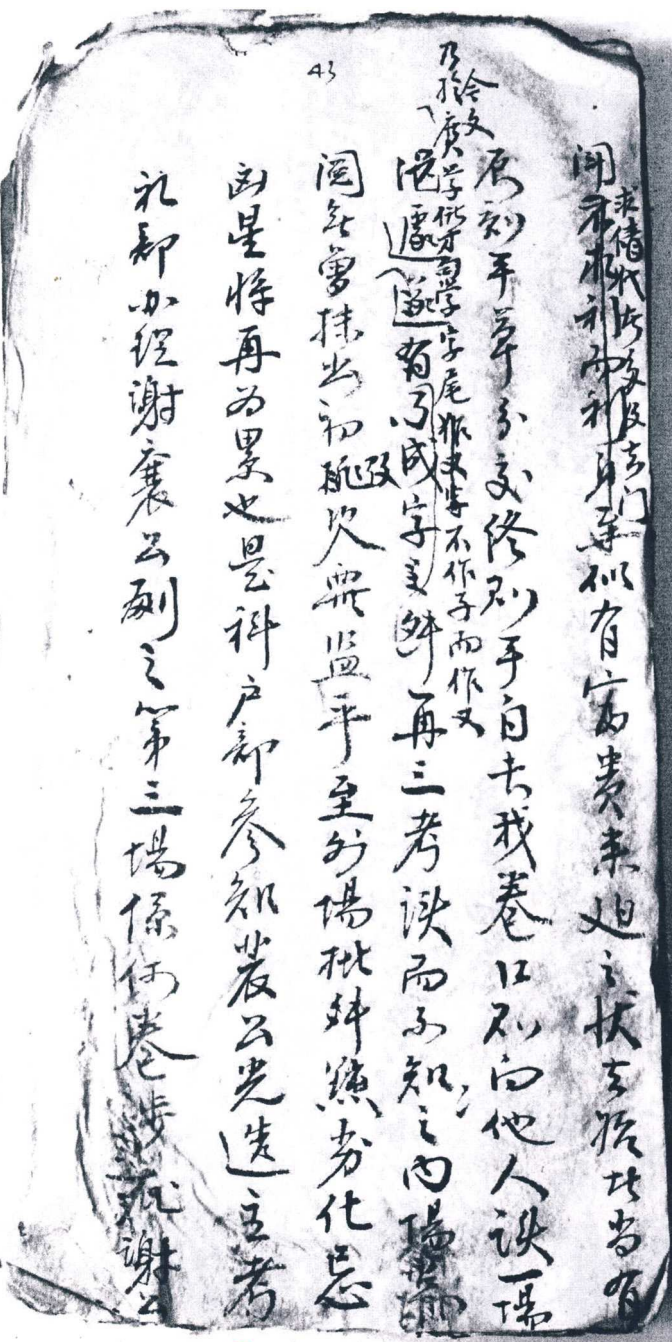
Mẹ tôi bất giác không vui, nói rằng: Con chỉ biết thương mà không lo biến. Con có biết mệnh số của con chăng? Mẹ xem số tử vi của con năm nay hạn không lộ ra, nhưng sao không tốt [36], việc hôn sự của con có trở ngại chăng, mẹ làm sao không lo buồn được. Mẹ chỉ mong hôn sự của con sớm định, mới nhẹ lòng mẹ. Tôi bèn thưa rằng: Mẹ quá yêu con nên muốn thấy con có vợ mới, con xin cử hành sớm. Mẹ tôi lại bảo: Con gái của bà Thị là lục kinh đợi giá, sinh lễ không thể đơn giản, dù kiếm ước thì chi phí cũng đến mấy trăm đồng bạc, con có kham lo nổi không. Tôi thưa: Con sẽ vay mượn bà con bạn bè cũng có thể xong việc. Mẹ lại nói: Mẹ bệnh nên không thể lo lắng cho con, con hãy tự lo liệu việc hôn sự của con cho yên ổn, bệnh mẹ mới lành được. Mẹ chọn ngày mồng 8 tháng 3, chuyện thi cử của con có kịp không? Tôi thưa: Phải phiền hai chị đến thăm xin ngày, nếu bà Thị thuận cho, thì con sẽ chu tất. Lúc ấy mẹ tôi mới hơi vui [37].

Sớm hôm sau, hai chị tôi lên làng Trúc Lâm bàn với bà Giám, bà Giám thuận tình, cùng đến nhà bà gia tôi trình ý kiến của mẹ tôi. Bà Thị trả lời rằng:

Hai nhà đã kết tình thông gia thì “ngửa và gãi cùng liên quan” vậy. Bà thông gia ngọc thể không yên thì chúng tôi đã ngày đêm cầu nguyện mong bà sớm khỏe mạnh. Nay bà thông gia yêu con, đang lúc bệnh vẫn muốn cho xong hôn sự, thì chúng tôi cũng không dám trái lời. Vả lại bà thông gia Nho thuật kiêm tri, việc xử thế tại gia noi theo lễ thì việc nghi tiết sính lễ và việc chọn ngày lành chúng tôi xin [38] thuận theo.

Hai chị tôi trở về thuật lại. Mẹ tôi bảo rằng: Mẹ đã dự định phải có đầy đủ hoa tai, vòng, xuyên, cau trầu rượu, heo quay, đèn sáp, lồng đèn theo trung lễ, thì số bạc lo liệu các việc trên con phải liệu gấp nội trong vài tuần cho chu tất. Tôi xin tuân mệnh. Nhưng nghĩ lại lời người xưa đã nói “Kết bạn chớ kết tiền tài”. Tôi thường ngày vốn giao thiệp rộng, nhưng giao kết tiền tài không quá năm ba người. Trong số năm ba người ấy thì số học trò nghèo lại quá nửa, nếu họ thương tôi mà gắng giúp đỡ thì không khỏi phải vay mượn người khác. Mà số tiền cần dùng của tôi thì lớn, mỗi người phải gánh vác năm, sáu chục đồng may mới xong việc tôi được. Làm lụng đến bạn bè như thế thì quả là không tốt. Bằng như tôi tự gánh vác [39] thì sẽ vẹn toàn cho bạn bè. Tôi bèn nói với Tôn Soạn hỏi vay. Soạn đồng ý cho vay tiền lời mười phần. Tôi xin nhận và làm khế ước. Mẹ tôi biết ra cũng yên lòng. Từ đó việc thuốc thang có công hiệu, việc cơm cháo cũng gắng ăn hơn, nhờ thế mà khỏe dần. Đến ngày cưới, mẹ tôi sai chuẩn bị xe kéo, thân hành đến chủ tiệc rượu. Lễ xong trở về nằm nghỉ trong trướng, chờ khi cô dâu mới vào nhà, gương ngời dậy nhận lễ bái kiến, lại sai gọi đứa cháu nội ấu thơ ra bái yết mẹ kế, xong xuôi mới nghỉ. Bà con bạn bè thấy thế, chia sẻ niềm vui. Tôi nhìn lại cảnh gia đình mới hiểu ra chút ít niềm vui của đời người. Sau khi phu thê giao bái, cùng chuyện trò về tình duyên quả là “giai ngẫu tự nhiên thành” [gặp gỡ nhau là do trời tác hợp], chuyện kết tóc xe tơ là cùng chia sẻ niềm vui, nỗi lo. Đêm động phòng hoa chúc mới được đoàn viên, thì chuyện băng vàng đề danh cũng là mơ ước, nên học lực mười phần cũng được [40] trông mong đến bảy tám phần. Theo mệnh số thì trăm phần chỉ có hai, ba. Vốn biết rằng “lo đạo chứ không lo nghèo”, chỉ lo rằng phụ người và cũng phụ mong ước của mình, nên đã gắng sức. May mà năm ấy, văn chương đã tiến bộ nhiều. Lại nhiều người vào thi nhờ cậy, nên mới vào trường nhất đã đền đáp bạc vàng, có thể trả xong khoản vay. Hồn kinh hoảng tạm ổn định, mới có mộng tưởng cao xa. Vào trường nhì không làm theo lối này [tức không làm bài giúp cho thí sinh khác nữa], văn lý cũng lỗi lạc không sao, đến trường ba thì gà trống già cùng bầy gà non [41] tranh đấu, người xin làm thay cũng nhiều, tựa như đã có khởi đầu của trạng thái giàu sang ập đến. Lúc đó thì bản thảo giao cho, tay tự lìa quyển thi, miệng thì đọc cho người khác, trong chốn trường thi bận rộn, gây nên cái lỗi viết không thành chữ, lúc đó ở bài kim văn, đến câu “quảng học trừ tài” [học rộng để thành tài], đuôi của chữ “học” 学 không viết chữ “ử” 子, mà lại viết chữ “hựu” 又. Hai ba lần đọc kỹ lại mà cũng không biết. Các viên trong trường đã từng sao ra cho quan sơ khảo, đến như quan trường phê lỗi, cho điểm liệt, cũng là do hung tinh “Hóa Kỵ” mà ra thế, lại còn bị lụy nữa.

Khoa ấy⁽²⁹⁾ quan Tham tri Bộ Hộ là ngài Bùi Quang Tạo làm Chủ khảo, quan Biện lý Bộ Lễ là ngài Tạ Tương làm Phó chủ khảo. Vào trường ba hễ quyển thi nào có tỳ vết thì Tạ công [42] truất rớt, không được dự hạch ở trường tư. Vì thế mà không đủ số, quan trường thi bèn cho xem lại các quyển rớt, người nào mà trường nhất, trường nhì có điểm ưu, bình thì được rộng lấy. Quyển thi của tôi ở trong số này. (Về sau, quan Phó chủ khảo là Tạ công thuật lại chuyện này). Quan Chủ khảo là Bùi công cầm xem xong, than rằng: Trò này có oan nghiệt gì mà dự thi nhiều lần lại bị tỳ vết này. Khoa này lại không đỗ. Quan Tế tửu Khiếu Năng Tĩnh không khỏi lại trách tôi. Ngài [Tạ] nghe vậy bèn ngờ vực mà hỏi lại. Ngài Bùi đưa quyển ra, [Tạ công] mới biết là quyển của tôn sinh tọa giám Tôn Thất Đàm. Văn lý khả thủ [đáng lấy], nhưng phạm trường quy. Tôi [Tạ công] là Phó chủ khảo trường nhì, vì nệ vào trường quy [43] nên đã đánh rớt quyển này. Việc trường xong xuôi trở về, Khiếu công lại trách cứ khoa này lại truất bỏ, thì sẽ xử sự làm sao. Tạ công lần đầu cần nhắc văn chương cốt cho được danh sĩ, bèn cười nói rằng: Tôi duyệt quyển này, văn lý đáng xếp hạng bình, hiềm vì có lỗi không thành chữ, nên ngại mà truất bỏ. Nay ngài đã biết rõ người này, nên dâng số trình bày cho vào sát hạch. Vả lại tôi đã nghe tên Tôn Thất Đàm nhà



Trang 41, quyển 1, lý do bài kim văn của tác giả bị điểm liệt

²⁹ Khoa thi Hương năm Đinh Dậu, 1897. Khoa này trường Thừa Thiên được chuẩn lấy thêm 3 Cử nhân, trường Hà Nam tăng thêm giải ngạch (18 Cử nhân, 54 Tú tài). *Đại Nam thực lục chính biên Đệ lục kỷ phụ biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa-Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh, 2011, tr. 277. Sau đây gọi tắt là *Thực lục Đệ lục kỷ phụ biên*.

nghèo mà trong sạch, nếu rộng lấy thì có hiềm gì. Bèn cùng với ngài Võ Doãn Văn, Hoàng Khai Tế đồng thanh xin, được chuẩn cho vào sát hạch.

Lúc ấy tôi mới được vào thi trường tư. Trở về tự tâm nghiệm ra văn chương kỳ trường nhất, trường ba đều rõ ý [44], trường tư thì không lắm lỗi gì, ắt sẽ trúng giáp bảng từ thứ 9 cho đến thứ 20. Nhưng đợi xướng danh đến thứ 25 mà tên tôi vẫn chưa có, nên quá thất vọng, bèn thềm xuống thuyền nằm dài. Nào ngờ lúc đọc tên tôi xếp thứ 28, bèn chạy gọi mà tôi tựa như điếc không nghe. Đến khi ban áo mũ, quan Phó chủ khảo là Tạ công mới thuật rõ cho tôi được biết. Tâm thần mới định, tôi mới ra xem bảng. Mẹ tôi đang ở trong trường tĩnh cư, chưa dám ra gió. Đến khi lãnh giải vinh quy, thấy mẹ tôi ăn mặc đàng hoàng, ra đầu xóm đứng chờ. Tôi trông thấy vui mừng [45] xuống ngựa ôm chầm lấy mẹ, bất giác rơi lệ. Bà con bạn bè vui mừng hội tụ. Ngày lên kinh tôi rất vui, nghĩ lại khoa này đã được thành danh, lại giúp được thể huynh là Võ Nhiêm, anh kêu tôi về đem các quyển thi ra dự hạng. Khiếu Tam Lữ đổi một đề kinh nghĩa được dự hạng bình, hạng này ít ra cũng báo đáp được công ơn của các thầy, lại làm thay cho quyển văn của Phạm Sĩ Lâm người Nam Ô, được trúng tú tài khai khoa của làng. Tính ra cả hai trường được số bạc là 500 đồng lẻ để trả xong số nợ cũ và chi phí khoản lễ mừng.

Kỳ thi Hương xong lại dự định cho kỳ thi Hội. Mùa xuân năm Mậu Tuất [1898], quan Tế tửu Quốc Tử Giám là Khiếu tiên sinh và Hiệp chủ là Như Lan đã chia mỗi tháng làm văn tại chỗ [46] sáu lần. Phàm các sinh viên muốn dự thi Hội đều đến soạn phòng dự họp. Tôi không nhận phòng, chỉ đến kỳ vào dự thi. Tôi đã vào tới trường tư, nhưng chỉ có hai trường được đủ số điểm, còn hai trường không đủ. Khoa này con trai đầu lòng của Võ Hiển Hoàng quận công [tức Hoàng Cao Khải] là Hoàng Mạnh Trí cũng dự thi Hội, mỗi khi dự hội gặp ngày lễ bái ở đại điện, làm văn, đến chiều thì quận công đi hai chiếc thuyền bồng có đầy đủ rượu và đồ ăn, hề thí sinh nạp quyển xong đều cho lên thuyền thả giữa dòng yên tiệc, đến nửa đêm mới về.

Khi thi Hội xong xuôi, tôi nhận được thư của Tỉnh Am Tôn thất đại nhân, Bố chính sứ tỉnh Bình Định dạy rằng: Nên gắng học, nhưng nay nhà nghèo, mẹ già, cần phải xin bổ viên chức ở quán các, ít ra cũng có bổng lộc để tiện đọc sách. Đại nhân đã có thư gửi cho Thị lang Bộ Lại là Tôn Thất Chiêm⁽³⁰⁾ dặn dò hãy chiếu cố, nên hãy đến bàn với tiên bối ấy về tiền đồ. Tôi hỏi dò nghe mình thi Hội đã dự vào hạng có điểm số (các tôn sinh tú tài, cử nhân trúng trường nhất trường nhì, cũng đồng phân số trường ba). Bộ Lễ đã tư cho Bộ Lại căn cứ theo đó ghi để bổ. Tôi bèn đến thăm [47] Thị lang Bộ Lại, trước là để kể lại lời của quan Bố chánh Bình Định, sau là bộc bạch về tình cảnh gia đình. Quan Thị lang Bộ Lại nói rằng: Ngài Tỉnh Am biết anh không tự điền bổ được nên giao cho tôi. Nhưng hiện nay không có chỗ khuyết để điền bổ, vậy hãy chờ. Cách vài tháng sau, tôi nghe Sử quán có khuyết chức Khảo hiệu, lại làm đơn gửi Bộ Lại xin điền bổ. Quan Thị lang Bộ Lại bảo: Người dự khoa thi hãy còn

³⁰ Tên nhân vật này là 佺 Chiêm, một vài tài liệu phiên âm sai là Thiệm.

nhiều. Huống lệ định cử nhân trải qua hai kỳ thi Hội, tú tài trải qua hai kỳ thi Hương, còn anh mới trải qua một kỳ thi Hội làm sao được tranh việc điền bổ. Tôi bèn trở về.

Lại sau vài tháng, tôi từ trường Quốc Tử Giám trở về, giữa đường gặp bạn cùng tuổi là Lê Bá Đăng mặt mày hớn hởi, nói rằng đã được [48] bổ làm Hậu bổ tỉnh Thanh Hóa, nay trở về nhà sắp xếp hành trang để kịp đi nhận chức. Tôi tỏ lời chia vui với bạn, nhân nghĩ thâm rằng: Bá Đăng chưa từng trải qua thi Hội, nay được bổ trước là theo lệ chăng? Hay là dựa thế? Ngày trước bảo rằng tuổi cần dự thi còn xa, đó là lời nói gì? Như vậy tình đời khó mong tiến thủ, bỗng dấy lên ý tưởng xin nghỉ để mở lớp nhận học trò. Nhân có con trưởng của công tử Hồng Nông, tục danh Mỹ Triệt ở Kim Long mời tôi đến nhà chọn ngày khai giảng, nhưng việc đón tiếp đã không hợp lễ, lại còn đem lịch Hiệp kỷ để hỏi [49] khó tôi, tôi trả lời: Nghe ngài vì con mời thầy giảng về cái học khoa cử, tôi đã xin nghỉ để đọc sách đợi khoa thi Hội, nơi này từ Quốc Tử Giám qua lại cũng thuận tiện, tôi đến thử xem sao. Nay thầy đã gõ cửa tìm, nhưng học trò lại nhìn thầy chẳng vui vẻ gì, thế nên tôi xin cảm tạ ngài. Bèn phất áo mà đi. Năm ấy nhân sau cơn bão lớn, đói to, việc nhà lại quần bách, anh cả bảo tôi đến nhờ ngài Cần Chánh Điện Thạch Trụ [tức Nguyễn Thân], và bạn đồng học là Hoàng Mạnh Trí thì khuyên tôi đến cáo yết với bố mình [tức Hoàng Cao Khải] trình bày rõ để ngài tiện giúp đỡ. Tôi thì chán nản chẳng vui chưa biết thế nào. Một hôm tan học từ Quốc Tử Giám trở về, tôi cùng ám sinh Tú [50] tài Nguyễn Thiện Phong và Tú tài Hoàng Đình Thụy cùng bọn tôn sinh tập ấm 5 người cùng trở về, giữa đường nhiều người tranh nhau đi dưới bóng cây để tránh nắng. Nguyễn tú tài nói với Hoàng tú tài rằng: Đi đường đi theo bóng cây, nếu đường không bóng cây hơi nóng ắt không kham, nếu như theo nắng chính thì làm sao an. Tôi nghe nói thế có ý vị mới ngộ ra niềm ngờ vực gần đây của mình. Cần đốc chí tự tu, ở theo đạo Dịch để đợi, nếu chỉ sông cạy nhờ ơn, nghĩ không bằng trở về nhà dạy con cháu để giúp lo việc nhà và dạy trẻ con trong xóm làng đến học, hàng ngày cùng đám trẻ 6, 7 tuổi khi thì đọc sách, khi thì làm vườn tự lấy làm [51] vui.

Lúc ấy Trường Quốc Học vừa mới mở, con em niên thiếu tranh nhau đến học. Một hôm anh cả tôi trở về cho hai con trai về nhà ngoại thăm viếng và bảo sẽ dẫn bọn nó đến Trường Quốc Học học chữ Tây. Bấy giờ chữ Tây rất thiết dụng. Không biết chữ Tây thì dù là cử nhân, tiến sĩ cũng khó hữu dụng. Tôi nghe lời này thực xót xa cho đạo ta bế tắc. Nhưng nghĩ kỹ lời anh cả cũng không phải là sai lầm. Khổng Phu Tử xét quẻ Dịch đã thấy rõ nghĩa tùy thời, lớn lao thay. Tôi suy tôn Khổng Tử mà không biết tùy thời, há chẳng phải lầm lạc ư. Bèn dấy lên ý nghĩ phải dạy gồm cả chữ Tây nhưng [52] đang cân nhắc. Bấy giờ lại gặp Đình nguyên Đào Nguyên Phổ từ Trường Quốc Học chọn sách Tây trở về qua cầu Gia Hội, bèn cầm tay trò chuyện, nói rằng: Nay tại Trường Quốc Học vừa mở phòng Khoa mục cho các viên tiến sĩ, phó bảng khoa này vào học chữ Tây, tiếng Tây, tiến sĩ được trao hàm Biên tu, tiền bổng hàng tháng 10 đồng, phó bảng trao hàm Kiểm thảo, tiền bổng hàng tháng 8 đồng, sau hai

năm học sẽ bổ chức phủ huyện. Cùng bảng với tôi vào học khoảng 10 người, các bậc tôn tước công tử cũng có 3, 4 người tình nguyện vào học, anh cứ sao không vào học để mở rộng kiến văn. Tôi nói: Đó vốn là mong ước của tôi, đợi tôi đến xem thử đã. Bèn đến bàn bạc với anh rể Hoàng Thông đang làm trợ giáo chữ Hán ở đây. Anh rể cũng cho là kế sách hay, cần gấp rút thực hiện [53]. Nhân nghĩ đến hạng tôn sinh có lệ đặc biệt: cử nhân dùng như tiến sĩ, tú tài dùng như phó bảng. Nay viện lệ này trình bày cũng là chính đại vậy. Lại nghĩ bạn học cùng khoa là Tú tài Ứng Đồng cũng chưa được bổ, bèn đến rủ. Sáng sớm liền đến thăm nhà, cùng Ứng Đồng trò chuyện. Đồng cũng thuận ý, bèn cùng bàn làm đơn trình Bộ Lại. Giữa đường Tú Đồng nói rằng y và Biện lý Bộ Lại Hồ Đắc Trung là con của anh em cô cậu, họ Hồ cũng đã hứa miệng nhưng phải đi tuần xa, hơn 5, 6 tháng vẫn chưa điền bổ. [54] Tôi nói: Bà con xa nhưng quen biết thì gần, không bằng đến bộ, trước hết vào xin quan Thị lang phê cho. Tôi và Tú Đồng trình rằng: Chúng tôi làm đơn xin trao hàm chi cấp nguyệt bổng để vào học. Nay quan Biện lý và quan Thị lang đều phê vào tờ trình, hẳn muốn chúng tôi tư thẳng đến Trường Quốc Học nhập học đã, còn việc trao hàm chi bổng thì lưu lại về sau. Như thế là làm khó cho chúng tôi làm sao kham được. Bèn vào gặp quan Tham tri trình rõ, hai người cùng một ý như nhau. Bèn đến Tham Tri Đường trình với quan Tham tri là Cổ Thành Hồ đại nhân hứ Đệ, ngài dường như có lòng yêu mến học trò, nên xem đơn liền phê trình liệu, dặn đợi khi Bộ trưởng⁽³¹⁾ [55] phê xong, liền giao cho Văn Tuyển Ty thi hành. Bộ trưởng là ngài Thạch Trụ Cận Chánh Nguyễn quận công phê xong liền giao cho viên bát phẩm họ Trương dặn dò rõ ràng. Tôi nói với Tú Đồng rằng: Chúng ta lần đầu đến Tham Tri Đường, ngài đã có chân tâm chủ trương, việc xong sau này mong anh sẽ sắm lễ mọn cùng đến cảm tạ. Tú Đồng thuận theo mà trở về. Cách vài ngày lại đến ty thăm hỏi. Ty trưởng đưa đơn cho xem, thấy chữ viết của quan Tham tri đã sửa chữa nhiều chỗ, mới được kín kẽ, mới tin là việc sẽ như ý. Phỏng chừng một tháng, được chuẩn trao hàm Hàn Lâm Viện Biên tu, vào phòng Khoa mục của Trường Quốc Học để học chữ Pháp, Tú Đồng thì được trao hàm Kiểm thảo [56] nhận được bản lục [chỉ] do Lại Bộ Đường xin làm lễ bái mạng, sau đó là yết kiến Cận Chánh đại nhân và tạ Tham Tri Đường như đã hẹn. Tú Đồng rất phục tôi có kiến thức. Lúc đó gần đến ba ngày tết, trường học tạm nghỉ, đợi đến năm mới sẽ vào học. Ban đầu đọc âm vận, tưởng cũng dễ dàng. Dần tới học viết và quy tắc làm văn, càng học càng thấy khó. Cùng học có Tiến sĩ Nguyễn Văn Trình, người làng Kiệt Thạch [Hà Tĩnh] đọc và chép khá tốt, đã khoe khoang lắm. Tôi cùng Tú Đồng hẹn nhau gắng sức không chịu nhường bước, chừng ba tháng thì viết chữ so với ông ta cũng tương đương. Mắt thấy tai nghe tạm đã tốt. Việc viết và [57] đọc của tôi dần khá, lại biết được đại cương việc giao thiệp. Phó Chuởng giáo Ngô Đình Khả đại nhân ban khen. Tôi đến ở cùng anh rể Hoàng Thông tại dãy nhà công, mỗi tuần đến ngày lễ bái⁽³²⁾ mới trở về nhà. Con trai đầu lên 9 tuổi đã đi học, con gái đầu Thị Cư nhớ cha nên bệnh hoạn. Mẹ tôi cho tôi đem hai con đến ở chung để tiện dạy con học

³¹ Nguyên văn viết 部長: Bộ trưởng.

³² Tức ngày Chủ nhật.

tập, bèn mua một căn nhà tranh ở gần Bến Ngự ở cùng hai con, ban đêm dạy cho con học chữ Hán.

Việc học tốt kéo dài hai năm, thì Tòa [Khâm sứ] và Viện [Cơ Mật] hội đồng sát hạch. Tôi đỗ thứ nhì, được Bộ Lại tư bổ chức Tri phủ. Tệ mua bán quan chức lúc ấy đã thịnh hành, tôi không biết cậy nhờ nên chỉ được bổ làm Tri huyện huyện Bình Khê.⁽³³⁾ Tôi hỏi dò nghe nơi ấy khí hậu không tốt, định xin không đi nhận chức. Mẹ tôi trách rằng: Bắc hay Nam là do mệnh, con cố sao lại khiếm nhược như thế. Tôi thưa rằng: Lòng con mong nếu được phân bổ thì sẽ đem mẹ cùng đến lỵ sở cho tiện phụng dưỡng [58] sớm hôm thỏa phận làm con. Nay lại được bổ nơi nước độc thì sợ không tốt cho sức khỏe của mẹ, cho nên không muốn đi, chứ không phải là khiếm nhược. Mẹ lại an ủi rằng: Con muốn mẹ cùng đi, mẹ cũng thuận đi, việc sống chết là có mạng, chớ ngại ngùng gì. Mẹ đã cùng theo cha đến lỵ sở ở Bắc Kỳ và các phủ huyện ở Thanh Hóa như Cẩm Thủy, cũng là huyện thượng du vậy, nào có can gì. Huống anh của con hiện làm quan coi huyện Hoài Ân,⁽³⁴⁾ con thì được bổ huyện Bình Khê, anh em gần nhau cũng là một việc tốt, con chớ có rút lui. Tôi được mẹ thuận đi, vui mừng cảm động. Bèn đến Trường Quốc Học [59] từ biệt thầy bạn, sửa soạn hành trang, cùng đem mẹ lên đường. Ba ngày trước khi đi, trợ giáo Trường Quốc Học là Phan Hữu Nguyên và Tiến sĩ Phan Quang đến chúc mừng. Tôi đã khoản đãi. Hữu Nguyên vốn là cựu Tri huyện Bình Khê, trở về chịu tang, lại bổ làm trợ giáo. Hữu Nguyên lúc ngà ngà nói với tôi rằng: Tôi muốn nói với quan tân Tri huyện một lời, chỉ sợ phật ý. Tôi nói: Ngài nói thật thì có hề gì. Hữu Nguyên bèn nói: Nghe quan tân Tri huyện định đem bá mẫu cùng đi, tôi muốn ngăn lại. Tôi vừa qua đã ngồi ở huyện này, cha tôi đến đây cũng đã mệnh chung ở đây. Người nơi đó nói rằng huyện này bất lợi cho cha mẹ của quan huyện. Trước đây tôi đã nghe lời này vài lần [60] tôi vẫn còn hối hận, nên muốn ngăn cản ngài. Tôi nói: Đệ là con út, nhưng suốt 30 năm nay đã từng ở dưới đầu gối mẹ, dù bận học xa nhưng cứ 3 ngày trở về hầu hạ, nay làm sao xa cách mẹ, xin cảm tạ huynh đã nói thẳng. Phan Quang nói: Việc đã quyết định, không cần phải nói lại nữa. Đệ thấy huynh tướng mạo không tự đắc, nhưng việc giao tiếp Âu Á, thì quan trên cũng có khi nghiêm khắc nhưng huynh đã làm tốt, nếu như từ từ đến hạn sau 31 tuổi, huynh sẽ được bổ thì hoạn lộ hanh thông. Tôi cũng đã nghe nhưng không lấy làm lo.

Mẹ tôi kiểm điểm việc nhà, tất cả của cải, vật dụng đã bảo cháu nội cả kê biên rõ ràng [61] giao phó cho dâu trưởng là Lê Thị hứu Ái dặn dò tuân thủ lễ tiết, lại triệu hai chị và các cháu chú bác dặn dò kỹ càng. Lại đến chị Ái ở lại một đêm chuyện trò, nói rằng tôi đã nhận lo việc cúng tế ở từ đường, ba mươi năm nay tần tảo làm tròn chức trách tôi cũng tận tâm chiếu cố. Nay tôi theo

³³ Đầu thời Nguyễn là đất thuộc huyện Tuy Viễn. Tháng 9/1888, nhà Nguyễn cắt 18 làng thuộc hai tổng Phú Phong và Mỹ Thuận nhập vào Nha Kinh lý An Khê thành huyện Bình Khê. Nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

³⁴ Nguyên thuộc huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định. Năm 1889, vua Thành Thái cho tách ra thành lập huyện Hoài Ân.

con đi xa, xin chị hãy thay thế. Lại đem theo em chú bác là Tôn Thất Bằng, anh họ là Phạm Hình, tở gái là Thị Quy để đỡ dằn. Em họ tên Thận, người làng tên Chi đến thăm an ủi. Tôi nói rằng: Tôi đi chừng 5 năm, may được nhờ phúc nhà, tôi được thăng chức, thuyền chuyển trở về kinh. Dặn dò xong xuôi, ngày mồng 6 tháng Chạp lên đường, ngày 18 đến Bông Sơn. Anh cả đón lên huyện Hoài Ân lưu lại một đêm. Mẹ tôi lưu lại đến ngày 25, tôi ủy vợ cùng Thị Quy, và con cái cùng em là Bằng và Phạm Hình lưu lại. Tôi chỉ cùng tên Chi đến tỉnh trình bằng. Ngày 22 đến lỵ sở, ngày 24 bàn giao xong xuôi sớm. Mẹ tôi lên đến vào ngày 26. Tôi lên tỉnh trình về việc bàn giao xong, chờ ngày tết. Ngày 28 [62] trở về huyện. Ngày 29 và sáng 30 tiếp các vị thân hào kỳ cựu và chánh tổng, lý trưởng trong hạt, chỉ có một tổng Vĩnh Thạnh đến, còn viên chức ba tổng Thuận Truyền, Tân Phong, An Khê thì chưa đến kịp. Buổi chiều thì nghỉ đón tiếp để lo chuẩn bị lễ tết. Tôi mới làm việc chính sự lần đầu, mỗi việc đều theo Hội điển làm chuẩn. Lúc 4 giờ chiều, chiếu theo lệ cất ấn vào hộp, cho viên chức nghỉ 3 ngày tết, hẹn đến giờ Ngọ ngày mồng 2 là giờ tốt để khai ấn. Các viên thư lại, lệ mục đều trở về nghỉ. Khoảng lúc 3 giờ thấy viên lại mục cầm công văn vào tư thất trình có việc công khẩn cấp, xin mở ấn lập tức sức cho thi hành. Tôi xem công văn, thấy dinh Tổng đốc sức rằng vào dịp khai hạ thì Tổng đốc cùng quan Công sứ đến [63] An Khê công cán. Hãy bắt dân phu sửa chữa đường sá cho bằng phẳng để tiện cho xe, ngựa đi lại. Tôi nói rằng phong tục nước ta, ba ngày tết là tối trọng, nhân dân cúng vái thần Phật, tổ tiên, thăm viếng bà con, đón mừng năm mới. Trừ phi có việc tối khẩn yếu thì không thể bắt dân phu. Lại mục lại trình rằng: Việc này liên quan đến sự giao thiệp, lễ tục gì cũng phải đình bỏ. Tôi nói: Không muốn làm phiền dân, đợi lúc khai ấn sẽ sức, ông chớ làm rộn nữa. Viên lại mục rút lui, lại dẫn viên lệ mục và 3 viên thông lại vào đồng thanh trình rằng: Việc quan hệ đến sự giao thiệp, quan huyện trước nhận trát liền cho thi hành ngay, không kể ngày đêm. Nay ngài mới nhậm chức [64] câu nệ vào thói thường không liệu gấp thì trở ngại lắm, sợ liên lụy đến bọn thư lại chúng tôi. Tôi bảo: Chỉ muốn bảo tồn quốc lễ chứ không phải là định kiến. Các thầy biết từ An Nhơn đến Tào Vào, đường dài mấy ngàn thước, có những đoạn nào nhấp nhô, lởm chởm. Đình tráng trong huyện bao nhiêu? Trong tuần nhật có thể làm xong chưa? Các viên lệ lại trình rằng phải bắt hết nam phụ lão ấu làm khẩn cấp ngày đêm mới may ra khỏi chậm trễ. Tôi nói: Làm chính trị phải có thể thống, không thể hoang mang thất thổ. Tôi quyết chọn ngày mồng 2 khai ấn sẽ gởi trát sức, ngày mồng 4 khởi công, nếu quan trên có quở trách, tôi sẽ nhận lỗi, không quy lỗi cho các thầy. Các thầy nên lui về [65], không nên nói rườm. Họ nhìn nhau thất sắc bèn rút lui.

Đến ngày mồng 2 (năm Tân Sửu, Thành Thái thứ 13) [1901], khai ấn, liền một mặt sức cho tổng lý bắt đình tráng chiếu theo đoạn đường qua tổng mà sửa chữa, lại trình xin trừ công ích, chia cắt các viên lại lệ đôn đốc. Một mặt làm phiếu bẩm rằng đoạn đường này nếu sửa chữa thì là công trình trọng đại, nếu bắt hết công tư ích trong hạt làm đến hai ba tháng tương cũng không thể san phẳng hay bạt bỏ các tảng đá và chặt phát các lùm bụi để cho người đi khỏi trở ngại. Đợi kỳ hành hạt năm mới sẽ đốc suất lại, lệ, tổng lý chuẩn bị kiệu vồng

và dân phu đến địa đầu ứng trực hộ tống, còn như xe ngựa thì xin đến địa phận An Nhơn thì lưu lại. Bẩm xong liền bàn sức sai phái. Ngày mồng [66] 4 liền sức thuê các thớt ngựa đi từ huyện lý đến giáp phủ hạt, hiểu thị các lệ lại, tổng lý xem xét công vụ đúng đắn, chớ khá hống hách đa sự. Đến ngày mồng 6 nhận được tờ sức tạm đình khoản này. Bọn nha thuộc nói riêng với nhau rằng: “Quan mới, chính sách mới”, lại có định kiến riêng. Lần này chức Chánh tổng tổng sở tại là Vĩnh Thạnh hiện khuyết. Lại mục trình xong, phải họp bảo cử. Tôi nói nhân dịp sửa chữa đường sá, lý dịch thân hào tề tựu, hãy chọn người mẫn cán tốt đẹp để bảo cử. Lại lệ trình rằng có viên cựu Chánh tổng người làng Vĩnh Tường, gia tư vật lực đầy đủ, lại là người mẫn cán, viên Phó tổng và thân hào lý dịch đều phục, xin sức bảo cử. Ban đầu y cố từ. Tôi thấy y diện mạo khôi ngô, trọng hậu, càng sức nhận lời. Y xin về nhà làm phiếu trình mới nhận. Viên lại mục dẫn y vào huyện đường, nói rằng y đã được dự cử một lần, nhưng chưa có cấp bằng của tỉnh nên y rút lui. Nay việc xét bảo cử xong, xin tỉnh bàn bạc cấp bằng cho y nhận thuận theo công vụ, vâng nạp lễ trầu cau bao nhiêu, y xin tuân thỏa. Tôi nói rằng: Tôi vì việc chọn người, nghe thầy kham được, lại mẫn cán, trong tổng tín nhiệm nên tôi thuận nhận ký tờ bảo cử và còn phải trình bẩm đợi cấp bằng cho thầy tận tâm công vụ, đó là đền đáp ơn tôi, tôi không thích tiền, không biết sách nhiễu. Y mỉm cười rồi lạy lui ra.

Ngày mồng 10 tiếp được tờ sức đem ấn kiểm và nha lại lên tỉnh kê khai tu bổ sổ bộ đình điền. Tôi nói: Tu sửa sổ bộ đình điền thì phải thân hành khám xét số tăng, số giảm, sau đó định ngạch thuế mới được công bằng thích hợp. Nay sức lên tỉnh kê khai sổ bộ chấp bằng như thế thì sổ bộ này làm sao đủ chuẩn xác, cần phải thảo tờ bẩm xin đi hành hạt xem xét, đến [67] thượng tuần tháng sau sẽ biên soạn xong đệ lên. Việc sức khai như thế chỉ là lấy sổ bộ năm trước chép thành sổ bộ năm nay.

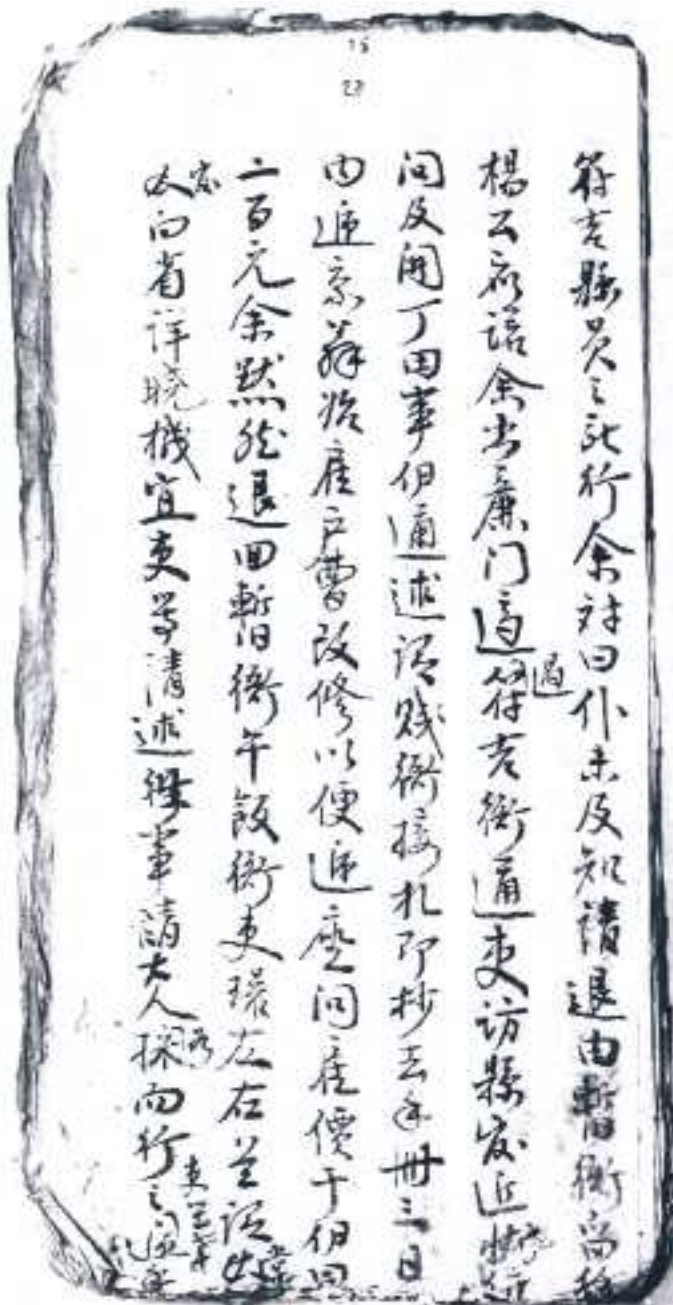
Từ sau ba ngày tết, mẹ tôi dường như có se mình, nhưng vì kiêng kỵ đầu năm mới nên không chịu uống thuốc. Đến ngày mồng 8 mới mời thầy thuốc khám và dùng thuốc. Mỗi ngày càng đỡ hơn. Tôi nhìn thấy vẻ mặt mẹ hơi mệt nhọc nên xin mẹ nằm nghỉ. Tôi ra công đường chốc lát rồi vào hầu. Mẹ tôi bảo rằng hầu cận tả hữu đã có mục huyện thay thế, con hãy theo thời giờ mà ngồi tại công đường giải quyết công việc, chớ làm thói con trẻ, khiến cho người trông xem sinh lười nhác. Tôi xin nghe lời dạy nhưng vẫn [68] không dám đi xa. Mỗi khi tỉnh đường sức xuống gấp rút tôi liền làm bẩm văn trình lên, nhưng không thấy xét kỹ, hỏi tình trạng này thì viên kiêm nhiếp huyện vụ là Hoàng Mai từng xin dinh Tổng đốc làm tập tâu đề cử, việc xong phải cảm tạ 1.500 đồng, đã nạp trước 800 đồng nhưng bộ đã bác không cho điền thế khiến cho việc càng bất ổn. Nay muốn làm khó để mưu đồ thay đổi.

Đến ngày 17 thấy tỉnh phái một viên thập trưởng đến huyện nói rằng quan Tổng đốc đã có trát bảo rằng các huyện khác đã làm xong đưa đến, duy riêng huyện này vẫn chậm trễ, nếu không đến tỉnh gấp để làm cho xong sổ bộ thì sẽ bị tham hặc chớ hối hận. Tôi thấy thói đời diên đảo như vậy, nộ khí nổi lên, bèn lui vào tư thất nằm dài than [69] thở. Vợ tôi và em họ là Báng trộm

nghe đã kể lại cho mẹ tôi hay. Mẹ đã kêu tôi trách rằng: Tỉnh đường đã có trát sức mà không chịu đến là trái lệnh vậy. Nếu như họ hà khắc đem chuyện này mà tham hặc thì ta làm sao tránh khỏi. Tôi thưa lại rằng: Con thấy mẹ đau chưa lành nên không muốn đi xa, đợi 3, 4 ngày nữa sẽ đến cũng được. Mẹ tôi bảo: Con mới ra làm quan mà đã trễ lười như thế, mẹ không vui được. Bệnh mẹ không có gì trầm trọng, đã có mụ huyện hầu hạ thang thuốc. Con không đi ngay thì bệnh mẹ khó thuyên giảm. Tôi xin ngày mai sẽ lên đường. Bèn sức nha thuộc soạn hồ sơ, ấn kiểm và bắt phu thuyền ngày mai đến tỉnh. Mẹ tôi lại [70] an ủi rằng: Con mới bước đầu cần phải giữ lời răn về quan lại: thanh, thận, cần. Đối xử với đời phải lấy lễ nhượng, trước hết trách ở bản thân mình. Người ta đối xử với mình không tốt thì không nên oán hận. Ta nếu không lỗi thì người chẳng làm gì ta được. Anh con ngôn hành thô vụng, nhiều lần răn mà chẳng nghe, nên tiên đồ trở ngại, con không nên bắt chước. Tôi vâng dạ, liền viết thư cho người thân hào đến để mời giúp thầy thuốc chữa bệnh. Thầy thuốc nói: Bệnh của lệnh bà chỉ là chứng bất phục thủy thổ, dùng năm ba thang hòa giải thì sẽ bình phục, mạch không có gì lo ngại. Tôi mới yên tâm lên tỉnh.

Đi một ngày đêm, sáng sớm 19 mới đến, liền vào hỏi thăm quan Bố chánh [71] là ngài Trần Văn Vĩ làng Thai Dương,⁽³⁵⁾ [ngài] nói rằng: Hàng năm sức khai sổ bộ đình điền, thì các phủ huyện biên soạn nội trong tuần nhật thì đệ nạp, về sau có sai sót gì thì do Hộ Tào sửa chữa bổ sung. Nay quan huyện bẩm xin đợi đi hành hạt khám xét thực thì quan Tổng đốc có ý bất bình. Tôi lui ra vào hỏi viên Thông phán Hộ Tào là Trần Đức Phương, y nói rằng: Quan huyện không lên tỉnh ngay mà chỉ khai bẩm, quan Tổng đốc rất giận. Tôi nói: Tôi đâu dám chậm trễ, hiềm việc xét khám cần phải thận trọng. Viên Thông phán bảo: Việc sổ bộ đình điền nạp hàng năm thì Hộ Tào soạn ra, các quan phủ huyện tuân theo pháp luật mà kê bẩm lên, đợi Tổng đốc phê chữ mới khỏi chậm trễ, việc này do Hộ [72] Tào thuê làm để sửa đổi. Nếu do phủ huyện tự làm thì một năm cũng không xong. Tôi hỏi: Giá thuê bao nhiêu? Viên Thông phán trả lời: Chừng một hai trăm đồng, tùy theo việc hoãn hay cấp. Tôi vào yết kiến quan Tổng đốc là ngài Dương Lâm, thấy tôi ngài cười nói: Viên huyện mới đến tỉnh ư? Tôi thưa rằng: Dạ, tôi xuất thân học trò nghèo, chưa từng làm quan lại. Việc đình điền và thuế khóa nhà nước thực là quan trọng, tôi vừa đến lỵ sở được hai tuần nhật, chưa rõ hư thực, nên phải gia tâm thận trọng, cho nên hơi chậm, xin quan lớn lượng thứ. Ngài Dương bảo rằng: Việc làm chính trị là tuân theo phép tắc, theo thời mà linh động, không nên lập dị, viên huyện giữ theo lý, câu nệ theo lệ định, sao lại không bị trở ngại [73]. Viên huyện Phù Cát lúc ấy cũng đến. Tôi thưa rằng: Tôi chưa kịp biết, xin cho tôi lui về tạm nha để lưu lại lo việc. Ngài Dương bằng lòng. Tôi ra khỏi cửa thì gặp viên thông lại của huyện Phù Cát, liền hỏi tình hình gần đây của huyện và hỏi đến việc khai sổ bộ đình

³⁵ Làng Thai Dương thuộc phủ Thừa Thiên, nằm ở hai bên cửa biển Thuận An, gồm hai làng Thai Dương Thượng và Thai Dương Hạ, đều thuộc tổng Vĩnh Trị. Hiện nay, làng Thai Dương Thượng và giáp Thượng làng Thai Dương Hạ thuộc xã Hải Dương, thị xã Hương Trà, giáp Hạ làng Thai Dương Hạ đổi làm thôn Thai Dương thuộc thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang.



Trang 73, quyển 1, tình trạng những nhiễu trong việc kê khai sổ bộ đình, điền ở Bình Định.

điền. Viên thông lại đã thuật rằng: Nha tôi nhận được trát liền sao bản sổ bộ năm ngoái, nội trong 3 ngày thì đệ nạp. Nay mới thuê Hộ Tào sửa chữa để tiện đệ lên Tòa (Công sứ). Hỏi giá thuê bao nhiêu, y bảo 200 đồng. Tôi lằng lằng rút về tạm nha. Lúc ăn cơm trưa, nha lại ngồi quanh trình rằng: Chưởng quan lên tỉnh đã hiểu rõ cơ nghi, các thư lại đã thuật rõ mọi việc đã qua, xin đại nhân theo như thế mà làm [74]. Hàng năm đến kỳ khai, thì quan huyện trước, khi nhận được tờ sức liền lệnh cho các tổng lý, bỏ mỗi tổng chừng 100 đồng, tùy theo sổ đình điền nhiều hay ít, để lo đủ chi phí, thuê Hộ tào phỏng 100 đồng, lễ thuộc viên ở Tòa chừng 100 đồng, còn bao nhiêu sung vào bút giấy và các phí lặt vặt ở tỉnh. Nay quan huyện vừa mới đến, mọi việc chấp pháp, thì nha lại chúng tôi chưa kịp trình, sợ rằng sổ bộ biên soạn đệ nạp không có phụ ngân thì không khỏi khó khăn. Tôi trả lời: Nhân việc thuế khóa nhà nước, đã có điều sáng tỏ, tôi không làm đường lối nguy hại như thế. Các lại mục, thông lại cứ theo phạm sự biên soạn sổ bộ cốt cho sớm xong sổ nạp lên tỉnh, tòa, nếu như bị làm khó, thì

liệu mà xử trí. Trong lòng tôi đã [75] chán nản, khí giận sắp phát lộ, bèn giả cách hòa hoãn, cố giữ bình tĩnh, tản bộ trước hiên. Chợt trông thấy từ phía tây bắc một con ngựa phi nhanh đến, tựa như con ngựa thuê hôm qua. Lòng rất hoảng sợ, chú mục mà nhìn, khi ngựa đến gần thì thấy viên phụ lệ tên là Trùm Cải, càng hoảng sợ hơn. Tôi chạy đến hỏi, y báo tin rằng mẹ tôi từ chiều hôm qua đến nay, bệnh đã nặng thêm, nên bà sai đến báo tin gấp cho tôi. Lòng tôi

hoảng loạn, liền bảo viên lại mục lưu lại tại dinh Tổng đốc hai viên thông lại để làm gấp, còn tôi thì trở về ngay, ba ngày sau sẽ đến đóng ấn. Nói xong thì tên Chỉ liền đến [76] mang đầy đủ túi xách. Tôi liền chạy vào dinh Tổng đốc xin trở về. Ngài Dương có ý bất mãn nói lời làm khó. Tai tôi không kịp nghe, đã cúi đầu lui ra. Liền lên ngựa trở về. Trên đường về đến đường núi An Lạc lại gặp một viên thông lại và hai lính lệ phi ngựa đến báo rằng lúc 5 giờ chiều hôm qua, mẹ tôi đã mệnh chung. Tôi vừa nghe liền ngã xuống, kêu to lên: Trời ơi! Trời ơi! Rồi ngất đi. Các tên lại, lệ lay tôi dậy, nhưng tôi hồn bất phụ thể, họ liền nâng tôi lên ngựa. Tôi vừa đi vừa khóc. Đêm sắp tàn thì đến bến đò thôn Phú Phong, xã Vĩnh Tường, liền thấy cựu Chánh tổng bắt dân phu khiêng vồng, có đủ đèn đuốc. Qua đò ngang, y đã an ủi [77] tôi rằng: Lệnh từ mệnh số đã định, xin ngài giảm bớt đau buồn để lo việc hậu sự. Tôi chấp tay cảm tạ, nhưng miệng không nói được. Thuyền đến bờ, Chánh tổng bắt bốn tên vồng tôi trở về, Chánh tổng cỡi ngựa theo sau. Về đến nhà thấy rất đông hào lý sở tại. Tôi chạy vào tư thất ôm lấy mẹ khóc rống lên. Vợ tôi vừa khóc vừa bảo tôi các việc. Tôi mê man cứng miệng khóc không thành tiếng, chỉ lăn ra đất thổ hồng hển. Người ta lay đầu tôi kêu gọi. Viên Chánh tổng khiến vợ người lại mục đến khuyên vợ tôi thôi khóc, và nói bên tai tôi rằng: Ngài hãy giảm đau buồn để tiện lo chuyện hậu sự. Y nói đến hai ba lần [78] tôi mới từ từ tỉnh lại. Nhưng kinh hãi không biết gì chỉ chấp tay. Vợ tôi đến gần nói nhỏ rằng: Việc hậu sự của mẹ không có gì khiếm khuyết. Nay chỉ cần gấp một cỗ quan tài tốt để trở về khỏi lo ngại. Tôi hỏi về y phục, khăn mũ có mang theo chẳng? Vợ tôi trả lời đã có đầy đủ, có cả 10 chiếc răng rụng của mẹ, các viên ngọc cũng đã mang theo. Mẹ tôi hầu như biết trước nên đã sắp đặt kỹ. Tôi hơi tỉnh liền hỏi trong các viên lại mục, thông lại ai am tường việc tang, xin hãy giúp tôi. Cựu Chánh tổng liền đáp: Chúng tôi đã mượn sách Thọ Mai và đã có viên tư lễ ứng trực [79]. Ngài truyền gì sẽ lập tức tuân hành. Tôi nói: Tôi gặp cảnh nhà không may, suốt đời ôm hận, xin thầy giúp cho việc tang chu tất, để tôi tỏ lòng hiếu niệm, công ơn lo liệu tôi không dám quên. Nay xin tìm gấp danh mộc làm quan tài và vải vóc khâm liệm, chiếu theo sách để cắt cho đúng, còn ngoài ra chờ tin của anh tôi. Thông lại đáp rằng: Đã viết thư giao người đem đến huyện Hoài Ân, nhưng đi về mất 6, 7 ngày, quan bác mới đến được. Chánh tổng cũng nói: Chúng tôi và lý trưởng đã mua được hai bộ ván danh mộc và đang thuê thợ mộc làm trước công đường, xin ngài đến xem [80] chọn lấy một bộ để tiện cho thợ đóng. Tôi liền ra xem thấy ván gỗ dổi [Nguyên văn chữ Nôm gồm chữ 木 (mộc)+ 朮 (lỗ)] dày 4, 5 tấc không đều, tôi liền cho bào. Chánh tổng bảo xin y theo kiểu để làm ván thiên 5 tấc, địa 3 tấc 5 phân, bốn mặt 2 tấc 5 phân. Tôi bảo giảm đi một nửa, cốt cho kiên cố nhưng phải nhẹ để tiện đi đường trở về quê an táng, lúc đó sẽ làm thêm quách dày. Chánh tổng nói: Các thân hào, lý dịch, chánh tổng trong huyện hạt xin lưu lại để báo cho 4 tổng đến ngày mai tề tựu ký đơn bẩm lên Tỉnh, Tòa y theo kiểu thức dày dặn để đóng quan tài lo việc tang sự của mẹ tôi và xin chiếu theo trát thư mà thi hành cùng xin tìm thầy chọn đất hậu táng [81], an ủi tấm lòng hiếu thảo của tôi. Cũng xin tôi lưu lại để thỏa tình kẻ dưới. Tôi nói: Các thầy đã lo lắng việc này khiến cho tôi chịu tiếng không đẹp, tôi

đến huyện chưa làm được một việc gì, các thầy xin lưu lại khiến cho tôi cả trung lẫn hiếu đều mất, lại càng khổ tâm. Viên Chánh tổng và các hào lý đều nói rằng: Vừa xuống xe được hai tuần nhật, ngài đã hai lần có bả văn và cự lại người Tây (ngày mồng 8 có quan Tây Thương chánh qua huyện nha đòi bắt dân phu hộ tống. Tôi cất vấn không có giấy tờ của quý Tòa nên không chịu bắt. Quan Tây Thương chánh phải bỏ tiền mà thuê dân phu, nha lại và lý hào rất vừa ý; và việc bảo cử Chánh tổng). Dân trong huyện và tổng lý nghe được rất báỉ phục. Khí vũ và học thức của ngài hơn hẳn các ngài quan huyện trước. Trong thời thế này mà được ngài [82] lưu lại thì đó là phúc của dân vậy. Tất cả đều do lòng nhiệt thành của chúng tôi, xin ngài chớ ngại gì. Tôi nói: Các thầy có thịnh tình, tôi rất thâm cảm. Tôi nay đã thất chí như người gỗ, dầu có lưu lại cũng không làm được việc gì. Vả lại tôi có đại tang, đó là vận xấu, tôi không muốn gây họa hay tai ách cho dân trong huyện. Xin các thầy chớ cưỡng. Các thầy giúp cho tôi được xong xuôi việc trên đầu, đợi khi anh tôi đến thì mọi nhu phí bao nhiêu anh em tôi xin trả lại và khắc sâu lòng cảm tạ vô cùng. Các viên tổng lý cũng nói rằng: Ngài chớ lo nghĩ về việc phí tổn. Chúng tôi đã dự bị vải trắng, giấy vàng bạc, giấy hồng đơn cùng thợ mộc, thợ may [83], thợ sơn đầy đủ, còn sô sa gấm đoạn ngài cần bao nhiêu thì cho cưỡi ngựa lên tỉnh mua về. Riêng heo, rượu, gạo, đèn đuốc các hạng cũng đã dự bị. Dân huyện thành tâm cung đốn, xin ngài chớ phiền mà lo lắng. Tôi nói xin cảm tạ. Y phục khăn mũ của mẹ tôi đã chuẩn bị đầy đủ. Nay chỉ cần bắc đèn, giấy, vải để may đồ khâm liệm. Dầu, sơn, than, đất để trị quan mà thôi. Tổng lý nói rằng: Các hạng ấy đã có người tư lễ, chiếu theo sách Thọ Mai đã làm xong, xin ngài đến xem. Tôi liền vào dãy nhà lính lệ thấy mọi người đang lo việc, ai nấy đều có dáng buồn thương, tôi cảm động khôn xiết. Không ngờ [84] có việc kỳ ngộ này mới có lòng người như thế, bèn chấp tay vái tạ.

Lại trở về tư thất, tâm thần mới khá hồi phục. Bèn sức nha lại lên tỉnh bả xin phái ngay người quyền nhiếp việc huyện, cho tôi được trở về quê thợ tang. Và sai soạn ấn kiểm niêm phong giao cho lại lệ cất giữ. Xong họp vợ con làm lễ phát tang, mặc tang phục, rồi thông thả hỏi nguyên ủy. Theo lời người nhà thuật lại rằng: Tôi xuống thuyền đi chừng hơn 10 phút, mẹ tôi đã dậy ra công đường nhìn quanh, lại vào tư thất ngồi trên ghế sai đem nước ấm rửa mặt, súc miệng, rửa chân xong, sai đem cơm sáng dùng được vài miếng phởng chừng một chén. Uống trà, hút thuốc, lát sau vào trong trướng nằm ngủ. Chiều đến 3 [85] giờ thì uống thuốc, 6 giờ thì ăn cháo cá nhưng bảo là có mùi tanh, nên đòi ăn cháo trắng, ăn được một chén thì khiến dẹp. Vợ tôi khuyên mời nên ăn thêm được hai thìa nữa, mẹ nói rằng: Ta gắng ăn để an ủi lòng con. Dùng trà, thuốc xong lại ngủ. Đến chừng 11 giờ đêm, gọi vợ tôi dậy nói rằng: Bệnh mẹ đã biến, mẹ đang mệt lắm. Vợ tôi lấy tay sờ khắp thân, thấy ra mồ hôi rất nhiều, liền cho mời thầy thuốc. Chừng 2 giờ sáng thầy thuốc đến, chẩn bệnh xong nói rằng: Đây là thương hàn truyền vào kinh mạch, xin đổi dùng thang Toàn chân để điều trị. Liền cho sắc thuốc, đến 8 giờ sáng thấy mê man, nằm nói sáng rằng: Quan huyện đã về chưa, hay là đã đến kết cục rồi [86]. Vợ tôi kinh hoàng sai người cưỡi ngựa phi báo và nhờ thầy thuốc dâng thuốc. Vợ tôi mời mãi cũng chỉ húp một thìa, rồi lắc đầu phát tay không chịu. Lại đòi uống nước, vợ tôi và

các cháu cho uống một chút, lại đưa tay chỉ vào bình trà, vợ tôi rót trà Ô long cho uống một chén nhỏ, sau đó nằm yên. Đến khoảng 5 giờ chiều thì khí tuyệt. Tôi nghe tường tận, lại nằm lăn ra khóc lớn. Chánh tổng chạy vào ôm tôi dậy khuyên nên giảm đau buồn, phải bảo trọng để lo liệu việc nhà, chớ quá đau buồn. Lại kê biên các đồ khâm liệm trình xem. Tôi gượng đau buồn cầm xem. Viên thông lại dẫn người tư lễ vào trình các nghi chú lễ nhập quan. Tôi xem xong, Chánh tổng nói rằng: Tang lễ của lệnh từ, [87] chúng tôi xin cử hành long trọng. Mọi việc xin ngài sai khiến và xin ngài cho người bà con sắp xếp mới được chu đáo. Ngài đã một ngày đêm không ăn gì, sợ hao tổn quý thể, xin mời ngài dùng cơm tối để chúng tôi bớt lo. Tôi nói: Tôi không thể nuốt nổi. Chánh tổng xin dùng chút cháo, tôi gắng gượng húp một chén. Từ đó Chánh tổng và lệ mục, thông lại và Lý trưởng của làng Thượng Giang thay phiên gần gũi bên tôi để bàn việc tang, cũng là để giúp tôi bớt khóc để lo liệu đồ khâm liệm. Trị quan xong liền tôn trí ở gian giữa của tư thất, đến giờ Sửu sáng 21 làm lễ nhập quan, đến giờ Thìn dậy nắp, làm lễ phục hồn. Các thân hào tổng lý trong huyện [88] tề tựu đến khuyên tôi nên táng tạm ở đây và lưu nhiệm làm việc. Tôi khóc nói rằng: Tôi gặp việc bất hạnh, chỉ mong phò linh cữu về kinh an táng. Cho nên tôi không nghĩ việc gì khác, chỉ đợi anh tôi đến để cùng trù liệu. Ngày 27 anh họ là Phạm Hinh, con chú bác là Bảng từ huyện Hoài Ân đến, nói rằng anh cả tôi hiện đau bệnh hàn, phỏng chừng nửa tháng mới có thể đến được để phò linh cữu về kinh. Nghe báo vậy tôi rất phiền muộn. Trước đó, ngày 25 nhận được tờ sức của tỉnh nói rằng: Viên huyện vốn là sinh viên Trường Quốc Học, am hiểu Pháp văn tiện cho công vụ, Tỉnh, Tòa hiện đang trông mong. Nay cả anh em cùng bỏ quan thì Tỉnh, Tòa rất luyến tiếc, đã bàn hãy để cho viên huyện Hoài Ân theo lệ về quê lo việc tang, còn viên huyện Bình Khê thì xin nể tình ở lại làm việc, đợi phiếu của bộ mới được niêm ấn. Tôi nhận trát khóc lớn, tiếp tục bảm rằng: Tôi gặp việc nhà bất hạnh, lòng đã bán loạn, thế khó lo việc công. Xin cử người quyền nhiếp. Viên huyện Phù Cát là Võ Liêm là người siêng năng, y đã bảm lên tỉnh xin cho tôi lưu lại. Tôi cố từ. Bèn nghĩ bảm lên bộ đường, sự việc ắt sẽ ổn thỏa. Tôi liền trả lời thư nói rằng: Gia đình tôi gặp đại tang không thể đến quỳ bảm. Hiện chỉ chờ anh tôi đến liền phò linh cữu về quê. Xin được bái biệt. Lòng tôi đã quyết không thể lưu lại. Trước đó tôi đã nhờ viên Lý trưởng sở tại làm nhà tạm bên cạnh huyện đường để tiện quàn linh cữu [89]. Lý trưởng liền lo vật liệu làm một ngôi nhà vuông và 3 gian nhà bếp, bốn phía gài bằng cây. Phía trước và sau làm hai cổng gỗ, mỗi đêm bắt 10 tên phu canh trực, chia phiên trực đêm, lo việc dầu than, trầu trà ổn thỏa.

Ngày mồng 1 tháng 2 kính dời linh cữu đến quàn tạm ở đây. Tôi và gia đình, bà con dời đến trú ở đây để cúng lễ. Ngày mồng 3 viên quyền nhiếp là Hoàng Mai đến nơi. Sáng sớm mồng 4 bàn giao. Ngày 11 anh cả ôm bệnh mà đến. Ngày 13 làm lễ thành phục. Các viên tổng lý trong huyện tề tựu. Tôi hẹn ngày 20 phò linh cữu lên đường. Các tổng lý thấy chí tôi đã quyết, không dám nói thêm, chỉ xin bắt dân huyện hộ tống, lo liệu lương thực. Tôi vì mới đến lỵ sở ngần ngại không dám nhận lời, chỉ thuê 36 người dân phu, xin [90] định giá. Và xin hào lý sở tại cử một người trùm trưởng. Dân phu y số, mỗi ngày

mỗi người chỉ nhận 1 quan tiền kèm để chi ăn uống mà thôi, còn tiền công thì không nhận. Tôi nhận lời, sai làm màn lọng, dây buộc. Các tổng lý họp nhau ủy người trùm trưởng và dân phu, kê khai họ tên do tôi chấp chiếu. Ngày 15, nha lại và tổng lý sắm đủ con sanh, xôi, trứng liền, trâu rượu, hương đèn và thực ngân 100 đồng làm lễ diếu riêng. Từ đó các thân hào, tổng lý trong hạt lục tục đến làm lễ diếu, không ai vắng mặt. Theo các viên lại lệ nói rằng: Từ trước đến nay quan mới đến mà tổng lý đến yết chưa thấy được như thế, lòng người luyện cảm, tỏ rõ nhiệt thành.

Tôi và gia quyến cũng lo liệu hành trang [91], nhưng anh cả bệnh tình chuyển nặng, nhiều ngày chưa thể lên đường. Tôi lúc bấy giờ lòng đau như cắt, không nghĩ đến việc ăn uống. Một hôm vào lúc xế chiều thấy dân phu vác đến mấy chục đèn đuốc, 5 cái đó đặt sau nhà. Đến tối ước chừng 7 giờ thấy viên trùm trưởng đến nhà phân cho 4 người phu và y trực đêm, còn 6 tên mang đuốc và đó ra sông bắt cá, không ngờ đến nửa đêm họ trở về, thắp đuốc sau bếp, đem hai thúng cá ra lựa chọn, để cá sống vào một thúng [92], cá chết trữ riêng một thúng, gọi người làm bếp lại dặn rằng: Chúng tôi nghe ngài huyện cư tang kiêng thịt, mà mấy ngày qua chợ búa không có cá, quan không ăn uống được, nên chúng tôi thắp đuốc bắt cá để biếu, mong ngài ăn được. Số cá sống thì để dùng sau, số cá chết thì nướng lên. Khi nào hết cá thì báo cho chúng tôi bắt tiếp. Cách rèm chằng ngủ được, tôi nghe những lời này, lấy làm cảm kích, tự hỏi làm sao thi thố cho dân. Chỉ biết ngẩng lên trời cầu khẩn. Ở trong đời này mà có dân phong thuần hậu như thế [93] khiến tôi thề rằng ngày sau nếu như lại được cai trị thì không dám coi thường và ngược đãi dân. Ngày hôm sau nếm thử thứ cá chết này thấy còn hơn cả cá chép trên sông, không phải là ngon ở miệng mà vui ở trong lòng vậy. Lòng dân như thế thì nghĩ đến việc đời thăng trầm, dầu trong nghịch cảnh cũng không lấy làm lo vậy.

Khoảng tuần nhật thì bệnh anh cả khá giảm. Lại chọn ngày 15 tháng 3 phò linh cữu mẹ trở về. Ngày mồng 2, tôi đến tỉnh, tòa bái biệt và nhận bằng. Ngày mồng 3 đến tỉnh vào dinh quan Lãnh binh Tôn Thất Nguyên chào. Quan Lãnh binh nói rằng y nghe viên huyện Phù Cát đã thay mặt tôi bẩm lên dinh Tổng đốc xin xét tình cấp cho số bạc 800 đồng, đã được chấp thuận, [94] nhưng đợi quý đài đến hầu mới định, viên huyện Phù Cát đã gửi thư gấp báo ngài sẽ đến, nhưng chờ đợi tuần nhật mà không thấy đến, bèn bàn bạc phái người tạm thay thế, vì có gì mà ngài lại sơ suất như vậy. Tôi nói: Đó là mong ước của tôi, nên không dám đến. Đại nhân và viên huyện Phù Cát đã có tình thương thì xin cảm tạ, cho nên lần này đến là để cáo biệt và ghé tỉnh, tòa. Hôm đó lại quay thuyền về bến Lô, sáng hôm sau về tới nhà. Vâng lời anh cả dạy rằng: Nay việc phò linh cữu về em đã chỉnh bị, nên từ bến lý sở trở về quê thì phí tổn do em lo liệu ổn thỏa, còn về đến nhà ở kinh làm lễ an táng, thì tất cả các lễ do anh chủ trương [95]. Tôi xin tuân mệnh. Ngày mồng 10 anh cả đi trước về Hoài Ân để đem gia quyến đợi ở bến đò phủ Hoài Nhơn. Tôi kiểm trong túi không đủ lộ phí, nên nhờ em là Bảng đem thư đến vay ở viên huyện Phù Cát, được hứa cho vay 200 đồng.

Sáng sớm 15 từ biệt hạt Bình Khê, phò linh cữu lên đường. Nha lại và tổng lý đưa đến địa đầu huyện An Nhơn vào nhà tạm, do các tổng ở Bình Khê trình xin tạm dựng. Phủ đường An Nhơn dẫn nha lại đến cúng lễ tịch điện xong, thì 3 viên lại lệ và 5 viên tổng lý ở lại chờ ngày mai đưa đến Phù Cát, còn lại đều trở về. Lúc tiễn biệt đôi bên đều ứa nước mắt, bàng quan cũng nhiều người than thở.

Ba giờ chiều [96] ngày 16 đến huyện đường Phù Cát, đã được làm nhà tạm bên huyện lỵ, trần thiết kỷ án, màn trướng nghiêm trang, cấm lọng tàn đàng hoàng. Huyện quan dẫn lại lệ đem sanh xôi, trầu rượu, liễn đèn làm lễ tịch điện xong, mời tôi và gia quyến vào lỵ sở lưu trú một đêm, nói chuyện ân tình và biếu 150 quan, tôi từ tạ, chỉ xin tạm vay. Sáng hôm sau rời huyện đường. Từ đó mới trở về quê, qua các huyện Phù Mỹ, Hoài Nhơn và các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam đều theo đường cái quan. Dọc đường, tại các phủ đường, huyện đường có nhiều thân hữu đứng chờ thăm diếu. Chiều ngày 26 về đến bến đò Cao Đồi,⁽³⁶⁾ thuê thuyền rước về [97]. Sáng ngày 28 đến bến Mộc Hàn,⁽³⁷⁾ thân hữu tề tựu nghênh đón, thấy tôi đều than thở. Lúc đó tôi khóc không thành tiếng, như ngây như dại. Nghỉ ngơi hai ngày xong, các dân phu Bình Khê xin từ tạ trở về, tính ra hành trình đưa linh cữu mất 16 ngày, mỗi ngày ăn tiêu 37 quan, cộng 592 quan. Tôi bèn giao 90 đồng (nguyên giá bạc mỗi đồng là 7 quan), trị giá tiền 630 quan. Họ không chịu nhận hết, [98] mà xin trả lui 5 đồng. Tôi nói rằng các vị hộ tổng linh cữu mẹ tôi, cho tôi được làm con hiếu, trải qua núi khe lặn lội đường sá đã hơn nửa tháng nay đi đường ổn thỏa. Vả giữa đường đêm hôm lo canh trực quả là đã rõ lòng tốt, nay tôi xin trả đầy đủ và thêm hai, ba mươi đồng tiền thưởng mới thỏa lòng tôi. Nhưng vì lực bất tòng tâm nên chỉ phụ thêm chút ít để các vị tiện mua quà ở kinh đô về tặng vợ con. Xin các vị nhận cả cho không ngại gì. Họ lại cố từ chối mà nói rằng: Ngài không nghe dân huyện, đã tự cấp lộ phí, dân huyện không thể không tuân. Nay chúng tôi được toàn huyện cùng ủy, không dám làm trái lời hẹn trước. Chỉ mong quý [99] thể mạnh khỏe sau này nếu được trở lại nguyên lỵ, cho dân huyện chúng tôi được an ủi lòng khao khát trông mong [100], chỉ xin nhận 50 miếng cau khô và lá trầu dùng đủ vậy.

Lúc đó Tá lý Bộ Công là ngài [họ] Võ người Thạch Bình và thông gia [của mẹ tôi] là bà tiết phụ họ Nguyễn ở Xuân Tuyền thấy dân phong như thế đã hết lời khen ngợi. Ngài Võ bảo tôi rằng: Dân tình yêu mến như thế sao chẳng biết tòng quyền, theo tình nghĩa lưu nhiệm, mới đáng là cháu ta, tiếc thay cho tương lai của cháu. Tôi thưa rằng: Cháu tự hỏi tội mình đã quá nhiều vậy. Nếu như tham luyến danh lợi, không thể phò linh cữu về kinh an táng, thì tội của cháu trời đất không dung, còn kể gì thân của cháu nữa. Võ công nghe thế bèn chảy nước mắt [102]. Ngài kể lại hành trạng trước đây của cha tôi cho anh cả, rồi

³⁶ Bến đò Cao Đồi “Ở phía nam huyện Phú Lộc [phủ Thừa Thiên]; từ bến Cao Đồi về phía bắc đến bến Gia Hội [Kinh thành Huế], trước gọi là đò dọc Khúc Tượng; năm Minh Mệnh thứ 11 đổi tên hiện nay”. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997, tr. 185.

³⁷ Mộc Hàn là tên cũ của làng Xuân Hòa, xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy, đối ngạn với làng Lại Thế, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang.

nói rằng: Tang sự của mẹ các con có thể thống, khiến người bội phục, xét việc thờ mẹ chân thành, xử sự trong nhà hết lòng hữu ái, bào đệ của con đã lo tận lễ, tận thành, tôn tộc và xóm làng đều khen ngợi là hiếu hữu. Nay vẫn còn một lòng thơm thảo.

Người con trai của Võ công là Tú tài Võ Bút lại là bạn thân của tôi, nói riêng với tôi rằng: Bạn đã làm tròn phận sự người con, trời ắt sẽ soi xét chẳng, việc tuân hoàn chớ quá lo lắng. Anh rể là Quản giáo Hoàng Trung Khanh [Hoàng Thông] bảo tôi rằng: Anh thường ngày dạy em về cái học văn chương, nhưng nặng nhất là cương thường. Nay em gặp biến cố này mà có thể quyền biến khinh trọng, làm được như thế không phụ điều dạy dỗ của anh [103], còn gì phải hối hận nữa.

Thầy và bạn bè cũng đến an ủi tôi. Gặp lúc Trợ giáo của Trường Quốc Học là Đào Tử Viên đến thăm nói rằng: Vâng mệnh ngài Chuởng giáo Ngô-Đê-Mân⁽³⁸⁾ (quan người Pháp) ủy đến thăm an ủi việc buồn. Ngài nghe tin anh trở về quê thọ tang, sợ rằng cư tang lâu ngày buồn bã không khỏi quên chữ Pháp, ngài lấy làm tiếc, nên đã xin với quý Khâm sứ đại thần bàn cho anh được trở về trường học lại để tiện đợi bổ. Ngài đang mong gặp mặt, anh nên đến thăm. Tôi trả lời rằng: Quý quan đã yêu đệ quá, đệ khôn xiết cảm kích [104], hiềm vì chưa an táng mẹ, chưa dám đường đột làm phiền. Tiên sinh trở về kinh, đệ xin gửi lời chúc quý quan khỏe mạnh, xin đợi sau khi an táng xong xuôi, sẽ đến lạy xin thỉnh giáo. Đào công uống trà, hàn huyên đến nửa trưa thì cáo từ. Tôi lại bàn bạc với anh rể là Hoàng Thông nếu như trở lại nhập học thì có gì dị nghị. Anh rể nói rằng: Vào học và làm quan có sự khác biệt, nhưng em chớ quá câu nệ. Tôi trả lời: Hãy để đó từ từ rồi liệu. Anh cả làm Tự thừa⁽³⁹⁾ bảo đến mời ẩm sinh tọa giám là Nguyễn Xuân Chiểu ở làng An Thuận,⁽⁴⁰⁾ chọn được cuộc đất tốt ở dưới chân núi Ngũ Phong, làng An Cựu [105], ở phía đông cách mộ cha một hòn độn nhỏ, chọn ngày 26 tháng 4, giờ Thân làm lễ an táng. Tôi đã phò linh cữu đến huyết, đắp nấm xong liền xin lưu lại ở lều bên mộ để đôn đốc việc bồi đắp mộ phần. Ba ngày sau các anh chị đến làm lễ mở cửa mả. Lễ xong cùng nhau trở về. Vào nhà không thấy bóng mẹ, lòng đau xót lệ tuôn trào. Ra vườn tẩn bộ một vòng đến bờ tre, nhớ lại lời mẹ dạy từng hứa cho tôi nhà ngang và miếng vườn này để cư trú, hương khói phụng thờ cha mẹ, nghĩ đến việc làm riêng ngôi nhà, bèn đem cau trầu rượu trình với anh cả và chị dâu để làm ngôi nhà ở trong mảnh vườn nhỏ. Lúc đó các chị gái và anh rể đều tán thành [106]. Anh cả thuận cho. Khi đó kiểm điểm trong túi chỉ còn 16 đồng bạc. Sáng hôm sau anh họ là Phạm Duy lên làng Nguyệt Biều mua một ngôi nhà vuông nhỏ, giá 8 đồng bạc đem về và mua thêm vật liệu. Lại còn có số thóc trữ từ trước hơn trăm thúng, trị giá bạc trên dưới trăm đồng, cũng đủ chi dùng. Vợ tôi trình với chị dâu cả xin nhận lại số thóc đó xay ra gạo để bán lấy tiền thuê thợ nhanh chóng làm lễ thượng lương và lợp mái. Số thóc nhận được 3 lần được 15 thúng,

³⁸ Túc Edmond Nordemann, Hiệu trưởng Trường Quốc Học lúc bấy giờ.

³⁹ Một chức quan trông coi phủ thờ, nhà thờ.

⁴⁰ Thời Nguyễn thuộc tổng Hương Cẩn, huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên.

đến lần thứ tư xin nhận thì chị dâu nói rằng: Gần đây vì việc tang ăn đã gần hết, còn một nửa là tiền công nên tiền bán [107] thóc đã hết. Cơ hồ phải bó tay vô kế khả thi, vợ tôi định đem số nữ trang đi bán. Gặp lúc bà thím đến thăm, tôi đem hiện tình tỏ thực. Thím nói rằng hãy đến thím cho vay, chứ đừng vội bán nữ trang. Lại dặn dò làm nhà cho hoàn chỉnh, nếu thiếu lúa bao nhiêu thì thím sẽ cho mượn đủ dùng, đợi sau này được bổ sẽ trả lại. Tôi thưa rằng: Xin mượn chừng 50 đồng trở xuống, chứ không dám tiêu phí nhiều. Thím bảo đâu mượn đến trăm đồng, ta cũng vui giúp cho cháu yên lòng xây dựng cho sớm có căn cơ, chớ ngại. Thím khiến vợ tôi theo về để lấy bạc và còn dặn dò phu thợ hãy làm siêng năng, chớ khá lười biếng [108]. Làng họ cũng giúp công khá nhiều, hơn tuần nhật may được tạm hoàn thành, liền lên từ đường bái biệt anh cả và chị dâu để đến ở nhà mới.

Chị gái và anh rể Quán giáo đến thăm, hỏi tôi đã đến yết kiến quý quan Chưởng giáo chưa. Tôi thưa chưa. Anh Quán giáo nói rằng người ta đã có thịnh tình, ta không nên lãnh đạm. Tôi nói: Đến thăm thì ông ta ắt nói đến chuyện vào học lại, việc này cũng là mong ước của em, nhưng em chưa muốn đi. Anh bảo: Việc học lại là đúng với danh nghĩa, không ngại ngần gì. Em sao chẳng biết quyền biến. Người xưa cư tang chỉ bỏ đàn cầm đàn sắt, chớ chưa từng sao nhãng việc đọc sách. Đi học lại cũng là việc vô hại, lại còn có ích, em [109] hãy nghe lời anh. Tôi dạ. Chị lại khuyên rằng: Nay tang mẹ đã xong tuần tốt khóc [100 ngày], em hãy đến thăm các vị Chánh, Phó Chưởng giáo, các vị Trợ giáo và các viên chức ở phòng Khoa mục. Việc tang của mẹ, họ đã đích thân đến hoặc cử người đến điếu, thì ta chớ phụ thịnh tình của họ. Chị nghe nói họ đều có lòng yêu mến em, mong em vào học, em còn nghi ngại gì. Tôi nói: Hãy cho em nghĩ kỹ lại. Hôm sau tôi đến thăm quý quan Chưởng giáo Ngô-Đê-Mân tại giảng đường, quý quan đã cầm tay tôi than thở hỏi thăm nguyên ủy. Tôi gạt lệ kể lược qua. Quý quan an ủi tôi rằng: Thôi đừng nói việc đã qua. Vài tháng qua tôi đã sức [110] Kiểm khán viên ghi họ tên của quan huyện vào danh sách sinh viên của phòng Khoa mục, hẹn ngày mồng 1 tháng này chi phiếu làm đầu (Tây lịch là mồng 8 tháng 6). Tôi nghe lệnh từ đã được an táng rồi, anh hãy đến trường học tập. Tôi thưa rằng: Tiên sinh đã thương xót như thế, trò xin ghi khắc cảm tạ không bao giờ quên. Riêng trò từ khi được bổ, việc công tất bật, lại gặp cơn gia biến, đi lại nhọc mệt, tinh thần khí lực không được như trước, xin đội ơn lượng xét cho trò được đến trường ghi chép bài giảng, nhận lãnh đề bài về nhà ôn luyện làm văn, mỗi tuần hai lần đến nạp, mới có thể tuân mệnh được. Nếu trói buộc theo [111] đúng quy trình như trước thì trò khó mà kham được. Quý quan đáp rằng: Bổn chức và quý Khâm sứ đại thần yêu tài của anh, thương cảnh ngộ của anh nên đặt ra cách này để giải nỗi phiền muộn cho anh, chỉ muốn cùng anh trò chuyện để anh khỏi quên tiếng Pháp vậy, chứ không làm khó anh, nên thuận theo ý muốn của anh, nhưng anh phải đến trình với quan Phó Chưởng giáo biết. Tôi cúi đầu cảm tạ vâng mệnh, đến phòng Khoa mục thăm Phó Chưởng giáo Ngô Đình đại nhân,⁽⁴¹⁾ thuật lại lời đối đáp của tôi với quan Chưởng giáo, đại nhân nói rằng: Tôi cũng cùng ý này, mỗi khi gặp quý

⁴¹ Túc Ngô Đình Khả.

Khâm sứ đại thần và quý quan thường nghe khen anh là thông minh, cần mẫn, thông hiểu chữ Pháp, anh từ tốn khi ứng đối [112] còn Ứng Đồng lời nói cương nghị, kiến thức anh thực hơn hẳn. Tôi đã dặn dò Võ Liêm hễ khi được thăng thì trình xin tĩnh, tòa hoán đổi anh về Phù Cát để tránh nước độc, không ngờ kế tôi chưa thành, anh đã rời Bình Khê, chẳng phải là thời vận ư. Anh ở đó đã không lỗi gì, lại từ khi trở về ôn cũ biết mới, rộng đường nghe thấy, ngày sau lại xuất chính sẽ được đầy đủ hơn. Tôi cảm tạ rồi ghé thăm các bạn đồng học, hàn huyên chốc lát. Giờ tan học, tôi trở về nơi ngụ của anh chị thuật lại việc mong ước như nguyện, anh chị rất vui, lưu lại dùng cơm trưa, đến chiều mới về nhà. Bèn soạn sách vở, bút mực Tây Tàu, không ra khỏi sân nhà mà lòng ngao du trời đất [113], quan dạng mà thư sinh, bên song học tập.

Từ ngày ấy, ban ngày tu bổ vườn tược, đêm làm bạn với đèn sách. Con trưởng là Tập tuổi gần đội mũ, dạy cho chuyên theo Hán tự, dần thông hiểu sách. Vợ thì quay tơ dệt vải, trở lại nghề cũ, yên vui với cảnh nghèo. Tiếng đọc sách hòa lẫn với tiếng khung cửi. Ngồi không mà theo Tây học, vẫn duy trì Hán tự. Anh họ là Hộ Thang chưa có vợ con, vườn nhà bán hết, tôi mời về cùng ở, khuyên ngăn thói buông thả, tập luyện cần lao. Khi thì giúp vợ tôi bửa cau, khi thì trông rau quả. Tôi thấy trước anh họ không thể không gượng gạo, vẫn thích rong chơi. Vài tháng [114] luyện tập cho thường, từ đó vườn rau xong việc. Vợ tôi lại lâm bồn sinh một gái. Tôi lại nhàn cư vô sự, bèn sắm một chiếc thuyền nan nhỏ, mỗi ngày cùng nhau buông câu bên sông, chiều mới trở về đọc sách, dạy con. “Giang hồ mãn địa nhất ngư ông”. Tiên bối Tôn Thất Lan, người hệ 7 lại giỏi câu cá, nguyên là Tri huyện Bình Khê cáo về, lâu vẫn chưa được bỏ lại, cũng thả thuyền câu trên sông. Một hôm cùng câu trên sông Mộc Hàn,⁽⁴²⁾ buông câu lâu mà chưa thấy cá cắn câu, tôi đùa ngâm một bài tứ tuyệt rằng:

*Hàn thủy lão ngư năng biện vị,
Bình Khê cựu doãn nhĩ câu giai.
Hiệu nhân tủng hữu phan nhĩ thực,
Mạc viết du nhiên sở đắc tai.*

Dịch:

Nước lạnh cá già thường biết vị,
Bình Khê Tri huyện có môi thơm.
Theo người nếu có nấu đem chén,
Chớ nói tự nhiên mà được a !

Viên huyện ấy [115] đầu đội nón lông, tôi thì mang theo bình thuốc lào. Tôi đọc miệng thành ra một bài thơ tứ tuyệt rằng:

*Phiêu nhiên vũ lạp dữ yên bình,
Quan dạng tương tùy điệu đĩnh khinh.
Quả điếu ư ngư, ngư tính luận,
Bình Khê vãng sự thả hư bình.*

⁴² Tức sông Xuân Hòa, còn gọi là sông Như Ý, thuộc địa phận hai huyện Phú Vang và Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Dịch:

Bình thuốc với nón lông phát phơ,
Dáng quan mà chèo ghe ai ngờ.
Câu cá lại bàn về tính cá,
Chuyện cũ Bình Khê lại hững hờ.

Có lúc cá thừa ăn, huyện Lan lại than thở trước mặt tôi. Tôi lại đùa, ngâm một bài tứ tuyệt:

*Dư triêu xuất cổ thuyền điếu ngư,
Mộ hồi độc thư giáo tử đồ.
Huynh tắc chỉnh bị nhu điếu cụ,
Trúc can cát thiết câu thức ngư.*

Dịch:

Sáng ta gõ trống xuống thuyền câu,
Chiều về đọc sách dạy trẻ con.
Anh thì chuẩn bị đủ dụng cụ,
Cần trúc, lưỡi sắt câu cá ngon.

Tôi được học bổng 10 đồng, lãnh về giao cho vợ, trích lại 3 đồng để dùng làm nhu phí thù tạc, và chuẩn bị hào soạn cúng mẹ vào ngày rằm, mồng một. Từ khi tôi làm nhà xong, gặp ngày kỵ của bà ngoại, tôi thiết giường thờ [tự sàng] trình với anh cả xin làm lễ kỵ ở nhà tôi. Đó là tuân theo lời dạy của mẹ vậy. Anh cả cũng cho tôi đặt lư hương thờ vọng mẹ để tiện hôm sớm thắp hương [116]. Lúc còn sống mẹ tôi mỗi kỳ rằm soạn một vài chén dâng cúng. Còn rằm tháng Bảy thì giảm vì bận việc lại còn lo mua bán. Thường ngày vào sáng sớm phải đi lên làng An Ninh đến các nhà bà con mua mấy chục tấm vải đem về chợ Nam Phổ bán xong mới mua thức ăn, hàng năm lo lắng cho một gia đình 8 miệng ăn chưa từng thiếu thốn. Tôi vốn chịu khó kiệm ước nên gia đình có chút dư thừa. Nhìn lại lo lắng trong cảnh nhà, lúc học, lúc đi câu di dưỡng tính tình, cơ hồ quên nghĩ chuyện giàu sang. Không ngờ tạo vật có lúc chuyển biến bĩ cực sang thái lai.

Một hôm đi câu quên đem mồi câu, đến chỗ câu mới biết, bèn đậu ghe bên bờ Vân Dương, tục danh Lò Trâu, người anh [117] đi bộ trở về lấy mồi, tôi ngồi trên ghe đợi, thấy cá ngoi lên hớp nước rất nhiều, gặp lúc một người phụ nữ xuống bến sông rửa tôm, tôi chèo ghe đến xin một con tôm, người đàn bà ấy ném cho. Tôi chia mồi làm hai, thả hai cần câu, cá chưa ăn mồi nên lấy bình thuốc lào ra hút, chợt cần bên trái cá giựt, tôi vội chuyển mình kéo cần, ghe lật tôi rơi xuống nước, may mà còn bám được mũi ghe thoát khỏi chết đuối. Đồ dùng trong ghe đều mất sạch, bị Hà Bá thu hết. Tôi chỉ lạng lẽ dựa ghe đợi cứu. Nơi này có một bụi tre lở xuống còn đứng giữa dòng. Gió thổi ghe tạt vào bụi tre, tôi níu thân tre mà lên. Áo quần dầm nước. Lát sau người anh mới đến, chợt thấy [118] vậy liền hô hoán. Tôi ngăn lại khiến chớ ồn, liền khiến vào trong làng tìm tên Thanh (y vốn biết tôi) đến, nhờ y bơi ra vớt ghe, đem lại đưa tôi vào bờ. Y mời tôi về nhà, nhưng tôi bảo y chạy về ôm bó rơm ra đốt, tôi hong áo quần cho ấm, rồi nhờ y thuê dân chài lặn tìm bình hút thuốc, hộp

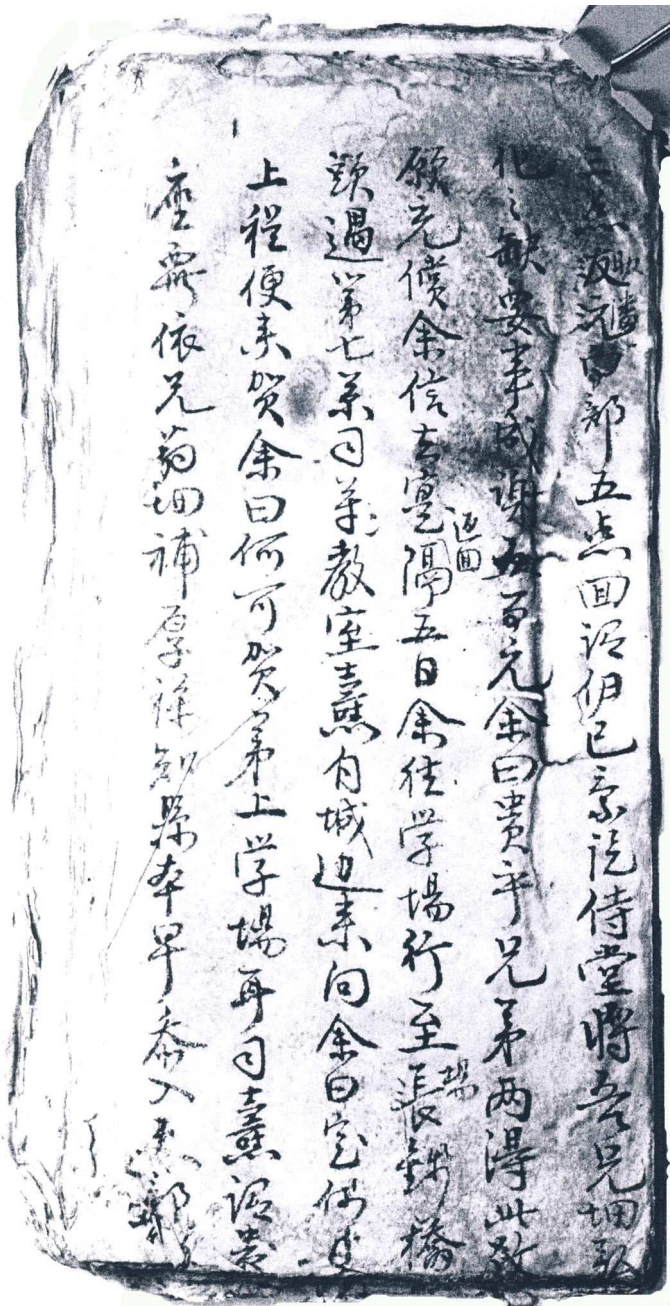
đồng và các đồ vật xong, chỉ còn cái bình đựng nước, phía ngoài có cái lồng ấp bằng mây bị nước chảy cuốn đi mất. Tôi không muốn người trong nhà biết thêm sợ hãi nên vẫn ở cầu như thường, đến chiều mới trở về. Tôi dặn người anh chớ tiết lộ. Hôm sau vẫn đi cầu. Vợ tôi tìm cái bình nước [119] không thấy, hỏi đi hỏi lại, anh tôi bất đắc dĩ phải nói thực tất cả. Vợ tôi sợ hãi, ngăn tôi chớ đi, tôi chẳng chịu nghe, vợ tôi liền bám với thím. Thím đích thân đến can ngăn không cho đi. Tôi nói: Ở rồi rảnh không việc, sợ sinh tật bệnh. Thím nói: Cho thím mượn tạm chiếc ghe, vừa nói vừa khiến gia nhân vác về, sau đó đem bán đi. Tôi không biết làm sao, đành bỏ cầu. Chừng tuần nhật, tôi quá phiền muộn, giảm ăn, thân thể gầy còm, mệt nhọc. Phu nhân của chú là Tổng đốc Nam Ngãi [Tôn Thất Hân] đến thăm, nghe rõ nguyên ủy. Cách mấy ngày, phu nhân đến lý sở thuật lại với chú. Chú gọi cho lộ phí và gọi tôi y ngày vào lý sở, cùng chú đến chùa ở Ngũ Hành Sơn xem trai đàn [120], chờ ngự giá đến để chúc thọ và đi trong tỉnh hạt xem phong tục. Trước hội lớn như vậy, nên vào xem để chú gặp gỡ trò chuyện, tiện ủy cho các việc trọng yếu ở từ đường. Vợ tôi cũng khuyên tôi đi để hít thở không khí biển. Tôi cùng với môn sinh là Lê Trác đáp chiếc thuyền máy nhỏ [Nguyễn văn: tiểu hỏa thuyền] hiệu Phi Hùng đến Đà Nẵng, lại đáp thuyền bông đi Quảng Nam. Ở hầu vài ngày, lại theo chú đi Đà Nẵng đón ngự giá, lại chuyển đi chùa ở núi Ngũ Hành xem trai đàn.⁽⁴³⁾ Tôi được xem khắp các động, đài nổi liền trên dưới, chim núi cá khe bay nhảy, nghe tiếng kinh kệ hòa lẫn tiếng sóng mênh mông, nhận ra tiếng chuông tiếng trống. Lối mòn mấy dân làng qua lại, rong ruổi nơi đường sá. Cảnh núi vắng vẻ u nhàn khiến người giải tỏa phiền muộn. Ở lại một ngày mới được thỏa ý. Hoàng đế Thành Thái ngự giá, trú tất ở công quán tại Đà Nẵng, ngài có hành vi mất phép tắc như ban đêm cưỡi ngựa sai nội cung cải nam trang cưỡi ngựa theo, ngược đãi [121] phụ nữ Tây, làm mất sự thể. Tại đây nhân dân tụ tập bàn luận, tôi chẳng muốn nghe. Bèn cáo từ trở về. Chú bảo rằng: Gần đây đã có nghị định quan lại thọ tang chỉ được trở về quê 12 tháng, rồi bỏ lại. Cháu ta giữ tang chế đã hơn năm rưỡi, nên do bộ bắt ra làm việc, chớ khá ở nơi cùng tịch đeo sầu. Tôi bèn đáp dạ. Trở về cũng điềm nhiên.

Chưa lâu thì quận công Nguyễn (người Thạch Trụ) đi sứ Tây về đến Đà Nẵng,⁽⁴⁴⁾ chú tôi đến đón, sắm đủ lễ tạ thần biển, khoản đãi tốt đẹp. Quận công rất vui, trong lúc trò chuyện hỏi đến gia quyến, chú tôi nói rằng: Hệ chúng tôi đến nay chưa có khoa giáp, gần đây có cháu [122] là Tôn Thất Đàm trúng cử nhân, phá khoán vậy. Cháu có tài, đội ơn được bổ Tri huyện Bình Khê vừa được một tháng, thì có tang mẹ, trở về quê nay đã đến hạn, ngưỡng cầu đại nhân chiếu cố. Quận công hứa đợi về bộ sẽ cho sung phủ huyện, khi khuyết sẽ điền bổ (đoạn này về sau nghe chú tôi kể lại). Đến khi trở về bộ, quan triều đến chúc mừng. Phó Chuông giáo Ngô Đình đại nhân cũng có dự ở

⁴³ Ngày 10 tháng 3 năm Nhâm Dần, Thành Thái thứ 14 (1902), “vua hầu từ giá tới núi Ngũ Hành tỉnh Quảng Nam duyệt lâm, chuẩn tụng kinh ở chùa Tam Thai ba ngày... Ngày 18 hồi loan...”. *Thực lục Đế lục kỷ phụ biên*, Sdd, tr. 383.

⁴⁴ Phái đoàn đi sứ sang Pháp do Nguyễn Thân dẫn đầu, đi từ tháng Giêng, về đến Đà Nẵng vào tháng 4 năm Thành Thái thứ 14 (1902). *Thực lục Đế lục kỷ phụ biên*, Sdd, tr. 379-381.

đó. Tại chỗ tiếp, nghe quận công nói rằng: Các quan Tham tri, Thị lang ở Bộ Lại có ghé Đà Nẵng, gặp quan Tổng đốc Quảng Nam có gửi nhờ chuyên viên huyện Bình Khê Tôn Thất Đàm, nếu có huyện nào khuyết, hãy đem điền bổ. Quan Tham tri trình rằng: Chỗ khuyết đang có nhiều, đợi tướng [123] công về xong, sẽ trình điền. Quan Thị lang Hồ Văn Phúc trình rằng: Tôn Thất Đàm chưa có đơn bẩm, không biết viên ấy có muốn bổ không? Ngô đại nhân liền theo đó nói rằng: Y hiện vào trường tôi học lại, tôi trở về sẽ sức y làm tờ bẩm, chứ sao lại không muốn. Thị lang Phúc lặng yên. Quận công truyền cho y một chỗ khuyết. Ngô đại nhân trở về trường gọi tôi sức lập tức đến bộ dâng bẩm. Tôi thưa rằng: Lần này trò bẩm xin trở về quê trọn tang, nay chưa hết hạn mà vội bẩm sợ có điều bất tiện, xin cho ở lại học, đợi hết tang phục. Ngô đại nhân giận mà nói rằng: Anh ở thời nay mà cứ câu nệ cổ tục, hiện nay có nhiều người đợi bổ, nghe có một chỗ khuyết [124] lập tức đem ngàn vàng lay xin, cúi mình lê lét vẫn còn sợ mất chỗ. Anh nệ tục tự cao, quận công sẽ phạt ý. Há dễ dàng được Tổng đốc Nam Ngãi đón biết thời thế, vì anh mà xin thay. Nay anh không chịu bẩm, thì mất cơ hội này, không khỏi phụ ơn của Tổng đốc sao? Có hiếu cũng phải nhiều cách, anh nay không thể đợi nuôi. Như được bổ quan, thăng đến ấn hàm, phong tặng cha mẹ, nêu tên vinh hiển cha mẹ, hiếu có gì lớn hơn thế. Còn như anh muốn làm kẻ giang hồ nhàn dật, không thành nhân vật bậc gì, lòng của cha mẹ được yên chẳng. Hãy nói chuyện gần [125] đây. Nghe anh khi trở về có tạm mượn của Võ Liêm một số bạc, nếu như không thể sớm trả, thì lòng hiếu của anh có thỏa chẳng? Tôi nghe Ngô đại nhân biện luận hùng hồn, bèn xin thưa rằng: Tiên sinh thấu rõ ẩn tình, dạy dỗ tận tình, trò xin trở về làm đơn nhờ viên từ hàn dâng bẩm có được chẳng? Đại nhân nói rằng: Không thể đợi trở về, anh nên ghé Phòng Từ hàn viết đơn nhờ viên ấy đến tôi chỉ thị. Tôi đưa bản thảo đơn, đợi viên từ hàn là Cửu Huyền viết tinh xong, đem trình Ngô đại nhân. Ngài dặn Cửu Huyền 2 giờ chiều thu đơn đến Bộ Lại, trước vào dinh Tham tri, sau đến quan lớn Bộ trưởng đợi phê xong, lấy các chữ “Thị tá” rồi đệ giao cho Ấn Ty, lấy biên lưu chiếu. Như có người nào hỏi đến viên huyện, nói rằng viên ấy đang phải học tập. Tôi cúi đầu cảm tạ, ra về. Cách mấy ngày, đến nơi ở của anh rể Hoàng Thông, gặp Trợ giáo Phan Hữu Nguyên từ bộ trở về, nói với tôi rằng: Bộ Lại đã đem anh và anh cả là quan huyện Hoài Ân điền khuyết huyện Hậu Lộc và tập tâu của tỉnh bàn về việc Phan Đức Thịnh. Tôi nói: Sợ không khỏi cười chê là quá tay. Anh rể nói rằng: Điều ấy là từ bộ, anh chỉ nghe qua mà thôi. Chị nói: Anh cả tính nóng giận, sợ em bị trách oan. Tôi lại nói: Nếu như quý Tòa hứa cho người khác, em có thể khỏi bị trách. Trợ Phan bảo rằng: Trong ba người chỉ có anh [127] là lý lịch rất tốt. Quý Khâm sứ từng đã chú ý, ắt sẽ có phiếu cho anh. Tôi lại hỏi: Đã đem ra bàn chưa? Trợ Phan nói: Hiện đang bàn thảo qua. Tôi nói: Anh có kế sách gì để cho tôi được điền khuyết chỗ khác. Tôi chỉ mong anh em được tách riêng để bàn chọn chỗ khuyết nào đó. Trợ Phan nói rằng: Phải xin với quan Thị lang mới được. Tôi nhờ Trợ Phan thay mình xin. Trợ Phan lại nói: Quan Thị lang đòi cảm tạ bằng tiền của, ắt phải xin cảm tạ ít nhiều, nếu chỉ xin suông thì sợ vô hiệu. Tôi nói rằng:



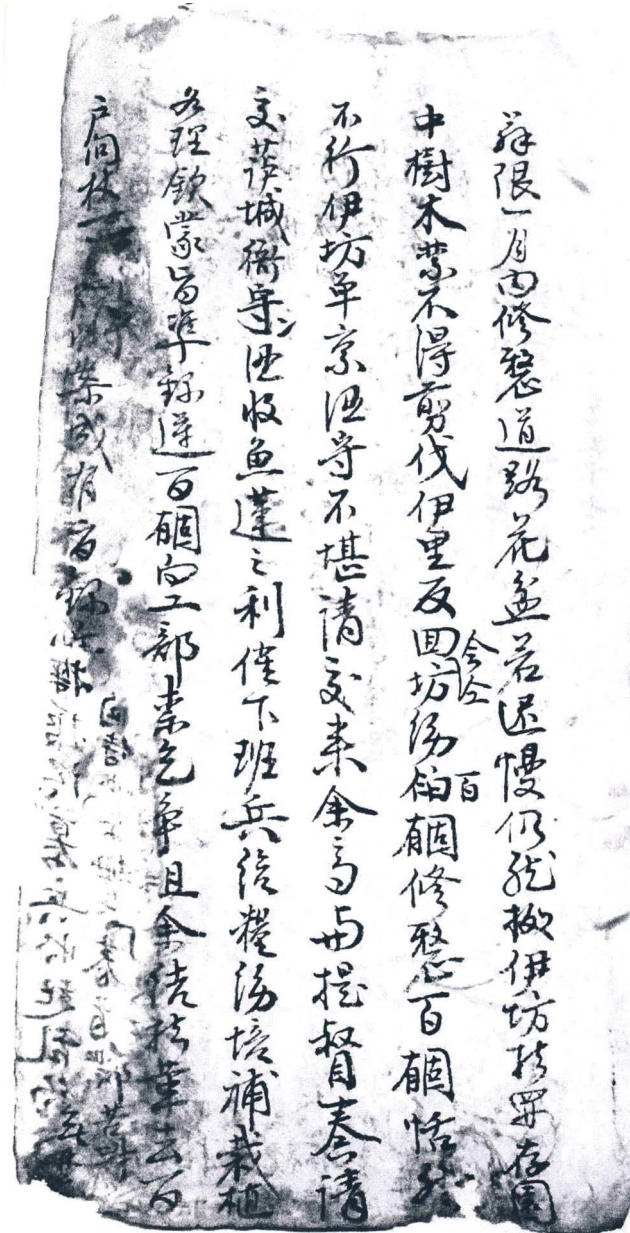
Trang cuối, quyển 1, Lạc Viên tiểu sử.

Nếu như quan Thị lang chịu phân điền bổ để cho anh tôi được bổ lại, thì chi phí cảm tạ cũng không ngại. Trợ Phan hẹn đợi buổi chiều sẽ đến nhận. Tôi ở lại chờ, đến 3 giờ chiều Trợ Phan đến bộ, 5 giờ chiều trở lại, nói rằng y đã bẩm xin quan Thị lang đem anh điền khuyết huyện Hoàng Hóa, nếu việc xong phải cảm tạ 500 đồng. Tôi nói: Quý hồ cả hai anh em đều được, số ấy xin sẽ bồi thường. Tôi tin điều ấy là thực. Trở về, cách 5 ngày sau, tôi đến trường học, mới đến đầu cầu Trường Tiền, gặp viên Tư giáo hệ 7 là Tôn Thất Thọ từ bên thành đến, nói với tôi rằng: Định ngày nào lên đường, tiện cho tôi đến mừng. Tôi nói: Mừng về việc gì? Em đang lên trường học đây. Tư Thọ nói rằng: Quý Tòa đã có phiếu y cho anh được điền bổ Tri huyện Hậu Lộc. Sớm nay tôi vào Bộ Lại...

[Quyển 1 dừng ở đây]

LẠC VIÊN TIỂU SỬ

Quyển 4



Trang 1, quyển 4, Lạc Viên tiểu sử.

[Thời gian bắt đầu từ năm Khải Định thứ 5 (1920). Lúc này Tôn Thất Đàm làm Tham tri Bộ Binh].

[1] [Trang đầu quyển 4 bị mất, dòng trong ngoặc dưới đây bổ sung theo bản lược dịch của Phan Đăng Tài] (Vườn Tịnh Tâm bị phá hoại nặng, tôi chiếu theo lệ cũ đề nghị giao cho phường Trung Hậu⁽¹⁾ chăm sóc cây cối, sửa sang bồn hoa, lối đi). Hạn nội trong một tháng phải chỉnh tu đường sá, bồn hoa, nếu chậm trễ thì quy tội cho phường. Còn cây cối trong vườn thì không được chặt phá. Viên Lý trưởng ấy trở về hội đồng với phường súc bá hộ Có sửa chữa. Bá Hộ điềm nhiên chẳng làm. Phường ấy làm đơn bẩm không kham nhận giữ, xin giao lại. Tôi bàn với Đề đốc dâng tấu xin giao cho Nha Hộ Thành nhận giữ, thu lấy hoa lợi cá và sen, thuê lính xuống phiên⁽²⁾ cấp lương thực cho họ bồi đắp, trồng cây. Đã được ban chỉ chuẩn y. Bá hộ Có bẩm lên Bộ Công xin giành lại. Tôi đề nghị cách chức bá hộ, đánh trượng 100 đòn. Án định xong được chỉ chuẩn y.

[2] Tôi được giao đích thân kiểm soát nghi vệ đại giá, dặn rằng hễ vệ đội nào ẩn giấu binh đinh thì phải tham hặc, không được nể tình.

¹ Từ năm Duy Tân thứ 3 (1909), Kinh Thành Huế gồm 10 phường: Thái Trạch, Vĩnh An, Trung Tích, Phú Nhơn, Trung Hậu, Tây Linh, Tây Lộc, Tri Vụ, Thuận Cát và Huệ An. *Thực lục Đế lục kỹ phụ biên*, Sdd, tr. 530.

² Hạ ban binh: lính hết phiên làm việc thì gọi là hạ ban binh.

Sau khi kiểm, tôi thấy lính hầu thiếu 15 tên, phát giác là viên Phó đội Nguyễn Lai lo việc kiểm thủ lính ở Binh Bộ Đường đã bán trộm [Nguyên văn “đạo mai”], liền thảo phiến tham hạch. Phó đội Lai đã hối lộ xin Đoàn công⁽³⁾ lưu giữ tờ phiến ấy chậm lại, không phê chữ. Tôi nói rằng: “Đại nhân đã huấn thị dặn dò tiểu nhân nắm giữ lễ công để bảo tồn cựu chế. Tôi là á khanh⁽⁴⁾ mà xuống làm việc của thuộc viên cũng không chối từ. Nay tôi phát giác rõ ràng, đại nhân lại chậm trễ hồi báo, thì làm sao ăn nói được.” Sau đó có truyền bảo rằng tôi không tuân lệnh [3]. Đoàn công ngầm thi hành mưu kế giảo quyệt dặn thủ hạ dò tin nói rằng: Các lính tập cũ sắp khởi loạn, hẹn ngày Nam Giao đại lễ sẽ đến Giao đàn cướp bóc, xâm phạm đáng chí tôn, phải nên phòng bị trước. Hoàng đế hầu như không tin. Ngày 28 tháng Chạp đã phụng sắc hỏi thị vệ là bọn Lê Nữ vào dịp xuân thủ được thẳng trật, nhưng đến nay vẫn chưa cấp lục chỉ. Đoàn công bảo tôi sức cho thuộc viên viết phiếu. Tôi bảo rằng khó nghĩ ra lời. Đoàn công bảo ghi rõ ràng: “Vi lễ quý Khâm sứ đã xóa tên, nên bề tôi ở bộ vừa mới bàn lại cho được thỏa hợp để cấp”. Tôi thưa: “Ngài trước đây đã gặp mặt trình lên vâng lời truyền, còn tôi không can dự, nay xin miễn cho tôi dự vào”. Đoàn công lại bảo tôi cứ một mình dâng lên. Trên mặt phiến được vua châu phê: “Trẫm là vua một nước, ban cho lính Ngự lâm được thẳng trật đặc cách, làm sao phương hại. Quý Khâm sứ không nghĩ đến thể diện của trẫm. Đoàn khanh cũng ý thế của Khâm sứ mà lấn áp trẫm sao, thực là vô đạo. Hãy lập tức tuân cấp”. Đoàn công ủy viên Lang trung đem các đạo lục chỉ giao cho thân binh cấp. Tôi trình Đoàn công rằng: “Quân tử xử thế cần phải biết rõ thời cơ. Trên mặt phiến được kính châu phê [4] hai chữ “vô đạo”. Tình trạng khẩn thiết như thế tưởng không xong, đại nhân nên tự liệu đi”. Đoàn công lại làm phiến tâu rõ lên. Tôi nói: “Càng tâu thì càng sai, vua thêm giận”. Đoàn công bảo: “Tôi chưa chịu hưu, Lê Bá⁽⁵⁾ phải về trước, tôi mới về”. Tôi không nói lại lời gì.

Ngày tháng 2 năm Khải Định thứ 5 [1920], cử hành lễ đại tự.⁽⁶⁾ Đoàn công đã mật bàn, mật tấu về việc phô trương. Ngày kế đó, ngự giá tạm trú ở Trai Cung. Đoàn công sức viên binh chia đoạn phòng chặn để giới nghiêm, ủy phái thuộc viên hai bộ Binh, Công chia đi kiểm tra, đốc thúc. Tôi biết là giả trá không chịu đi cùng, chỉ trực ở Trai Cung đợi lo việc. Tôi được kính sung vào bưng bê rượu ở án giữa Viên Đàn. Đến sáng không có tình trạng khác lạ. Lễ thành, ngự giá trở về. Đoàn công nghiêm sắc mặt nói rằng: “Nhờ đã bố trí tốt nên được yên tĩnh ổn thỏa”. Nhưng thánh ý không truy lỗi. Đoàn công chạy vạy dặn dò gởi lời, có tài ứng biến. Tại triều không ai hơn. Dần tới lễ Hưng quốc khánh niệm,⁽⁷⁾ Đoàn công lại phao ngôn về việc khủng bố, dặn nội quan tâu kín xin ngự giá vào ra đề phòng cẩn thận, xe ngự ra cửa Quảng Đức, thì nên vào cửa Thử Nhơn, để cho gian đảng không dò xét được. Quản lý Nguyễn Hữu Chứng

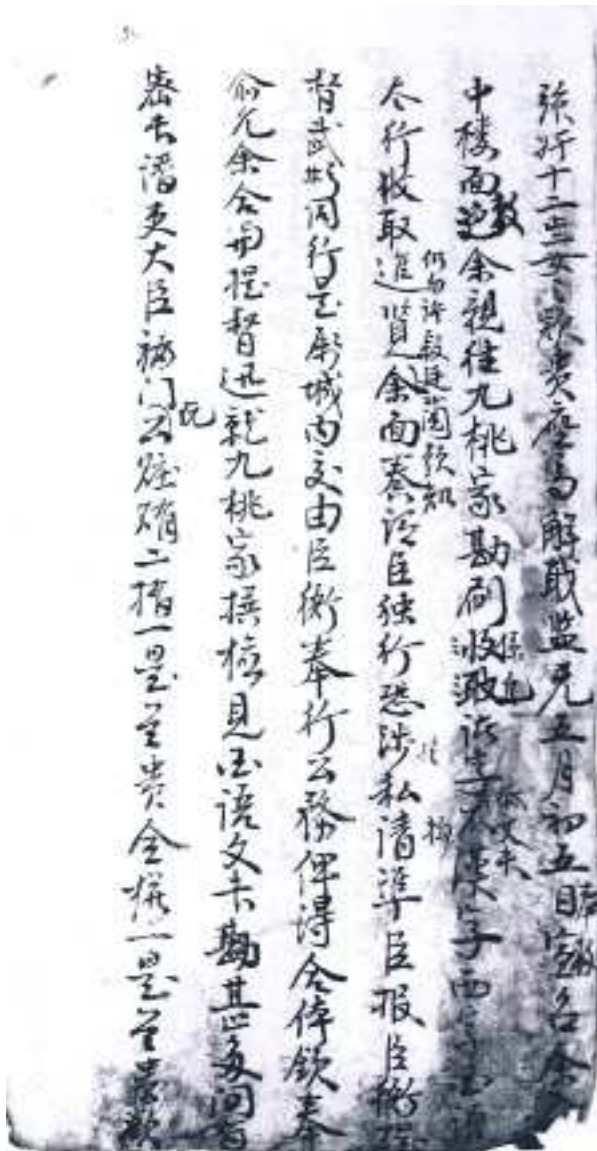
³ Túc Thượng thư Bộ Công Đoàn Đình Duyệt.

⁴ Á khanh: Quan khanh thứ nhì trong bộ, tức là Tham tri.

⁵ Đây có lẽ là Lê Văn Bá, lúc này đang giữ chức Thống chế kiêm quản Thị vệ, về sau làm Tiền quân Đô thống.

⁶ Túc lễ tế Nam Giao.

⁷ Túc lễ Quốc khánh của nhà Nguyễn, ngày mồng 2 tháng 5 âm lịch, do vua Khải Định khởi xướng.



Trang 5, quyển 4, Tôn Thất Đản được vua Khải Định giao điều tra vụ án Đoàn Đình Duyệt.

tin lời dối trá này nên rất ca ngợi. Đến khi công chúa Ngọc Lâm⁽⁸⁾ nhận được một phong thư chuyển lên ngự lâm, thánh ý đã ngạc nhiên sắc đem đến bàn với quý Tòa, chuẩn bị phái người thăm dò. Quý Khâm sứ Bát-Kê⁽⁹⁾ bàn kín nói rằng: “Việc này chỉ là mưu gian nguy tạo để tâng công, xin chớ lo ngại”. Hoàng đế càng nghi ngờ Đoàn công. Gặp khi viên thư ký của Đoàn công tên là Cửu Đào⁽¹⁰⁾ [5] cưỡng dâm con gái 12 tuổi, quý Tòa đã bàn cách chức giam cứu.

Ngày mồng 5 tháng 5 vua triệu tôi vào lầu Kiến Trung sắc rằng: “Đích thân đến khám xét nhà Cửu Đào, phạm các giấy tờ, văn thư chữ Hán, chữ Tây, chữ Quốc ngữ đều thu hết dâng lên xem, nhưng không để cho Đoàn Đình Duyệt được biết”. Tôi tâu rằng: “Thần đi một mình sợ cho là riêng tư, xin chuẩn cho thần báo với bề tôi ở nhà là Đề đốc Võ Bân cùng đi. Việc này xảy ra trong thành, xin giao cho bề tôi ở nhà phụng hành công vụ cho được hợp thể”. Kính được chuẩn thuận. Tôi bèn cùng với Đề đốc đến nhà Cửu Đào soạn kiểm, thấy rất nhiều văn thư chữ Quốc ngữ, trong đó có hai bản mật thư cáo giác đại thần Bộ Lại là Phước Môn Nguyễn công

[Nguyễn Hữu Bài] ăn hối lộ, một là trình lên quý Toàn quyền, một là trình lên quý Khâm sứ [6] lúc vừa mới đến và các thư từ bằng chữ Tây, chữ Hán

⁸ Công chúa Ngọc Lâm tên thật là Nguyễn Phúc Hỷ Duyệt, là con gái đầu của vua Đồng Khánh và bà Tiệp dư Hồ Thị Quy. Bà là chị của Hoàng tử Nguyễn Phúc Tuấn tức vua Khải Định.

⁹ Tức Pierre Marie Antonie Pasquier, giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ lần đầu từ 5/5/1921 đến 21/1/1924, lần thứ hai từ 28/9/1924 đến 4/10/1926, về sau làm Toàn quyền Đông Dương (1928-1934).

¹⁰ Theo Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên Đệ thất kỷ*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa-Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh, 2012, tr. 337 (sau đây gọi tắt là *Thực lục Đệ thất kỷ*) thì người này tên là Phan Như Đào, can án thông gian bị giam ở nhà ngục phủ Thừa Thiên.

giao thiệp với các quan thương chánh của Tây. Chúng tôi đã thu lấy, gói lại đem về dâng lên xem. Còn tiền tài của cải thì không hề động đến. Cách một ngày thì thấy Ngự tiền Thông sự Thái Văn Toản đến nói rằng: “Hoàng đế nhận một thư mật, nghi là do Cửu Đào viết ra, sắc cho quan lớn thân hành khám xét, chớ để cho cụ Đoàn biết. Nay kiểm trong gói không có bản thảo tờ thư đó. Nghe hôm qua quan lớn đã báo trước cho cụ Đoàn, nên cụ Đoàn đã đến trước cất giấu. Sắc cho đến hỏi quả có thể chăng?”. Tôi nói rằng: “Vừa mới nói qua, tôi đã biết là mệnh vua, làm sao ngu đến thế, chỉ không biết bản thảo lá thư này vì sao mà không thấy. Tôi xin vào hầu để tâu rõ ràng”. Ngự tiền Thái nói rằng [7]: “Phải tâu rõ ràng, mới khỏi bị khiển trách”. Ba giờ chiều tôi vào tâu. Hoàng đế nói rằng: “Trẫm nghe lời này đã lấy làm tin, duy sắc hỏi để giải hết nghi ngờ vậy, Khanh thận trọng đừng lo sợ, trẫm vừa nghe Cửu Đào còn có một giá văn thư đặt tại ty Bộ Công, tiếc là đã không kiểm soát đồng thời. Nay hãy hỏi kín cái giá ấy có còn nguyên vẹn không”. Tôi tuân theo trở về hỏi kín thì biết rằng: Lần ấy Đoàn công nghe tin Nha Hộ Thành đến soát nhà Cửu Đào, ban đêm liền sai đem cái giá ấy vào bộ đường mở ra lấy hết giấy tờ đem đốt khá nhiều. Nguyên trước nơi ấy là Giao thiệp mật phòng, nay đã đổi ra là Họa đồ phòng. Tôi vào tâu, được sắc hãy đem đầu đuôi sự tình viết ra tờ phiến Quốc ngữ tâu lên. Tôi bèn tuân hành [8]. Cách một ngày nhận được thư của quý Khâm sứ triệu tôi và quan Đề đốc đến Tòa thương nghị. Tôi đến, quý Khâm sứ trước hết hỏi về khoản soát thư, sau đó hỏi về khoản dời giá văn thư, đốt giấy. Tôi cứ sự thực trả lời. Quý Khâm sứ bảo mong được viết ra chữ Quốc ngữ để mật trình. Tôi trở về viết y như lời trong tờ phiến. Tòa Khâm sứ tư cho Cơ Mật Viện nói rằng: “[Ty] Liêm phóng của quý Tòa đã biết được Hoàng thượng cần xem chữ viết của Cửu Đào, nên đã sắc cho Nha Hộ Thành đến nhà Cửu Đào soát lấy, nhưng bản thảo do Cửu Đào viết phần nhiều cất giữ ở giá sách đặt tại nhà ty Bộ Công. Lần ấy quan lớn Bộ Công đã ngấm mở giá này [9] đem giấy tờ đốt đi, sự việc thật quan ngại. Mong chuyển hỏi Nha Hộ Thành xác nhận bằng văn bản”. Tờ tư của Cơ Mật Viện trong đó nói rằng: “Do Nha xét phiếu”. Tôi lược qua phiếu như lời đã trình quý Tòa. Rồi tôi xin nghỉ 5 ngày trở về nhà lo liệu việc gả con gái. Quan lớn Bộ Lại nhận được phiếu văn, triệu quan Đề đốc đến trách cứ. Đề đốc sợ hãi không trả lời được, bèn đến xin tâu lên bộ biện bạch. Tôi nói: “Việc sai lầm này là do lỗi của Viện, còn lỗi của chúng ta thì chớ lo, đợi tôi lo liệu xong việc nhà hết hạn nghỉ sẽ làm phiếu trình cũng chưa muộn”.

Việc gả con gái đã xong, tôi đem tờ tư văn lên Viện, lúc đó quan lớn Bộ Lại đã đến tại Bộ Hình, tôi trình rằng [10]: “Nha ấy đã tuân theo tư văn của quý Viện mà làm. Quý Viện tư rằng “mong xét phiếu” rành rành 3 chữ. Nên chỉ hỏi han xem xét mà thôi, chứ chưa được đòi nhân chứng”. Quan lớn Bộ Lại nói rằng: “Xét tờ tư bằng tiếng Tây của quý Tòa (Khâm sứ) nói rằng: Theo lệ tra xét, lấy đủ lời khai đính theo phiếu. Nay quý nha chỉ nói qua mấy dòng đã là kết cục rồi”. Tôi nói: “Nha ấy không dám làm trái vượt quá di văn, nên

chỉ làm như thế”. Quan lớn Bộ Lại nói rằng: “Dịch và viết lầm lạc, mà đem thuộc viên của Viện ra trị nặng, hay là bọn họ có ý che chở, cần phải dẫn đo nghiêm cẩn”. Quan lớn Bộ Hình nói: “Quan lớn hiểu rõ Pháp văn, nên cái đơn ấy quan lớn phải phê chữ trước, tôi cũng chiếu theo lời thảo chữ Hán để phê phó. Phiên dịch đúng hay không đúng, tôi chưa thể biết”. Quan lớn Bộ Lại [11] sức đòi thuộc viên của Viện đến Bộ Hình quát mắng một hồi, giảng giải ý bản văn của Tòa, rồi sức đổi tờ tư, rút tờ tư trước về tiêu hủy. Tôi nói: “Hễ rút tờ tư trước lại, thì xin giao lại tờ phiên trước đây một thể”. Sau khi nhận được tờ tư mới đổi của Viện, tôi hội đồng cùng Đề đốc phái đòi nhân chứng và cho Bộ Công sức thuộc viên và viên Suất đội kiểm thủ binh đình đến Nha Hộ Thành xét hỏi. Họ khai rằng: “Quan lớn Bộ Công sai mở giá sách của Cửu Đào, soạn lấy giấy tờ văn thư đem đi nơi khác cất giữ hoặc là đốt hủy”. Hai ba lần cật vấn, thuộc viên của bộ và viên kiểm thủ đều khai như một. Tôi nghĩ khoản can phạm của đại thần thì Nha Hộ Thành không thể tư thẳng, phải làm phiên xin văn bản phái hội đồng. Được vâng phái Hồng lô [12] tự khanh sung Ngự tiền Thông dịch là Thái Văn Toản cùng hội đồng thẩm vấn. Quan lớn Đoàn chối cãi, trả lời là không. Ngự tiền Thái đòi nhân chứng đối chất, quan lớn Đoàn cũng không chịu nhận. Ngự tiền Thái muốn hỏi đến khoản quan lớn Đoàn hối lộ. Tôi nói rằng: “Sắc chỉ và tờ thương của Tòa, tờ tư của Viện đều chỉ giao hỏi về việc dời giá sách và tiêu hủy giấy tờ, nay hỏi đến khoản riêng, sợ sinh ra rườm rà không tiện”. Ngự tiền Thái vào hậu tâu riêng được kính bác đi. Tôi vào diện tấu khoản này rằng: “Kính vâng hội chất, quan lớn Đoàn không chịu nhận, nhưng nhân chứng khai rõ, xét ra đã đủ để kết luận, xin tư giao cho Viện bàn”. Kính vâng dụ chấp thuận, và triệu Ngự tiền Thái vào bảo rõ: “Bình Bộ Tham tri [13] Tôn Thất Đản chính thể luyện đạt, am tường văn án, hãy cùng bàn luận, chớ khá sai khác”. Ngự tiền Thái tuân dụ, tùy tôi bố trí. Tôi nói: “Ngày mai nghỉ họp một phiên, để tôi ở lại nha thự kiểm điểm hồ sơ, sức làm tờ thảo cho Cơ Mật Viện”. Ngự tiền Thái và quan Đề đốc đều thuận theo. Lúc ấy vào chiều ngày 28 tháng 5.

Các ngày 29, 30 tôi đòi nha thuộc, chỉ bày làm tờ thảo gần xong. 8 giờ 30 sáng ngày mồng 1 tháng 6, Ngự tiền Thái đến nơi trú của tôi, báo rằng: “Khoảng 2 giờ đêm [hôm nay] có một người mang một phong thư vào trú thự của quan Tiền quân gõ cửa, bà Tiền [quân] đi ra, y giao phong thư, nói rằng có việc khẩn cấp. Bà Tiền nhận. Người ấy mặt trắng mà gầy, tựa như Chủ sự Ty Cẩn Tín⁽¹¹⁾ [14], có đeo bài ngà, dây đeo màu lục, chân đi giày dùa. Bà Tiền đem thư vào. Quan Tiền quân khêu đèn đọc thư, nói rằng: Thư này đệ đến quan Ngự tiền chứ không phải cho tôi, hãy giao trả lại. Bà Tiền ra cổng thì người ấy đã ra cổng lên xe tay mà đi. Bà Tiền liền sai lính đem thư này chuyển giao. Tôi nhận xem lời ý trong thư có quan hệ việc trước, nói rằng nếu như tôi gặp được người này mà giữ lại để hỏi thì có thể phát giác các việc gần đây. Tiếc rằng người ấy đã ra khỏi thành, nên đến báo cáo để phái truy bắt”. Nói xong

¹¹ Một ty thuộc Thị Vệ Xứ, chuyên lo văn thư sổ sách, gìn giữ thu phát vật phẩm. Võ Hương An, *Từ điển nhà Nguyễn*, Nam Việt xuất bản, California, USA, 2012, tr. 82.

bèn đem phong thư ấy giao cho tôi. Tôi xem thấy nói Lương Khải Việt⁽¹²⁾ và đồ đảng hiện tụ tập tại nhà thị Ngạch ở làng Thanh Thủy⁽¹³⁾ mưu làm bậy, xin lập tức đem lính vây bắt, hiện có súng đạn. Tôi liền cho mời quan Đề đốc [15] đến trú thự hội đồng bàn bạc, rồi tới cửa Đông Nam [tức cửa Thượng Tứ] hỏi lính giữ cửa, chúng trình rằng: “Hai giờ đêm nay khi chúng gác cửa, bỗng thấy một xe tay chạy đến trước cửa, giao một phong thư khiến đệ đến quan Ngự tiền trình nạp. Lính gác trả lời: Bồn phận tôi là gác cửa, không thể đi được, còn các lính khác thì còn ngủ trong trại, nên không người nhận đi. Người trong xe nói: Đang có việc gấp, nếu không tiện đi thì mở cửa để tôi tiện vào đệ giao. Lính sợ lỡ việc công nên mở cửa, xe ấy vào chốc lát lại lui ra, theo lối Trường Hậu Bò⁽¹⁴⁾ mà đi”. Ngự tiền Thái cùng tôi và quan Đề đốc đến Trường Hậu Bò. Thái nhận ra không có người ấy bèn cùng trở về trú thự của tôi, bàn chuyện truy tìm. Tôi nói rằng: “Quan Ngự tiền [16] nên vào tâu vua rõ, đọit bàn với Tòa Khâm sứ mới tiện sức hai nha Cảnh sát và Liêm phóng phái người dò thám. Tôi cũng trở về phái người đi khắp tìm hỏi. Hễ ba bên phù hợp mới là đáng tin, ắt sẽ khám phá”. Ngự tiền Thái về chỉnh lại áo khăn tiện vào tâu. Tôi và quan Đề đốc chọn sai người dẫn binh đinh đi khắp tìm hỏi. Đến 10 giờ sáng Ngự tiền Thái đến nói: “Kính vâng sắc hăy đích thân đến nhà Ba Ngạch khám qua”. Tôi xin tâu, nhưng xin mượn xe hơi [Nguyên văn “điện xa”] cùng đi để khỏi phí thời gian. Tôi tư cho phủ Thừa Thiên hội đồng cùng đi. Ngự tiền Thái thuận theo, hẹn đến 3 giờ 30 chiều đem xe hơi đến cùng đi. Tôi [17] ủy quan Đề đốc đến Nha Sen dăm bàn xin sung vào dò hỏi: Hai giờ khuya đêm ấy vào thành là xe số mấy, lại chất vấn người phu xe đã chở người nào tưởng sẽ biết được. Quan Đề đốc y kế đi hỏi.

Giao việc xong tôi vào ăn cơm trưa, nghĩ đến khẩu khí trong thư mới nhớ lại giữa Ba Ngạch và Kinh Thiệu gần đây từ lương duyên trở thành cừ thù. Trong thư nói rằng nhà Ba Ngạch tụ tập người lạ mặt để âm mưu làm loạn. Phải chăng là có ý báo thù mà ra thế. Tôi đắn đo trong lòng, mừng tượng rằng mặt của Kinh Thiệu tương tự như mặt của Trần Mộng Tùng, Chủ sự Ty Cẩn Tín, ngờ rằng người mang thư đến đêm trước có thể là Kinh Thiệu, bèn tính kế dò hỏi. Gặp lúc Ngự tiền Thái đem xe hơi tới, mới cùng đi một đoạn, tôi hỏi Ngự tiền Thái có biết Kinh Thiệu làm Kinh lịch⁽¹⁵⁾ ở Thừa phủ chẳng? Ngự tiền Thái đáp có biết. Tôi lại hỏi [18]: “Quan lớn có nhận thấy mặt của Kinh Thiệu

¹² *Thực lục Đệ thất kỷ* có chép sự kiện này, theo đó, người mang phong thư là Tá quốc khanh Ứng Thiệu, nội dung thư “giả làm lời yêu nịnh của Lương Khải Siêu”. Theo dịch giả Cao Tự Thanh, nhân vật Lương Khải Siêu đã bị chép nhầm là Lương Khải Việt, Sđd, tr. 337.

¹³ Thời Nguyễn thuộc tổng Dã Lê, huyện Hương Thủy, gồm 2 giáp là Thanh Thủy Thượng và Thanh Thủy Chánh, nay là 2 phường Thủy Dương và Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

¹⁴ Trường Hậu Bò Huế (École d'Administration à Huế) thành lập ngày 5/5/1911, nhằm bổ túc kiến thức hành chính cho các cử nhân, tiến sĩ trước khi bổ dụng. Trường tọa lạc tại tòa nhà của Nha Thương Bạc cũ, bên ngoài cửa Thượng Tứ, nay là khuôn viên Nhà Văn hóa thành phố Huế.

¹⁵ Kinh lịch: Quan văn, trật chánh thất phẩm, cầm đầu việc bàn giấy tại các cơ quan cấp tỉnh, ví dụ dinh Tổng đốc, Tuần vũ, Ty Bố Chánh Sứ, Ty Án Sát Sứ. *Từ điển nhà Nguyễn*, Sđd, tr. 301.

và mặt Trần Mộng Tùng có giống nhau không?”. Ngự tiền Thái bảo: “Quan lớn chắc cũng biết mặt hai người này giống nhau”. Tôi bèn nói: “Tôi suy xét kỹ ngữ ý trong thư thì nghi rằng chính là Kinh Thiệu”. Đang nói chuyện thì xe đã đến phủ đường Thừa Thiên. Kinh lịch Trương Nhạ ra tiếp. Tôi hỏi rằng: Kinh lịch Ứng Thiệu hiện ở đâu. Kinh Nhạ thưa rằng: “Ở nhà y gần đường Bến Ngự”. Tôi lại hỏi: “Kinh Thiệu và thị Ba Ngạch có thành lương duyên không?”. Kinh Nhạ trả lời không, vì nửa chừng hai bên kiện cáo nhau. Quan Thừa phủ đã cấm không được qua lại. Tôi nói: “Điều đó đáng nghi, cần phải đi bắt Kinh Thiệu”. Ngự tiền Thái bảo: “Bắt mà không đúng [19] sau sẽ như thế nào?”. Tôi nói: “Bắt chức việc nhà Hán bắt Hàn Tín, giả kế đi chơi Vân Mộng vậy”. Ngự tiền Thái chưa hiểu nên im lặng. Tôi mời [quan] Phủ doãn và Kinh Nhạ cùng lên xe. Xe chạy đến nhà Kinh Thiệu ở đường Bến Ngự. Đến cổng, tôi bảo Kinh Nhạ vào gọi. Kinh Thiệu đi ra, vừa đi vừa chỉnh khăn đóng. Trông thấy dung mạo, tôi nói nhỏ với Ngự tiền Thái: “Bài ngà dây đeo màu lục, chân đi giày dừ, có đúng không?”. Ngự tiền Thái nói “đúng”. Tôi nói với Kinh Thiệu rằng: “Lâu không gặp, nay mời lên xe cùng đi tiện nói chuyện gió trăng”. Kinh Thiệu hỏi: “Đi đâu?”. Tôi đáp: “Tôi sẽ cho Ngưu lang, Chúc nữ qua cầu sông Ngân”. Liên bảo xe chạy về Thanh Thủy. Mặt Kinh Thiệu biến sắc. Ngự tiền Thái giơ tay chỉ, nhìn tôi nói nhỏ: “Cả quyết rồi”. Xe đến cổng nhà thị Ba Ngạch, Ba Ngạch chạy ra [20] vừa vái vừa khóc, nói rằng thị định lên hầu Phủ doãn, nay được các quan lớn đến đây may ra thoát khỏi tai vạ. Thị kể lại đêm qua có người vút vào nhà thị một phong thư, sáng ra thị nhờ người đọc, trong thư nói về việc bội phản, đó chắc là Kinh Thiệu thù hằn phao vu hãm hại, xin các quan lớn giáng phúc minh oan cho. Kinh Thiệu quắc mắt nói rằng: “Sao lại nói ngoa chuyện này”. Tôi không can thiệp, vấn đề cho hai bên cãi vã. Phủ doãn máng bảo im đi. Tôi hỏi phong thư. Thị Ba Ngạch lấy ra trình, thấy 3 phong thư chữ Hán, một gửi cho Ba Ngạch, một gửi cho cha của Ba Ngạch, một gửi cho Tôn Thất Điều là tình nhân của Ba Ngạch, đều nói về việc [21] âm mưu làm loạn, lại có 3 tấm danh thiếp của Lương Khải Việt. Ngự tiền Thái lấy xem rất đặc ý. Tôi nói với Phủ doãn, Ngự tiền Thái kéo Kinh Thiệu lên xe trở về, bảo đi thẳng vào dinh Tiền quân, xin bà Tiền đến nhận mặt Kinh Thiệu có đúng là người đưa thư đêm ấy không. Bà Tiền nhìn kỹ trước mặt, sau lưng, dưới chân, nói rằng quả đúng. Tay lại chỉ bài ngà dây lục và giày dừ, nói: “Không sai chút nào”. Gặp lúc quan Đề đốc đến nói rằng: “Nha Sen dầm đã tìm được người phu xe, nó nói người thuê xe chính là cụ Kinh lịch Ứng Thiệu ở phủ Thừa”. Tiếp đó cùng chất vấn Kinh Thiệu. Kinh Thiệu nhận là y đã đưa các thư ấy [22]. Hỏi vì sao lại đưa các thư ấy? Y trả lời là cụ Bộ Công sai đi đưa. Lại hỏi vì sao cụ Bộ Công lại sai y. Y nói rằng: “Quan lớn Đoàn Đình Duyệt ở Bộ Công trước là đồng sự với cha tôi. Từ khi tôi về nhà đợi bố thì càng quần bách nên đã xin cụ Đoàn nói giúp để tôi được bố lại. Cụ Đoàn nói rằng: Nay có một việc cơ mật, nếu làm xong thì được bố, khỏi chờ xin. Cụ Đoàn bảo tôi vào phòng kín nói nhỏ rằng: Hiện có người Tàu tên là Lương Khải Việt ngấm đến kinh đô âm mưu gây loạn, nếu như thăm dò bắt được thì có thưởng lớn, hoặc là dò xem y đang ở chỗ nào, báo cho quan đến bắt cũng có công trạng. Tôi thấy người Tàu thường lui tới nhà Ba

Ngạch, nên mật bắm với cụ Đoàn. Cụ Đoàn bảo rằng: Đây là cơ hội tốt, chiều lại tới, ta có việc mật sai. Tôi y hẹn lại đến. Cụ Đoàn giao 3 phong thư khiến ném vào nhà thị Ba Ngạch, rồi báo quan binh đến bắt cho có tang chứng. Tôi bắm rằng: Tôi và Ba Ngạch đã từng quen biết, nếu tôi đem thư ném vào sợ y thị [23] biết mật bất tiện, xin giao cho người khác, còn tôi xin nhận thư đem báo. Cụ Đoàn đồng ý bèn sai Đội Khuyên đem thư đi ném. Đội Khuyên không biết nhà của Ba Ngạch nên nhờ tôi dẫn đường. Tôi dẫn Đội Khuyên đến vườn nhà Ba Ngạch. Đội Khuyên ở lại đó rồi lên vào ném thư. Tôi đi xe trở về đem thư đi trình báo. Phu xe kéo tôi đến dinh Tiền quân, tôi tưởng đó là dinh quan Ngự tiền nên giao thư, không nghe kêu lại nên lên xe về nhà ngủ. Nay được hỏi đến, tôi xin trở về viết tờ khai, ngày mai sẽ đệ nạp”. Tôi bảo: “Tại đây đã nghe rõ, nên dẫn đến văn phòng Nha Hộ thành, có đủ giấy bút, cứ ở lại đó mà viết tờ khai, không cần phải trở về thêm phiên”. Ngự tiền Thái nói: “Tôi xin vào tâu xong [24], sẽ đến Tòa Khâm báo rõ”. Tôi nói: “Rất hợp”. Ngự tiền Thái đi ra. Các quan ở Lục Bộ Đường đến xem rất đông. Cụ Thượng Lễ là ngài Hồ Đắc Trung cũng đến hỏi. Kinh Thiệu lại trần tình rõ ràng, không ẩn giấu gì. Quan nội thân Văn hộ giá là Nguyễn Hữu Tý,⁽¹⁶⁾ Võ hộ giá là Bửu Trác nói với tôi rằng: “Khi quan Ngự tiền thông dịch tâu lên, thánh ý rất vui, khen ngài là có tài linh mãnh, đã sắc cho quan Ngự tiền đến bàn với Tòa Khâm lập tức cử lính tập đến canh giữ Công Bộ Đường, cấm cụ Đoàn không được vào ra, ắt cụ sẽ bị giải chức, giao tra xét”. Tôi nói: “Đợi lấy tờ khai của Ứng Thiệu rồi làm phiên tâu Hoàng thượng xử đoán”. Đang lúc trò chuyện, Ngự tiền Thái từ Tòa Khâm trở về, nói rằng: “Hoàng thượng đã nắm rõ, liền sai sang bàn Tòa Khâm phái một quan Tây dẫn lính tập đến canh giữ Bộ Công, cấm nội bắt xuất, ngoại bắt nhập, tôi tuân mệnh đến. Quan Khâm sứ đại thân bàn hãy đem lính tuần sát Nha Hộ Thành đến canh ngay, đợi Tòa Khâm phái lính tập đến đổi, mới khởi trở”. Tôi liền cùng quan Đề đốc phái Phó quan Vệ Tuần sát lập tức đem 20 tên lính đến canh giữ Bộ Công. Còn viên Chánh quan và bát phẩm Nha Hộ Thành dẫn Kinh Thiệu đến văn phòng Nha Hộ Thành canh giữ, bắt viết tờ khai.

Sau khi nhận bức nguy thư giả danh Lương Khải Việt gửi đến công chúa Ngọc Lâm hôm qua, gồm 2 phong thư, đối chiếu chữ viết thấy hơi giống nhau, nên tôi đã kính vâng sắc chỉ khám xét nhà Cửu Đào để tìm bản thảo các thư này. Lại đem so chữ viết của Cửu Đào với chữ viết của các tờ thư này thì có khác biệt chút ít. Dem 3 bức thư [26] lấy từ nhà thị Ba Ngạch đối chiếu với 2 thư này thì nét chữ phù hợp, lời ý cũng phảng phất tương đương. Kinh Thiệu đã khai rằng: “Các bức thư và các tờ danh thiếp đều do tự tay cụ Đoàn giao”. Khi hội đồng hỏi, thì cụ Đoàn trả lời là hoàn toàn không can dự việc này, không biết vì sao Kinh Thiệu đã phao ngôn như vậy. Để biết rõ sự thực, tôi đã sức các thuộc viên ở Bộ Công, mỗi người viết một tờ khai trình nạp. Ngự tiền Thái đã nhận ra chữ viết của Hành tẩu Đào Hữu Bán và Nguyễn Đình Bá giống như chữ viết trong các bức thư. Quan lớn Bộ Lại nhận ra chữ viết của cử phẩm Nguyễn Y giống như chữ viết trong một bức thư. Nhưng bọn họ đều khai là không biết việc

¹⁶ Nguyên văn viết 庇, phiên âm là Tý, một số tài liệu phiên sai là Tỳ. Nguyễn Hữu Tý là con trai của Vĩnh Lại quận công Nguyễn Hữu Độ.

này. Lại đem các giấy tờ hàng ngày họ viết ra đối chiếu thì thấy đều [27] đáng nghi. Ngự tiền Thái bàn giải chức 3 người này và Đội Khuyên, Thừa Tùng, người đem đốt cháy giấy tờ của Cửu Đào, và Kinh Thiệu để tiện tra xét. Bèn vàng chỉ thi hành, hội đồng thẩm vấn về việc ném thư, đốt giấy tờ. Chứng cứ rõ ràng, duy việc soạn thảo các bức thư này, và dặn ném thư, báo tin, ai là chủ mưu thì vẫn không có người nào thú nhận. Nên tư cho Viện Cơ Mật bàn xét. Các quan lớn đã tề tựu họp, lại cật vấn cụ Đoàn và các nhân chứng cũng chưa rõ hoàn toàn. Hội đồng lại làm phiếu giao Viện Cơ Mật kết luận. Tội vàng sắc tuyên triệu vào hỏi kín rằng: “Đoàn Đình Duyệt vẫn chưa chịu thú nhận thì dựa vào đâu để quy kết?” Tội tâu rằng: “Quan lớn Đoàn gần đây việc làm không xứng với ý chỉ. Hoàng thượng hỏi tội thế mà vẫn chối từ. Về các bức thư ngự tạo này chưa rõ quả đúng hay không. Nhưng vào ngày tế Nam Giao và ngày Hưng quốc khánh niệm ông ta đã bịa chuyện gây hoang mang, thì dụng ý đã huyền hoặc, và đến khi nghe Hoàng thượng sắc tìm chữ viết của Cửu Đào, nếu như không có gì mờ tối thì ở yên để đợi, chứ sao lại dời cất, thiêu hủy gây ra bao nghi ngờ, dẫu có bị buộc tội nặng tưởng cũng khó tránh. Duy từ khi đội ơn cất nhắc, vị trí đến bậc đại thần, nếu như được giáng truất cũng đủ tỏ rõ việc răn đe, nếu ngược đãi sợ phương hại đến thịnh đức. Thần vì lòng ngu trung mạo muội trình bày như trên, cúi xin thánh ý thông minh xét định”. Hoàng thượng sắc bảo rằng: “Khanh tâu bày cũng hợp, sẽ có chỉ riêng”. Tội lui ra. Đến 3 giờ chiều tiếp được chỉ chuẩn cho thi hành, sai kiểm hồ sơ tư giao cho Viện Cơ Mật tuân nhận, hội đồng giải tán. Sau đó Viện đề nghị quan lớn Đoàn bị cách, Ứng Thiệu bị đánh trượng nhưng cho chuộc, còn đều miễn nghị. Trên bản án được châu phê: “Chuẩn cho Đoàn Đình Duyệt bị giáng ba cấp [29] mang hàm Bô chính về hưu, Ứng Thiệu bị đổi ra họ mẹ, bị đày 3 năm giải giao nhà lao Quảng Trị giam giữ, đến khi hồi hạn, thực sự thú nhận sẽ gia ân phóng thích, Hành tẩu Nguyễn Đình Bá bị cách về nguyên tịch, Hành tẩu Đào Hữu Bản giáng một cấp về quê, đợi bổ, Thừa phái Trương Tùng bị tước ngạch. Còn Tham tri Bộ Binh Tôn Thất Đàm kính vàng khám xét ổn thỏa chu tất được truyền chỉ khen thưởng”.⁽¹⁷⁾ Ngài Đoàn tuân chuẩn trở về quê. Tội và Tham tri Bộ Công Phạm Liệu dẫn các thuộc viên hai bộ Binh và Công đưa tiễn. Tội vái Đoàn công nói rằng: “Chúc đại nhân trở về bình an, đóng cửa để xét lỗi, được sấm sét lại được mưa móc, xin chớ buông lời oán hận, may đợi phục hồi”. Đoàn công chảy nước mắt bá biệt.

Ngày tháng 9 gặp lúc Tổng đốc Thân Trọng Huề ở Viện Thượng thẩm Bắc Kỳ [30] được trở về thăng Thượng thư Bộ Binh kiêm Chương sự vụ Bộ Học, quan đại thần Bộ Lễ Hồ Đắc Trung kiêm Chương sự vụ Bộ Công.⁽¹⁸⁾

¹⁷ Vụ án Đoàn Đình Duyệt được chép khá chi tiết trong *Thực lục Đế thất kỷ*, sđd, tr. 337-339, tuy nhiên một số tình tiết và tên tuổi của các nhân vật liên quan có khác so với tường thuật của Tôn Thất Đàm.

¹⁸ Sách *Thực lục Đế thất kỷ* chép “[Khải Định năm thứ 6, 1921] Chuẩn cho Hiệp tá Đại học sĩ Thượng thư Bộ Học Hồ Đắc Trung đổi lãnh Thượng thư Bộ Lễ kiêm sự vụ Bộ Công, Tổng tài Quốc Sử Quán; Tổng đốc Viện Thượng thẩm Hiệp tá Đại học sĩ Thân Trọng Huề điều lãnh Thượng thư Bộ Học kiêm sự vụ Bộ Binh, Đô Sát Viện Đô ngự sử, đều sung Cơ Mật Viện đại thần”. Đến đầu năm Khải Định thứ 7 (1922) Thân Trọng Huề mới đổi bổ Thượng thư Bộ Binh kiêm sự vụ Bộ Học..., sđd, tr. 344, 355.



Trang 34, quyển 4, vụ tranh chấp đất đai giữa 2 làng Trí Bưu và La Văn.

Phụ quốc Thượng tướng quân Gia-Phi¹⁹ đến chơi quý Tòa, dự định ban thưởng huy chương. Viện Cơ Mật dâng phiến kê khai tên và quan hàm của các ấn quan văn võ. Tôi được chuẩn thưởng Bắc đầu [bội tinh] hạng 5. Thượng tướng quân đem thuộc viên đến tự tay đeo tặng.

Ngày tết Nguyên đán năm Khải Định thứ 7 [1922], tôi đội ơn được chuẩn gia hàm Tổng đốc lãnh chức Tuần vũ Trị Bình [Quảng Trị-Quảng Bình]. Tham tri Bộ Hình Ứng Dinh được đổi lãnh Tổng đốc Thanh Hóa, có bài thơ lưu giản bằng chữ Quốc ngữ, tôi họa theo nguyên vận để mừng (có ghi ở tập Quốc ngữ), ngày sau xem lại tựa như lời sấm.

Công sứ Quảng Trị là Ra-Bui [Jabouille] tính nóng nảy, ghét Tuần vũ trước là Nguyễn Văn Hiền, thường mạt sát, nên ông Hiền chán xin đổi về làm Tham tri Bộ Công. Tôi vâng chuẩn đến thay. Có [31] người thân tình thấy thế lo ngại cho tôi, nhưng tôi vẫn không để ý. Án sát Hồ Đắc Khải giỏi tiếng Pháp, ăn nói lưu loát, được Công sứ thân thiện. Tôi vừa đến, Án sát Hồ

muốn phô trương thanh thế, thường nói rằng Công sứ khó mà thân cận, quan Tuần trước nhiều lần bị ngăn cản, riêng Án sát Hồ mới được tâm đầu ý hiệp, nói hay bày mưu kế gì cũng thuận theo. Mỗi tối quan Án ăn cơm xong liền đến Tòa hỏi thăm sức khỏe quan sứ, và trò chuyện thân mật với bọn bồi. Tôi thì không từng đến gặp riêng, chỉ mỗi tháng hội họp hai lần. Tôi nói tiếng Việt, quan Án Hồ dịch ra tiếng Tây, có khi thêm thắt hay giảm bớt tôi xin dịch lại. Công sứ nói rằng: “Quan Tuần vũ thông hiểu như thế sao lại không [32] nói thẳng tiếng Tây?”. Tôi nói: “Tôi dùng tiếng Tây sợ không đạt, chẳng bằng dùng tiếng Việt cho nhanh”.

¹⁹ Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

Quan Công sứ trước đó nhận được tờ tư của Tòa Khâm sứ về khoản quyền mộ 6 triệu đồng quốc trái,⁽²⁰⁾ nên bàn hỏi các quan tỉnh phỏng mộ được bao nhiêu. Quan cựu Tuần vũ và quan Án Hồ đáp phỏng được một vạn đồng. Quan Công sứ muốn đạt được 1 vạn 5 ngàn đồng. Gặp lúc tôi đến thăm Công sứ bị bệnh, đã mời tôi đến bên giường dặn dò. Tôi nói: “Hãy đợi tôi đi hành hạt hiểu thị, quyền mộ đã. Dân hai phủ huyện Triệu Phong, Hải Lăng nhiều người giàu có, dễ mộ, tôi giao cho quan Án Hồ đi trước khuyến mộ, còn 3 hạt Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ đất đai khô cằn, dân nghèo và ít, riêng tôi thân hành khuyến mộ” [33]. Quan Công sứ cho là công bằng. Tôi đi vận động trong vòng một tuần được 1 vạn 5 ngàn đồng. Quan Án vận động được 8 ngàn đồng. Quan Công sứ rất vui lòng, còn quan Án Hồ thì ngạc nhiên. Tôi bàn định cho phép dân làng cho thuê công điền lấy tiền mua quốc trái, quan Công sứ cũng thuận. Tôi lại đi hiểu dụ Triệu Phong và Hải Lăng thêm 4 ngày nữa được 1 vạn đồng. Như vậy trước sau hai lần, tỉnh đã khuyến mộ được 3 vạn 3 ngàn đồng. Quan Công sứ kính phục bảo tôi kiến thức hơn hẳn Nguyễn Văn Hiền vạn lần. Từ đó bàn luận chuyện gì đều thuận theo.

Hạt Quảng Trị rất nhiều giáo dân. Linh mục người Tây có 12 viên, người Nam có 30 viên, nhiều lần can dự vào việc dân chính. Thời các quan tiền nhiệm nhiều vụ kiện chồng chất, về việc hộ còn lại 13 vụ, trải qua 4, 5 năm, mỗi vụ hồ sơ sáu bảy trăm tờ, rất là phức tạp. Trong đó có vụ Trí Bưu⁽²¹⁾ và La Văn⁽²²⁾ kiện cáo nhau, nguyên Tuần vũ Trần Văn Thống thụ lý 3 năm vẫn không quyết được, giao lại cho Nguyễn Văn Hiền gần tròn 2 năm cũng không xong [34]. La Văn là ấp thuộc về làng Trí Bưu. Ruộng đất của làng Trí Bưu tọa lạc tại La Văn rất nhiều. Địa phận Trí Bưu và La Văn xa cách nhau, mà La Văn lại gần làng Phước Môn,⁽²³⁾ đất đai liền nhau. Ấp La Văn xin cấp khuôn dấu riêng [biệt triện] chiếm hết ruộng đất. Làng Trí Bưu không thuận. Quan lớn Bộ Lại ngầm giúp cho La Văn, dặn tỉnh xử cho La Văn thắng lý. Làng Trí Bưu lại nhờ linh mục Tây là Lê chủ trương khiếu nại kháng cáo. Đến kỳ tu địa bộ, tỉnh cho La Văn nhận ghi làm địa phận của mình, bắt Trí Bưu phải giảm trừ trong địa bộ. Trí Bưu không chịu tuân trừ. Sổ bộ kê khai trong 3 tháng vẫn chưa xong. Tôi xét đơn xin, thấy rằng nếu như Trí Bưu chịu trừ số nhân đinh và điền thổ (tại La Văn) ra thì khẩu phần mỗi đinh chỉ có 3 sào, còn La Văn mỗi đinh đến 1 mẫu 2 sào, quá mất công bằng. Tôi lại xử rằng: La Văn được biệt triện, nhưng ruộng đất phải cùng chung để quân cấp, phân cho La Văn chiếu theo nhân số nhận điền thổ tương thích, tách riêng làm một ấp. Còn lại bao nhiêu ruộng đất quy về cho làng Trí Bưu nhận làm ruộng đất “kỳ tại” [ruộng của làng mình nhưng nằm trên đất làng khác], chiếu theo số lượng để quân cấp. Làng Trí Bưu tuân thuận, nhưng ấp La Văn còn trông mong chưa chịu theo.

²⁰ Để hoàn thành đường xe lửa từ Nghệ An đến Đông Hà (Quảng Trị). *Thực lục Đệ thất kỷ*, sdd, tr. 355.

²¹ Nguyên là xã Cổ Bưu, sau đổi thành Trí Bưu, thuộc tổng An Thái, nay thuộc phường 1, thị xã Quảng Trị.

²² Nay thuộc xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

²³ Phước Môn nguyên là một ấp do Nguyễn Hữu Bài lập ra, nay thuộc xã Hải Lệ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Gặp lúc quan lớn Bộ Lại [Nguyễn Hữu Bài] đi ngang qua tỉnh, tôi mời vào trò chuyện, nói rằng: “Quan lớn nắm việc điều hành cả nước, người dân đều được xem như nhau, việc kiện tụng này tôi đã chiếu theo công lý mà xử như thế. Người La Văn không chịu tuân thuận, xin cứ tống giam để kết thúc vụ án”. Quan lớn Bộ Lại nói rằng: “Tùy đại nhân xét xử, tôi không thiên vị bên nào”. Tôi liền sức La Văn phải tuân theo lập tức nhận tờ phân chia, nếu chậm trễ thì nghiêm trị không tha. La Văn đành tuân theo. Hai bên giao nhận xong ngay hôm đó. Việc xử đoán xong. Khắp tỉnh đều cảm phục.

Viên linh mục Tây trú ở làng An Đôn⁽²⁴⁾ đã thiếu thuế ruộng 2 năm liền, không chịu trả. Gặp lúc Giám mục Ê-Lý⁽²⁵⁾ đi ngang qua, vào thăm, cùng tôi đối thoại về chuyện tôn giáo. Tôi nói rằng: “Nếu như tôn giáo nào đều khuyên người tu sửa cho tốt, thì tôi đều kính trọng. Người nào việc làm không đúng giáo chỉ, tôi rất khinh bỉ, như viên linh mục Tây ở làng An Đôn, tôi sẽ nghiêm trị”. Quý Giám mục xin hoãn 3 ngày để đi hiểu thị, nếu không nghe thì sẽ nghiêm trị. Tôi thuận theo. Tôi lại hẹn với quý Giám mục, nói rằng: “Từ nay về sau, trong Giáo hội có ai làm gì phi pháp, tôi sẽ gửi thư trình đại nhân xử trí”. Giám mục y theo. Hôm sau, Giám mục đến An Đôn, sức cho linh mục ấy mời lý trưởng đến để nạp tiền thuế, nhận biên lai trình lên tỉnh. Từ đó các linh mục không dám ngang ngược. Cố Trung (linh mục Tây) trước ở tại Thừa Thiên rất cứng cỏi, nay ra Trí Bưu làm linh mục trưởng, nghe tôi nói với Giám mục những lời này cũng rất cảm phục.

Làng Giáo Liêm⁽²⁶⁾ thuộc phủ Triệu Phong lại có vụ hai chú cháu tranh gia tài, quan phủ [họ] Võ, trước thì nghe chú, sau lại nghe cháu, đã niêm phong văn khế ruộng đất và tiền bạc cất vào hòm gỗ đem về phủ [35] nha canh giữ. Đứa cháu lại khai rằng: Người chú đã chôn giấu rất nhiều tiền đồng dưới nền đất trong phòng, xin phái người vào khám xét. Phủ phái lại mục đến khám. Người chú khai: Y là tộc trưởng nhận giữ tiền của dòng họ nên phải chôn giấu, chứ không phải là gia tài, xin đòi người trong họ đến chất vấn. Lại mục không nghe, liền bắt dân phu đào khám. Người chú sai gia nhân bắt trói lại mục rồi chạy lên Tòa Công sứ gửi đơn vụ khống rằng: Phủ nha nghe xằng đứa cháu, ban đêm phái lại mục đến phá hủy nhà y. Tòa sứ bàn bạc, giao cho tỉnh cứu xét, tôi phái viên hậu bổ đến khám, rút lại mục về tỉnh nhưng dặn hậu bổ khám xong, hội đồng lập biên bản còn tiền tài vật sản đều giao cho chú cháu và tổng lý sở tại canh giữ, chứ không được đem về. Hôm sau phủ nha đem hai hòm gỗ về bẩm nạp [36]. Tôi sức giao cho chú cháu và tổng lý lập tờ nhận về canh giữ đợi cứu xét. Tôi cứu xét số gia tài này trước đã chia đều, bèn hiểu dụ người chú cho cháu thêm số ruộng tương đương số tiền 100 quan. Bọn họ đều tuân theo liền bãi nại.

Ở tám phường của tổng An Mỹ Thượng thuộc huyện Do Linh, nhân dân phần nhiều bị bệnh sốt rét, tôi bàn cần xây một bệnh xá để chữa bệnh cho

²⁴ Nay thuộc xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

²⁵ Eugène Marie Joseph Allys, Giám mục cai quản Giáo phận Huế từ năm 1908 đến 1931.

²⁶ Nay thuộc xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

dân, tại phường Nam Đông cho tiện cấp thuốc. Tòa Công sứ và quan Lục lộ đã đến nơi chọn một khoảng đất cắm mốc. Dân sở tại không kêu ca gì. Đến khi phái tên cai phu đem dân phu đến đắp nền, tên cai phu đem dài bù ngắn, lấn vào vườn nhà một đoạn. Chủ đất xin dời đổi, tên cai phu không chịu dời [37], tự tiện chặt một cây cau. Người chủ đất đến nhà thờ đạo làng ấy trình với quý linh mục. Viên linh mục ấy nói: Tên cai phu ấy bức hiếp thì bắt trói lại. Chủ đất về bắt trói tên cai phu ấy. Cai phu nhờ người báo cho quan Lục lộ, quan này trình lên Công sứ. Công sứ lại gọi điện trình cho quý Khâm sứ, nói rằng: Quý linh mục không tuân lệnh Công sứ, thửa đất ấy đã được Công sứ đích thân đến khám mốc, nay phái người khởi công, linh mục Tây lại khiến bắt trói người sai phái, làm trở ngại việc công, xin trục xuất vị linh mục Tây này ra khỏi địa phận Quảng Trị. Nếu như linh mục Tây này vẫn còn ở lại, thì Công sứ xin trở về, không làm Công sứ Quảng Trị nữa. Tòa Khâm sứ [38] tư đến Giám mục Ê-Lý. Giám mục kinh hoảng đến hỏi quan lớn Bộ Lại Nguyễn Hữu Bài. Ngài cũng ngạc nhiên không hiểu nguyên ủy. Lần ấy tôi đang về quê thăm viếng nên việc này, quan Công sứ bàn với quan Án Hồ sức giao cho viên linh mục lo liệu, hạn trong 3 ngày phải có phiếu bẩm. Được 2 ngày thì tôi trở về. Quan Án Hồ trình xin. Tôi tới Tòa Công sứ hội thương xong, về dinh nghỉ ngơi. Hai giờ chiều tôi lại đến Tòa, quan Công sứ nói: Viên linh mục Tây ngang ngược cần phải xử nghiêm. Tôi nói về khoản yếu nhân là linh mục Tây và quan Lục lộ kiện cáo nhau, thế của viên huyện khó phân xử. Chúng ta phải đích thân đến xem xét mới giải quyết được [39]. Quan Công sứ xin đi ngay. Tôi nói: “Đến nơi mà không có nhân chứng, cũng là phí thời gian, xin hẹn đến hôm sau sức cho viên huyện chuyển sức các làng, và tư cho quan Lục lộ đòi những dân phu có làm ngày ấy đến, để đôi bên đều tề tựu ứng trực tại nơi ấy, lúc ấy chúng ta mới tiện cứu xét”. Công sứ đồng thuận, bèn bàn về khoản khác. Tôi kể lại ngày trước thấy quan Lục lộ phái người làm không hợp, nhiều lần gây ra việc, việc ngày nay có thể là người của y sai phái có chút gì không đúng nên chưa thể biết được, xin chớ nghe lời mà nhậm lẩn. Quan Công sứ giận hẹn rằng cứ theo lẽ công cứu xét, nếu như người do quan Lục lộ sai phái có sai trái gì thì cứ nghiêm trách [40] để trừ tệ hại. Tôi xin y theo lời hẹn, trở về lỵ sở sức cho thi hành. Ngày kế tiếp tôi và quan Án cùng với Công sứ và quan Lục lộ đến nơi, trước hết là xét các mốc thấy rộng hơn. Tôi hỏi quan Lục lộ rằng: “Sở này vốn trừ tính chỉ có 800 đồng, mua nhà cũ 500 đồng, còn 300 đồng chi nhân công vật liệu, còn sợ không đủ. Nay cắm mốc vào đất tư, phá hoa màu, tại sao lại như thế?”. Quan Lục lộ nói quan Công sứ muốn cho rộng như thế. Tôi bàn rằng: “Sở này bất quá chỉ làm một ngôi nhà, phái một người khán hộ cấp thuốc, đến đây tạm trú cấp phát mà thôi, không có phòng bệnh, nhà hộ sinh, lấy đất rộng để làm gì. Tôi nghĩ cần phải thu gọn lại, chỉ cần 1 mẫu hoặc 1 mẫu 2 sào là đủ”. Quan Công sứ cũng đồng ý, bèn sức dời [41] mốc, chỉ lấy đất trống chừng 1 mẫu. Sau đó khám việc cai phu đã chặt phá 1 cây cau, các cây chè và cây tạp 8 gốc, so với mốc trước đây thì xâm lấn vào đến nửa nhà dân, chặt phá đến 30 cây. Công sứ nói: Ngày trước đích thân đến cắm mốc không hề lấn vào vườn nhà. Tôi bèn chất vấn cai phu cố sao lại dời mốc. Y khai rằng: “Quan Lục lộ phái y đến đây đo đạc, lấy

2 mẫu đất ở giữa để đắp nền. Nguyên các cây mốc ở 4 góc y đều dời từ đông sang tây, cắt dài bù ngắn để được vuông vức ngay thẳng cho nên phải lấn vào vườn nhà, nhưng chỉ đủ 2 mẫu chứ không hơn. Kỳ hạn đã đến, y bắt chặt phá bồi đắp nền, nhưng chủ đất đã bắt trời không cho y làm”. Người chủ vườn khai rằng: “Quý quan cắm mốc lấy đất không đến vườn nhà, nhưng viên cai phu đến lại dời cây mốc xâm lấn vào vườn, bắt y phải triệt hạ nhà, chặt phá cây cối, y xin đừng triệt hạ và chặt cây. Người cai phu ấy không cho. Y phải tới trình với quý linh mục mời đến nói giúp. Quý linh mục nói rằng viên cai phu ngang ngược thì bắt trời lại. Y thấy viên cai phu chặt cau, chèn y chạy về bắt trời”. Tôi nói rằng: “Bên này bên kia đều sai, người cai phu thay đổi mốc xâm lấn vào vườn nhà dân cần phải làm phiếu trình với Công sứ. Quan Lục lộ vì sao lại sức tự tiện chặt cây. Chủ vườn nếu có bất bình thì phải trình với Lý trưởng, bẩm lên huyện tỉnh. Viên linh mục không can dự vào việc dân chính, cơ sao mới nghe trình lại vội khiến bắt trời. Chủ vườn vốn nên trị tội nhưng đã [43] bị tổn hại nên hãy tha. Cai phu làm việc tự tiện đến nỗi gây chuyện phải bị đuổi đi không được làm ở sở này. Còn Lý trưởng không biết chức phận khiến cho làm việc công, nên lập tức bãi việc. Hương bộ không khéo khu xử, khiến cho công sở này chậm trễ nên phạt 20 công bù vào việc đắp nền khiến cho kịp việc. Ngoài ra hãy đình xét”. Quan Công sứ cũng thuận theo. Người xung quanh gần đó đến xem rất đông, cả lương và giáo đều bằng lòng.

Tôi cùng quan Công sứ trở về. Giữa đường gặp quan lớn Bộ Lại [Nguyễn Hữu Bài] đi ra phía bắc, dừng xe lại hỏi han. Quan lớn ban đầu có vẻ lo lắng, đến khi nghe tôi trình bày về việc hiểu dụ xử trí xong xuôi, ngôi nhà thương ấy hôm nay cũng tiếp tục khởi công, quan lớn hài lòng, nói với quan sứ rằng [44]: “Quan Tuân vũ chính sự thành thạo, xử trí hợp cách, phạm có việc gì nên cùng xét đoán mới được ổn thỏa, chứ đừng hấp tấp nóng giận”. Quan Công sứ cũng vui vẻ thuận theo, bèn chia tay. Tôi lên xe nói với quan sứ rằng: “Quan lớn Bộ Lại khuyên đại nhân chớ nóng nảy là vì đại nhân xin đuổi hết linh mục Tây”. Quan sứ cười nói: “Chính thế”. Tôi lại nói rằng: “Đại nhân nói ra lời này có kể cho là chưa kịp lượng xét ai có lỗi cần phải trị không nể nang, nhưng xin đuổi hết thì không khỏi gây hiềm khích, nên cần suy nghĩ kỹ”. Quan sứ hiểu ra, nói rằng đến khi về Tòa sẽ viết thư gửi cho quan Khâm sứ xin hủy tờ thư trước, đình chỉ thi hành. Từ đó quan lớn Bộ Lại và Giám mục Ê-Lý đều phục cách xử trí của tôi.

Lý trưởng đương chức của làng Ngô Xá⁽²⁷⁾ đầu đơn kiện các Lý trưởng, Hương bộ trước đã tự tiện bán công điền [45], xin thu lại tất cả để quân cấp. Tôi xét sổ ruộng ấy đã mua bán luân lưu từ ba mươi năm trước. Lại xét sổ bộ điền thổ có số ẩn lậu chưa quân cấp hết, bèn sức khám đạc, thấy số công điền nhiều hơn trong sổ bộ, trừ số đã bán trên còn thiếu 3 mẫu, tôi sức cho người mua tùy theo nhiều ít trả lại cho đủ nguyên số công điền trong sổ bộ. Nhưng nguyên đơn kêu nài muốn thu lại tất cả, bèn hỏi lộ cho người bồi của quan Công sứ là Cửu Vinh nhờ quan Án xin sửa đổi. Tôi không chịu.

²⁷ Nay thuộc xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Lại có người ở làng Thạch Hãn⁽²⁸⁾ kiện giành gia tài, nguyên đơn đã hối lộ cho Cửu Vinh, tôi xử quy về bên bị đơn thắng kiện. Quan Án nói rằng: “Hai vụ kiện này đại nhân đã xử như thế sợ trái ý [46] của quý Công sứ”. Tôi nói: “Tôi chỉ chiếu theo tình lý mà xử, ý kiến quan sứ thế nào thì tùy”. Đến kỳ hội thương duyệt phiếu, quý Công sứ đem hai đơn này ra hỏi lại, tôi trả lời theo sự lý đã xét, quan Công sứ không vui, nói rằng tôi thiên về trách phạt, làm quan mà không thương dân nghèo. Tôi trả lời: “Việc điền thổ phải xét văn khế, sổ bộ; việc gia tài cần xem chúc thư; tôi đã xét kỹ tùy theo tình lý, nắm lẽ công để xử đoán, giàu nghèo đều quân phân lợi ích, nếu thiên vị hay nghe lời xúi giục theo bọn thầy kiện thì chỉ là đối trá, dân không được thắm nhuần ơn huệ. Nay chỉ nói qua, không thể giải thích tường tận, đợi đại nhân duyệt kỹ tờ tư, tùy đại nhân xử trí, tôi không có ý gì khác, ắt không cần biện bạch nhiều”. Quý Công sứ im lặng nghe, về sau khi duyệt hai bản án này [47] bút phê vào phiếu, đều y theo lời tôi. Điều đó làm cho quan Án ngạc nhiên, mặt có sắc thẹn, nhưng cũng chẳng biết làm sao.

Quan Công sứ đi kinh lý sở hóng mát ở Cửa Tùng⁽²⁹⁾ sức cho dân dời các phần mộ cũ vốn táng ở bờ biển, dân kéo lên tỉnh kêu khóc. Tôi đích thân đi khám xét, chọn một mẫu đất trống cho dân dời mộ và bàn trích công ngân cấp trả tiền mua đất. Dân sở tại đều cảm kích.

Quan Lục lộ La-Pha-Lãng⁽³⁰⁾ trình với quan Công sứ rằng hai bên quan lộ, nhân dân phân nhiều trồng tre, mưa động rơi xuống làm mặt đường hư hỏng, bóng râm che khuất ánh nắng làm cho đường sá bị ẩm thấp, cần phải sức khắp cho dân dời các hàng tre ở hai bên cách chân đường 15 mét.

Quan Công sứ tư cho tôi chuyển sức. Tôi bàn nói rằng: “Các hàng tre này được trồng sáu, bảy mươi năm nay, trước nay không ai dị nghị. Từ Nam chí Bắc, hai bên đường quan xanh ngắt, các tỉnh khác chưa từng thay đổi, riêng tỉnh ta bắt dời, không khỏi nhân dân ven đường ta thán, làm phương hại đến chính thể. Trừ đoạn đường nào khám xét thấy tre lấn ra mặt đường mấy thước thì sức dân chặt đi [48] ngoài ra vẫn để như cũ, mới khỏi hại dân”. Quan Công sứ hợp ý bèn đình sức. Quan Lục lộ bất bình, nhân việc tôi xin trích 500 ngày công ích để tu bổ đường sá trong thành và bốn phía hồ, nhưng bắt làm chưa hết [số công], quan Lục lộ ngầm nói với quan Công sứ rằng: Công việc chưa hết 300 công, tôi đã thủ lợi 200 công. Quan Án cho là quan ngại, trở về thuật lại. Tôi nói: Quan Lục lộ không có quyền tra xét việc tỉnh, cần gì phải sang đối thoại. Đến kỳ hội thương, tôi bàn với Công sứ mời quan Lục lộ đến. Tôi nói ngay trước mặt rằng: “Ngày công ích là công để dành làm công dịch trong tỉnh, tôi là Nam

²⁸ Thời Nguyễn thuộc tổng An Thái, huyện Hải Lăng, nay thuộc thị xã Quảng Trị.

²⁹ Khải Định Năm thứ 8, 1923 “Chuẩn lập bãi tắm ở tấn Tùng Luật (thuộc tỉnh Quảng Trị, tục danh Cửa Tùng. Tùng Luật trong niên hiệu Duy Tân có dựng ngự sở Thừa Lương, tháng 5 năm Khải Định thứ 3 [1918] dời dựng sở Thừa Lương ở xã An Cư huyện Phú Lộc phủ Thừa Thiên, đến lúc ấy phủ Toàn quyền nghị lập một bãi tắm ở bãi biển ấy để được đông người, nên có lời chuẩn ấy). *Thực lục Đế thất kỷ*, Sdd, tr. 419.

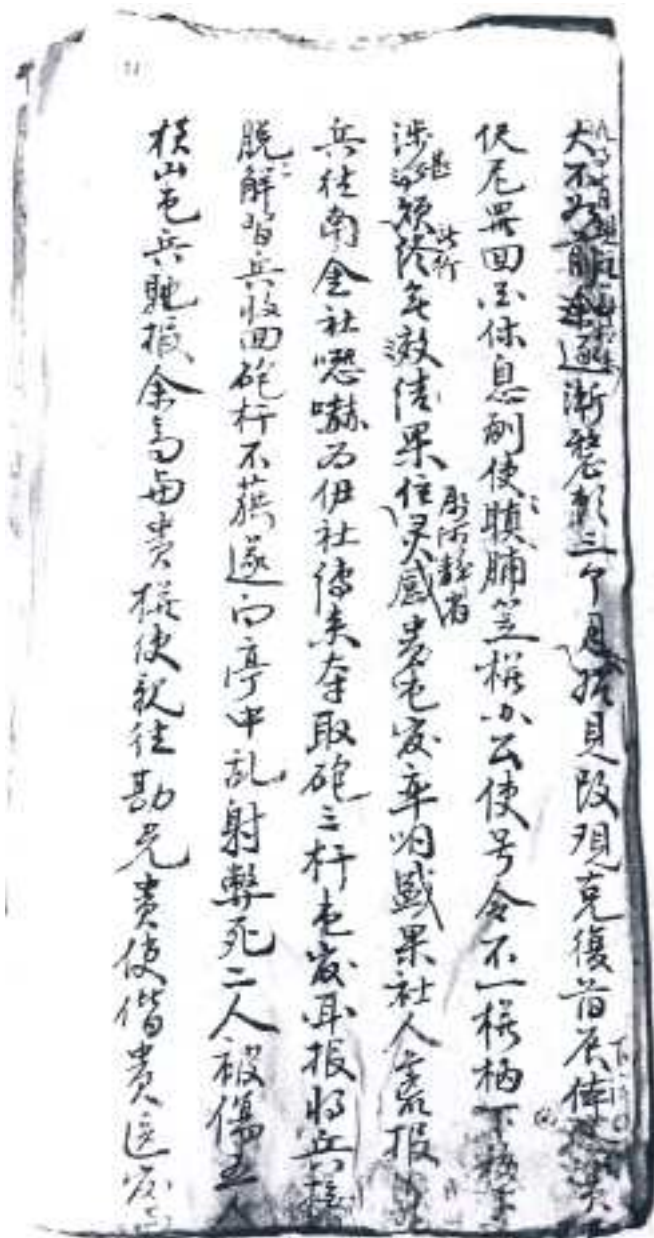
³⁰ Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

thủ hiến của tỉnh có quyền sử dụng công ích. Nếu như tôi muốn ăn cấp, thì phải ăn cấp hàng nghìn hàng vạn đồng bạc [49] còn như mấy trăm ngày công tôi không thèm ăn cấp nhỏ nhặt như bọn cai phu. Nếu quan sứ có nghi ngờ thì xin thiết lập hội đồng cứu xét”. Quan Công sứ nói rằng: “Tôi và đại nhân là bạn tâm phúc, không có nghi ngờ gì, xin đừng để ý đến lời bọn phàm tục. Tôi cũng chưa từng khinh suất nghe theo, xin chớ nói lại nữa”. Viên quan Lục lộ hổ thẹn rút lui. Y vốn là kẻ xảo trá, háms lợi, khéo xu nịnh quan sứ, nói xấu đồng sự, quan Giám binh và quan thầy thuốc đều không thích, hai bên chia bè phái. Quan Án thì xu phụ cả hai bên, sáng đến quan Lục lộ, chiều đến quan Giám binh, nay thăm quan thầy thuốc mai thăm quan Phó sứ, luôn vòng không rảnh. Tôi thì phó mặc, chỉ khi nào gặp họ mới bắt tay chào hỏi sức khỏe mà thôi.

Gần ngày tết quan lớn Bộ Lại trở về nhà riêng ở Phước Môn, quan Án rủ tôi đến thăm. Tôi cùng đi, quan Án mang theo lễ vật, tôi chỉ đi tay không. Đến nhà riêng, quan lớn mời vào trò chuyện về tình hình gần đây trong kinh, nhân nói đến việc quan Khâm sứ phái Vương Tứ Đại đến cứu xét vụ kiện ở phủ Thiệu Hóa [tỉnh Thanh Hóa] của Tri phủ [50] Hồ Đắc Bích.⁽³¹⁾ Quan lớn Bộ Lại nói rằng: “Các quan tỉnh Thanh Hóa quá vụng về làm liên lụy đến Hồ Đắc Bích. Hồ Đắc Bích vốn là người mẫn cán, văn án linh hoạt hơn hẳn quan Án tỉnh ta nhiều, vụ kiện này y như việc ở làng Giáo Liêm tỉnh ta, cũng là chú cháu tranh giành gia tài, quan lớn tỉnh ta đã khéo xử trí, nên quan nha phủ Triệu Phong đều khỏi tai tiếng. Vụ kiện ở Thiệu Hóa, các quan tỉnh để chậm trễ đến 3 tháng, chưa từng xử đoán, nên bị đơn ức tình vào kinh đón xa giá kêu nài thành ra một vụ án lớn. Quan Tổng đốc Thanh Hóa thật là bất lực. Nếu như gặp quan lớn đây thì đâu đến nỗi”. Tôi nói qua chuyện khác, chốc lát rồi xin cáo từ. Trở về vừa ra đến [51] cổng sắp lên xe, quan Án than thở riêng rằng: Một người đi tay không mà cười nói vui vẻ, lại được khen ngợi, còn ta cung kính, đầy đủ lễ vật lại bị mạt sát, đáng hận thay. Tôi hỏi khen ngợi gì, mạt sát gì. Quan Án nói rằng: Quan lớn Bộ Lại nói đại nhân khéo xử, giỏi hơn Tổng đốc Thanh Hóa không phải là khen ngợi sao. Còn nói tôi văn án không linh hoạt bằng Hồ Đắc Bích, chẳng phải là mạt sát sao. Tôi nói: Đại nhân có đem theo lễ vật thế mà chẳng báo cho tôi biết để cùng lo cho hợp nhân tình, cứ âm thầm lo riêng lễ vật, nên bị tạo hóa ghét ghen cũng phải, quá khéo như thế còn oán trách gì. Quan Án tỏ ra rất hối hận. Quan vốn tự thị tài trí, cùng làm việc một năm không thấy thi thố được gì.

Đầu xuân năm Khải Định thứ 8 [1923] [52], tôi được dụ chuẩn cho thăng thự An Tĩnh Tổng đốc, thay thế Trần Đình Bá cải bổ Thượng thư Bộ Hình sung Cơ Mật Viện đại thần. Tôi về kinh bá mạng, yết kiến dưới bệ, Hoàng đế sắc tặn mặt rằng: “Khanh làm Tuần vũ Quảng Trị một năm, việc hành chính đến với dân phần nhiều xứng chỉ. Nghệ An là một trấn lớn của Trung Kỳ, là đất văn hiến, nhiều người cứng cỏi, quý quan bảo hộ mọi khi đều nói là khó chế

³¹ Khải Định năm thứ 7 (1922), Tri phủ Thiệu Hóa Hồ Đắc Bích bị dân tố cáo lạm quyền hà hiếp người dân, triều đình sai Vương Tứ Đại (Phủ doãn Thừa Thiên) làm khâm phái tra xét. Đắc Bích bị giải về kinh, bị kết án cách chức, thu lại tất cả các bằng sắc. Tòa Khâm sứ can thiệp, kết quả Đắc Bích chỉ bị giáng hai cấp và điều bổ. *Thực lục Đệ thất kỷ*, Sdd, tr. 395-396.



Trang 56, quyển 4, vụ án lính đồn Linh Cảm
bắn người dân làng Nam Kim.

xong xuôi mới lên đường nhận chức, răn dạy gia nhân lấy cần kiệm lễ nhượng làm mục đích.

Đến lý sở, liêu thuộc đón mừng, nhiều người quen biết cũ, tình ý tỏ bày, cũng lấy hai chữ cần [54] kiệm và lời răn kẻ làm quan mà khuyên răn thuộc viên ở phủ huyện, dặn dò lấy sự không kiêu căng làm đầu, khảo xét quan viên trong hạt, dặn dò hãy về khuyên con em học cho bản thân mình, dốc theo thực nghiệp, chớ vì hư văn, việc học đều lấy việc tôn quân, thân người trên, lễ nghĩa liêm sỉ làm tôn chỉ, tứ dân đều trọn bốn phận mới mong tiến bộ.

ngự, nắm vững đường lối mới mong yên ổn. Khanh từng cai trị nơi này, tình thế vốn am hiểu, nên ủy Khanh hãy đem hết học thức để đền đáp giảm mệnh”. Tôi khấu đầu vâng sắc, tâu xin lưu lại nhà 5 ngày để chỉnh bị hành trang rồi sẽ kính cáo từ, lên đường nhận chức. Được ban mệnh chấp thuận. Lui ra gặp quan lớn Bộ Hình Trần Phước Trang [tức Trần Đình Bá] mời lưu lại vào bộ đường, trò chuyện một đêm, nhân đó gợi gắm các việc đang làm, xin tôi chiếu cố, nói rằng Bó chính Lê Hoàn có lòng phản trắc, sợ sẽ phá hoại. Tôi nói: Đã có sự thành toán chớ lo. Chuyện trò đến nửa đêm [53] tôi cáo từ trở về ngủ, nhưng không ngủ được, kính nghĩ đến lời vua dạy “đem hết học thức để đền đáp giảm mệnh” vừa mừng vừa sợ về việc được giao trọng trách ắt phải đem sở học thi thố mới không trở ngại chằng. Lại nghĩ trước hết phải chính tâm, tùy việc mà đối phó, gốc vững nên đạo nảy nở, xưa nay cũng cùng một lý, vả lại phải cần kiệm mới đủ nuôi dưỡng liêm khiết, lời răn của thánh hiền há dám coi thường. Ta phải duy trì mới thư được nỗi lo lắng. Bèn cáo yết từ đường, thăm viếng phần mộ

Lúc đó Công sứ Nghệ An là Xích-Ni-La⁽³²⁾ sắp đến kỳ nghỉ hưu, nên theo lẽ thường làm việc, chuyện giao thiệp cũng giản dị. Nhưng công việc các ty Hình, Hộ đọng lại còn nhiều, tôi đi hành hạt xét hỏi hiện tình trong một tuần lễ, rồi trở về tỉnh đốc sức hai ty ấy theo thứ tự giải quyết các việc trước đây. Hỏi ra có hai vụ tranh giành địa phận giữa làng Dương Phố và làng Dương Liễu, giữa Hoàn Sơn và Nam Kim,⁽³³⁾ không thỏa mong ước nên đón xa giá khiêu nại. Kính chuẩn giao về cứu xét lại. Nguyên quan Tổng đốc trước xử cho Hoàn Sơn và Dương Liễu thắng lý, nay Dương Phố và Nam Kim dâng [55] phiếu kêu khẩn xin sửa lại, mỗi làng nguyện hối lộ một ngàn đồng. Tôi không chịu nhận sửa lại, chỉ châm chước xử ổn thỏa, xét kỹ chứng cứ sổ bộ phân minh, tư về bộ y như trước. Phước Trang Trần Đình Bá gửi thư cảm tạ, nhớ lại một đêm trước đây đã ân cần dặn dò chỉ sợ vàng bạc làm đen lòng người. Trong hạt biết chí hướng tôi không cốt làm giàu, từ đó không dám tư túi. Quan Bố chánh là Lê Hoàn cũng biết tuân thủ chức phận, cung kính liêm nhượng, tôi chân thành hòa hợp cùng nhau giúp đỡ. Việc chính trị trước đây có nhiều cẩu thả sơ lược, nghĩ đến việc tôi hiện đang cầm quyền, quan Bố chánh [56] hoàn toàn không giống như trước, phàm có việc gì khó xét, nay đã kiểm lại, bèn tạm chỉnh đốn, sau ba tháng mới thấy thay đổi khá hơn, khắc phục sai sót ngày trước.

Quan Công sứ Xích-Ni-La trở về nước nghỉ hưu. Phó Công sứ là Sân-Bô-Lạp⁽³⁴⁾ quyền nhiếp chức vụ, hiệu lệnh bất nhất, thay đổi cấp dưới, việc giao thiệp rất phiền nhiễu, việc làm chẳng có kết quả.

Quan coi đồn Linh Cảm thuộc tỉnh Hà Tĩnh sơ suất nghe người làng Thịnh Quả⁽³⁵⁾ báo cáo láo, đã phái lính tập đến làng Nam Kim hống hách, bị dân làng ấy trói lại, đoạt lấy 3 cây súng. Quan đồn nghe báo, đem lính tiếp ứng giải thoát. Lính tập thu hồi súng không được bèn bắn bừa vào trong đình, làm chết 2 người, bị thương 5 người. Lính đồn Hoàn Sơn cấp báo, tôi bàn với quyền Công sứ đích thân đến khám xét. Công sứ đem quan thầy thuốc cùng [57] viên cấm⁽³⁶⁾ và người thông dịch. Tôi đi cùng với quan Án sát và nhân viên của tỉnh. Quan sứ muốn đến đồn Linh Cảm trước để hỏi quan đồn. Tôi không thuận, bàn với quý sứ đi thẳng đến Nam Kim, đồng thời điện cho quan Công sứ Hà Tĩnh cùng đến Nam Kim và sức cho quan đồn đến để chất vấn. Quan quyền Công sứ bất đắc dĩ cùng đến Nam Kim, nhưng không chịu điện cho Tòa sứ Hà Tĩnh.

Khi đến nơi thì quan đồn đã đem lính và súng trở về, chỉ còn 4 tên bị trói. Xét hỏi thì làng Nam Kim khai rằng chỉ vì bọn trẻ chăn trâu làng Nam Kim tranh giành lấy phân trâu, người làng Thịnh Quả ra đánh, trẻ chăn trâu nằm vạ, làng Nam Kim không chịu nhận bọn ấy về. Người làng Thịnh Quả nhờ

³² Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

³³ Thời Nguyễn, các làng Dương Phố, Dương Liễu, Hoàn Sơn và Nam Kim đều thuộc tổng Nam Kim, huyện Thanh Chương, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

³⁴ Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

³⁵ Thời Nguyễn thuộc tổng Thịnh Quả, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, Hà Tĩnh.

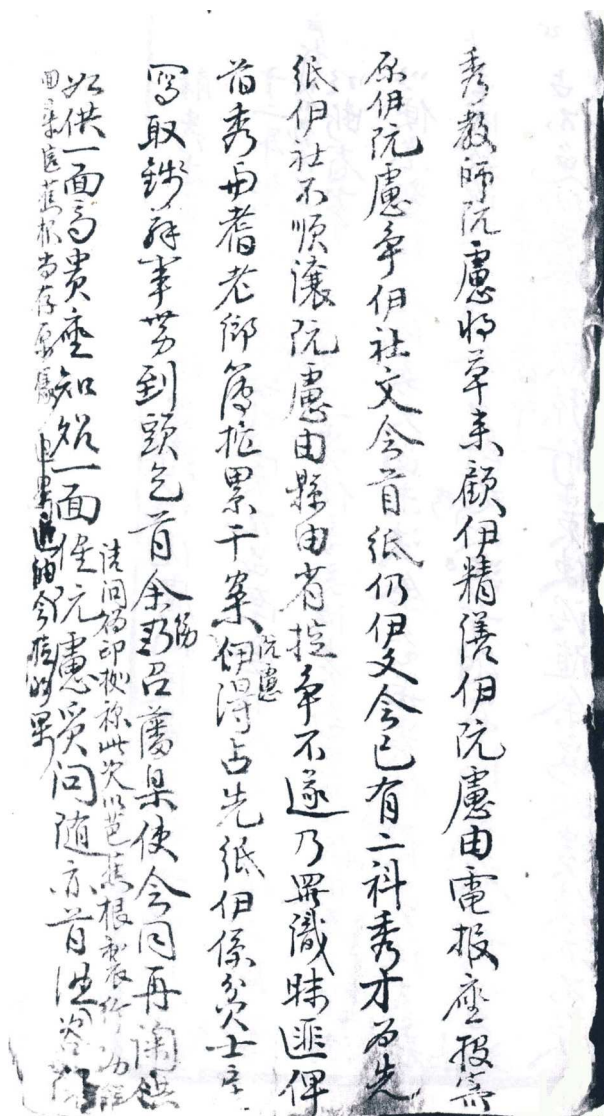
³⁶ Bản gốc viết chữ Hán là cấm-mi-xa, tức phiên âm từ chữ Pháp commissaire (de police): viên cấm cảnh sát, viên cò...

anh đội lính tập⁽³⁷⁾ [58] đến nơi phân xử. Viên đội đem lính đeo súng bắt dân phu gánh bọ trẻ ấy trở về Nam Kim, bảo bọ chủ nhà ra nhận. Bọ này cũng không chịu nhận. Bọ lính tập vào làng bắt lý trưởng biên nhận. Lý trưởng thấy bọ này hoành hành ức hiếp nhân dân, liền trói 4 tên lính tập, tước 3 khẩu súng. Bọ lính còn lại chạy về đồn báo, quan đồn đem 20 tên lính về Nam Kim bảo trả người và súng. Lý trưởng không nghe sai dân phu cố thủ. Quan đồn sai lính bắn bừa vào trong đình. Lý trưởng liền đem mấy tên lính bị trói cùng mấy khẩu súng đi giấu nơi khác.

Quan Đề đốc đồn Hoàn Sơn nghe tiếng súng đến cứu viện. Thấy tình hình như vậy, sai biên binh cùng với người làng về tỉnh báo. Lại chất vấn các tên lính tập bị giữ đều khai y như lời người làng Nam Kim. Khám xét thấy 2 người bị chết vì đạn, 5 người bị thương, 1 người rất nặng, 4 người khác mỗi người bị từ 2 đến 5 vết thương nhẹ. Lại khám xét trong và ngoài đình thấy 22 vết đạn. Đã hội đồng vẽ họa đồ, lập án, các quan Tây, quan Nam và tổng lý sở tại [61] đều ký và đóng dấu. Hai người chết, tạm chi công ngân giao thân nhân và hào lý sắm hòm và vải mai táng, các người bị thương thì bắt dân phu gánh lên nhà thương tỉnh điều trị. Người bị thương nặng cách ngày sau cũng chết. Khám xét trọn ngày đến chiều tối mới xong. Quan sứ đòi tôi theo đường Thịnh Quả trở về, ngang qua đồn Linh Cảm, quan sứ ghé vào cùng quan đồn nói chuyện, lát sau ra bảo rằng: “Người Nam Kim làm phi pháp khiến cho quan đồn đem lính đi tuần. Làng Nam Kim không tuân lệnh nên xảy ra việc này. Nay cần lưu quan Án ở lại đây cùng với quan đồn trở lại làng Nam Kim xét hỏi”. Tôi nói rằng: “Quan đồn Linh Cảm tự tiện đến Nam Kim [62] bắt dân chính là bên bị, không được cùng xét hỏi. Chỉ có quan Án và quan tòa án Tây mới được dự hội đồng xét hỏi”. Quan sứ nói rằng: “Thiếu chức bàn ủy quan Án không được hay sao?”. Tôi nói: “Ủy hay không, tôi không dám hứa, xin trở về tỉnh điện trình Viện Cơ Mật bàn với Tòa Khâm sứ ban phiến chỉ dạy mới theo đó thi hành”. Quan sứ bắt đắc dĩ phải thuận cùng trở về. Tôi trở về tỉnh đem tình hình điện vào trình Viện Cơ Mật, sau đó nhận được bản lục nói rằng khoản này giao cho bề tôi ở tỉnh bàn với Công sứ cứu xét. Tòa Khâm sứ cũng giao 300 đồng, 3 người chết mỗi người được cấp 80 đồng, 3 người bị thương mỗi người cấp 20 đồng. Tôi bàn cùng Công sứ lần đi cứu xét này phải đòi lính tập và người làng Thịnh Quả đến chất vấn. Lời khai đại lược cũng như lời khai của người làng Nam Kim và bọ lính tập lần trước. Luận rằng: Viên thập trưởng lính tập giết người chiếu lệ côn đồ hung ác [63] xử khổ sai 13 năm, các tên khác bị lưu [đày] hay phạt đồ [giam], viên quan đồn Tây thì do Tòa Khâm sứ xét xử. Bản án được đệ về kinh chờ phúc.

Chỉ có bản án quan đồn Linh Cảm và lính tập gây chuyện, thì quan Công sứ muốn giảm nhẹ. Tôi kiên quyết theo luật lệ, quan Công sứ cũng không cưỡng lại, trình quý Khâm sứ hội thương với Viện Cơ Mật quyết định, viên quan đồn thì giao cho Hội đồng Bình chính Hà Nội nghị xử, các lính

³⁷ Nguyên văn viết là thập trưởng, người đội coi 10 lính.



Trang 67, quyển 4, vụ án Nguyễn Lự tranh chức thủ chỉ Văn hội làng Nam Kim.

tập khác thì cho chuộc, chỉ giam viên thập trưởng. Tôi đã tâu chuẩn y⁽³⁸⁾ [64].

Lại nhận được Tòa sứ báo rằng: Hội đồng Bình chính Hà Nội xử quan đồn Linh Cảm bị cách chức, trục xuất về Pháp. Quan sứ báo: “Án này quá nặng”. Tôi nói rằng: “Theo luật nhà binh xử như thế là nặng. Còn chiếu theo hình luật thì xử như thế là quá nhẹ. Quan đồn vô cơ bắn chết 3 mạng mà chỉ miễn chức thì có nặng gì”. Quan sứ nói: “Quan tòa án cho là quan đồn chỉ do hoảng hốt mà làm sai, chứ không cố ý”.

Lại nhận được điện báo quan Tham biện hạng nhì là Sa-Tiên⁽³⁹⁾ được bổ làm Công sứ Nghệ An, quan Sân-Bô-Lạp vẫn làm Phó công sứ. Quan Công sứ mới vừa đến đã chỉnh đốn công việc, dần có trật tự, thực hiện chính sách khoan hồng, việc hội thương mới nhanh chóng, tôi mới vui vẻ hợp tác.

Hội Quảng tri mời tôi làm Hội trưởng danh dự, tôi thuận nhận, bàn định chương trình, ngoài các khóa giảng thường xuyên, còn mời các nhà chuyên môn về công chánh, thương chánh, lâm chánh chia phiên giảng dạy, tóm tắt các môn dịch ra

³⁸ Sự việc này được *Thực lục Đế thất kỷ* chép như sau: “[Khải Định năm thứ 8, 1923]... Nhân dân xã Nam Kim (thuộc tỉnh Nghệ An) bị quan binh đồn Linh Cảm xả súng bắn khiến nhiều người chết và bị thương (chết 8 người, bị thương 4 người)... Bể tôi ở Viện [Cơ Mật] bàn bạc xong phúc đáp cho quan tỉnh Nghệ An là bọn Tôn Thất Đản tra xét thi hành. Về sau tỉnh ấy tư nói đã nhận điện văn của Khâm sứ đại thần nói xin chiếu theo khoản chi gấp cấp cho thân nhân 8 người bị bắn chết... đều 100 đồng, những người bị thương đều 20 đồng (cộng 880 đồng), đã sức cho huyện viên Nam Đản tới tận nơi cấp phát... Về sau tỉnh ấy đệ bản án lên Cơ Mật Viện thẩm duyệt (tháng 3 năm Khải Định thứ 9) nghĩ những lính tập nổ súng là Lê Ý, Nguyễn Cần, Phạm Dương (khai man là ăn cướp) đều kết án 100 trượng, đày đi 3.000 dặm đổi thành khổ sai 9 năm, Phạm Huy Gia (Chánh tổng) kết án đánh 80 trượng, bắt giam 9 tháng. Tới như quý quan đồn theo lẽ phải chịu tội thì xin do quý Tòa nghiêm trị, đã qua bàn bạc ý hợp bèn dâng phiến tâu lên, vua chuẩn theo lời bàn”. *Thực lục Đế thất kỷ*, Sdd, tr. 431-432.

³⁹ Túc Yves Charles Châtel, sau làm Khâm sứ Trung Kỳ (1931-1934).

chữ Quốc ngữ để học sinh biết được việc cần dùng hàng ngày, sức cho trong hạt người nào biên soạn sách nông nghiệp đệ trình, xét ra thi hành được thì đề nghị khen thưởng. Tôi hiểu thị các quan phủ huyện, thân hào kỳ lão, tổng lý khuyên nên lập “xã thương”,⁽⁴⁰⁾ lập hội trợ học, lại sức khám xét cầu cống, đường sá, các sông hói vệ nông trừ liệu sửa chữa, khơi thông để nông thương thuận tiện.

Tri huyện Nghi Lộc là Lê Thước bị can về khoản dân kiện, tang chứng còn nghi ngờ, tôi bàn tư về bộ, xin viên ấy đổi về Can Lộc [59], đem Tri huyện Can Lộc là Nguyễn Trác điền thế làm Tri huyện Nghi Lộc.

Tri huyện huyện Nghĩa Đàn Phan Văn Lang bị ông quan đồn Nghĩa Hưng tố giác là ăn hối lộ, quan Công sứ đã tư cho quan Tổng đốc tiền nhiệm triệu hồi về tỉnh tạm sung làm hậu bổ để cứu xét, lại đem viên hậu bổ Nguyễn Trinh quyền nhiếp việc huyện. Tròn một năm cứu xét vẫn không xong, xin để lại. Tôi đòi các nhân chứng đến xét hỏi mới biết là quan đồn vì hiềm thù riêng mà dựng chuyện, chứ Phan Văn Lang vô can, bèn tư với Tòa sứ, trình về bộ cho phục chức làm Tri huyện. Bộ đã chuẩn y.

Một tháng trước tôi nhận được tờ tư của Viện Cơ Mật nói rằng nhận được tờ mật báo của Tòa Khâm sứ nói có người đưa thư báo cáo người làng Nam Kim trong hạt mưu đồ nổi loạn, thông đồng với dư đảng Hoàng Hoa Thám nhận ngụy chức, có đủ bằng sắc giấy tờ rõ ràng, Viện đã vãng phiên chuẩn giao cho tỉnh cứu xét [65]. Tôi xem kỹ bằng sắc giấy tờ thì nghi là do hiềm thù mà bày đặt ra, bèn cất thư vào rương, không cho nhân viên trong dinh biết và mật phái người dò xét. Cách 5, 6 ngày nhân ngày phiên chợ Vĩnh,⁽⁴¹⁾ gia nhân là Lê Quang Thiện đi chợ nghe ngóng, gặp hai người đang nói chuyện với nhau. Ất hỏi Giáp rằng đã thấy huyện tỉnh có trát nã bắt chưa? Giáp trả lời chưa. Ất hỏi: Hay là thư ấy thất lạc không tới? Giáp bảo: Tôi gửi bảo đảm, có biên lai, làm sao mà thất lạc. Lê Quang Thiện liền trở về thuật lại. Tôi phái thêm người thư ký⁽⁴²⁾ là người địa phương đi theo Lê Quang Thiện lại tới chợ xem mật. Lát sau trở về mật bẩm: Một người là Hồ Sĩ Thao, học trò ở Hà Tĩnh, trước có làm thư ký ở Ty Án sát [66] năm nay bỏ về quê không trở lại. Một người là Tú tài giáo sư, người làng Nam Kim, năm trước đã làm đơn kiện người làng ấy, nhiều lần đến tỉnh. Y quen mặt nhưng không biết tên. Tôi bèn cho người thư ký ấy 1 đồng, dẫn đến chợ phiên gặp Hồ Sĩ Thao mời ăn uống chuyện trò, rồi theo sau y về tận nhà dò xét, tùy cơ mà lấy giấy tờ chữ viết của Sĩ Thao. Y tuân hành. Đến chiều y đem về một tập giấy tờ. Tôi đem so sánh với chữ viết trong thư tố cáo do Tòa Khâm giao lại cho Viện, thì thấy phù hợp, liền mật đòi Hồ Sĩ Thao đến chất vấn. Y thú nhận, khai tờ thư và các bằng cấp ngụy, trát ngụy đó đều là do Tú tài giáo sư [67] Nguyễn Lự người làng Nam Kim thảo ra, thuê y viết tinh. Nguyễn Lự đã gửi cho Tòa Khâm. Nguyễn Nguyễn Lự tranh giành chức thủ chỉ của Văn hội làng y, nhưng Văn hội ấy đã có người đỗ hai khoa Tú tài làm tiên chỉ, nên làng ấy không thuận nhường cho y. Nguyễn Lự đã kiện lên

⁴⁰ Túc kho thóc dự phòng của làng.

⁴¹ Túc về sau gọi là Vinh. Địa danh này có nhắc lại ở sau, cũng như thế.

⁴² Nguyên văn dùng từ “bút sĩ”, tạm dịch là thư ký.

huyện lên tỉnh để tranh giành nhưng không được, bèn thêu dệt chuyện này để cho viên cựu Tú tài, và các kỳ lão, hương bộ bị can án, còn y sẽ chiếm ngôi tiên chỉ. Y [Hồ Sĩ Thao] chỉ là học trò nghèo, viết thuê để lấy tiền. Nay sự thế bị phát giác ra, xin thú nhận. Tôi sức quan Bố chánh, Án sát hội đồng thẩm xét cũng y như lời cung, bèn một mặt gửi tờ tư thương cho Tòa Công sứ biết rõ, một mặt đòi Nguyễn Lự đến chất vấn, y cũng thú nhận. Hỏi về án ngục đóng ở giấy tờ, y khai là đã lấy gốc chuối gọt làm. Bắt y về tìm gốc chuối ấy, đem so ra đúng thực. Tôi trình về Viện [68] tước bằng Tú tài và hàm cửu phẩm, tống giam, xử tội “giáo giam hậu”,⁽⁴³⁾ Hồ Sĩ Thao 12 năm khổ sai, Lê Quang Thiện và viên thư ký được thưởng cửu phẩm. Người làng Nam Kim vô can, nghe thế đều phục tôi xử đoán sáng suốt, đã giải việc tỉnh còn rành việc huyện.

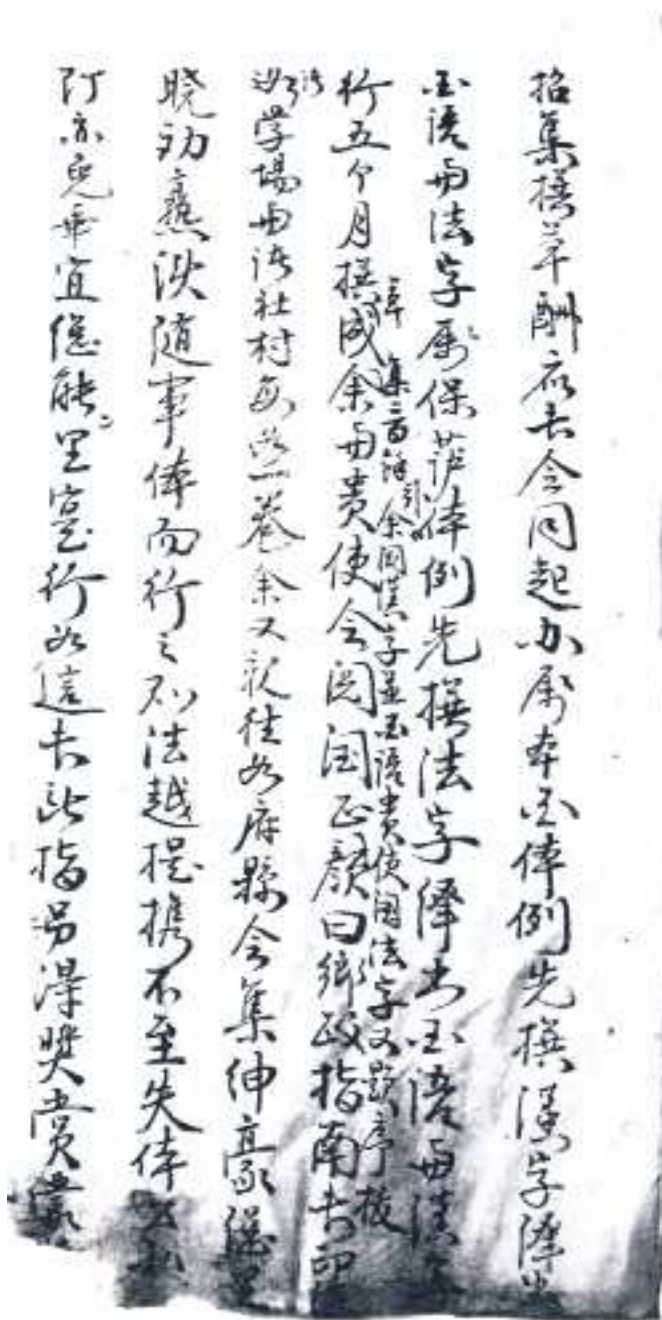
Hộ Bộ tư về khoản bán đất quan phòng [đất được nhà nước trưng dụng]. Quan sứ hội thương giao các đơn của người Pháp xin khai khẩn ruộng đất hoang ở vùng thượng du trong tỉnh để tiện trưng khẩn, sức xét nhiều đơn tồn đọng đã lâu chưa giải quyết. Tôi bàn với quan sứ hiểu thị các quan làm cho có kết quả mới thuận nhân tình. Tôi cân nhắc xử trí sao cho trọn vẹn, nếu lấy quyền thế cưỡng chiếm không khỏi sinh chuyện lôi thôi về sau, thì tôi không muốn cưỡng làm. Quan sứ nói tùy tôi liệu xử, quan sứ cũng không muốn [69] bắt buộc. Tôi theo thứ tự khám xét khu xử, có khi thu hẹp diện tích, có khi phụ cấp thêm tiền bạc cho dân. Quan sứ đồng ý, nhân dân đều được thuận thỏa, đất hoang được khai khẩn ngày càng nhiều.

Quan huyện Nghi Lộc là Nguyễn Trác hiểu dụ khuyến lập xã thương, toàn huyện có 8, 9 làng thành lập, đem sổ bộ, chương trình xin duyệt. Tôi hội thương cùng quan sứ tán thành. Trong hạt hân hoan cổ vũ. Lại lập Hội Khuyến học Nghi Lộc, đem chương trình bẩm duyệt. Tỉnh và tòa sức đều phúc y. Các phủ huyện Hưng Nguyên, Diễn Châu, Thanh Chương, Yên Thành, Quỳnh Lưu đều lục tục khuyến hiếu, mỗi hạt cũng có năm ba làng vui làm. Tôi thấy quan sứ có lòng khai hóa bèn bàn với Hội Quảng trị [70] mời quan sứ làm Hội trưởng chủ trương của hội ấy, còn tôi làm phó. Mỗi tháng vào ngày nghỉ họp một lần.

Lại vì trong hạt các thân hào tổng lý vốn quê mùa, cầu thả, mỗi khi gặp việc công thì khiếp sợ, ứng đối phần nhiều không hợp, cần soạn ra sách “Công tư thù ứng yếu lược” cho tiện, bèn bàn với quan sứ, quan sứ đồng thuận, thiết lập hội đồng biên soạn. Hội đồng này gồm các nhân viên của tỉnh, tòa và các ty Học chánh, Công chánh, Thương chánh, Nông chánh, Lâm chánh, Bưu chánh cho đến cả Ngân khố, Hỏa xa, mỗi công sở chọn vài người lão luyện hện đầu xuân sẽ bắt đầu soạn.

Năm Khải Định thứ 9 [1924] đầu xuân tôi được dụ chuẩn Tổng đốc An Tĩnh thực thụ. Sau lễ bái mạng, nhân thết tiệc mừng [71] đã mời hội đồng soạn thảo sách “Thù ứng” bắt tay làm. Về thể lệ của nước ta thì trước tiên soạn bằng chữ Hán, rồi dịch ra chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Về thể lệ của bảo hộ thì trước hết soạn bằng chữ Pháp rồi dịch ra Quốc ngữ và chữ Hán, trong 5 tháng soạn

⁴³ Xử tử bằng cách thắt cổ, nhưng còn chờ.



Trang 71, quyển 4, kể chuyện tác giả tham gia biên soạn sách “Hương chính chỉ nam thư”

nước có dụng tâm riêng, tôi không xin lại nữa.

Các làng Quỳnh Tụ, Quỳnh Văn, Thạch Động thuộc tổng Thanh Viên, huyện Quỳnh Lưu có một khoảnh ruộng hoang hơn hai ngàn mẫu liền nhau, bị ngập nước mặn, từ trước quan trong hạt [73] nhiều lần xin khẩn không xong. Cũng có người xin đắp đê canh khẩn, nửa chừng bắt lực đành để hoang hóa thật đáng tiếc.

thảo xong, thành sách gồm 200 tờ. Tôi và quan Công sứ hợp duyệt nhuận sắc. Tôi nhuận sắc phân chữ Hán và chữ Quốc ngữ, quan Công sứ nhuận sắc phân chữ Pháp và đề tựa, bạt, đặt nhan đề là “Hương chính chỉ nam thư”, ấn hành cấp cho các trường học và các làng thôn mỗi nơi một quyển. Tôi lại đích thân đến các phủ huyện hợp các thân hào tổng lý khuyên hiểu đọc kỹ để theo sự thể mà làm theo, thì Pháp-Việt đề huề, không đến nỗi mất thể thống, việc công việc tư thi hành cũng khỏi sai phép tắc. Tổng lý nào thực hành được như sách này thì được thưởng, người mê muội chẳng biết [72] thì bị phạt. Người có lòng tiến bộ phân nhiều thích đọc. Tôi lại làm tờ tư trình Viện Cơ Mật và đệ lên 10 quyển sách để Viện khảo duyệt trình lên ngự lãm và xin chi 400 đồng công ngân để ấn hành thêm. Viện Cơ Mật ngâm lại chẳng nói gì. Tháng 2 năm ấy tôi được chọn về kinh dự lễ tế Nam Giao, sung làm phân hiến ở án tả nhị, mới tận mặt trình với Viện trưởng Nguyễn Phước Môn [Nguyễn Hữu Bài] và quan lớn Bộ Lễ Hồ Khánh Mỹ [Hồ Đắc Trung]. Ý hai ngài đều lạnh nhạt, nên việc xin ấn hành thêm không được, mới biết rằng các quan lớn lo việc

Nhân có Trần Hiến Bạch người làng Trình Phố, tỉnh Nam Định, có bà con bên ngoại tại làng Quỳnh Tụ đã đầu đơn lên tỉnh xin nhận trưng, nguyện bỏ ra 15 vạn đồng bạc đắp đê xây cống và khơi kênh tiêu nước mặn, dẫn nước ngọt vào, cam kết trong 3 năm khai khẩn xong cả toàn khoảnh thành ruộng nộp thuế. Tôi muốn nhanh chóng khai hoang để tăng thuế khóa nhà nước, nên bàn với quan Công sứ y cho, phái người khám đạc, vẽ họa đồ, đính vào tờ tư gửi Bộ Hộ duyệt phúc. Quan lớn Bộ Hộ là Phạm Văn Thụ vốn biết Trần Hiến Bạch đã từng am hiểu việc khai khẩn ở Bắc Kỳ, đã lập xong [74] 2 sở đồn điền bốn năm ngàn mẫu, nên Bộ Hộ đã thuận y.

Ngày tháng 6 quan Công sứ Sa-Tiên [Châtel] đổi sang làm Tham biện hạng ba, quản lý phủ Toàn quyền, ông Ti-Bô-Đô [Thibaudeau] đến làm quyền Công sứ, Phó sứ Sân-Bô-Lạp đổi đi làm đại lý quận Na Bê.⁽⁴⁴⁾ Chính lệnh có chút thay đổi. Trần Hiến Bạch bỏ tiền đắp đê mười phần đã được tám, nhân viên ở Tòa Công sứ là Lê Xuân Phát yêu sách không thỏa bèn dèm với quan Công sứ bàn bác đi, chỉ cho nửa khoảnh. Số đất phì nhiêu dễ canh khẩn thì định giao cho dân làng nhận trưng. Trần Hiến Bạch khiếu nại. Tôi hội thương bàn rằng: “Ruộng hoang ở vùng sơn cước lần lượt khai phá dễ, còn ruộng hoang ở ven biển phải đắp đê để ngăn nước mặn mới có thể làm [75]. Thuê nhân công đắp đê phải là người có vật lực lớn, bền lòng quyết chí mới mong thành tựu. Nếu thiếu nhân công thì cũng chỉ là bỏ dở nửa chừng, cuối cùng không có kết quả. Khoảnh đất này từ trước bỏ hoang cũng vì lẽ đó. Hiện đã được Bộ Hộ phúc y, nay lại thay đổi sợ rất bất tiện, xin quan quyền Công sứ lại đi cùng tôi khám xét. Tôi chỉ đem sự thực biện bạch, không có uẩn khúc gì”. Quan quyền Công sứ có chút bất bình, tôi cũng phó cho vô tâm. Phàm làm việc chỉ giữ công lý. Quan quyền Công sứ muốn bênh vực giáo dân, nhưng làm việc lầm lỡ.

Ngày tháng 9, kính gặp đại lễ Vạn thọ tứ tuần, tôi ra lệnh cho các quan và phủ huyện chỉnh bị lễ vật, luyện tập cho các ca nương, soạn các lời ca, trù liệu lên kinh chúc thọ. Gần ngày đại lễ, tôi đội ơn [76] chuẩn về kinh lạy mừng. Tôi cùng các vị thủ hiến đến Tòa Khâm sứ thăm quan Khâm sứ đại thần Lê-Phong,⁽⁴⁵⁾ lúc hội kiến đã nói qua có gặp tôi một lần, dặn tôi ở lại chuyện trò. Các Tổng đốc và Tuần vũ khác đều lui ra, quan Khâm sứ đại thần dắt tôi vào thư phòng, nói rằng: Ngài đã nhận được thư của [quyền] Công sứ Nghệ An Ti-Bô-Đô nói rằng tôi làm việc nghiêm khắc, mỗi việc đều muốn tự chuyên, khi hội thương thì nhiều việc bất đồng ý kiến với quan quyền Công sứ, mỗi khi làm việc đều không đồng lòng hợp tác, sợ rồi đây công việc có nhiều trở ngại, nên tôi cần xét kỹ chớ khá diềm nhiên bất tiện. Tôi nói: Quan quyền Công sứ nói ý kiến bất đồng và không chịu hợp tác là chỉ chuyện gì, xin đại thần chỉ rõ [77] cho từng việc. Quan Khâm sứ nói: “Quan quyền Công sứ không chỉ rõ việc

⁴⁴ Nguyên văn chữ Hán 那陞郡. Chúng tôi chưa xác định được địa danh này.

⁴⁵ Túc Aristis Eugène Le Fol, nguyên là Công sứ Nghệ An, sau lên quyền Khâm sứ Trung Kỳ từ 21/1 đến 28/8/1924, rồi Khâm sứ Trung Kỳ từ 1928-1931. Trong dịp lễ Tứ tuần đại khánh của vua Khải Định (24/9-4/10/1924) cũng là lúc Pierre Marie Antonie Pasquier nhậm chức Khâm sứ Trung Kỳ lần thứ hai (28/9/1924-4/10/1926).

gì, chỉ than thở là ngài không biểu đồng tình mà thôi.” Tôi lại nói: “Tôi lạm đội ơn Hoàng đế đã bàn cùng với quý bảo hộ ủy tôi trọng trách, tôi ngày đêm lo lắng siêng năng làm tròn chức phận của mình, cùng với các Công sứ qua lại gần tròn hai năm, đem hết lòng nhiệt thành cộng tác, mong tuyên dương đức ý, vỗ yên dân một phương, tất phải giữ gìn công lý, chẳng hề phân biệt, phò chánh trừ tà, hưng lợi trừ hại, không dám có chút thiên vị riêng tư. Trước nay công vụ đều được ổn thỏa, quan sứ Ti-Bô-Đô cùng tôi đồng sự 3 tháng, chưa thấy ngay trước mặt có lời gì khác. Nay không biết vì lý do gì có những lời nói sau lưng như vậy. Xin đại thần tư hỏi quan quyền Công sứ từ khi tôi đến lý sở tới nay, phạm các mệnh lệnh của quý bảo hộ tôi có [78] chậm trễ trở ngại việc gì không. Trộm nghĩ nếu tôi không chịu hợp tác thì chính trị làm sao mỗi việc đều nên mối. Quý sứ có lời oán thán như vậy thì sau lễ khánh tiết này, tôi xin lưu lại kinh đô, xin đại nhân bàn với Viện Cơ Mật vâng chỉ phái hội đồng cùng đến điều tra cho rõ thực hư”. Quan Khâm sứ nói: “Không! Không! Bỏ chức lấy tình bằng hữu nói riêng với ngài như thế, xin ngài đừng giận và tiết lộ ra”. Tôi nói: “Quan quyền Công sứ đã nói lời này tức tôi là người bất hảo, còn mặt mũi nào trở lại đó nữa”. Quan Khâm sứ lại nói: “Đừng nóng giận, đừng thối chí. Bỏ chức không phải là tội nghe lời quyền Công sứ, bỏ chức vốn biết ngài là vị quan Nam tốt, đối với bảo hộ đã có lòng thành tín, siêng năng lo việc [79], vừa thấy thư này bỏ chức đã ngạc nhiên, gặp ngài đến đây thuật lại để khỏi hoài nghi. Ngài đã nói rõ, bỏ chức cũng đã giải bày xong, sẽ có thư tay cho quan quyền Công sứ bảo đừng nghe lời dèm pha. Ngài cũng đừng để ý đến việc mâu thuẫn nữa. Bỏ chức mong ngài trở về tốt đẹp. Đó là bản tâm của tôi vậy, ngài lượng xét cho”. Tôi cảm tạ mà lui ra.

Phán sự Lê Thanh Cảnh thông dịch xong ra nói rằng: Sao quan lớn can đảm cương quyết đến thế, tôi chưa thấy ai như vậy. Nếu mọi người đều như quan lớn thì quan trường đâu đến nỗi sa đọa. Tôi cười nói: Tôi chỉ khéo nuôi dưỡng chí khí hào nhiên của tôi mà thôi.

Ngày đại khánh, ngài Sa-Tiên [Châtel] và Toàn quyền đại thần [Martial Henri Merlin] đến kinh dự lễ, [ngài Sa-Tiên] tìm tôi hỏi rằng: Ngày nào trở về tỉnh? Tôi nói: Sẽ tuân chỉ chứ chưa dự định. Lễ chúc thọ xong, tôi xin lưu lại nhà tuần nhật để lo liệu hôn sự của con trai đầu là Đỗ.

Lễ mừng xong, rộng thưởng cho bề tôi. Tôi đội ơn được thưởng kim khánh hạng nhất có dây tua bằng ngọc. Việc cung tiến lễ vật cũng được ân thưởng.

[80] Ngài Sa-Tiên trở lại làm Công sứ Nghệ An. Quyền Công sứ Ti-Bô-Đô đổi sang làm Công sứ tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi quý Khâm sứ đại thần cùng tôi nói chuyện, liền có thư trách Ti-Bô-Đô. Ngài Sa-Tiên nghe được việc này liền gửi thư giục tôi trở về lý sở. Trong thư nói rằng ông ta và Ti-Bô-Đô bàn giao đã xong, Ti-Bô-Đô đã trở về Hà Tĩnh. Khi tôi đi ngang qua, nên ghé thăm để trọn vẹn tình hữu nghị. Quan Khâm sứ đại thần cũng giục tôi sớm đến chuyện trò. Nhưng tôi vì việc nhà chưa xong, và thấy khí sắc anh cả khá mệt, không nỡ vội từ biệt, xin triển hạn thêm tuần nhật nữa, quý Khâm sứ chỉ cho 3 ngày. Năm ngoái anh cả tôi mắc chứng đau ruột, quan thầy thuốc Tây giải phẫu điều

trị, điện cho tôi [81], tôi ngần không kịp, sau đó ung độc đã hết nhưng da thịt chẳng tốt. Ngày tháng 2 tôi trở về thăm, thấy con út của anh cả là Tôn Thất Tuấn lưu lạc thất học, tôi trình xin đem về lý sở nuôi dưỡng để tiện cho theo học. Anh cả nói: Em cứ liệu định, anh không biết nói gì. Anh cả thường ngày đứng đưng không nghe lời can ngăn, tôi kêu khóc nhiều phen, chưa từng cảm động. Lần này bộc bạch tình nhà, phần nhiều hối lỗi. Tôi lấy tình cốt nhục an ủi ủy lạo, xin gánh vác việc nhà, để cho anh cả di dưỡng tuổi trời, không cần nhọc lòng. Nghe lời anh cả nói tốt đẹp, tôi lo nghĩ, dặn dò con cháu khéo lo phụng dưỡng [82]. Đến lúc đó anh lại thấy mệt, tôi quỵn luyến không nỡ đi. Nghĩ việc công không quên việc tư, lần nữa năm ngày mới lên đường trở lại lý sở. Đến trước cổng huyện Cẩm Xuyên đã thấy một chiếc xe hơi đứng đợi. Người được phái trình với tôi rằng: Quan Công sứ Hà Tĩnh sức đem xe đón đại nhân vào Tòa sứ nói chuyện. Tôi hiểu ý lên xe vào Tòa sứ. Ti-Bô-Đô ra cổng đón tiếp vui vẻ, bà phu nhân cũng đến thăm hỏi ân cần. Tôi hàn huyên hỏi về ngài Sa-Tiên, và không hề nói đến chuyện gởi thư. Phu nhân đãi trà, chuyện trò chốc lát, tôi cáo từ. Quan sứ sức xe hơi của tòa đưa đến Bến Thủy, hẹn tuần sau đi Nghệ An thăm đáp lễ. Tôi vào dinh Tuần vũ, các quan tỉnh đường hội kiến, hỏi được hiện tình [83] tốt đẹp, lại lên xe đến Bến Thủy, 7 giờ tối đến tỉnh, ủy người hẹn hôm sau sẽ đến Tòa sứ, quan sứ hẹn 7 giờ rưỡi sáng tiếp kiến. Đúng giờ tôi tới tòa, quan Công sứ cầm tay tôi liền hỏi hôm qua có ghé Ti-Bô-Đô không? Tôi trả lời: Có. Quan sứ nói: Tốt. Lại nói: “Ti-Bô-Đô vốn là lương thiện chất phác, hiềm vì nông cạn hẹp hòi chưa thoát khỏi bị dèm pha đối trá, chẳng cần trách nhiều. Tôi đã nhiều lần chỉ ra chỗ kém cỏi, về sau cũng có thể dùng được. Tôi cách mặt 3 tháng, việc làm của y đã có chuyện hơi trái tôn chỉ. Chúng ta sẽ bàn bạc cùng sửa chữa các việc về trước, rồi lần lượt làm tiếp, cốt cho có kết quả. Chúng ta đồng tâm giúp cho xong xuôi, lòng chính đại quang minh không ngại [84] lời dèm pha. Dầu có dèm pha cũng không chút dao động”. Tôi nói: “Tôi đến lại nơi này khảo sát hiện tình so với hai lần trước,⁽⁴⁶⁾ tôi đã thân hành mắt thấy có biến đổi thật lù. Nếu mà tuần tự đợi chờ sợ có phương hại đến chính thể, mà việc trị an sơ hở sợ có nguy cơ. Tính tôi vốn lo xa, muốn quét sạch thói tệ cũ, nắm vững pháp luật, ít tình cảm, ắt bị dèm pha, nhưng tôi cũng xử trí xem xét. Thà vì trung thực chân thành mà bỏ quan, không thà vì cầu thả dựa vào kẻ a dua để làm lỡ việc nước. Thư của quyền Công sứ không ra khỏi điều dự liệu ngày trước của tôi, cũng không đáng trách”. Công sứ nói rằng: Tốt. Lại nói đến đơn xin trưng khẩn của quý thương gia và bàn đến việc Trần Hiến Bạch trưng khẩn. Quan Công sứ hẹn [85] ngày cùng đi đến tận nơi xem xét. Bàn bạc đến 11 giờ rưỡi mới thôi. Tôi trở về tỉnh, Bố chánh và Án sát trình rằng việc tạm quyền chỉ lo các công vụ khẩn cấp, còn án kiện đều đợi tôi quyết định. Tôi sức hai ty Bố, Án xem xét chọn ngày khai hạ làm tiệc khoản đãi quý quan, bàn với các quan phủ huyện tổ chức ca múa một ngày đêm. Việc tổ chức lễ mừng tốt đẹp, chu tất.

Trung tuần tháng 10, quan Công sứ cùng tôi đi hành hạt, đến huyện Quỳnh Lưu lấy thuyền đi đến Sông Mai [Nguyên văn “Mai Giang”] khám xét,

⁴⁶ Tôn Thất Đản từng làm Tri phủ Diễn Châu năm 1907, rồi Bố Chánh Nghệ An năm 1917.

thấy Trần Hiến Bạch đắp đê mới dài 1 vạn 3 ngàn mét [Nguyên văn “Tây xích”], cao 5 mét, bề mặt rộng 3 mét, chân rộng 7 mét, đóng cừ kiên cố. Hối công phí bao nhiêu, trả lời hết mười ba vạn đồng. Quan Công sứ rất khen ngợi, nói rằng: Không ngờ tên này có nghị lực ấy [86], phải làm đảm bảo cho các chủ khẩn trưng được vay tiền để khởi công. Trong mấy tháng, việc trưng khẩn đất trên hai mươi sở. Mỗi sở thì phủ huyện tổng lý thu đến ngàn đồng. Tôi cùng Công sứ đi qua các hạt. Quan sứ hiểu thị khuyến nhân dân trồng trọt. Tôi hiểu thị khuyến các bậc cha mẹ cho con em 7 tuổi học chữ Quốc ngữ, đến 12 tuổi cần phải am hiểu viết, đọc và bốn phép toán đủ để cần dùng. Phàm cho con em theo học cần chiếu theo giàu nghèo. Nhà nào có đủ tài lực vốn liếng có thể học đến tốt nghiệp trung học, đại học thì mới cho con em học Pháp văn, nếu nhà nào không kham đường dài nên cho học chữ Quốc ngữ, toán pháp đủ dùng bình thường và theo các ngành thực nghiệp như nông, công, thương tùy tiện mưu sinh. Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, mới thấy kết quả. Chớ khá tất thấy đều học làm quan, nửa chừng bỏ dở, dầu than oán [87] hối hận cũng chỉ là vô ích. Công sứ nhìn tôi cười mỉm.

Tháng 12, nhận được bản lục của Viện Cơ Mật nói rằng: Dân Thừa Thiên và Quảng Nam bị đói, bề tôi đã dâng khải tâu, được vâng châu phê rằng: “Trẫm tức vị đến nay, kính trời noi theo tổ, siêng năng chính trị, thận trọng hình pháp, chưa từng dám vui chơi phóng túng, động đến trời giận, cố sao thân thể tật bệnh triền miên, quốc dân chưa được yên ổn, tai ương chồng chất, đói khổ nghe khắp. Trẫm đêm ngày suy nghĩ đó là vì sao?”. Các bề tôi trực đã dâng phiến phúc, lại được châu phê rằng: “Hãy gửi lục khắp các địa phương, đều đem hết ý kiến phúc tấu, để trên dưới sửa sang, vãn hồi ý trời. Khâm thử”. Lúc bấy giờ hạt Nghệ An lại có nạn gió bão, chìm mất 5, 6 chiếc thuyền đánh cá, chết đuối 9 người. Tôi vừa tư lên bộ [88] báo tin tai vạ, nhân làm số, trước hết để thỉnh an, sau nữa là nhận lỗi. Đoạn sau của số có trình bày rõ việc then chốt của chính trị là ở chỗ có được người. Việc điều hòa âm dương, đòi hỏi ở Tể tướng, xin thận trọng chọn bậc Tể tướng ủy cho nên việc để giải nỗi lo của thánh thượng, đem lại ơn phước của trời. Quan lớn Bộ Lại thấy lời ý khẩn thiết, nói rằng: Thánh thể bất an, chương số dài dòng, dâng lên bất tiện, bèn sức cho Tham tri Bộ Lại cắt bớt đoạn sau. Cách cả tháng vẫn ngâm số không báo. Tôi lại tiếp tục dâng phiến xin lục. Quan lớn Bộ Lại cũng dặn bề tôi ở Nội Các chậm dâng lên.

Đầu xuân năm Khải Định thứ 10 [1925], Bó chính Lê Hoàn được thăng thự Tuần vũ Phú Yên, Thị lang Bộ Công là Nguyễn Đình [89] Tiến đến thay. Quan lớn Bộ Lại dặn nói rằng: “Hiện nay Hoàng đế se mình [Nguyên văn “vi dạng”] phải đình việc dâng phiến số, trừ mấy dòng thỉnh an sẽ do nội thần đọc ra, còn tấu số dài dòng không nên dâng lên làm phiền nhọc thánh thể. Tấu số tháng Chạp vừa qua quá dài, chưa dám dâng lên, thánh thể hơi yên sẽ dâng lên”. Tôi biết việc ngăn chặn đường ăn nói, nên bàn xin nghỉ tuần nhật dâng phiến xin vào hầu, điện trả lời không chuẩn. Tôi rất ấm ức.

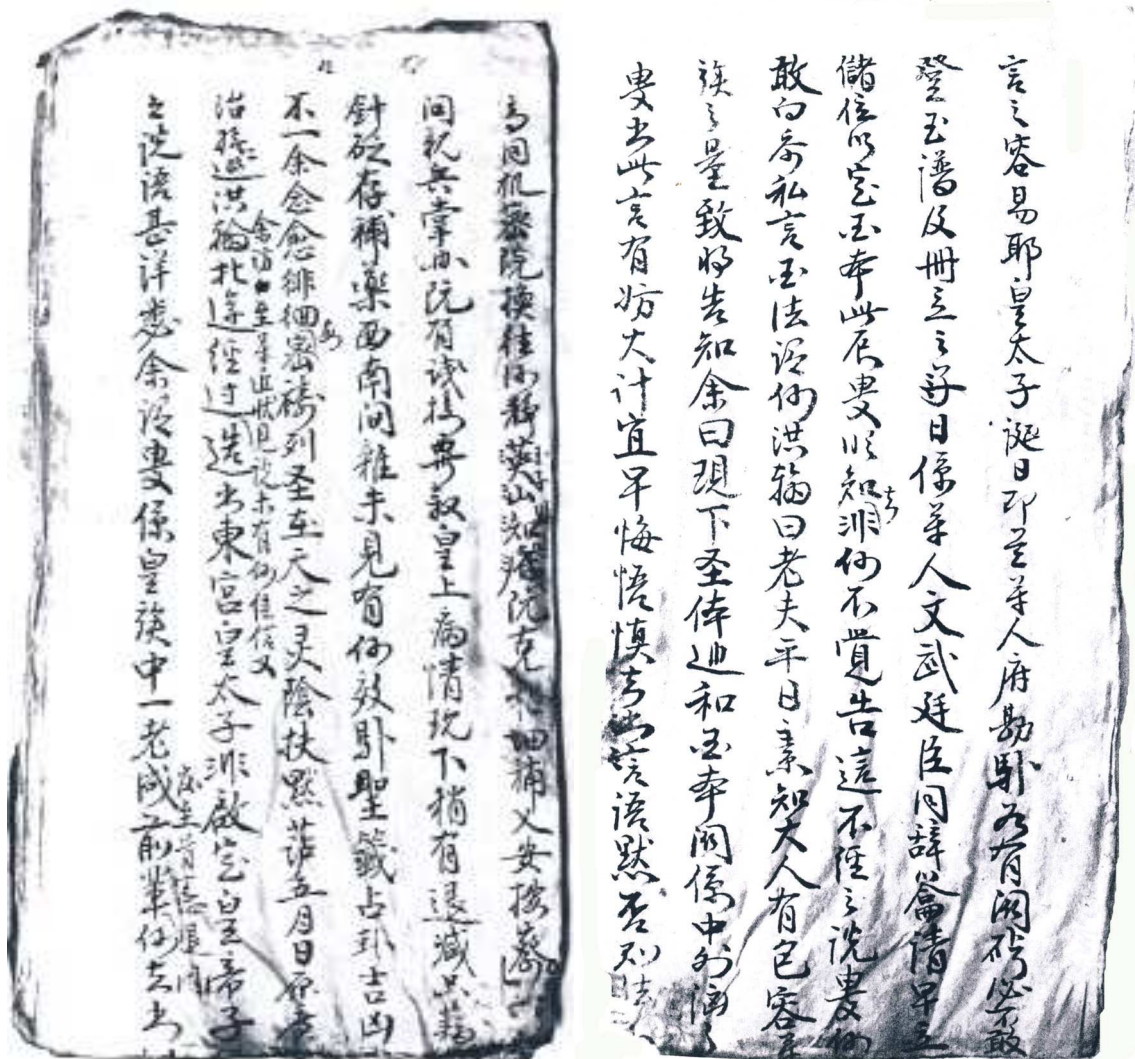
Ngày tháng 4, quan Khâm sứ đại thần đi Hà Nội, buổi trưa dừng ở Tòa Công sứ Vinh [Vinh], tôi đến thăm hỏi, được nghe nói rằng: Hoàng thượng

bệnh tình chợt giảm [90] chợt tăng, quan Khâm sứ đến thăm có lúc không thể nói chuyện lâu. Chỉ có hai quan lớn Bộ Lại, Bộ Lễ được vào vấn an, còn quan lớn các bộ khác chỉ tới phòng trực vấn an mà thôi. Nếu như Tổng đốc có được phép về kinh cũng chỉ được nói chuyện với thị vệ, uống phí thời gian. Tôi rất lo lắng, mỗi tuần điện vào Văn hộ giá Nguyễn Hữu Tý để thỉnh an, đều được phúc đáp là an. Quan Khâm sứ khuyên tôi chuyên tâm vào việc dân chính và sự động tĩnh của tình hình. Còn việc triều đình đã có Viện Cơ Mật đảm đương, không cần lo lắng. Tôi trả lời: “Biên quận và triều đình cùng là trong ngoài. Hoàng đế sắc tìm lời nói thẳng ắt có lòng hối ngộ cho kịp thời nay, làm sao chuyển họa thành phúc, chuyển tai dị thành điềm lành, làm kế trị an lâu dài [91] vậy. Nhưng nay đại thần muốn che sự nghe biết, lấp đường ngôn lộ, thì việc phải như thế nào?” Quan Khâm sứ nói rằng: “Thực khó nghĩ kế, hai quan lớn Bộ Lại, Bộ Lễ ắt không cho đại nhân thân cận Hoàng đế, lại còn thánh thể mệt nhọc, đại thần muốn lo cho hoàng gia cũng chẳng thi hành được, muốn nói thẳng cũng chẳng bổ ích gì”. Tôi nói: “Nếu thế, tôi phải làm sao?”. Quan Khâm sứ nói: “Giữ gìn trị an một tỉnh cũng đủ vậy”. Tôi cũng không biết phải làm sao, chỉ cầu mong Hoàng thượng sớm khỏe mạnh, bèn trai giới đến Võ Miếu cầu đảo ba đêm.

Án sát Phạm Bá Phổ nói năng thô vụng, tính lại hiếu kỳ, đồng liêu oán thán. Quan Công sứ đã tư đổi bỏ [92]. Quan Khâm sứ bàn cùng Viện Cơ Mật đổi đi Hà Tĩnh. Tư nghiệp Quốc Tử Giám là Nguyễn Khắc Niêm được bổ thay thế chức Án sát Nghệ An.

Tôi hỏi Chưởng vệ Thân binh là Nguyễn Hữu Tiễn được phúc rằng: “Bệnh tình Hoàng thượng hiện đã giảm bớt, chỉ dùng châm chích, còn bổ thuốc Tây thuốc Nam lúc này lúc khác vẫn chưa thấy công hiệu, xin xăm thánh xem quẻ thì cát hung bất nhất”. Tôi càng nghĩ càng bồi hồi, mỗi khi mật đảo đều xin liệt thánh trên trời linh thiêng phò hộ.

Ngày tháng 5, nguyên Tuần vũ Quảng Trị là Hồng Hàn ra Bắc đi ngang qua, tôi hỏi tình hình của Hoàng thượng có tin tốt gì không, lại nói ra: Đông cung Hoàng thái tử không phải là con của Hoàng đế Khải Định, lời nói rất rõ ràng. Tôi nói: “Cụ là bậc tiền bối lão thành của Hoàng tộc (làm quan tới thủ hiến, cáo lão), cơ sao [93] lại nói dễ dàng thế? Ngày sinh của Hoàng thái tử đã trình cho Phủ Tôn Nhơn khám xét, nếu như có quan ngại gì ắt không dám ghi vào Ngọc phổ, và ngày sách lập cũng là do Tôn Nhơn Phủ và văn võ đình thần cùng dâng biểu xin sớm lập ngôi trừ nhị [Thái tử] để định quốc bản. Lúc đó cụ nếu đã biết là không phải cơ sao không cáo giác việc này, chứ không cần phải nói. Sao cụ lại dám nói riêng với tôi, thì phép nước thế nào?”. Hồng Hàn nói: “Lão phu bình nhật vốn biết đại nhân đã có lượng bao dung cho dòng họ, nên nói cho biết”. Tôi đáp: “Hiện nay thánh thể không an, quan hệ đến gốc của nước, trong ngoài sâu nã, cụ nói ra lời này có phương hại đến đại kế, cần sớm hối ngộ, thậm trọng nói năng, nếu không thì dẫu là họ hàng [94], cụ không khỏi tự giăng lưới rước họa”. Hồng Hàn sợ hãi, cáo từ đi.



Trang 92 (trái), 93, quyển 4, kể lại buổi nói chuyện giữa tác giả với Hồng Hàn tại Nghệ An.

Ngày tháng 6, Khâm sứ đại thần lại ra Bắc, đi ngang qua, tôi đến thăm hỏi. Khâm sứ nói rằng: “Quan thầy thuốc hầu chẩn thì ngự mạch hư, không chịu bổ thuốc, chỉ dùng châm chích. Lại cùng Võ hộ giá [Bửu Trác] ngồi xe hơi đi để hít sinh khí trong không trung. Nhưng lại dùng nhiều phương thuật bổ dưỡng hơn là dùng thuốc. Còn Lương tôn cung⁽⁴⁷⁾ và nội đình chỉ sùng tín quỷ thần, ngày đêm cầu cúng, hương hoa không ngớt. Các người trong Hoàng phái thấy thánh thể suy nhược (như Ứng Huy, Ứng Chuẩn, Bửu Kiêm, Bửu Trác) nếu như dòm ngó được thì tư tưởng làm Hoàng đế, phao truyền nhiều lời dị nghị, bốn chức đã bác hết tất cả. Bốn chức đã trình quan Toàn quyền đại thần và [95] triều đình Pháp rằng hễ khi Hoàng đế Khải Định thiên thu vạn tuế sẽ tôn Hoàng thái tử Vĩnh Thụy kế đại thống, đã được triều đình Pháp phúc y.

⁴⁷ Lương tôn cung: cách gọi tôn kính hai bà Thánh Cung Nguyễn Thị Nhân (1870-1935) và Tiên Cung Dương Thị Thục (1868-1944), là mẹ đích và mẹ ruột của vua Khải Định.

Tờ phúc văn này hiện cất tại tủ sắt ở Tòa Khâm sứ, đợi lâm thời tức tốc thi hành. Ba tháng nay, bốn chức thấy Hoàng thượng khá mệt nên rất lo bọn tiểu nhân thừa cơ làm loạn, phải đi khắp Nam Bắc xem xét tình hình, lại kiểm điểm triều chính, phòng từ khi nhỏ nhất, ngăn từ khi tạm thời, các việc khác chưa rảnh. Viện trưởng [Viện Cơ Mật] Nguyễn Hữu Bài mạnh thế lộng quyền, đại thần Hồ Đắc Trung dựa theo phụ họa, kinh doanh riêng trục lợi, dẫn dụ người gần, bày bố khắp trong ngoài, tổn hại dưới, bỏ ích trên, kết oán cho dân. Phạm Văn Thụ có chút lòng trung thành không chịu theo đảng ác. Các quan lớn khác như Võ Liêm, Trần Đình Bá thì phục tùng. Việc tham ô hủ lậu không thể nói xiết. Một mai gặp ấu quân bọn họ buông lung làm xằng [96] nên cần có bậc lão thành trung hậu để giúp qua thời gian nan, ắt phải một phen thay đổi”. Tôi nói rằng: “Quý đại thần là bạn thân tín của Hoàng đế Khải Định, Hoàng đế hiện đang mệt mỏi, xin lấy tình thân giúp đỡ, từ từ khuyên dụ. Nếu vội thay đổi sợ trong lúc ốm đau, nổi giận, thêm nhiều bất tiện”. Quan Khâm sứ nói: “Hiện nay chưa có thay đổi gì, mỗi khi đều ẩn nhẫn, xem xét trước sau. Bốn chức biết ngài là bề tôi thân tộc, có lòng ưu ái nhiệt thành nên thương lượng trước vậy”. Tôi nói: “Đại thần dự định Hoàng thái tử nối tiếp đại thống như thế thì xét lẽ trời tình người rất thỏa hợp, lại bảo tồn tình hữu nghị. Tôi cảm tạ khôn xiết trông mong”. Đại thần dùng cơm trưa xong liền đi ra Bắc. Sa-Tiên đại nhân nói kín với tôi rằng: “Khi nào tự quân lên ngôi, chính phủ bảo hộ ắt sẽ khởi phục Tôn Thất Hân làm Phụ chính, quyết không dám xem nhẹ phó cho Nguyễn Hữu Bài. Y là một [97] người rất gian hiểm”. Tôi nói: “Mệnh mạch của Nam triều hiện trông nhờ quý bảo hộ, xin quý quan thận trọng trù liệu thế nào có thể an ủi niềm trông mong của cả nước, thì thật may lắm. Tôi chỉ cầu mong Hoàng đế sớm lành, tinh thần hưng vượng, cho tôi được vào hầu tận mặt để tâu về việc chính trị đắc thất, khỏi bị quyền gian mê hoặc dối trá, mới được thư lòng”. Quan Công sứ dặn tôi an thường bình tĩnh chờ đợi.

Ngày tháng 8, nghe Võ hộ giá Bửu Trác mưu đồ tiếm vị. Quan Khâm sứ đại thần bắt được tang chứng mưu gian, nên hội thương giao Viện Cơ Mật giải chức tra xét. Án sát Quảng Nam là Ứng Chuẩn, cựu Tuần vũ Hồng Hàn đều bị bắt thẩm vấn. Bố chánh bốn tỉnh là Nguyễn Đình Tiến cũng bị liên can. Hội đồng tư hỏi y rất sợ hãi. Tôi đã biện bạch nên được giải. Viện đề nghị Bửu Trác cải theo họ mẹ, tội khổ sai chung thân [98], đày đi Lao Bảo giam giữ. Ứng Chuẩn mang nguyên hàm về hưu. Hồng Hàn miễn nghị.⁽⁴⁸⁾

Trung tuần tháng 9 nghe bệnh Hoàng đế rất nặng. Ngày 20⁽⁴⁹⁾ nhận tin điện của Viện Cơ Mật báo Hoàng đế thăng hà (Công sứ nhận điện văn đến báo), tôi kêu trời khóc lớn bàn Tòa sứ điện xin vào. Lại nhân được phúc rằng: Quan Khâm sứ đại thần bàn với Viện Cơ Mật đợi đến ngày ninh lăng [đưa đi an táng] sẽ cho về. Tôi ôm hận khó tỏ bày, khóc không ngừng. Rạng sáng hôm sau quan Công sứ đem theo quan bác sĩ đến thăm an ủi. Quan Công sứ nói rằng: “Thiểm chức chưa thấy người nào yêu vua như quan lớn, sao lại thống thiết

⁴⁸ Vụ án của Bửu Trác (cháu nội vua Hiệp Hòa) có chép trong *Thực lục Đế thất kỷ*, Sdd, tr. 520.

⁴⁹ Vua Khải Định băng hà ngày 20 tháng 9 năm Ất Sửu (6/11/1925).

như thế?”. Tôi nói: “Tôi yêu vua có hạn mà yêu nước vô cùng. Vả lại nước tôi nhiều lần bị cái nạn vua trẻ nước nguy. Từ khi được quý bảo hộ có lòng đề huề nhưng nước tôi vẫn chưa thấy khởi sắc [99]. Hoàng đế Khải Định lên ngôi, tuổi lớn học rộng, có lòng yêu người, tha thứ cho người, năm năm về trước đã gắng lo trị nước, thần dân có niềm trông mong lớn. Hai ba năm gần đây do bị bệnh chỉ nắm quyền đại khái còn giao phó người khác, không thể chu đáo. Chính sự mới có chút sai sót. Gần đây đã giác ngộ, sắc hỏi bề tôi trực và hỏi bề tôi trong ngoài, muốn rõ nguyên do để lo tốt đẹp về sau. Vận nước sắp có ngày đổi thay tiến bộ. Nay lại thăng hà, ý tốt không thể bày tỏ, ắt không khỏi tiếng xấu quy về người chết, bọn gian tà thực hiện âm mưu, làm phương hại đến vận nước. Tôi biết tình hình này mà không thể bỏ cứu, nên tôi đau xót vậy”. Quan Công sứ và quan bác sĩ nhìn nhau im lặng, lát sau nói với tôi rằng [100]: “Có tư tưởng lớn như vậy, hôm nay còn nhiều việc, đợi gặp thời thi hành chính sự, sẽ đem hết điều ô m áp giúp cho thái bình. Lúc này quyền bính không ở trong tay, chưa thể quá lo âu, cần phải tự bảo trọng để đợi cơ hội. Chính phủ bảo hộ đã dự liệu trước, cũng không có trở ngại”.

Chiều ngày 22, quan Toàn quyền đại thần Mông-Ghi-Dô⁽⁵⁰⁾ từ kinh trở về Hà Nội, ngang qua Vinh [Vinh]. Tôi nhận được điện của Viện Cơ Mật ủy tôi mang áo khăn đen đến yết kiến. Quan Toàn quyền đại thần nói rằng: “Hoàng đế thăng hà, bốn chức đã thương cùng Nam triều tôn Đông cung Hoàng thái tử làm vua nối ngôi, đã điện sang nước Pháp mời xa giá trở về, đợi về đến sẽ [101] cử hành đại lễ tấn tôn. Nay đã khởi phục quan Văn Minh Điện Đại học sĩ trí chính Tôn Thất Hân sung Phụ chính thân thần đại biểu cho quân quyền chủ trương các việc điển lễ, còn các quan đại thần Viện Cơ Mật y như cũ, và thương với quan đại thần Tòa Khâm sứ thi hành các công vụ để lập hội đồng ký kết tân ước⁽⁵¹⁾ và ban lục khắp cho các quan Tổng đốc hãy thương cùng quý Công sứ làm việc hành chính như thường, hiểu thị cho nhân dân an cư lạc nghiệp để cùng hưởng phúc hòa bình”.

Đưa tiễn quan Toàn quyền xong, tôi thương định ngày 23 họp các phủ huyện và các hứu quan và người Hoàng phái ngụ trong tỉnh cùng với các nhân viên Tòa sứ có phẩm hàm đều mặc tang phục đúng 5 giờ sáng ngày 24 [102] làm lễ vọng bái tại dinh Tổng đốc, làm lễ thành phục và tư cho Bộ Lễ biết.

Tôi có mật thư trình với quan Phụ chánh thân thần xin ngài vì thể thống nước nhà, sức xuống các quan thương cùng quý quan bảo hộ thân người hiền, xa kẻ gian, thận trọng hình phạt, đôn đốc phong hóa, trừ các tệ tham ô, lừa dối, lười biếng. Mọi việc đều bảo tồn đại thể, đừng làm các ơn huệ nhỏ vì ơn riêng,

⁵⁰ Túc Maurice Antoine François Monguillot, người từng 3 lần giữ chức quyền Toàn quyền Đông Dương (5/1919-2/1920; 4/1925-11/1925; 1/1928-8/1928).

⁵¹ *Đại Nam thực lục* gọi là hiệp ước hiến pháp mới, ban hành ngày 6/11/1925 (sau này còn gọi là hiệp ước Monguillot). Xem *Thực lục Đế thất kỷ*, Sđd, tr. 526-533. Hiệp ước này, về mặt danh nghĩa là “bước đầu tiên để tổ chức chế độ quân chủ lập hiến trong tương lai” (Sđd, tr. 532), nhưng trên thực tế là nhằm tước hết những quyền lực cuối cùng của Nam triều, vua chỉ còn tước vị tượng trưng, triều đình chỉ lo việc điển lễ, tiền chi tiêu của triều đình do Pháp cấp qua ngân sách Trung Kỳ...

trên thì làm thầy của vua nối ngôi, dưới thì làm gương mẫu cho sĩ phu thì may cho Hoàng phái và may mắn cho quốc gia xã hội. Lại lược kê các quan bốn triều và các người làm việc cho bảo hộ, ai là người đáng thân tín, ai là người không thể dùng lầm, nêu rõ danh tính. Nhận được thư này, ngài Thân thần gọi con trai tôi là Đỗ đến dặn rằng: “Mày viết thư cho bố mày bảo về mà làm [103], tao già rồi không làm được”. Cháu Đỗ gửi thư đến, tôi ngạc nhiên không hiểu ý của chú.

Tôi bàn với tỉnh đường lo sắm trầm hương, đèn sáp vàng chuẩn bị về kinh làm lễ dâng hương.

Thượng tuần tháng 11 nhận được điện của Viện Cơ Mật nói rằng tỵ quân đã về đến, ngọc thể khang an, đã bàn định ngày 15 tháng này làm lễ tấn tôn. Tôi và các quan tỉnh điện về xin vào ngày an táng sẽ tụ tập các quan thiết triều nghị tại hành cung để làm lễ vọng bái.

Hạ tuần tháng 11, được Bộ Lễ thông tư về ngày ninh lăng, Khâm Thiên Giám đã chọn được ngày mồng 10 tháng 12. Tôi dâng phiến và tư cho Viện Cơ Mật xin trở về kinh để vào ngày mồng 1 tháng 12 làm lễ dâng hương, xong ở lại đợi đến ngày kính vâng dự lễ đưa tang.

Lại nhận được phúc hện ngày mồng 6 các tỉnh Trung Kỳ và khâm phái ở Bắc Kỳ cùng làm lễ dâng hương, ngày mồng 3 hoặc mồng 4 sẽ về kinh cho tiện.

Ngày mồng 4 tôi về đến kinh quá muộn. Cổng thành đã đóng, nhân có hứu quan Nguyễn Đức Lý và hai nhân viên của tỉnh nên cùng dẫn nhau đi ăn cơm tối, xong [104] tôi đến nhà riêng cụ Thân thần thăm viếng, trước hết hỏi thăm về Hoàng thượng và Lương tôn cung sức khỏe thế nào, và hỏi về chuyện vừa qua cụ bảo cháu Đỗ gửi thư ra cho tôi là ý thế nào. Nghe cụ dạy rằng: “Thiếu bất tài lại già nua mỗi mệ thế mà quý bảo hộ bắt làm, chỉ giao việc phụng hành các điển lễ mà thôi, còn việc nước thì đã có các đại thần Viện Cơ Mật làm, thiếu không dự vào”. Tôi nói: “Điển lễ là thể của việc nước, quốc sự là dụng của điển lễ. Quốc sự đều được ghi trong hội điển, hành điển lễ tức là nắm quyền trong nước vậy. Chú tuổi cao đức lớn, nối tiếp dòng dõi, gồm đủ cả ba điều cao quý, tiên Hoàng đế đã từng ban dụ chú trọng biệt đãi. Việc đại lễ Nam Giao chú cần trừ liệu. Nay gặp lúc nước nhà ít nhiều nguy ngập, quý bảo hộ đã triệu chú ủy cho chức lớn, mong rằng thánh ý cũng muốn như vậy. Đã lo kế cho miếu xã sinh linh, chú thống lãnh quốc quyền [105], kiểm xét điển lễ. Việc hợp điển lễ thì thuận cho thi hành, không hợp điển lễ thì cấm chỉ, việc nước đang ở trong tay vậy”. Thân thần nói rằng: “Ông trở về mà làm”. Tôi nói: “Cháu là hậu bối, tuổi còn thấp, chưa được gánh địa vị, nhưng tuân thủ gia giáo, bảo tồn lương tâm, cùng vui với đất nước, lạm dự vào Hoàng phái, đối với nước cũng như nhà, có nỗi uất ức ở trong lòng nên bộc trực phát ra bên ngoài. Huống cháu lấy lễ thờ vua, thờ cha để thờ chú, có phạm gì cũng không che giấu. Nước ta khổ vì nạn quyền thần làm loạn chính trị, dân không kham mệnh, nhiều lượt sinh ra biến cố. Quý bảo hộ tuy muốn khai hóa mà chưa có người trung thành hợp tác để thay tỵ trừ gian. Chỉ vì ngôn ngữ bất đồng, tình thế chưa hiểu, mỗi khi lấy kế

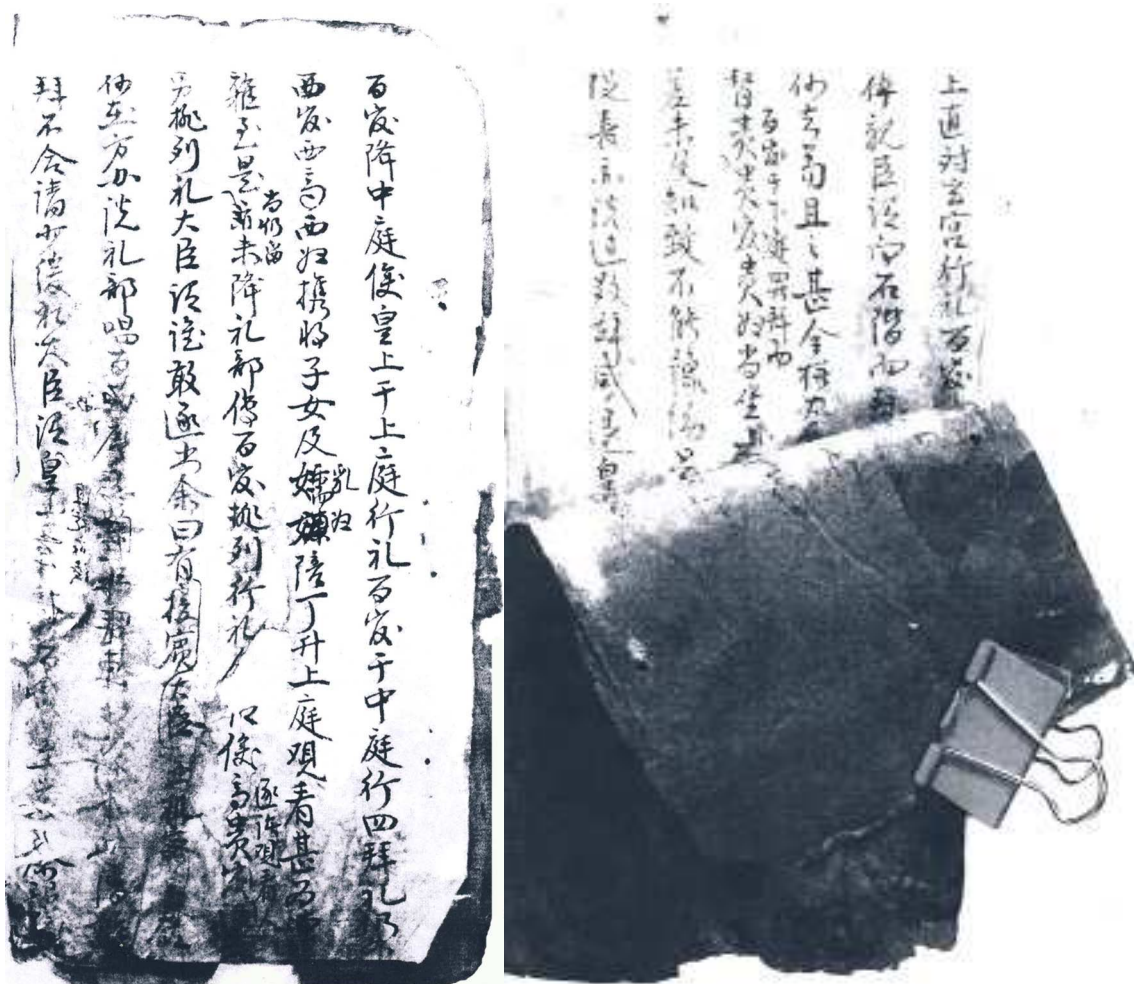
thuật mà coi rẻ mưu hay [106], mưu định chính sách tốt đẹp mà lại trở thành chính sách hà khắc, thậm chí đối với vua cũng còn che lấp thông minh, cho đến việc phi lý cũng chuyên lộng oai phúc. Quý bảo hộ không muốn tín nhiệm, sinh ra oán, làm việc cầu thả. Cho nên tư gia được thỏa mãn dục vọng mà công chúng không được hưởng thái bình. Người có lòng với thế đạo đều than thở. Cháu và Công sứ Nghệ An Sa-Tiên [Châtel] cộng sự hai năm nay, phạm công việc thì lấy lòng nhiệt thành giao thiệp, quý Công sứ chưa từng thuận theo tình riêng mà phế bỏ công lý. Một hạt Nghệ An may được tạm yên, nếu như mỗi việc đều được triều đình tán thành, thì cũng có hy vọng tiến bộ ở tương lai. Gần đây quý Khâm sứ đại thần Bát-Kê [Pasquier] đi ngang qua tòa sứ Vinh [Vinh], cháu nhiều lần được hầu chuyện, quý Khâm sứ nói rằng ba năm nay chính sự có nhiều điều bất như ý chỉ vì các lễ đã nói ở trên. Quý Khâm sứ muốn thay đổi một phen để đạt được mục đích [107] bảo hộ. Cháu đã gửi thư lên cho chú phân nhiều cũng vì ý này, nhưng kẻ ngu bày tỏ nghìn lo lắng ắt cũng chỉ được một, xin chú chọn lấy mà thi hành. Mùa xuân năm nay tiên hoàng đế nhân tai ương đã sắc hỏi bề tôi trực rằng chính sự có gì sai lầm thất thổ. Bề tôi trực đã phiền phúc không rõ, lại được châu phê hỏi các quan trong ngoài. Cháu đã dâng sớ nhận lỗi và trình bày việc sơ hở của chính sự, bị Bộ Lại ngăn cản không được dâng lên, cũng xin chú sức soạn tìm xem qua cho cháu bớt uất ức”.

Thân thần cứ một mực thoái thác cho là rất khó. Việc trả lời này cũng do lẩn tránh hiềm nghi. Tôi lui về. Ngày hôm sau vào nội gửi tâu xin đến điện Càn Thành lạy tiên đế dâng cúng [108]. Khi vào điện Kiến Trung yết kiến được chấp thuận. Việc bái kiến xong, tôi đến Lễ Bộ Đường sao chép nghị chú, lại đến Hình Bộ Đường ngủ lại. Hình Bộ đại thần là Trần Đình Bá kể rằng: “Phụ chánh thân thần đại biểu cho quân quyền, đại thần Bộ Lễ, Bộ Lại đều không vui. Việc hội thương lập tân ước bị quan lớn Bộ Lại phản đối không thuận ký. Quan Toàn quyền đại thần cho hạn trong 15 phút phải ký công ước này. Quan lớn Bộ Lễ ký trước. Cụ Thân thần và kiêm nhiếp Tôn Nhân Phủ đại thần thuận ký. Quan lớn Bộ Lại đòi sửa đổi Hội Tư vấn thành Viện Đại biểu nhân dân, mở rộng thêm quyền hạn của hội viên, chính phủ bảo hộ thuận y, nhờ thế mới ký xong. Ba tháng nay Viện Cơ Mật và Phụ chánh thân thần tựa như có mâu thuẫn”. Tôi hỏi vì nguyên cơ gì. Quan lớn Bộ Hình nói: “Thân thần muốn dự tri chính sự, nhưng Viện trưởng nói [109] rằng ngài chỉ đại biểu cho điển lễ tế tự mà thôi”. Tôi nghĩ nên có biện giải.

Ngày mồng 6 làm lễ dâng hương xong. Buổi chiều tôi được Thân thần sai người mời về nhà riêng dự cơm tối. Tôi xin đình bỏ. Đến khi trở về thấy 3 vị quan lớn Bộ Hình, Bộ Hộ và Tôn Nhân Phủ cùng các đại biểu thủ hiến của Trung, Bắc Kỳ tề tựu. Tôi nói: “Tiên đế chưa an táng, chúng ta đã hội họp yến ẩm thì lòng có yên không?”. Cụ Thân thần nói: “Chỉ là cơm thường không phải là tiệc tùng gì”. Hoàng Trọng Phu nói: “Cư tang thì không ăn sao?”. Tôi trả lời: “Ăn cơm thường thì không thể bỏ, nhưng ăn cơm thường chỉ hai ba người trong gia đình với cơm rau để chống đói. Nay thì đông đủ quý khách, dọn đủ rượu đồ nhắm như yến tiệc thì thật bất tiện” [110]. Cụ Thân thần nổi giận, to tiếng

quát nạt. Cự Thượng Hộ nói: “Quan Tổng đốc Nghệ An nệ về cổ lễ, xin đừng nói nhiều”. Cự Tôn nơn nói: “Quan Tổng đốc Nghệ An là hàng cháu [cháu chú bác] sao dám có lời chống cự Thân thần, xin hãy đánh roi trừng trị”. Tôi nói: “Nhà có người con trung trực, triều đình có bề tôi can ngăn, quan lớn và các vị thân thích không khen được một lời lại còn nói lời xu nịnh với cự Thân thần thì có gì bổ ích cho quốc gia. Quan lớn không nhớ chuyện trói người quan can gián mà mất nước sao? Muốn dẫm lên vết xe cũ sao?”. Mọi người đều im lặng. Tôi cáo từ, không dự, trở về.

Hôm sau tôi thuê xe lên cung Thiên Định [lăng Khải Định] kính xem, chiều trở về sở tang nghi kính xem. Giữa đường nghe người bàn luận rằng việc nước đều trừ trừ cầu thả. Tôi vào Hộ Bộ Đường dặn dò nhờ uốn nắn⁽⁵²⁾ khuyết điểm của cự Thân thần [111]. Cự Thượng Hộ từ chối vì già, bệnh tật, tài đức lại không bằng cự Thân thần, không dám đường đột. Tôi bèn đến gặp Tham tri Bộ Lại Phạm Liệu trách rằng: “Ngày thường ôm ấp đợi tới lúc thi thố. Cự



Trang 112 (trái), 113, quyển 4, quang cảnh lộn xộn tại lễ tang của vua Khải Định.

⁵² Nguyễn văn “cứu chính”.

Thân thần xem anh như là cao đệ, anh không từng lấy đức báo đáp, chỉ a dua theo, chẳng phụ với tiên đế sao? Đệ nghe việc làm của cụ Thân thần có chỗ bất hợp lẽ, sợ phương hại đến danh vọng của cụ, đệ quyết can ngăn, anh cho là như thế nào?”. Phạm Liệu nói: “Cụ Thân thần đãi chúng ta như quốc sĩ, chúng ta phải lấy quốc sĩ đãi ngộ thân thần, đệ cũng đã nhân dịp bốc thuốc mà chưa thấy công hiệu. Chúng ta phải từ từ mưu tính”. Tôi nói: “Cứ như thế mà làm”.

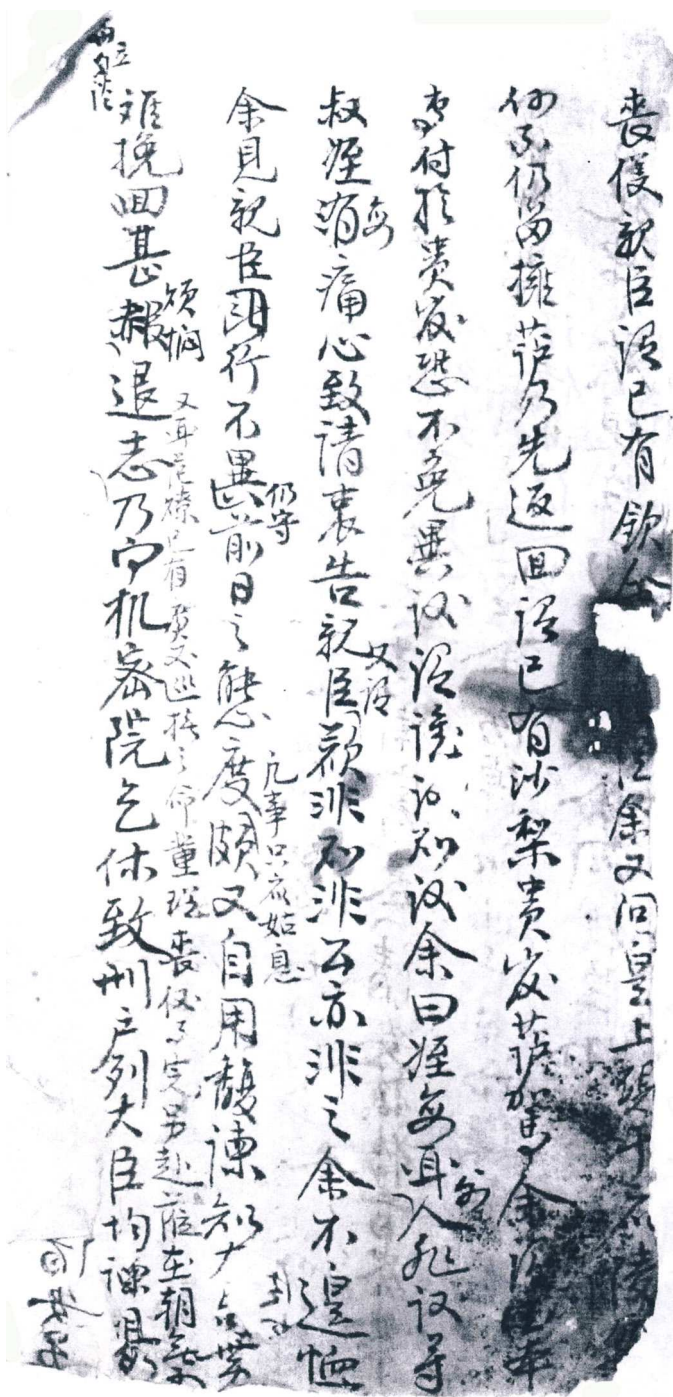
Đến ngày cử hành tang lễ [112], các quan sắp hàng ở sân giữa đội Hoàng thượng hành lễ ở sân trên, bách quan làm lễ tứ bái ở sân giữa, nhưng các quan Tây, nhà buôn Tây, phụ nữ Tây dắt con cái và vú em, thẳng bồi đều lên sân trên đứng xem rất lộn xộn. Bộ Lễ truyền bách quan sắp hàng hành lễ. Tôi nói đội bàn với quý quan đuổi các người đi xem ra rồi sẽ sắp hàng. Cụ Thượng Lễ nói: “Ai dám đuổi?”. Tôi nói: Có cụ lớn tiếp tân và quan Thương tá Viện Cơ Mật [là Nguyễn Đăng Tam]. Trong lúc đang trao đổi thì Bộ Lễ xưng: “Các quan đứng trật tự, cúc cung bái”. Tôi nói: “Ở sân trên lộn xộn như thế mà cúc cung bái là không hợp, xin đợi một chút”. Quan Thượng Lễ nói: “Hoàng thượng đã hành lễ, các quan không thể hoãn”. Tôi nói: “Hoàng thượng [113] đứng trước linh cữu làm lễ, bách quan thì có các vú em ngồi ở sân trên, mà đứng lạy ở dưới thì là lạy ai? Còn gì là thể thống nữa!”. Cụ Thân thần nói: “Hướng về bậc thềm đá mà lạy”. Rồi dẫn các quan ra lạy. Tôi đứng không lạy mà kêu to: “Trời ơi! Trời ơi! Sao lại cầu thả quá vậy”. Quan Toàn quyền nghe tiếng la khóc, hỏi có chuyện gì? Có người thuật lại: “Tổng đốc Nghệ An phàn nàn rằng các quan lạy ở sân dưới mà ở sân trên lại có các quan Tây bà đầm ngồi xem, nên ông bất bình kêu khóc”. Quan Toàn quyền nói: “Tôi không được biết nên không ra lệnh, đó là lỗi của tôi”. Rồi ngài xin lỗi cụ Thân thần. Viện trưởng Viện Cơ Mật cũng nói qua vài lời, rồi đều rút lui... [mất chữ] [114].

Quan Thương tá Viện Cơ Mật Nguyễn Đăng Tam mặc áo gấm chấp hành lệnh, tiễn Hoàng thượng đến cửa Hiển Nhơn. Cụ Thân thần lên xe hơi đi theo sau linh cữu. Tôi dặn Tuần vũ Thuận Khánh Tôn Thất Tế, Tổng đốc Thanh Hóa Ứng Dinh hãy cứ đi bộ theo sau mới hợp lễ của tôi con. Cụ Thượng Lại nghe tôi nói cũng cùng các quan tỉnh khác đi bộ theo. Đến đàn Nam Giao, tôi bỗng nhiên kính cẩn. Đêm ấy tang nghi dừng tại nhà tạm ở làng Kim Sơn.⁽⁵³⁾ Tôi cũng trú đêm quanh quần ở đó để hầu. Sáng sớm hôm sau lại theo tang nghi đến Ứng Lăng. Các quan tỉnh đều đưa tang đến lúc an táng xong xuôi.

[115] Lúc ăn trưa tôi hẹn với các quan tỉnh vào 3 giờ chiều tề tựu ở nhà giải vũ bên trái [Ứng Lăng] để gửi tâu thỉnh an, rồi lui ra. Đúng giờ tôi đến nơi không thấy một người nào, bèn đi quanh để tìm cho đến nơi các quan cư trú mới gặp Thân binh Đô thống Nguyễn Hữu Tiễn, Quản lý thị vệ Nguyễn Văn Hiền, hỏi ra mới biết các quan lạy xong đều trở về. Chỉ có ngài Sa⁽⁵⁴⁾ và các nội

⁵³ Nguyên là ấp Kim Long, sau đổi thành Kim Sơn, tổng Cư Chánh, nay thuộc xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁵⁴ Tức Jean Françoise Eugène Charles, từng giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ từ 1913-1920, quyền Toàn quyền Đông Dương từ 5/1915-1/1917, là người được vua Khải Định ủy thác đưa Hoàng thái tử Vĩnh Thụy sang Pháp du học.



Trang cuối (trang 116), quyển 4, Lạc Viên tiểu sử.

[Hết quyển 4]

thân còn ở lại hộ giá. Tôi nhờ thị vệ gửi lời tâm thỉnh an. Rồi được chỉ truyền trả lời: “An”. Tôi xuống thuyền. Đến 4 giờ chiều thì ngự giá hồi cung. Tôi bèn sức cho chèo thuyền trở về.

Hôm sau tôi đến thăm cụ Thân thân, tỏ bày về việc can ngăn hôm qua. Thấy cụ Thân thân vui vẻ, tôi hỏi cụ sao không ngồi xe tay để theo [116] tang nghi. Cụ nói đã có quan Khâm sứ theo rồi. Tôi lại hỏi Hoàng thượng ăn trưa tại Ứng Lăng, sao không theo phò mà trở về trước. Cụ bảo: Đã có ông Sa [Charles] và các quan Tây hộ giá. Tôi lại nói: Sao lại phó chuyện này cho các quan Tây, sợ không khỏi dị nghị. Cụ bảo: Ai dị nghị thì cứ dị nghị. Tôi nói: Mỗi khi cháu nghe người ngoài dị nghị về chú, cháu đều đau lòng, nên xin nói thẳng với chú. Cụ Thân thân nói: Muốn trái thì trái, ông cũng cho là trái, tôi cũng chẳng sợ gì. Tôi thấy cụ Thân thân vẫn giữ thái độ như cũ, làm việc chỉ căng thẳng không thích can ngăn, mới biết là thế của đại cuộc thật khó vấn hồi, tôi phiên muộn thoái chí. Lại nghe Phạm Liễu lại được cử làm Tuân vũ Quảng Ngãi, đơn đốc việc tang xong sẽ trở về lỵ sở. Bèn trình với Viện Cơ Mật xin hưu trí. Hai vị đại thần Bộ Hình, Bộ Hộ đều can ngăn.

LẠC VIÊN TIỂU SỬ

Quyển 5

[Mất trang đầu]

[1] [Tôi xin từ chức, có người] nói: “Đang trong lúc khó khăn này, quý Khâm sứ đại thần ắt không cho ngài rút lui”. Tôi đến Viện trưởng Viện Cơ Mật trình bày xin, Viện trưởng cũng không cho, bảo rằng: “Hiện nay Hoàng đế du học phương xa, việc nước ủy cho Viện Cơ Mật hiệp thương cùng quý Khâm sứ thi hành, chức trách thủ hiến các tỉnh quan trọng, chưa tiện thay đổi”. Tôi nói: “Tôi vốn biết chức trách nặng nề, nhưng khí lực đã suy, tinh thần mệt mỏi không kham gánh vác, nên phải xin nghỉ”. Viện trưởng lại nói: “Đã bàn định các quan đến tuổi 56 mới cho hồi hưu, ngài nay mới 55 tuổi chưa đến tuổi hưu hãy cứ tỵ chức, tùy tâm sức lo liệu được bao nhiêu cũng không phụ”. Tôi nói: “Đầu tháng Giêng năm nay đến ngày mùng 10 tôi mới đủ [2] 55 tuổi, nếu quan lớn không cho nghỉ liền thì tôi xin tạm nghỉ mấy tháng trở về nhà tĩnh dưỡng đợi đến tuổi hưu”. Viện trưởng lại nói: “Hiện nay quốc bộ nhiều khó khăn, ngài là người trong Hoàng phái, cùng với nước nhà tốt đẹp, thế mà tìm yên ổn nhàn hạ không chịu gánh lao nhọc, chúng tôi



Trang 1, quyển 5, Lạc Viên tiểu sử.

không phải vì tham lộc vị mà lưu lại lâu, ngài không thể tự chiếm cao thượng, phụ sự ủy thác của tiên đế”. Tôi nghe lời này bất giác rơi lệ, không nói thêm

nữa. Viện trưởng lại an ủi vỗ về khuyên nên nhanh tựu chức. Tôi bất đắc dĩ gắng gượng nhận lời phó thác.

Con trai thứ hai của tôi tên Lập vừa rồi thi hỏng tốt nghiệp, lại đến Trường Quốc Học học tập, bị các Trợ giáo bạc đãi, y phần chí, khẩn xin ra Hà Nội hoặc đi Tây theo học. Tôi khuyên gắng học đợi trúng tốt nghiệp sẽ cho đi Tây. Ngày 22 tôi trở về [3] lý sở, quan bác sĩ Hác-Man⁽¹⁾ đến thăm nói về chuyện học của con ông ta. Tôi hỏi rằng: “Con trai thứ của tôi 17 tuổi, hiện học ở Trường Quốc Học, tôi muốn cho nó đến quý quốc du học, gửi theo đại nhân cho tiện dôi mài có được chăng?” Bác sĩ trả lời: “Tốt, tốt. Nhưng đợi trúng tốt nghiệp mới đi. Tôi định tháng 8, tháng 9 dương lịch trở về nước nghỉ ngơi, lúc đó sẽ cho lệnh lang đi cùng với tôi cho tiện”. Tôi nói: “Rất tốt, rất tốt”. Liên viết thư cho con, ngày Chủ nhật hãy đến hầu quý Công sứ Sa-Tiên [Châtel], để ngài đến ngày 30 đi Hà Nội tiện ngày mồng 4 năm mới đáp tàu trở về nước nghỉ ngơi một năm. Quan Công sứ cũng nói đi với quan bác sĩ Hác-Man, nhà bác sĩ gia pháp nghiêm chính, cho [4] lệnh lang đến ở học tập, ắt sẽ hy vọng hoàn toàn. Tôi rất vui, viết thư cho con là Lập, con cũng rất vui. Ngày 28 đến lý sở thăm viếng, tôi dẫn đến thăm bác sĩ chuyện trò. Bác sĩ cũng nói, thấy diện mạo và học hạnh của lệnh lang tôi xin nhận dẫn về Tây gửi học. Con tôi rất thỏa nguyện. Tôi khuyên hãy siêng năng học tập, gắng làm theo lời dạy.

Ngày 30 quý Công sứ Sa-Tiên [Châtel] đi Hà Nội, rồi đi Hải Phòng đáp tàu về nước nghỉ ngơi. Công sứ Hà Tĩnh là Ti-Bô-Đô [Thibaudeau] đến thay.

Bảo Đại năm đầu [1926], ba ngày tết đã xong, con tôi là Lập xin trở về kinh để tiện nhập học. Tôi định cho ngày mồng 8 trở về, ngày mồng 10 nhập học. Tôi cho con đáp theo xe hơi của tên Ngạch là người quen, tiện nhờ y giúp đỡ khỏi lo ngại. Lúc 2 giờ sáng ngày mồng 8 khởi [5] hành, đến 6 giờ nghe báo chiếc xe ấy đến Ngàn Hống, địa phận tỉnh Hà Tĩnh đã bị lật, làm chết 2 người. Tôi liền đến Tòa sứ mượn xe hơi đi nhanh đến nơi thấy con tôi và người phụ lái nằm dưới chiếc xe bị lật, liền thuê dân phu sở tại lật xe lên kéo ra thì thân thể đã lạnh không cứu được nữa, tôi ôm lấy khóc thảm thiết. Quan Án Nguyễn Khắc Niêm nghe tin, lập tức đem y phó Đặng Dữ mang thuốc đến cũng không thể cứu được. Tôi nghĩ đem về dinh không tiện nên sức tên Ngạch lấy xe lớn đưa về nhà tăng của đền nghia trung Nghệ An tạm để, mua gỗ đóng quan tài khâm liệm để đưa linh cữu về kinh an táng. Lúc ấy tâm thần tôi tán loạn [6] như ngây như dại. Viên chức trong dinh đều đến giúp đỡ, khuyên giải. Tôi trở về suy nghĩ, nếu như tháng Chạp năm ngoái tôi kiên quyết không trở lại lý sở, thì con tôi làm sao lại chết uống, hối hận không thôi, bèn quyết kể từ quan. Một mặt lo đầy đủ đồ tang cho con, một mặt sức gia nhân thu gom hành trang, phàm các vật riêng nhẹ thì đóng gói, cất vào rương đưa lên xe để chở về, vật gì to nặng thì thuê thuyền chở về.

Lo liệu đã xong, thương với Công sứ, đem ấn Tổng đốc bàn giao cho Bộ chánh, Án sát cùng Lãnh binh hội đồng quyền coi sóc. Rồi từ biệt nhân viên

¹ Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

trở về và điện cho người nhà làm rạp dưới chân núi Ngự Bình. Sáng sớm ngày 16 khởi hành, chiều ngày 17 đến nơi, bà con bạn bè tề tựu rước linh cữu vào rạp [7] làm lễ cúng. Đến ngày 20 đưa an táng tại núi Ngũ Phong, thương tiếc không thôi.

Lại thấy đang trong lúc quốc tang mà ở thành phố tiếng trống tiếng ca không ngớt, bài chòi, tiếng pháo, tiếng nhạc vang trời. Mắt thấy tai nghe, ruột đau như cắt, nằm không ngủ được, việc nước tình nhà càng nghĩ càng thảm thương. Bèn thuê thợ, mua vật hạng vôi gạch xây mộ cao, tầng, tổ, cha mẹ. Mỗi sáng sớm lên núi kiểm soát, đốc sức để giải phiền. Kỳ nghỉ sắp hết, tôi nhờ đệ đơn đến Viện Cơ Mật xin lại nghỉ thêm 6 tháng nữa. Quan Khâm sứ đại thần ủy quan đầu Sở Liêm phóng là Sô-Nhi [Sogny] đến thăm an ủi, thúc giục tụt chức. Tôi trình bày với Sô-Nhi rằng tháng Chạp năm ngoái đã xin nghỉ hưu, quan lớn Viện trưởng [8] đã bắt trở về lý sở, lại lo việc tang của con thứ. Nay xin không trở lại nữa. Nếu như hai chính phủ có lòng luyến tôi, cho tôi làm việc ở Viện Cơ Mật thì tôi ở lại năm ba năm nữa đợi hoàng thượng hồi loan sẽ liệu. Còn buộc tôi làm Tổng đốc thì tôi quyết xin nghỉ hưu. Sô-Nhi hẹn trở về thuật lại, không biết quan Khâm sứ nghĩ thế nào.

Cách 3 ngày sau, tôi nhận được thư của quan Khâm sứ vời tôi yết kiến. Quan Khâm sứ nói rằng: “Hãy đi nhận chức, tôi sẽ điện xin quan Toàn quyền để ngài điện tới quý quốc tâu xin cho ngài điền thế Thượng thư Bộ Hộ đang khuyết”. Tôi nói: “Hiện nay tôi đang quá phiền muộn, tâm thần không định, không thể lo việc Tổng đốc. Chỉ xin nghỉ 6 tháng ở lại nhà để được an dưỡng. Còn như công việc ở Viện Cơ Mật [9] thì tùy các quan trên cân nhắc xếp đặt đợi vua quyết định, tôi cũng không dám mạo muội nói nhiều”. Quan Khâm sứ hỏi tôi có mấy con trai. Tôi nói: “Chỉ có hai trai lớn, một đứa vừa mất còn lại một đứa lớn và một trẻ 2 tuổi”. Quan lớn lại hỏi: “Con trai cả đang làm gì?”. Tôi nói: “Cháu thi đỗ tốt nghiệp hiện đang chờ bổ Phán sự”. Quan lớn hỏi tên gì. Tôi trả lời: Tôn Thất Đỗ. Đại thần liền gọi điện thoại hỏi quan quản lý. Quan ấy vào trình rằng: Đơn của Tôn Thất Đỗ số thứ 11. Quan lớn bảo hãy điền bổ ngang. Tôi trình rằng: Hiện tôi chỉ có nó là khá lớn có thể chăm sóc, xin được điền bổ ở kinh, tôi rất cảm kích. Nếu bổ ở ngoại tỉnh, tôi không khỏi nhớ mong, sợ chuyển thành [10] lo lắng. Quan lớn dặn quan quản lý hãy cho điền bổ tại kinh, rồi bảo tôi rằng: Bổn chức đã làm theo lòng mong ước của ngài, chỉ mong ngài sớm giải phiền muộn để giúp đỡ nước nhà, khỏi phụ lòng trông mong của bổn chức. Tôi nói: Tôi rất cảm kích thịnh tình nhưng tôi phải an dưỡng mới có thể dần dần giải phiền được. Quan lớn nói: Hãy đợi bàn bạc đã. Tôi cáo từ trở về. Đến chiều, quan Viện trưởng đến nhà riêng cụ Phụ chánh thân thần, cụ Thân thần sai gọi tôi đến. Viện trưởng nói: “Đã lâu tôi chưa đến thăm nhà riêng cụ Thân thần, nay nghĩ đến thăm và cũng để thăm ông cho tiện trò chuyện. Tôi và cụ Thân thần sẽ vì ông sắp xếp chứ không để ông u uất ở nơi đây, ông hãy trở về lý sở như thường, chớ khá ở lại, sợ mất cơ hội” [11]. Tôi nói: “Tôi từng thoái chí, tháng Chạp năm ngoái, tướng công đã bàn làm tôi xúc động, nên không dám làm trái, đành miễn cưỡng trở về lý sở, đến nỗi con tôi gặp biến cố ấy,

hối hận thì đã muộn. Nay tôi quyết định không trở về ly sở nữa”. Viện trưởng nói: “Con chết là số mệnh, chứ làm sao thoát chí”. Tôi nói: “Tiến thoái cần phải yên mệnh, tôi tự biết mệnh tôi nhiều ngang trái, chỉ nên thoái ẩn. Đã cùng bái biệt núi Hồng sông Lam không đến lại nữa”. Viện trưởng nói: “Nếu như không muốn trở về Nghệ An, thì hãy đổi đi Bình Phú”. Tôi nói: “Tôi đã từ chức Tổng đốc, dù tỉnh nào cũng không dám nhận. Tôi hiện đang phiền uất, mệt mỏi lắm, chỉ mong được nghỉ ngơi để tiêu dao ngoại vật, di dưỡng tính tình là quan trọng nhất”. Viện trưởng nói: “Ông muốn an nhàn [12] lỡ gặp dân biển, ông được yên chăng?”. Tôi nói: “Chỉ vui với non nước, lạc thiên an mệnh, dân biển có liên quan gì”. Viện trưởng hạ giọng nói rằng: “Chớ khá chấp nê, tôi vừa mưu tính tiền trình cho ông, nếu ông vẫn ở lại sợ sinh hiềm nghi, trở thành khó khăn”. Tôi nói: “Tướng công hé lộ ý này, sợ làm người ta nghi ngờ là tôi ở lại cậy nhờ để bỏ đại thần, nhưng khoản này cũng không quá lo ngại. Chủ trương việc này chính là cụ Thân thần và tướng công, cùng với quan Khâm sứ đại thần. Tướng công hỏi thử cụ Thân thần và quan Khâm sứ là tôi có xin cậy nhờ gì không. Tôi đã bộc lộ hết chân tình, xin tướng công chọn người thay thế cho tôi rút lui thì không có gì vui hơn”. Viện trưởng nói: “Chỉ [13] mới đồng ý cho quyền coi sóc, nếu như ông chưa chịu đi thì sẽ bàn triển hạn thêm 1, 2 tháng”. Tôi nói: “Tối thiểu cũng cho 3 tháng”.

Viện trưởng trở về thương cùng quan Khâm sứ cho tôi nghỉ thêm 3 tháng, chỉ một nửa tiền bổng.

Lúc ở Nghệ An tôi có mua được 5 mét khối gỗ lim, dự định làm cổng và dựng một cái lầu nhỏ để dưỡng lão. Đến nay kiểm lại vốn liếng chỉ có 5 ngàn đồng, mà xây cất phần mộ đã hết 3 trăm, muốn thôi không xây dựng nữa, đem bán số gỗ lim này, nhưng người mua trả giá quá rẻ không bằng chi phí đã mua. Con trưởng là Đỗ trình rằng: “Tính cha vốn nhiều cảm khái, đã định dựng lầu, nay lại thôi, sợ không toại nguyện sinh ra [14] phiền não, lại lãng phí tiền vô ích, không bằng cứ xây dựng để cho cha trông coi mới tiêu khiển được, đó là được lợi hai bề”. Tôi nghe nói cũng có lý, bèn cho khởi công.

Ngày tháng 4 cháu Đỗ được bổ làm Phán sự Tòa Công sứ Thừa Thiên. Trước đó quý quan Kiêm đốc Đề-Loa [D’Elloy] gọi con tôi đến tòa truyền rằng đã cho điền bổ Tòa Đại lý Bái Thượng [Thanh Hóa]. Đỗ từ chối vì xa xôi. Lại nói: Thôi thì bổ Tòa sứ Nghệ An, hãy về chuẩn bị hành trang nhận việc, không thì đình bổ. Đỗ không biết làm sao, trở về xin tôi thân hành nói giúp. Tôi không chịu đi, chỉ dặn Đỗ cứ trình: “Nếu như được bổ tại kinh cho tiện săn sóc cha mẹ thì xin tuân nhận việc, còn bắt đi xa [15] thì xin rút lui, tìm việc khác”. Đề-Loa mỉm cười, con tôi trở về. Cách 3 ngày nhận được trát sức đến làm việc tại Tòa Công sứ Thừa Thiên.

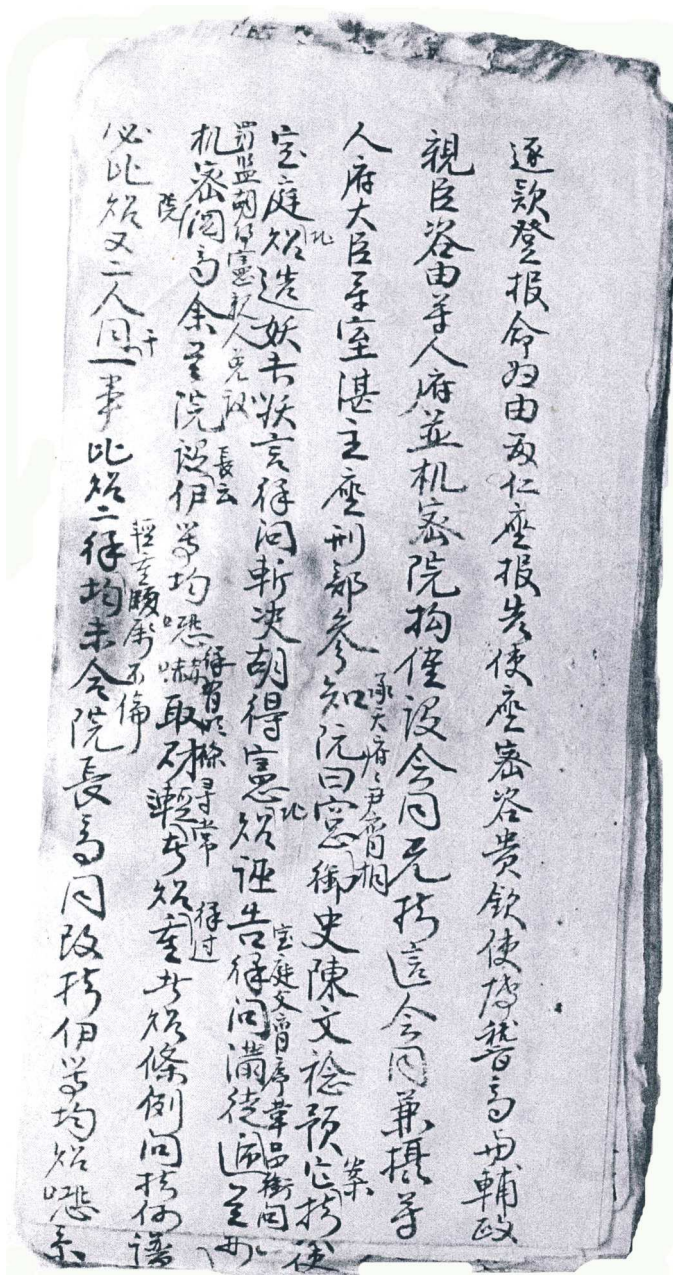
Tôi hết hạn xin nghỉ, lại gửi đơn xin nghỉ tiếp 6 tháng. Ngày tháng 6, tôi nhận được tờ lục kính vâng dụ chuẩn đổi bổ chức Thượng thư Bộ Hình sung đại thần Viện Cơ Mật; Tuần vũ Quảng Nam là Phạm Liệu điền thế chức Tổng đốc An Tĩnh.

Tôi lại được ra làm quan, nhưng Trần Đình Bá chưa tới bảy mươi lại hồi hưu, nên lòng tôi không yên, bèn trình với Viện trưởng xin từ chối. Viện trưởng nói: “Đã có chỉ dụ không thể thay đổi”. Tôi đến Tòa Khâm sứ trình rằng: “Tôi không vui chịu tiếng tranh giành, xin được từ chối”. Quan Khâm sứ nói: “Ngài có từ chối thì Trần Đình Bá cũng không được giữ lại, chớ quá e dè”. Phước Trang [Trần Đình Bá] [16] nghe tôi xin từ chối, đêm ấy đến chuyện trò, nói rằng: “Biết tâm tích của anh không có chút mờ tối, việc này là do niên hạn của tôi khiến cho tiến thoái đều an mệnh, chẳng lộ góc cạnh”. Tôi mới yên tâm, chọn ngày làm lễ bái mạng cung chức. Đồng thời có Nguyễn Khoa Tân nhận chức Bộ Hộ. Lúc làm lễ cáo yết hai cụ Thượng Lại, Lễ, ông [Tân] đều đem lễ vật hậu tạ. Tôi chỉ mang cái áo thụng xanh đến bộ đường chấp tay yết kiến mà thôi. Hai vị đại thần đều không bằng lòng, mỗi lần Viện Cơ Mật họp, hai cụ chỉ cười nói thân thiện với cụ Thượng Hộ, còn với tôi thì lạnh nhạt, tôi chưa từng cầu cạnh, chỉ nghĩ làm tròn công vụ theo bốn phận mà thôi.

Một hôm họp bàn thấy thảo đơn đem nguyên Tri phủ phủ Diên Khánh Nguyễn Ngọc Hoàn điền bổ Tri phủ phủ Vĩnh Linh, dưới tên ông ta có cước chú: “Đã xét xử phân chia tài sản không rõ ràng, Tòa sứ tỉnh xin triệu hồi, Bộ Hình cũng đề nghị cách chức, Viện đối ra giáng 3 cấp [17] đổi bổ. Tòa Khâm sứ phúc rằng: Án này cần xét lại”. Tôi nói rằng: “Viên phủ này bộ viện đã đề nghị cách hay giáng, lý lịch đã bất hảo. Người có chức hàm cao, có thâm niên, lý lịch tốt còn nhiều, xin chọn một viên điền bổ Tri phủ, đem Nguyễn Ngọc Hoàn bổ Tri huyện để dạy thức tỉnh mới hợp công lý. Nếu như các đại thần mặc nhiên, thì tôi không chịu ký”. Hôm sau nhân viên ở Viện đem bản thảo đơn này đến Bộ Hình đợi phê chữ, nói rằng: “Quan lớn bàn định như thế, chúng tôi đều cảm phục là công minh. Nhưng hai quan lớn Bộ Lại, Bộ Lễ sức cho y nguyên thảo, xin phê chữ đệ thương chứ không chịu thay đổi”. Tôi nói: Làm việc nếu như cần có ý kiến thì ý tôi [18] đã định không thay đổi. Nếu cần “giáp tự”⁽²⁾ để xin ý kiến của quý Tòa [Khâm sứ], tôi sẽ giáp tự như lời hôm qua đã bày tỏ. Viện đệ thương, được quý Tòa phúc rằng: “Quan lớn Bộ Hình đề nghị rất hợp, xin tư cho Bộ Lại đề nghị lại”. Bộ Lại để lâu không thay đổi. Mấy tuần sau lại hội thương, quan lớn Bộ Lại nói: “Nguyên Tri phủ phủ Diên Khánh Nguyễn Ngọc Hoàn bị can tội giải chức lưu xét, nay cứu xét ra là không can tội, nên cho như cũ, đem người hiện bổ Tri phủ Diên Khánh là Lê Nho đổi bổ Tri phủ Vĩnh Linh”. Quan Kiêm đốc Đề-Loa [D’Elloy] nói rằng: “Xử trí như thế cũng tiện, duy Nguyễn Ngọc Hoàn vốn bị Công sứ Nha Trang Pha-Giai-Đa⁽³⁾ thương cất chức, nay vẫn để như cũ, không biết quan Công sứ ấy ý kiến như thế nào, có thuận không, đợi điện vào hỏi sẽ phúc”. Sau đó Tòa Khâm đã sao điện văn của Công sứ [19] Nha Trang đệ thương, trong điện văn nói rằng: “Nguyễn Ngọc Hoàn nhân cách thô bỉ, quan sứ không muốn y đến lại phủ Diên Khánh”. Đến ngày hội nghị, quan lớn Bộ Lễ nói: Đem Nguyễn Ngọc Hoàn điền bổ Tri phủ Vĩnh Linh, người hội thương cũng ưng thuận đa số. Căn cứ theo việc của Viện là dựa theo

² Giáp tự 夾敘: theo chữ nghĩa thì *giáp* là kép, hai lớp; *tự* là trình bày. Nên có thể hàm nghĩa: trình bày lại lần nữa.

³ Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.



Trang 21, quyển 5, vụ án Hồ Đắc Hiến, Bửu Đình.

dẫm đòi tiền, nói phao rằng: Lại Bộ đại thần Nguyễn Phước Môn [Nguyễn Hữu Bài] làm nhiều việc bất hảo, bọn nó sẽ đem đăng báo. Cụ Phước Môn hối lộ 500 đồng mới khỏi việc này. Bà quận công gần đây có làm nhiều việc bất hảo, hỏi ra tường tận, nếu không nạp 500 đồng bọn nó sẽ [21] đăng lên báo. Bà liền báo cho Tòa Công sứ Quy Nhơn nhờ Tòa mật tư cho Tòa Khâm. Khâm sứ Bát-Kê

ý kiến số đông. Tôi nói: “Đối với việc Nguyễn Ngọc Hoàn tôi không có ý riêng nữa, duy hôm trước đã “giáp tự” chỉ muốn chấn chỉnh phong cách kẻ sĩ, chưa vâng chọn nhận. Nay các quan lớn bàn định như vậy, tôi xin không dự vào để khỏi mâu thuẫn”. Các cụ Bộ Lại, Lễ, Hộ, Công đều ký, riêng tôi không ký. Văn thư của Viện không có “giáp tự”, Tòa Khâm sứ phúc y. Nguyễn Ngọc Hoàn nhậm chức phủ Vĩnh Linh 5 tháng, khám [án] mạng không đúng, bị Tuần phủ Quảng Trị là Ứng Tôn sức hỏi, phúc bẩm [20] không rõ ràng, nhiều lần hỏi không thể biện giải, Công sứ Rông-Búc⁽⁴⁾ trình xin Tòa Khâm nghị xử. Lúc đó xử sự công bằng, đem Nguyễn Ngọc Hoàn giáng cấp cho nghị. Hai quan lớn Bộ Lại, Lễ không thể che chở. Dư luận cho là rất khoái!

Lúc Khâm sứ Bát-Kê [Pasquier] thăng chức đại thần Toàn quyền Đông Dương, Công sứ Quy Nhơn là Pha-Di-Yết⁽⁵⁾ được thăng làm Khâm sứ Trung Kỳ. Nhà báo tại Nam Kỳ là Hồ Đắc Hiến và Bửu Đình tuổi trẻ khinh suất, nói năng nhiều chỗ phạm thượng, gần đây đến nhà bà Thạch Trụ Nguyễn quận công [Nguyễn Thân] dọa

⁴ Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

⁵ Trong nguyên bản, nhân vật này có chỗ lại phiên là Pha-Di-Ét, tức Jules Friès, từng giữ chức quyền Khâm sứ Trung Kỳ từ 20/5 đến 11/9/1922, rồi Khâm sứ Trung Kỳ (1927-1928).

thương với Phụ chánh thân thần tư đến đại thần Phủ Tôn Nhơn là Tôn Thất Trạm, chủ tòa Tham tri Bộ Hình Nguyễn Viết Song, Phủ doãn Thừa Thiên Ứng Đông, Ngự sử Trần Văn Năm dự án, nghị Bửu Đình chiếu điều luật “tạo thư yêu ngôn”⁶ phạt tội chém, Hồ Đắc Hiến thì chiếu điều luật vu cáo, phạt tội đồ, cha Bửu Đình là Ứng Tự bị cách phẩm hàm phạt tội giam, thân nhân Hồ Đắc Hiến thì miễn nghị. Viện Cơ Mật duyệt bàn, tâu trình với ngài Viện trưởng rằng: “Bọn nó đều dọa dẫm tống tiền. Luật đã có điều khoản rõ ràng, bình thường thì chiếu theo luật, quá nặng thì chiếu theo điều lệ riêng, cứ sao hai người cùng can một tội, lại chiếu theo hai điều luật nhẹ nặng khác nhau, mà nói là không thiên vị, thì có hợp không?”. Viện trưởng thương cùng thay đổi lại: Chiếu theo [22] điều luật còn đồ dọa dẫm, bọn nó đều đổi làm khổ sai đày đi đảo Côn Lôn giam giữ. Cha của bọn nó chiếu theo điều luật không thể ngăn cấm con em mà phạt trưng, cho chuộc.⁷ Nguyễn Viết Song đã biện bác lên Bộ Hình, tâu trách rằng: Chức thuộc Bộ Hình mà dẫn luật không phù hợp. Y nói tôi hủy báng hội đồng, trình với Viện Cơ Mật xin bỏ đi nơi khác. Viện trưởng chỉ cho như cũ. Tôi nói rằng: Y đã phản đối, tôi không vui cùng làm việc, tư lên Viện bàn đổi. Viện thương với quan Khâm sứ, hội thương rằng: Nguyễn Viết Song và Bộ trưởng chống nhau, thế không thể cùng làm việc. Viên này còn một năm là đến tuổi hưu, nay có chức Tuần vũ Hà Tĩnh hiện khuyết, hãy cho y tạm bổ, đợi đến kỳ nghỉ hưu. Viện đồng thuận. Án bọn Bửu Đình được Tòa Khâm duyệt phúc y như Viện [23] đã sửa đổi để thi hành.

Ngày tháng 3, quyền Toàn quyền đại thần Mông-Ghi-Do [Monguillot] đến kinh rồi đi tỉnh Ban Mê Thuột xem hội chợ người Thượng, quan Khâm sứ và tôi cùng đi. Tôi xin đi trước một ngày đến Tân An, Côn Tung [Kon Tum] xem xét, ngày hôm sau đến Pha Lê Cu [Pleiku] (sau đổi là đạo Gia Lai) chờ xe của Toàn quyền và Khâm sứ đến cùng đi Ban Mê Thuột nghỉ lại 3 ngày đêm. Tỉnh này ở tại thượng du, vừa mới mở mang, toàn là dân Thượng. Chính phủ bảo hộ khai hóa đặt đồn binh tuyển dân Thượng (tục gọi là Ra Đê) sung đội ngũ, lập trường học, dân Thượng không kể tuổi tác đều cho vào học. Đỉnh tráng thì tuyển mộ vào lính tập, sai khiến hoàn toàn tin dùng dân Thượng. Tòa sứ, tòa bưu điện và trợ giáo ở trường học có nhiều người Nam, nhưng cấm không được giao thiệp riêng với người Thượng. Gần tỉnh có chợ không bán cá thịt. Các người Nam làm việc cần ăn hay dùng thứ gì đều mua ở bà vợ quan đồn. Vật giá cũng cao, chỉ trừ cá hộp và trứng gà. Còn thịt gà thì hề thấy người Thượng ôm một con gà đi ngang qua liền đến tranh nhau mua, gạo cũng nhiều khi thiếu, mua rất

⁶ Bịa chuyện lừa dối, dọa dẫm bằng giấy tờ hoặc lời nói.

⁷ Theo Huỳnh Văn Tông trong cuốn *Lịch sử báo chí Việt Nam* thì nhà báo Bửu Đình bị bắt vì “đã viết một loạt bài công kích thái độ khiếm nhục của bọn quan lại trong triều đình Huế. Hơn nữa chính ông Bửu Đình đã tổ chức nhiều cuộc nói chuyện chánh trị tại tư thất của chí sĩ Phan Bội Châu ở Huế (ngày 20.3.1927) trước cử tọa số đông cỡ 500 thanh niên...”. Ông bị xử tước tịch, đổi sang họ mẹ là Tạ Đình, bị đày đi Lao Bảo với bản án 9 năm tù. Vào tù vẫn tiếp tục chống đối nên thực dân Pháp đã lưu đày ông ra Côn Đảo vô thời hạn. Có tài liệu cho rằng ông vượt ngục và mất tích giữa biển khơi vào khoảng cuối năm 1932. Theo Thiện Mộc Lan, “Nổi truan chuyên của một nhà văn: Từ Bửu Đình đến Tạ Đình”, *Thông tin Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thừa Thiên Huế, Số 2 (28)*. 2000.

khó khăn. Các người tòng sự nói với tôi bàn với quý Khâm sứ cho người Pháp, người Nam đem cá tôm muối mắm đến bán, lại cho phép mỗi tuần mổ bán một hai con heo để tiện cho người làm việc ở đây mua ăn. Quan Khâm sứ trình với quan Toàn quyền sức cho các quan Công sứ nói các lệnh cấm, mỗi tuần cho mổ một con heo, một hai tháng cho mổ một con trâu, lại thông tư các tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định cho nhân dân đem sản vật lên đây bán. Tôi và quý Khâm sứ cùng đi theo cả tuần lễ này, thấy dân gian có lợi hại gì, mỗi lần ăn trưa đều thuật lại bàn bạc. Quan Khâm sứ vui nghe. Quan Toàn quyền nói rằng: “Chuyến đi này có quan Bộ Hình làm bạn có nhiều điều bổ ích, không che lấp tai mắt của chúng ta”. Tôi bàn với quan Khâm sứ rằng: “Hoàng tộc nguyên từ trước có nhiều đặc ân, nửa chừng đình bỏ, nay xin chấn chỉnh thi hành lại” [24]. Quan Khâm sứ nói rằng: “Khoản gì chưa có nghị định đình bỏ thì cứ theo thứ tự trình bày rõ, khoản nào đã có nghị định thì xin chỉ chuẩn, chứ chưa thể vội thay đổi”. Tôi cùng trở về, nhân vào bộ đường thấy [25] cổng trước thấp và hẹp, xe hơi không thể vào, bèn tư xây lại cao và rộng, nghĩ ra hai vế đối viết vào bên trong cổng.

[26] Gần đây, đại thân kiêm nhiếp Tôn Nhơn Phủ vụ, mỗi tháng cấp thêm 20 đồng. Tôi tư cho Viện chiếu theo các Bộ trưởng sung Cơ Mật Viện mà cấp thêm. Viện thương được Tòa Khâm phúc rằng: Không được cấp thêm. Tôi dùng ấn của phủ, lại thương rằng: Các Bộ trưởng đều được gia cấp 110 đồng, kiêm bộ gia cấp 75 đồng, Thương tá Viện Cơ Mật gia cấp mỗi tháng 50 đồng, Nội Vụ Giám gia cấp mỗi tháng 30 đồng, mà đại thân Phủ Tôn Nhơn chỉ được gia cấp 20 đồng rất mất thể thống, mong Khâm sứ đại thân nghĩ lại. Nhận được phúc chiếu theo Bộ trưởng kiêm bộ mỗi tháng gia cấp 75 đồng, từ đó lấy làm lệ, tấu chuẩn thi hành.

[27] Từ Nghệ An trở về, Lang trung Bộ Hình Tôn Thất Toại, Gia Hưng hương công Bửu Trưng đem chương trình của Đồng tôn tương tế phổ [phổ tương trợ trong dòng họ Hoàng tộc] xin tôi làm phổ trưởng. Tôi nói: Hiện đang phiền muộn mệt mỏi không kham làm, đợi phổ thành lập xin cúng ít nhiều sung vào làm vốn. Hiệp tá Ứng Huy đến thăm cùng Hiệp tá Hồng Khẳng, Thị lang Hồng Thiết đến khuyên ép, tôi cũng xin triển hạn, bắt đặc dĩ đề cử Ứng Bàng tạm thời làm phổ trưởng. Đến tháng 11, phổ này được phép thành lập, mở đại hội, cùng cử ban trị sự, hội viên hơn 200 người. Tôi được bỏ phiếu bầu làm phổ trưởng, cáo từ không được, bèn yêu cầu sửa đổi chương trình mới dám nhận làm. Cả phổ bèn thuận theo, tôi mới nhận chức phổ trưởng, Ứng Bàng làm phó, đặt một tiểu ban hội đồng hơn 20 người để bàn bạc sửa đổi chương trình. Tháng 3 chương trình mới đã định xong, bèn trình Viện Cơ Mật thương với Tòa Khâm sứ duyệt y, kêu gọi hội viên lần lượt gia nhập được 400 người. Tôi cúng 100 đồng [28], Phụ chánh thân thần cúng 300 đồng. Hoàng đế ân tứ 1.000 đồng. Khôn Nguyên Hoàng thái hậu⁽⁸⁾ ban 100 đồng. Hoàng thân, công chúa và quan viên chức sắc trong Hoàng tộc cúng số tiền cộng 2.700 đồng. Phổ đã trù liệu số học sinh mồ côi, hoặc nghèo mà học hành khả quan được cấp học

⁸ Túc Thánh Cung Nguyễn Thị Nhân (1870-1935), mẹ đích của vua Khải Định.

bổng mỗi tháng 2, 3 đồng cho đến khi tốt nghiệp. Người nào từ 18 tuổi trở lên chưa có bằng tiểu học thì khuyến học kỹ nghệ. Con em ít nhiều được giúp đỡ.

Phủ doãn phủ Thừa Thiên là Thái Văn Toàn, Tế tửu Quốc Tử Giám là Lê Huy Miến, Thị lang Bộ Hộ Hồ Đắc Khải xin phép thiết lập Hội Bảo trợ như Tây du học, bầu tôi làm hội trưởng, Tế tửu Lê Huy Miến làm đốc giáo, Lê Văn Thước làm phó. Tôi làm một năm, tuyển được học sinh Hoàng Xuân Vinh, Phạm Đình Ái, Văn Hữu Quang đi Tây. Ngày đại hội tôi xin nhường, đề cử hai cụ Thượng Lại, Lê. Hội đồng bỏ phiếu bầu cụ Thượng Lại Nguyễn Phước Môn [Nguyễn Hữu Bài] làm hội trưởng, phó hội trưởng là Lê Huy Miến và Lê Văn Thước đều từ chức, hội bầu cụ Thượng Hộ và cụ Thượng Công làm phó hội trưởng.

[29] Bảo Đại năm thứ 2 [1927], tháng Giêng, kiêm nhiếp Tôn Nhơn Phủ đại thần Tôn Thất Trạng hưu trí. Viện Cơ Mật trình Phụ chánh thân thần chọn thượng Hoài Ân công Bửu Kiêm và Thượng thư hàm Bửu Thạch, Ứng Bàng thay thế. Tờ Khâm sứ phúc, cử tôi lấy chức Cơ Mật Viện đại thần kiêm nhiếp trình Viện, tôi xin từ chối nhường cho Hoài Ân công. Quan Khâm sứ lại phúc rằng: Quan lớn Bộ Hình không chịu nhận thì chức này thôi đặt, chứ không chọn người khác. Tôi bất đắc dĩ phải nhận kiêm.

Hai ba năm nay việc phủ cầu thả có nhiều khuyết điểm, tôi lần lượt chấn chỉnh. Việc kê khai người trong Hoàng tộc chỉ ghi tổng số, còn ở tại kinh đô bao nhiêu người, ở bên ngoài bao nhiêu người, đi xa bao nhiêu đều không ghi chú, tôi sức cho tư giáo các hệ [30] kê khai. Trong đó hệ 7, hệ 9 và hệ nhì chánh nhân số đông đúc, viên tư giáo một mình lo liệu không kham, thương sức đặt thêm người phòng trưởng phụ giúp, từ đó mỗi phòng có phòng trưởng thì công việc thuận tiện nhanh chóng dễ dàng. Mỗi tuần cứ đến ngày thứ bảy thì họp, các tư giáo tề tựu. Nếu viên nhân ở hệ nào có công vụ gì thì bẩm lên Phủ Tôn Nhơn, hoặc trình với tư giáo rồi vào ngày này tư giáo trình lên phủ. Từ đó sảnh đường của Phủ Tôn Nhơn mới có chút khí sắc. Lại thương làm bài chỉ đặc biệt ghi hạng miễn thuế cấp cho người trong Hoàng tộc. Phàm bài chỉ, chứng chỉ, căn cước chỉ của người trong Hoàng tộc đều do tư giáo chứng nhận ký vào, lý trưởng nơi cư ngụ không được mạo nhận. Ba họ người quý hương⁹ là họ Nguyễn Hựu, Nguyễn Cửu, Nguyễn Hữu hiện ở phủ Thừa Thiên [31] cũng được thương miễn thuế khóa, do Tôn Nhơn Phủ coi sóc. Tờ Khâm sứ phúc y, tâu chuẩn thi hành cấp bài chỉ, người ba họ này đều đeo.

Ba phủ phòng Hòa Thạnh quận vương, Hải Ninh công, Tĩnh Gia công bị khuyết viên chủ tự. Người trong phòng đã noi theo quan Tôn Nhơn trước khinh bỉ người nghèo hèn tính hạnh xấu bác đi không cho làm. Tôi cho là chưa tìm thấy người tốt thì nghĩ cử người kế tiếp để cho các hoàng thân này có người nối theo, bèn thương cho Bửu Thuần ở phòng Hòa Thạnh tập phong làm hương công, Ứng Đế phòng Tĩnh Gia nối tiếp làm huyện hầu, Ứng Ca ở phòng Hải Ninh làm tá quốc khanh, Tờ Khâm sứ đều phúc y, tâu lên chuẩn thi hành.

Lăng tẩm của Anh Duệ Hoàng thái tử [Nguyễn Phúc Cảnh] bị hoang phế, tư thương tâu chuẩn [32] cho Vệ Hộ lăng phái binh canh giữ mãi mãi làm lệ thường.

⁹ Tức Gia Miêu Ngoại Trang, huyện Tống Sơn (nay là Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa.

Ruộng tự điền của Thiệu Hóa quận vương, Luân quốc công bị con cháu nghèo khó đem cầm cố cho tài chủ chiếm lấy, việc thờ tự thiếu thốn. Tôi đòi người tài chủ đến khuyên nhủ định thời hạn khấu trừ vốn, lời xong giao lại cho con cháu để bảo tồn hương hỏa.

Lăng Vĩnh Cơ⁽¹⁰⁾ bị kẻ gian xâm phạm, viên biên canh giữ không bắt được, Phủ chánh thân thần thương giao Phủ Tôn Nhơn hội đồng với hai bộ Lễ, Hình, Viện Đô Sát và phủ Thừa Thiên tra xét bắt kết án. Tôi phái người thăm dò ra thủ phạm là Ứng Ứng và 13 tên nữa, bắt được cả bọn kết án.

Lại đi đến các tôn lăng khám xét các mốc giới hạn cấm lâu ngày sụp đổ hay bị che lấp, thương trích lấy công ích mỗi năm 3.200 ngày công sửa chữa [33] chặt phát lùm bụi, xây lại giới hạn cho được tôn nghiêm. Lại định ra lệ tuần tra.

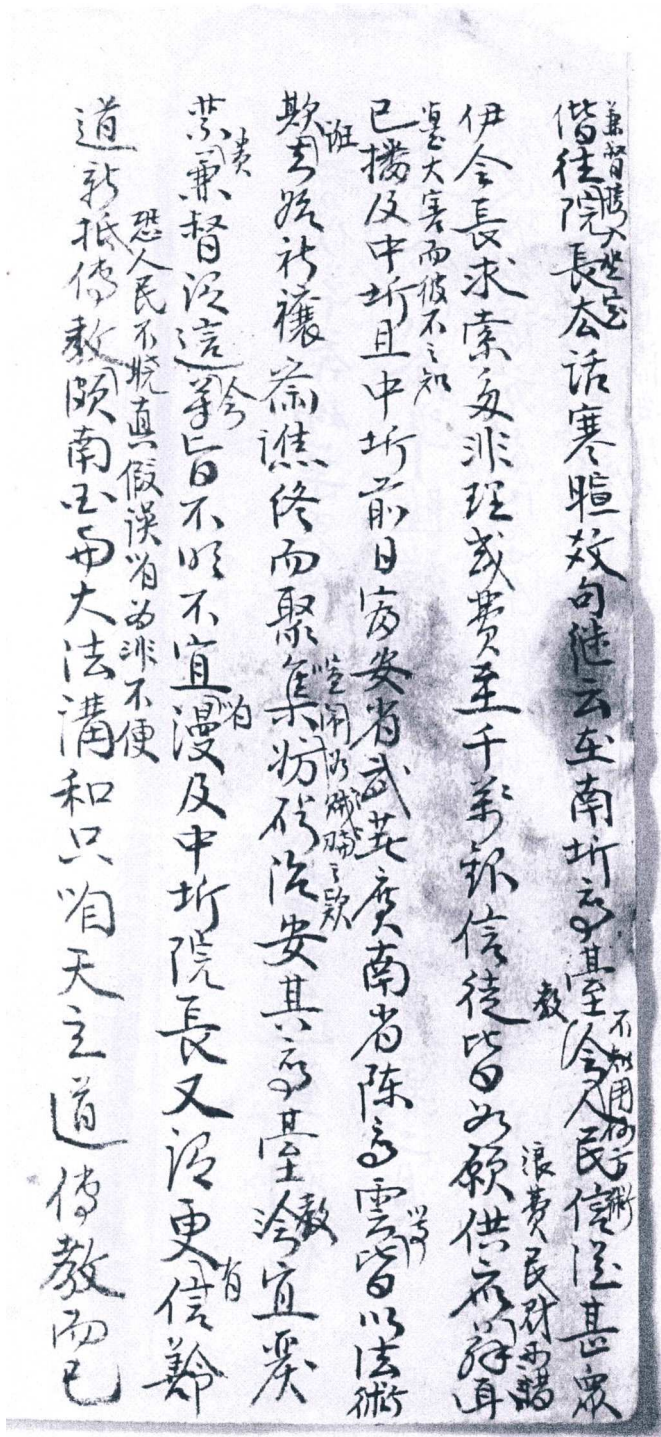
Đầu xuân năm Bảo Đại thứ 3 [1928], tôi được ban dụ chuẩn cho thăng Hiệp tá đại học sĩ vẫn lãnh Thượng thư Bộ Hình, sung Cơ Mật Viện đại thần kiêm nhiếp Tôn Nhơn Phủ.

Ngày tháng 2, Khâm sứ Pha-Di-Ét [Friès] cùng tôi thương đồng theo thứ tự chấn chỉnh quan trường, cải cách các tộ chính. Tôi cũng trông mong có thể có cơ hội.

Ngày tháng 4, quan Khâm sứ đi Đà Lạt nghỉ mát, việc Tòa giao cho quan Kiêm đốc Cát-Pha-Ra⁽¹¹⁾ quyền giữ. Nhân mỗi ngày rằm đến kỳ thỉnh an, họp tại Tả Vu, Viện trưởng Viện Cơ Mật đem đồng viện đến thăm quan Kiêm đốc. Cách mấy ngày sau lại đến. Tôi hỏi: “Vì việc gì mà đến nhiều lần như thế?”. Viện trưởng nói rằng: “Quan Kiêm đốc quyền tạm đến vài ba tuần, công vụ có nhiều liên quan, nên đến thăm” [34]. Bèn cùng nhau đến, quan Kiêm đốc dặt vào ngai. Viện trưởng hàn huyên chốc lát rồi nói: “Không biết đạo Cao Đài ở Nam Kỳ dùng phép thuật gì mà nhân dân tin theo rất đông. Viên Hội trưởng ấy đòi hỏi nhiều điều phi lý, hoặc tiêu pha đến ngàn vạn đồng bạc, mà tín đồ đều cung ứng, làm lãng phí tài sản của dân. Nay đã lan ra Trung Kỳ. Vả lại Trung Kỳ ngày trước có Võ Trứ người tỉnh Phú Yên, Trần Cao Vân người tỉnh Quảng Nam đều đem pháp thuật lừa dối, ban đầu lấy việc cầu cúng trai tiểu, sau thì tụ tập gây rối loạn, phương hại đến trị an. Nay cũng nên nghiêm cấm đạo Cao Đài”. Quan Kiêm đốc nói rằng: “Hội ấy tôn chỉ mập mờ không nên cho lan ra Trung Kỳ”. Viện trưởng lại nói: “Còn có đạo Tin Lành mới đến truyền giáo nữa, sợ nhân dân không hiểu thật giả nghe lầm làm bậy bất tiện. Vả lại khi nước Nam giảng hòa với Đại Pháp chỉ cho đạo Thiên Chúa truyền giáo mà thôi [35], ngoài ra không có đạo nào được du nhập. Đạo [Tin] Lành ấy cũng nên cấm”. Quan Kiêm đốc vô tình ưng thuận. Viện trưởng ra về, sai nhân viên thảo tờ tư cho các phủ tỉnh đạo một mặt đệ thương, một mặt thông tư nghiêm cấm. Tôi biết dụng ý của cụ rất thâm hiểm. Nhân lúc quan Khâm sứ đi vắng, đã lừa

¹⁰ Lăng của Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Hậu (chính thất của chúa Nguyễn Hoàng), tại làng Hải Cát, Hương Trà, Thừa Thiên Huế.

¹¹ Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.



Trang 34, quyển 5, vụ cấm đạo Cao Đài và Tin Lành.

người nham hiểm. Nếu người nước Nam không từ bỏ lòng tự tư tự lợi đi, thì không biết ngày nào nước Nam mới được thấy thái bình. Người Đại Pháp bị lừa dối phỉnh phờ như vậy cũng không biết khi nào mới đạt mục đích bảo hộ. Bỏ chức đi rồi, ông sẽ bị ở vào thế cô lập, hãy gắng thận trọng”. Pha-Di-Ét trở về

quan Kiêm đốc để bảo vệ cho đạo Thiên Chúa. Tôi nói với cụ Thượng Lễ: Chúng ta đã rơi vào bẫy của Viện trưởng rồi. Quan Thượng Lễ nói: Cũng không thể làm sao được.

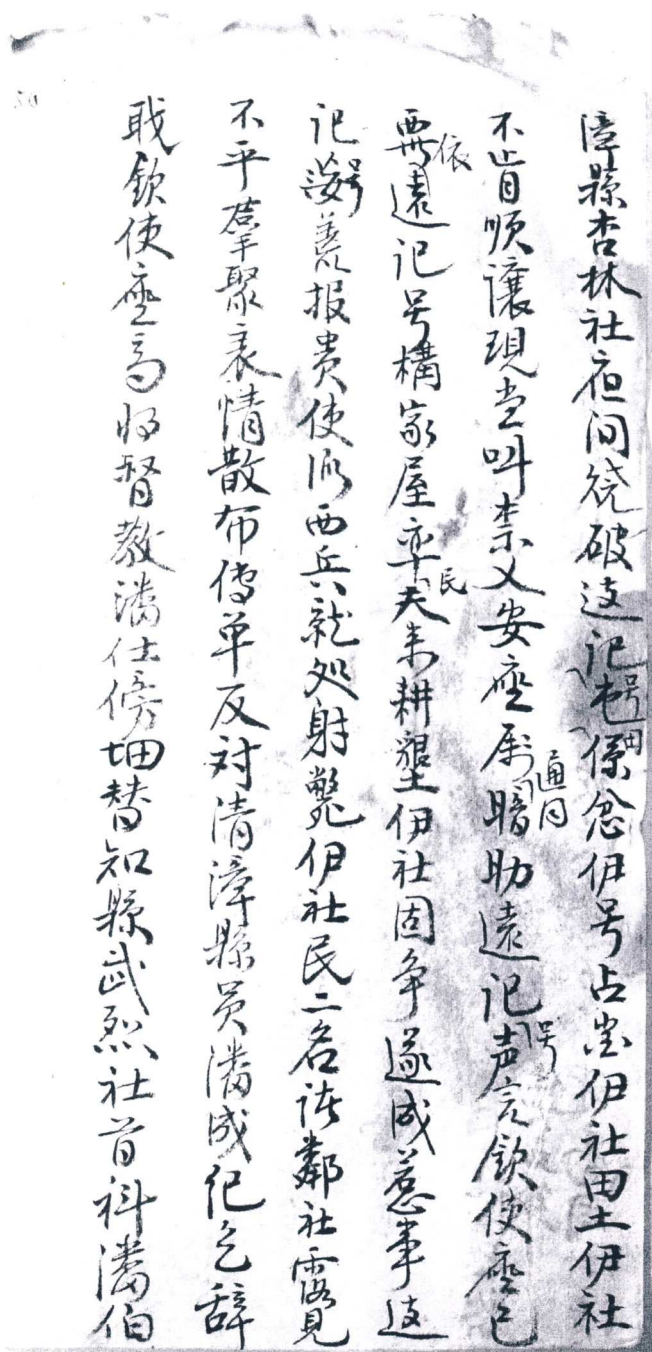
Khi quan Khâm sứ trở về Tòa, xem thấy bản sao tờ thông tư này liền thương rằng: “Đạo Tin Lành tức là đạo Da-Tô mới. Ở Âu Châu nhiều người tôn sùng rồi truyền sang nước Mỹ, kể đó thì khắp cả Âu Á, bài xích là sai lầm, chỉ cấm [36] những thứ giả mạo như Cao Đài mà thôi”. Tôi sức nhân viên chiếu theo văn bản hội thương, tiếp đó tư cho Viện, Viện trưởng đập đi không cho tư tiếp cho các phủ huyện, chỉ chiếu theo tờ tư trước sức khắp một vòng. Viên quản đạo Đà Lạt là Hồ Đắc Ứng đem niêm yết tờ thông tư này. Viên trưởng đạo Tin Lành lấy tờ niêm yết này gửi về kiện với chính phủ Pháp. Chính phủ điện sang quở trách quan Khâm sứ. Lúc đó quan đại thần Toàn quyền Bát-Kê [Pasquier] đang ở Pháp đã nhận tờ đơn kiện này trở về Đông Dương điều đình. Quan Khâm sứ Pha-Di-Ét điện xin về hưu, vờ tôi đến Tòa nói rằng: “Bỏ chức sắp về nước nghỉ tạm chờ hưu trí, không được cùng làm việc với ông, rất tiếc cho người nước Nam”. Tôi hỏi: Vì có gì? Quan Khâm sứ không tỏ rõ, chỉ nói [37]: “Đường đời gay go, lòng

Tây, Giám đốc Trung Kỳ là Ra-Bui [Jabouille] quyền sung Khâm sứ nhưng vẫn lưu trú tại dinh Giám đốc. Ông đã nhiều lần với tôi đến nói chuyện, dặn rằng việc gì cũng báo thật cho. Tôi cũng chân thành tin tưởng. Gặp được mấy tháng, nói nghe hòa hợp, việc chính trị phần nhiều noi theo công lý và cùng với hội đồng xét án hai tên thủ phạm, xử tội chặt đầu. Bọn nó nhờ Giáo hội xin cạy Tòa sứ thương đổi thủ phạm bị tội đồ, tòng phạm bị đánh trượng [38]. Tôi bàn cùng với các đại thần Viện Cơ Mật thương lại với Tòa, Tòa không chịu y theo. Viện trưởng muốn tránh, tôi thân hành gặp mặt thương, đổi xử thủ phạm được hoãn tử tội, đày đi Lao Bảo, tòng phạm xử tội lưu hay đồ để nghiêm luật nước.

Viện trưởng thấy quyền Khâm sứ thân thiện với tôi, cũng nhiều lần đến chơi trò chuyện, cho tên bồi của ông Ra-Bui là Nguyễn Vinh hàm Hàn Lâm Viện Biên tu. Từ đó quyền Khâm sứ và Viện trưởng tình ý càng thân mật, mưu riêng của Viện trưởng đã được lập. Một hôm tôi đến bàn về việc điển lễ, nói rằng việc này Phụ chánh thân thần đã tư đến Phủ Tôn Nhơn bàn thi hành, quyền Khâm sứ nói: “Những điều Phụ chánh thân thần đề nghị phần nhiều là hủ tục, như việc thương định ghi vào ngân sách 100 đồng để gặp lễ thắng trận [39] sẽ làm lễ trai tiểu tại chùa Diệu Đế, thực chẳng quan thiết gì. Mỗi lần gặp gỡ chỉ toàn là bà con thân thích, bày ra thật đáng chán. Viện trưởng Nguyễn Hữu Bài học thức rộng, điều nói ra đều sát với thời vụ, hãy theo kế hoạch của Nguyễn Hữu Bài”. Tôi nói: “Thân thần giữ chức coi về điển lễ, điều ông nói đều chú trọng đến điển lễ của các vua, thể hiện tình người. Lễ thắng trận mà làm trai tiểu ở chùa Diệu Đế rất có ý nghĩa. Vả chiến sĩ tử trận có giáo dân, có lương dân; giáo dân làm lễ ở nhà chung để cầu nguyện, lương dân thì làm trai tiểu ở chùa, sao gọi là không thiết. Thân thần có sở đoán cũng có sở trường, Viện trưởng chuyên học Pháp văn, hiểu nhiều về ngoại vụ, nên nói được thiết thực mà kiêu căng, bủn xỉn, nhiều trò gian trá không khỏi thủ lợi riêng, ông ta có sở trường cũng có sở đoán [40], chớ khá quá đề cao”. Quyền Khâm sứ cười mỉm. Tôi biết ông ta đã bị dèm pha, dụ dỗ, từ đó không đến thăm riêng nữa.

Tổng đốc An Tĩnh Phạm Liệu đổi bổ Thượng thư Bộ Binh sung Cơ Mật Viện đại thần. Tòa Khâm bàn đem Thượng thư lãnh Tham tri Bộ Lễ Bửu Thạch đổi bổ Tổng đốc An Tĩnh. Tôi nói rằng: “Bửu Thạch chưa am hiểu dân chính, Nghệ An là một trấn lớn sợ y gánh vác không kham. Nếu như cho y bổ bên ngoài, thì đem Tổng đốc lãnh Tuần vũ Bình Thuận Ứng Bàng bổ chức Tổng đốc Nghệ An, còn đem Bửu Thạch bổ Tuần vũ Bình Thuận mới có thể xứng chức”. Ti-Bô-Đô [Thibaudeau] nói rằng Bửu Thạch mẫn cán hơn hẳn Ứng Bàng. Hai quan lớn Lại, Lễ muốn cho Bửu Thạch, nên không thuận theo lời tôi nói. Tôi lại nói rằng [41]: Hãy đem Tham tri Bộ Hộ Hồ Đắc Khải bổ lãnh Tổng đốc An Tĩnh.

Năm Bảo Đại thứ 4 [1929], quan lớn Bộ Lễ Hồ Đắc Trung về hưu, quan lớn Bộ Công Võ Liêm đổi bổ lãnh Thượng thư Bộ Lễ kiêm Học Bộ, Công Bộ sự vụ. Ngày tháng Giêng, Thượng thư Bộ Hộ Nguyễn Khoa Tân về hưu. Tổng đốc Thanh Hóa Thái Văn Toản đổi bổ Thượng thư Bộ Hộ sung Cơ Mật Viện đại thần. Phủ doãn Thừa Thiên Tôn Thất Quảng bổ lãnh Tổng đốc Thanh Hóa.



Trang 43, quyển 5, vụ đàn áp dân làng Hạnh Lâm.

Thanh Chương [Nghệ An] đang đem đốt phá đồn điền của Ký Viễn vì phần uất tên này chiếm ruộng đất của làng. Làng vốn không chịu nhượng, hiện đang khiếu nại. Nhân viên Tòa Công sứ Nghệ An thông đồng ngầm giúp Ký Viễn, phao ngôn rằng Tòa Khâm sứ đã phúc y. Ký Viễn kêu gọi làm nhà, bắt dân phu đến khẩn đất trồng trọt. Dân làng ra giành thành chuyện không hay. Ký Viễn

Khâm sứ Cao Miên là Lê-Phong [Le Fol] đổi về làm Khâm sứ tại kinh đô Huế, Ra-Bui [Jabouille] vẫn làm Giám đốc như cũ.

Ngày tháng 6, Tổng đốc Bình Phú Vương Tứ Đại đổi bổ Thượng thư Bộ Công sung Cơ Mật Viện đại thân. Tuần vũ [42] Bình Thuận Ứng Bàng đổi làm Tổng đốc Bình Phú.

Lúc bảy giờ dân Nghệ An thấy chính lệnh có nhiều thiếu sót, thất nhân tâm. Bọn xuất dương lén lút về cổ động tự nổi lên phá hủy chùa chiền, cướp ruộng tế thần, thay đổi tục lệ, thậm chí vì hiềm khích giết chóc không sợ hãi gì. Tổng đốc mới là Hồ Đắc Khải chỉ thông Tây học, sửa sang diêm dúa bên ngoài, bỏ chính sách cũ, khinh rẻ bạn đồng liêu, chỉ lo xu nịnh người Tây. Làm việc chỉ dựa vào lời nói qua điện thoại của Công sứ, bên xướng bên họa, chẳng cần bàn với Bộ chánh và Án sát, mặc cho hiện tình, tựa như chẳng hề nghe biết.

Công sứ Ghi - Da - Mi - Nê [Guilleminet] vốn là quan võ, tính tình nóng nảy, nghe tin ở Bắc Kỳ cộng sản nổi loạn, xin đem lính lê dương đến đóng đồn. Quan tỉnh không hề tư về Viện Cơ Mật, Tòa Khâm sứ cũng không thương trước với Viện.

Năm Bảo Đại thứ 5 [1930], dân [43] làng Hạnh Lâm, huyện

báo cáo lên, Tòa sứ phái lính Tây đến, lính Tây bắn chết hai người dân làng ấy. Các làng lân cận thấy bất bình, tụ họp biểu tình, rải truyền đơn phản đối. Tri huyện Thanh Chương là Phan Thành Kỷ xin từ chức, Tòa Khâm sứ thương đem Đốc giáo Phan Sĩ Bàng điền thế chức Tri huyện. Thủ khoa Phan Bá Hề người làng Võ Liệt [44], huyện Thanh Chương, thường ngày xích mích với Phan Sĩ Bàng, ngầm thông đồng với cộng sản, mà ngoài mặt giả như là người giữ lễ. Sĩ Bàng không có tài ứng biến, không thể giải quyết tốt, chỉ dựa vào lính Tây. Cả hạt Thanh Chương trở thành cửa giặc, rồi lan sang Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc, truyền đơn rải khắp nơi. Công sứ chuyên dùng lính và súng đạn. Quan tỉnh không làm được gì chỉ nghe theo Công sứ.

Một sáng sớm nhân dân kéo đến trước cổng Nhà máy diêm tại Bến Thủy hỏi mấy người trong sở thuê nhân công. Ông Tây chủ nhà máy đuổi họ đi, họ chưa kịp giải tán thì ông điện trình Công sứ đem lính Tây đến bắn chết và làm bị thương nhiều người. Từ đó nhân dân các hạt nổi lên như ong, khí thế rất điên cuồng. Quan tỉnh tư về xin phái Khâm sai đại thần đến dẹp. Viện trưởng Viện Cơ Mật không chịu bàn ury. Ở huyện Nam Đàn dân tụ đảng vây huyện nha, ép quan huyện ký vào [45] truyền đơn thả tù nhân, viên huyện trốn về tỉnh. Dân huyện Thanh Chương cũng nổi lên, ban đêm đốt phá công đường, tư thất, nhà lại mục và giấy tờ, quét sạch tài sản. Viên huyện ôm ấn trốn chạy. Tỉnh, Tòa điện cấp báo, xin mật lệnh triều đình. Trước đó, khi vụ Hạnh Lâm, Bến Thủy xảy ra, hai đại thần Bộ Lại, Bộ Hộ cùng quan Khâm sứ đã ra xem xét tình hình một ngày đêm rồi trở về ngay. Lần này, quan Khâm sứ hội thương đề nghị cử một vị đại thần cùng đi với Khâm sứ ở lại năm ba hôm để trừ liệu kế hoạch dẹp yên. Bốn cụ Lại, Lễ, Hộ, Binh nhìn nhau đùn đẩy. Tôi bắt đắ dĩ phải nhận đi cùng quan Khâm sứ đến tỉnh ở lại một đêm hỏi han tình hình. Sáng hôm sau theo đường Diên Châu đi Anh Sơn và Thanh Chương khám xét, đêm trở về tỉnh. Hôm sau lại đi các phủ huyện khác [46] xem xét địa thế, hỏi rõ nguyên do, tám ngày mới khắp. Thấy rõ là do làm việc thất sách, chỉ vì hấp tấp dùng lính Tây tàn sát, nên cộng sản dễ kích động nhân dân phần nộ, khiến họ không tiếc mạng càng ngày càng nổi lên kịch liệt. Tôi bàn với quan Khâm sứ hãy cấm giết bậy để thu phục nhân tâm. Bèn thương cùng niêm yết cấm lính Tây không được giết bậy, hễ thấy tụ tập biểu tình, trước hết phải bắn lên trời, bắt giải tán, nếu ai chống lại mới được bắn. Và hiểu thị nhân dân chớ ngoan cố mê muội, hễ khi biểu tình mà quan binh truyền lệnh giải tán thì phải giải tán ngay, nếu khinh mạn làm huyện náo thì sẽ bị bắn.

Hồ Đắc Khải tự xét bất lực xin từ chức. Quan Khâm sứ bảo đợi về kinh hội thương chọn người bổ thay, lại dặn tôi tán thành việc cử quan Khâm sai. Tôi nói rằng nếu khởi phục Trần Đình Bá làm Tổng đốc khâm sai thì mới tiện. Quan Khâm sứ nói: Đang đi nên phải ủy Ti-Bô-Đô đi tìm Trần Đình Bá để bàn y ra làm Tổng đốc khâm sai được thì tốt, nếu không thì chọn bổ viên Tổng đốc mới hay là chọn ủy đại thần Viện Cơ Mật sung làm Khâm sai đi trước đến dẹp mới mong yên ổn được. Tôi nói: Tôi lần này đã chấp nhận gian lao mạo hiểm cùng đại nhân đi khắp 8 ngày [47], ngài cũng đã mệt mỏi. Lần sau hãy ủy người khác, hoặc là cụ Thượng Lễ, hoặc cụ Thượng Binh để cho công bằng.

Khâm sứ nói: Không dám làm phiền đại nhân nữa. Vả chuyến đi này ngài đã cùng bốn chức xem xét thăm hỏi chu đáo, có ích cho việc trừ tính phương lược. Lần trước hai vị đại thần Bộ Lại, Bộ Hộ cùng đi đến tỉnh cùng quan tỉnh bàn luận một đêm, hôm sau lập tức trở về tựa như đi du lịch. Bốn chức không thấu nhận được gì. Bốn chức rất cảm ơn đại nhân đã đem lòng trung thành đối đãi, không từ khó nhọc hiểm nguy. Tôi nói: Tôi bình sinh đã dốc lòng tin tưởng, chưa từng lấy xảo trá cầu thả đối đãi, đại nhân xét được lòng tôi, năm sau dịp đầu xuân tại thành Ba Lê [Paris], đại nhân chịu hứa cho tôi đi phó hội chẳng. Khâm sứ nói: Tôi sẽ cử đại nhân đi dự hội chợ. Lại nói: Thế lực của cộng sản rất mạnh, Tổng đốc Hồ Đắc Khải đã thoái chí, không thể [48] khinh thường giao phó. Sớm mai bốn chức muốn đi tàu bay trở về kinh cho kịp hội thương chọn cử, đại nhân có thể cùng bốn chức đi tàu bay trở về được không. Tôi đáp: Được. Khâm sứ nói: Rất tốt.

Tám giờ sáng hôm sau lên máy bay trở về. Mười giờ thì đến kinh. Các quan Tây, Nam nhiều người tề tựu ở sân bay Phú Bài đón tiếp vui vẻ. Viện trưởng đòi tôi cùng lên xe hơi trở về. Giữa đường tôi hỏi Viện trưởng: Trần Phước Trang [Trần Đình Bá] có thuận nhận chức Tổng đốc khâm sai không? Viện trưởng trả lời: Phước Trang không chịu đi. Tôi hỏi: Ai có thể đi? Viện trưởng trả lời: Đã định chọn Ứng Tôn, còn Nguyễn Khoa Kỳ sẽ điền bổ Tổng đốc, lúc hội thương sẽ đề cử. Xe đến bộ, tôi về rửa mặt, thay y phục [49], 11 giờ thì hội thương. Quan Khâm sứ mong Viện trưởng cử đại thần sung làm Khâm sai. Viện trưởng thoái thác, không chọn, chỉ nói rằng: Quan Công sứ xử trí thất nghi, nếu không đổi Công sứ thì không người nào chịu đi. Bàn tới bàn lui tới 1 giờ rưỡi trưa vẫn chưa giải quyết được. Quan Khâm sứ rất bất bình, tạm giải tán hẹn đến 5 giờ chiều họp lại, rồi lại triển hạn đến sáng mai. Sáng hôm sau cũng đình không họp. Cụ Thượng Binh đến trò chuyện, tôi hỏi: Vì cớ gì Phước Trang không chịu đi? Cụ trả lời rằng: Phước Trang muốn đi, nhưng dò thấy ý Viện trưởng không vui, nên không dám đi. Tôi nói: Phước Trang không đi, thì chức Khâm sai, thế của đại nhân không thể từ chối. Cụ Thượng Binh [50] nói: Còn có ba quan lớn Bộ Lễ, Bộ Hộ, Bộ Công chứ không riêng tôi. Tôi nói: Ba quan lớn ấy có thể vì chưa am hiểu tình thế tỉnh Nghệ An nên im lặng, duy đệ và đại nhân không thể im lặng. Đệ đã mạo hiểm lao nhọc 8, 9 ngày, nay đến phiên đại nhân. Cụ Thượng Binh nói: Viện trưởng không muốn chọn Khâm sai, tưởng không cần phải đi. Tôi nói: Viện trưởng chưa nghĩ kỹ vậy. Hoàng thượng du học, ủy giao chính quyền cho Cơ Mật Viện. Nay trong nước không yên, sao Viện lại điềm nhiên giao phó cho bảo hộ. Cụ Thượng Binh lại nói sang chuyện khác, rồi cáo từ trở về. Đến 6 giờ chiều, thấy quan Kiểm đốc Ti-Bô-Đô đến nói rằng: Vâng mệnh quan Khâm sứ ủy đến bàn xin đại nhân phiên nhận chức Khâm sai. Tôi nói [51]: Hôm qua tại Vinh, tôi đã trình với quan Khâm sứ là tôi đã cùng đi với ngài 8, 9 ngày mệt nhọc, nếu đi nữa thì hãy chọn người khác. Đại nhân đã cho tôi nghỉ, cớ sao lần này lại phiên tôi. Quan Kiểm đốc nói rằng: “Quan Khâm sứ cũng nhận là trước có hứa như vậy, tưởng là Trần Đình Bá lại thuận đi, khỏi phải phiên đại nhân. Nay lại trừ định. Các quan lớn hội bàn đều nói: Chỉ có đại nhân là có thể gánh vác chuyến đi này, nên quan Khâm sứ

ủy tôi đến bàn, đại nhân hãy xét cho tình trạng khó khăn của quan Khâm sứ mà giúp đỡ cho, chúng tôi cảm bội vô cùng”. Tôi nói: “Tiếng Pháp của tôi rất ít, ngôn ngữ không được thông tỏ. Đợi hội thương có thông dịch, sẽ có phúc trình rõ ràng”. Quan Kiểm đốc nói: “Đại nhân chưa nhận lời [52] thì quan Khâm sứ chưa muốn hội thương”. Tôi nói: “Cho tôi suy nghĩ kỹ, ngày mai sẽ phúc”.

Tám giờ tối quan Kiêm đốc trở về. Bảy giờ sáng hôm sau đem viên thông dịch đến hỏi: “Đại nhân nghĩ kỹ đã nhận lời chưa?”. Tôi nói: “Bổn chức không dám chối từ lao nhọc. Duy chức Khâm sai phải phụng tiết việt⁽¹²⁾ mà đi mới có giá trị. Nay Hoàng thượng đi học xa, không có tiết việt ấy thì đặt chức Khâm sai cũng chỉ là vô ích. Vả lại đứng đầu Viện Cơ Mật là Viện trưởng, thứ đến quan lớn Bộ Lễ, vị trí tôi là dưới quan lớn Bộ Lễ. Quan Bộ Lễ thường đã hỏi han tình hình hiện nay, nên đã nắm vững, lại nhiều người làm tai mất tay chân, sai phái nhanh chóng, chức vụ này nên ủy cho quan đại thần Bộ Lễ [53] tưởng là tiện lợi nhiều”.

Quan Kiêm đốc nói: “Quan lớn Bộ Lễ nói và làm không đi đôi với nhau, hư nhiều thực ít, vả lại chưa hẳn đã am tường tình thế Nghệ An”. Tôi nói: “Nếu như chọn người am tường tình thế thì là quan lớn Bộ Binh. Ông ta đã làm Tổng đốc Nghệ An ba năm, mới trở về bộ chưa tròn một năm. Các quan viên ở ty và phủ huyện phần nhiều là quen biết cũ, tiện cho việc sai phái. Tôi thì rời Nghệ An đã lâu, từ đó đến nay vùi đầu vào án kiện, không rảnh để biết việc khác, lại khó thêm một tầng. Hai quan lớn Bộ Hộ, Bộ Công tinh thông tiếng Pháp, nói năng trôi chảy, việc bí mật thương nghị mới nhanh chóng, giao cho trọng trách không có nghi nan, xin hãy chọn trước hết”. Quan Kiêm đốc nói: “Quan lớn Bộ Binh tính nhiều do dự, không thể quyết đoán, nên không thể ủy. Hai quan lớn [Bộ] Hộ, Công [54] thì từng trải được bao nhiêu, chưa có danh vọng, thi thố chỉ huy chưa hẳn người đều vui theo. Các quan lớn hội nghị hai ngày nay đều nói: Đại nhân thông minh, quả quyết, từng cai trị Nghệ An ba lần, được nghe uy vọng đã tỏ, nhân dân sợ oai, dựa vào đức, vả lại rành rẽ chính thể, làm sự ung dung, tùy cơ ứng biến. Đại nhân đã cùng quan Khâm sứ đi xem xét 8, 9 ngày, phạm bản bạc đều hợp cơ nghi, quan Khâm sứ rất cảm phục, vốn đã phiền đại nhân, nay đại nhân muốn thoái thác, thì quan Khâm sứ sẽ diện trình với Toàn quyền đại thần diện về nước Pháp tâu xin Hoàng đế Bảo Đại giám dụ, thì đại nhân có thể từ chối chẳng. Nếu từ chối tức là đại nhân đã coi thường lời của Khâm sứ và chúng tôi cũng chẳng vui gì, đại nhân hãy nghĩ lại cho”.

Tôi nói: “Đại nhân đã biện luận hết lời [55], đợi hội thương nếu như Viện trưởng và các đại thần suy cử, tôi sẽ nhận làm”. Quan Kiêm đốc nói: “Thiếu chức trở về trình với quan Khâm sứ rằng đại nhân đã thuận rồi”. Bèn cáo từ ra về. lát sau thấy thư mời 9 giờ rưỡi đến hội thương. Lúc hội thương, quan Khâm sứ tuyên bố rằng: “Bổn chức đã đi đến tỉnh Nghệ An và các phủ huyện hỏi xét tình thế, nên Tòa Khâm sứ và Viện Cơ Mật phải có người hiện diện tại Vinh để quan Công sứ và quan tỉnh tiện việc xin ý kiến mới được nhanh chóng, nếu việc gì cũng tư qua, phúc lại kéo dài không thể ứng phó nhanh chóng thì chậm

¹² Cờ tiết và búa lệnh do vua giao cho quan Khâm sai đi làm một việc quan trọng nào đó.

yên ổn. Nay đã chọn Giám đốc Bông-Nôm (Bonhomme) đại diện Tòa Khâm, xin quý Viện chọn đặt quan Khâm sai ra Nghệ An [56] bàn bạc cùng lo liệu dẹp yên để sớm được yên ổn. Chức Khâm sai, bốn tòa dự định chọn quan lớn Bộ Hình Tôn Thất Đàm có thể đảm đương, quý Viện có ý kiến thế nào?”. Viện trưởng nói: “Thiếu chức xin y theo khoản thứ 2: Đó là đặt chức Khâm sai, lấy đại thần Bộ Hình sung vào”. Các đại thần Bộ Lễ, Bộ Binh, Bộ Hộ, Bộ Công cùng tỏ lời đồng thuận, nói rằng: Khâm sứ đại thần đã chọn rất xác đáng, và khuyên tôi nhận làm. Tôi nói: “Hiện nay Hoàng thượng du học phương xa, việc nước thiếu an ninh, bốn chức đã lạm sung vào việc của Viện, vốn không dám từ nan. Duy chức Khâm sai rất long trọng, thiếu chức không dám gánh vác, chỉ xin lấy tư cách đại thần đại diện [57] cho Viện đến nơi cùng với quan đại diện quý Tòa lo liệu may ra được xong việc, khỏi phụ chức trách mà thôi. Vả lại chuyến đi này rất quan hệ, nếu không trừ định trước thì sau sẽ không khỏi sai lầm, xin trở về dự trừ việc phải làm, nêu rõ phương lược để trình Viện tư thương, nếu như đồng thuận mới xin tuân hành”. Quan Khâm sứ và hội đồng đều y theo. Khâm sứ nói tiếp rằng: “Chức Khâm sai đã thương định, nay xin chọn Tổng đốc mới để thay thế cho Hồ Đắc Khải”. Viện trưởng nói: “Đại thần Bộ Hình đã nhận đại diện đi Nghệ An, chức Tổng đốc mới nên do đại thần Bộ Hình chọn cử”. Hội đồng cũng đồng ý. Tôi nói: “Nay chọn Tổng đốc mới [58] cần chọn người am hiểu, siêng năng, dũng cảm, chịu đựng khó nhọc, phiền phức mới xong việc. Xét thấy Tham tri Bộ Hình Phạm Bá Phổ và Bố chánh Quảng Nam Hà Thúc Tuân có tư cách như trên. Phạm Bá Phổ tính tình chất phác ngay thẳng, khi giao thiệp thù tiếp không được thanh nhã trôi chảy, nhưng trước gian lao nguy hiểm không hề thoái thác, xin hội đồng duyệt lấy”. Quan Khâm sứ nói: “Hiện thời việc thù ứng không phải là cần thiết”. Quan Kiêm đốc ứng theo nói rằng: “Phạm Bá Phổ có thể xứng chức”. Viện trưởng nói: “Phạm Bá Phổ có tài chính trị. Y là cựu thuộc viên của ngài Sa-Lê [Charles]. Ngài Sa-Lê từng gởi gắm, từ đó đến nay chưa có cơ hội, nếu như hội đồng thuận y cho được đề bạt cũng là việc tốt”. Quan Khâm sứ nói: “Rất cảm ơn đại thần Bộ Hình đã nhiệt thành với việc nước, xin trừ liệu phương lược cho sớm lên đường, bốn chức xin [59] đa tạ”. Hội thương xong, tôi trở về bộ soạn thảo chương trình, gồm 12 điểm.⁽¹³⁾

1. Dẹp cộng sản chỉ phân hóa mà không giết chóc. Muốn phân hóa cần đóng đồn ngăn chặn, không cho đi lại tụ tập, lại phải do thám. Muốn ngăn chặn tốt thì dùng lính tập và súng ống. Tối thiểu phải tăng thêm 500 người.

2. Lính lê dương chỉ đóng đồn xung quanh tỉnh. Khi cần dùng phải có giấy của quan đại diện Tòa Khâm hoặc của bốn chức mới được phái đi.

3. Quan quân đi tuần nếu gặp cộng sản biểu tình chỉ nên bắn lên trời để giải tán. Nếu họ cầm vũ khí chống cự mới được bắn thẳng. Nếu họ chỉ cầm cờ mà đi, không có khí giới thì dùng roi, gây giải tán, không được tự tiện bắn chết. Người vi phạm bị chiếu luật trị tội.

4. Quan quân bắt được cộng sản phải giải ngay đến giao cho phủ, huyện hoặc tỉnh tra xét, kết án, không được tự tiện khảo tra đánh chết hay bị thương. Người vi phạm sẽ bị chiếu luật trị tội.

¹³ Mười hai điểm này được chép lộn xộn trong các trang 59, 60, 61 của nguyên bản.

5. Từ nay quan quân lỡ bắn bị thương hay chết người nào, chiếu theo nhẹ nặng, ít nhiều cấp tiền tuất để khỏi oan uổng.

6. Các phủ huyện và nhân viên các ty của tỉnh, ai am hiểu tình trạng, công vụ siêng năng xin thương cùng đại diện Tòa Khâm một mặt khen thưởng một mặt tư chiếu, người nào lười biếng sợ sệt hoặc gây oán cho dân, thì thương cùng bãi chức, tư chiếu.

7. Gần đây mệnh lệnh của chính quyền có gì bất tiện cho dân và các thứ thuế thương chánh, kiểm lâm có gì phù lạm thì thương đồng châm chước, thay đổi.

8. Những người hiện bị bắt giam mà chưa thành án thì phải cứu xét, nếu có chút oan, lạm tức thì thương đồng thả ra.

9. Từ nay các chính trị phạm hiện đang bị giam giữ, xét có người nào đã biết hối cải, thì bất kỳ phạm tội gì, tức thì thương đồng thả ngay để họ đái tội lập công, hoặc trình thám, hoặc dụ người ra đầu thú.

10. Việc dò xét, tìm hỏi bọn đầu sỏ, thì bất kỳ là người ngoài hoặc nhân viên, lính tráng, tất phải cấp đầy đủ chi phí để đủ tiêu dùng. Tại hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, tử sắt cần phải trích trừ 2.000 đồng bạc để đủ cấp phát. Đến cuối tháng thì kê ra tư lên. Nếu chi hết thì tiếp tục trích.

11. Người thám báo do bốn chức tuyển dụng sai phái, bất kể ai tùy địa vị, tùy tài cốt cho xong việc, quý Tòa đừng nghi kỵ.

12. Xin đem theo một nhân viên của Bộ, một nhân viên của Viện, một nhân viên của Tòa, một Quán, một Suất đội, hai Anh Danh Giáo Dưỡng⁽¹⁴⁾ để đủ sai phái, chiếu lệ gia cấp. Và một quả ấn “Cơ Mật hành ấn” để tiện dùng. Gặp khi phải cần nhiều người, ở bộ, ở nha nào, xin kê tên tư xin, thì lập tức phái giúp [62].

Mười hai khoản trên được Viện duyệt y, thương với Tòa, được Tòa Khâm sứ phúc rằng: “Việc cấp tiền tuất cho người bị chết, bị thương thì hoãn; và khoản những người hiện bị giam giữ mà muốn phóng thích thì phải cứu xét nếu can vào tử tội thì phải tư về Tòa và Viện thương nghị, trình lên Toàn quyền đại thần và Phụ chánh thân thần phúc y mới được phóng thích. Các khoản còn lại đều tán thành. Việc chính trị và võ yên hai hạt Nghệ An, Hà Tĩnh ủy cho đại thần Bộ Hình trừ liệu, thương đồng đại diện của Tòa Khâm sứ nếu đồng ý thì thi hành, không đợi tư đi phúc lại”.

Ngày tháng 8 khởi hành đi thẳng ra Nghệ An, đến dinh Tổng đốc tạm trú [63]. Gian giữa của tư thất Tổng đốc làm nơi hội thương. Hai gian tả hữu làm sở văn thư. Tội nghỉ tại chái tây của tư thất, Tổng đốc ở chái đông. Nhà tả và công đường, quan đại diện Tòa là Bông-Nôm [Bonhomme] ở. Mỗi ngày vào dinh Tổng đốc hội đồng lo công vụ.

Lúc mới đến, quan Công sứ Ghi-Da-Mi-Nê [Guilleminet] cùng quan Thống binh [chỉ huy lính lê dương], quan Giám binh [chỉ huy khố xanh (lính tập)] đến

¹⁴ Chỉ những người xuất thân từ Trường Anh Danh-Giáo Dưỡng, chuyên đào tạo đội ngũ võ quan của triều Nguyễn.

hội kiến tại dinh Tổng đốc. Quan đại diện Bông-Nôm đem chương trình dẹp yên ra hiểu thị.

Chiều hôm sau tôi thấy nhiều lính tập cầm gậy ra cổng thành, tôi sức Thương tá của tỉnh là Mai Hữu Lan dùng điện thoại hỏi quý Công sứ phái binh làm việc gì mà không thấy trình. Quan sứ trả lời [64] là đã trình với quan đại diện. Quan đại diện đang ngồi tại Tòa Sứ đợi vào hội nghị sẽ thuật lại. Lát sau thấy lính tập dẫn học sinh vào trại lính tập. Sau đó lại có Tri phủ Anh Sơn là Hà Xuân Hải, Kinh lịch Phan Minh Bật và bốn, năm nhân viên của tỉnh chạy vào trình rằng: “Không rõ vì có gì mà quan Giám binh đến phòng tốt nghiệp Trường Quốc Học⁽¹⁵⁾ dẫn các học sinh đang trú học vào trại lính, họ chưa được ăn cơm tối, rất khổ”. Kế đến thấy quan đại diện vào nói chuyện rằng: “Vừa nhận điện văn của quan Toàn quyền sức đem học sinh tốt nghiệp dời đến chỗ khác, quét dọn phòng học này để tiện cho lính Tây đến trú, quan Công sứ trình xin đem học [65] sinh đến trại lính, ngày mai sẽ sức cho thân nhân đến nhận về nhà”. Tôi nói: “Nếu như muốn lấy trường này cho lính Tây trú thì sức cho học sinh ngày mai trở về cho tiện, sao lại bắt dẫn làm cho ồn ào?”. Trong lúc nói chuyện lại nghe viên Quản canh gác cửa Tiên của tỉnh thành trình rằng: “Có thân nhân của học sinh đến ngoài cửa thành rất đông xin vào đem học sinh ra bên ngoài ăn tối để khỏi đói rét”. Tôi hỏi quan đại diện ý kiến thế nào? Quan nói: Đã sức cho quan Giám binh lo liệu cho ăn tối và ngủ đêm, giường chiếu đều có đủ. Tôi nói: Không khéo lại hư ứng. Bèn ủy Thương tá của tỉnh đến trại lính kiểm tra, y trở về trình rằng thấy học [66] sinh một nửa đứng ở xưởng mộc, một nửa đứng ngoài sân, hiện đang than khóc không biết ăn ngủ ở đâu. Trong xưởng không có dầu đèn, giường chiếu. Hỏi quan Giám binh, thì y trả lời là: Trại lính không có để cung cấp. Quan đại diện nghe nói, liền điện thoại cho Công sứ lo liệu. Tôi nói với quan đại diện rằng: “Quan Công sứ xử trí không hợp gây thành biến cố. Chúng ta đến đây cốt để thu xếp mà quan Công sứ vẫn tự tiện làm, làm cho mệnh lệnh bất nhất, khó có hiệu quả”. Trước cửa thành la ó ồn ào. Quan đại diện lại điện thoại cho Công sứ vào cùng với quan đại diện xin tôi hiểu thị cho học sinh yên tĩnh rồi sẽ thả trở về. Tôi nói: “Quan sứ không có quyền [67] sai tôi, tôi không làm”. Quan đại diện nói rằng: “Quan sứ đâu dám sai ngài, chỉ cậy nhờ ngài thôi”. Tôi nói: “Nhờ và sai cũng chẳng khác nhau. Quan sứ muốn nhờ tôi hiểu thị, thì phải đem các học sinh đến đây nghe dặn dò”. Quan sứ phải đến trại lính dẫn học sinh đến dinh Tổng đốc. Tôi hiểu thị cho học sinh biết rõ về điện văn của quan Toàn quyền cho học sinh tạm về nhà ôn tập, đợi chọn được nơi khác, sắp đặt bàn ghế đàng hoàng rồi vào học như cũ, chứ không phải là thả hay đuổi học. Học sinh nào nhà gần thành phố thì cho về nhà, ai có nhà xa cách thì cho về quán cơm lưu trú ăn ngủ, ngày mai sẽ về quê, chứ không được qua lại ngoài đường lộn xộn ồn ào [68] không tiện. Dặn dò xong, tôi sai viên phòng thành và khán phố dẫn học sinh ra khỏi cổng thành và truyền đạt cho thân nhân của học sinh biết mà trở về. Đêm ấy ngoài phố yên tĩnh, không xảy ra việc gì.

¹⁵ Tức Trường Quốc Học Vinh, thành lập năm 1920, nay là Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hôm sau trong cuộc hội thương, tôi đề nghị quan đại diện nói với quan Công sứ từ nay các mệnh lệnh về chính trị, bất kỳ việc lớn hay nhỏ, đều phải qua bàn bạc rồi mới thi hành để khỏi gây rắc rối. Quan đại diện rất hối hận vì hôm qua lằm nghe lời Công sứ. Tôi bàn luận lập 28 đơn tại tỉnh Nghệ An, cần đến 700 lính tập, nhưng tại tỉnh chỉ mới có 350 tên, phải điện xin Tòa Khâm sứ phái thêm một nửa. Tòa trả lời: Số lính toàn kỳ chỉ có thể [69] tăng thêm 150 tên mà thôi, hãy bàn lấy thêm lính lê dương cho đủ số. Lại trách quan đại diện [Bonhomme] là đến hơn tuần lễ rồi mà chưa tư báo hiện tình. Quan đại diện nổi giận nói rằng: Trước đã hẹn chuyển đi này phạm mọi việc do tôi và đại nhân đại diện trù liệu thi hành, nay lại đòi tư văn, cứ sao lại sau trước bất nhất. Bèn điện về biện bạch.

Quan Khâm sứ lại điện tiếp rằng: Hiện đã rút 100 tên lính tập ở tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa phái đi, còn số thiếu đợi mộ thêm rồi phái ra.

Quan phủ Hưng Nguyên báo rằng: “Dân tổng Phù Long đã ngầm thông đồng với dân huyện Nam Đàn tụ tập, viên ấy đã phái lại mục, lính lệ và lính tuần sai đem trát văn đến đòi tổng lý, đi đã hai ngày rồi chưa thấy trở về, thực đáng ngại”.

Tôi mật phái người dò hỏi, được biết là phái viên của phủ [70] đã bị đảng Cộng sản bắt đi giam giữ. Tôi lại điện xin cấp thêm súng đạn. Rồi tôi tư ra tỉnh Thanh Hóa đòi giảm số lính luyện tập phái đi đóng đồn để chia thế lực của đảng Cộng sản. Mặc khác phái viên Lãnh binh đem 30 tên lính tập đến hai hạt Hưng Nguyên và Nam Đàn tuần tiễu để tìm số người sai phái của phủ Hưng Nguyên. Quan Lãnh binh đi tuần 3 ngày cũng không tìm được, liền đến làng Phù Long chất vấn, thì hào lý đều tránh mặt, Lãnh binh trở về trình. Tôi sức niềm yết tại đình làng Phù Long, hạn trong tuần nhật, phải đem các phái viên ấy nạp lại. Nếu đã giết chết thì giấu tử thi ở đâu, và phải khai tên hung thủ. Nếu cố ý chống đối thì cả làng bị trị tội không tha.

Cách hai ngày lại có vạ trưởng [71] vạ Bến Thủy báo rằng: Có hai tử thi nổi lên ở bên sông. Sai người đến khám thì mới biết một người là lại mục của nha ấy, một người là lính tuần sai, đều bị thương tích, xét ra là đã bị giết chết ném xuống sông. Rồi gần đến Cửa Hội cũng thấy xác của lính lệ, xét ra cũng như hai tử thi trên. Lại phái người đòi bọn lý dịch kỳ hào của làng Phù Long, chúng lại cố ý trốn bật. Quan đại diện bàn rằng: Làng ấy không tuân đến hầu, thì ba mạng ấy quả là do người làng ấy bắt giết. Lại hạn trong một tuần lễ nữa, nếu vẫn trái mệnh lệnh, thì sẽ đốt cháy cả làng, tước bỏ tên làng.

Tôi bàn ủy viên Thương tá đem lính đến nơi hiểu thị, thì làng ấy vẫn cứ trốn tránh. Tôi bàn cử viên quan Một với quan Lãnh binh đem lính đến đóng tại đình làng ấy để giảng giải. Quá một tuần cũng vô hiệu [72].

Quan Toàn quyền điện bắt đốt phá. Tôi bất đắc dĩ phải yết sức cho trẻ con, đàn bà đi nơi khác, trước hết là đốt 6, 7 nhà của hào lý thôn Yên Phú để thị uy. Làng đó vẫn không chịu thuận theo. Cách hai ngày, quan đồn liền đốt thôn Yên Thọ, nhưng hào lý làng đó vẫn không đoái hoài.

Tiếp đó 100 tên lính tập vừa đến, được phân ra huyện Thanh Chương đóng hai đồn, các nơi hiểm yếu của Anh Sơn, Nam Đàn, Hưng Nguyên mỗi nơi đóng 1 đồn. Lại nhận được 100 cây súng trường. Tôi lại đòi lính cũ của tỉnh Thanh Hóa vào luyện tập, tư cho Viện Cơ Mật chọn ủy một viên chỉ huy và phái lính tuần sát hộ thành đến trước, cùng hợp với quan các đồn: 1 viên Quản, 1 viên Suất đội và quan Lãnh binh huấn luyện để chia ra sai phái.

Lại nhận được điện của quan Toàn quyền rằng đã phái 100 tên lính như trên [73], do quan Tây phối hợp với quan Nam, trích lấy một nửa lính cũ, một nửa lính mới, đi các hạt để tuần tiễu.

Tôi ủy Thương tá Mai Hữu Lan hợp với quan Giám binh đôn đốc cử binh, binh đến thì dân tản, binh đi thì dân tụ, tuần tiễu không có công hiệu. Tôi lại tiếp tục tư xin tăng thêm lính đóng đồn. Chẳng những hai hạt Nghệ Tĩnh toàn theo cộng sản mà Nam Ngãi Bình Phú cũng khó giữ trị an.

[74] Chờ đợi hơn tuần nhật vẫn chưa thấy phái lính đến. Các nơi hiểm yếu của Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu vẫn chưa có đồn ngăn chặn. Đảng Cộng sản qua lại cố động rất dễ dàng. Quả nhiên Yên Thành, Diễn Châu lần lượt tụ họp biểu tình. Hà Tĩnh cũng nhiều lần cấp báo. Phía nam Thanh Hóa hơi yên, thì phía đông Nghệ An lại náo động.

Quan đại diện Bông-Nôm [Bonhomme] than thở rằng: “Quan Khâm sứ ngờ vực chậm trễ chẳng nghe kế hoạch của chúng ta khiến cho chúng ta nhọc nhằn suông. Tôi đã điện trình quan Toàn quyền xin trở về Tây nghỉ ngơi”.

Tháng 12 nhận được phúc y. Bông-Nôm trở về kinh sửa soạn hành trang về nước. Tôi đưa tiễn đến Đà Nẵng. Rồi nhân ngày tết, lưu lại ở kinh tuần nhật. Tôi cũng đến Tòa Khâm bàn với quan Khâm sứ rằng: Hiện nay đã trình quan Toàn quyền mộ thêm lính tập. Hết tết tôi lại ra phái bắt.

Bảo Đại năm thứ 6 [1931], Toàn quyền Bát-Kê [Pasquier] cũng trở về Tây công cán, Thống sứ Bắc Kỳ Rô-Bin⁽¹⁶⁾ quyền sung Toàn quyền [75], cùng Bát-Kê đáp tàu thủy vào Sài Gòn để đưa tiễn. Lại theo đường bộ trở về, ngang qua Bình Thuận nói chuyện với Tuần vũ Nguyễn Khoa Kỳ có đề cập đến chuyện cùng với Khâm sứ Lê-Phong [Le Fol] đến Vinh bàn đổi Phạm Bá Phổ trở về chức cũ, đem Nguyễn Khoa Kỳ bổ Tổng đốc An Tĩnh, lại chọn quan Giám đốc Sở Chính trị lãnh Công sứ Thanh Hóa Đa-Bi⁽¹⁷⁾ sung làm đại diện Tòa Khâm sứ, nhưng vẫn ở tại Tòa Công sứ Thanh Hóa, gặp khi cần bàn bạc mới điện đi.

[76] Về việc đại diện Tòa Khâm đóng ở Thanh Hóa, tôi thương rằng: “Nguyên trước đã bàn định đại diện của Tòa Khâm và Viện Cơ Mật đều trú tại Nghệ Tĩnh, gặp việc bàn bạc thì hành mới được nhanh chóng. Nay quan đại diện Tòa trú tại Thanh Hóa mà thiếu chức trú [77] ở đây còn có ích lợi gì, xin trở về kinh, mọi việc thì Viện sẽ thương nghị đối phó cho tiện”. Quan quyền Toàn quyền nói rằng: “Xin tùy ý ngài định liệu”.

¹⁶ Tức Eugène Jean Louis René Robin, giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ ngày 15/1/1934 đến tháng 9/1936.

¹⁷ Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

Sáng hôm sau tôi sức văn phòng mang cả văn thư công vụ trở về trước, còn Thống chế Phạm Văn Trường và Quản suất ở lại huấn luyện chỉ huy binh đoàn đội về kinh thương nghĩ sẽ tư để thi hành. Tôi về đến, Viện trưởng đến thăm hỏi kỹ mọi việc, tôi trình với Viện trưởng mọi việc đã dò xét được: hành động của bọn đầu sỏ, các cơ quan và các nơi trọng yếu cần lập đồn địa điểm nào, đều có họa đồ. Hai hạt Nghệ Tĩnh cần số lính và súng trên dưới một ngàn, bố trí mới chặt chẽ thì tổng lý và nhân dân [78] mới có chỗ dựa, nghịch đảng không thể bức ép theo. Trong một tháng có thể trừ hết các cuộc tụ tập, biểu tình, dân thường không nghi ngờ sợ hãi nữa. Về sau lần lượt dò bắt, bọn đầu sỏ không còn chỗ nào ẩn nấp, trong ba tháng thì có thể bắt hết. Nhưng hiện tình chỉ sợ cộng sản thường áp gần mà quan quân không thường trú phòng khiến cho chúng nó một khi xướng lên thì nhân dân hưởng ứng. Vì lẽ đó trừ phi đặt đồn ngăn chặn, còn thì vô kế khả thi. Nếu dùng lính lê dương đi tuần chỉ thêm gây oán với dân. Viện trưởng nói đã lần lượt nhận được điện tư, Viện đã thương với Tòa, nhưng Khâm sứ chỉ sợ phí tổn lớn nên chần chừ. Tôi nói: Thêm lính thì tốn phí nhiều nhưng yên nhanh, không thêm lính thì cũng tốn phí không ít mà loạn kéo dài không thôi, xin ngài [79] trừ liệu kỹ. Từ đó Nghệ An thì Diên Châu, Anh Sơn; Hà Tĩnh thì Thạch Hà, Can Lộc, đảng Cộng sản biểu tình rầm rộ. Quảng Ngãi cũng náo động. Lính Tây hễ gặp là tàn sát, càng tàn sát thì loạn càng mạnh.

Viện trưởng và quan Khâm sứ ra Nghệ An rồi ra Hà Nội thương thuyết với quyền Toàn quyền Rô-Bin. Ngài thuận phái một ngàn lính tập Bắc Kỳ giao cho Nghệ Tĩnh đóng đồn. Viện trưởng chiếu bản đồ phái quân đồn trú, lại bàn đặt chức Bang tá tuần tập ở phủ, huyện, tổng, làng; đem số tổng lý, trí sĩ, cựu giáo sư các hạng hơn 280 người bổ dụng, cấp bổng, mỗi người hai, ba đồng. Từ đó việc thám báo càng ngày càng tiện lợi, dễ dàng. Các quan đồn lần lượt bắt được bọn đầu sỏ, hoặc bắn ngay, hoặc giải về tổng giam.

[Bản gốc bị mất trang 80 nhưng bản lược dịch của Phan Đăng Tài có ghi lại mấy dòng sau đây (trang 59, bản đánh máy năm 1980):

Ngày 6 tháng 3 (năm nào? có lẽ năm 1931), tôi lên đường, cầm đầu một phái bộ sang Pháp hầu vua và xem đấu xảo (ngày nay gọi là “triển lãm”). Ngày 1 tháng 4, lên tàu Chantilly (định theo đây bản “Nhật ký sang Tây” bằng chữ Quốc ngữ).⁽¹⁸⁾ Ngày 26 đi qua Biển Đỏ...].

[81] Tôi đã lược kê mục đích đến chính phủ Pháp thương thuyết, đến sở điện báo ở cửa biển Di-Bu-Ti gửi đi để quan đại thần đi qua nhận xem.

Ngày mồng 9 tháng 5, tàu thủy đến hải cảng Mã-Tái [Marseille]. Nhận được thư của cựu Toàn quyền Sa [Charles] hỏi thăm, nói rằng: Hoàng thượng dặn cho lưu lại thành phố Mã-Tái nghỉ ngơi vài ngày rồi sẽ lên Ba-Lê [Paris]

¹⁸ Trong bài phỏng vấn cụ Tôn Thất Đàn vào năm 1932, Henri Le Graucloade, một phóng viên người Pháp, cho biết cụ Đàn mới cho in cuốn “Tây-hành nhật-ký” và có trích hai đoạn trong cuốn nhật ký ấy để đưa vào bài viết của mình. Xem Henri Le Graucloade, *Những thời kỳ trọng đại của nước Việt Nam trong lúc hồi xuân*, do T.F và P.V dịch ra Quốc ngữ, Editions de la presse populaire de l’Empire d’Annam, Hanoi-Huế-Saigon, 1933, tr. 21.

chiêm cận. Tôi không hiểu ý của Hoàng thượng nhưng tuân theo sắc dạy lên bộ ở thành phố Mã-Tái, đến khách sạn Ba-Lê lưu trú hai ngày, đi thăm thành phố và các danh thắng.

Sáng sớm ngày 11 đáp xe lửa lên thành phố Ba-Lê, 7 giờ chiều đến ga Ba-Lê. Cựu Toàn quyền Sa [Charles], quan Phụ đạo Lê Nhữ Lâm và Vĩnh Cẩn [82] đến đón rất vui vẻ, đưa tôi đi thẳng về hành tại thăm hỏi. Ngài Sa nói rằng: Nay đã tối, hãy về trú sở nghỉ ngơi. Sáng mai sẽ đến chiêm cận cho được chính nhà. Phụ đạo Lê Nhữ Lâm cũng nói: Việc này đã được Hoàng thượng ban dạy. Bèn mời tôi cùng lên xe hơi đến cư trú tại khách sạn Xích-Pha-Lăng-Đi, số nhà 119 đường Tu-Vinh. Sắp đặt hành lý xong xuôi, ngài Sa và quan Phụ đạo trở về, tôi gửi lời chúc thánh thể vạn an.

Chín giờ sáng hôm sau, tôi dẫn sứ bộ đều mặc lễ phục đến triều yết Hoàng thượng tại lầu ngự số nhà 13 phố Lăng-Ban.

Hoàng thượng [83] mặc áo màu vàng, đội khăn màu vàng ngự trên bệ. Tôi và sứ bộ đều làm lễ 5 lạy xong, kính dâng tập tấu thỉnh an của bách quan. Hoàng thượng nhìn quanh rồi cho ngồi, ban trà. Quan cựu Toàn quyền và phu nhân, quan Phụ đạo đều ngồi hầu. Được vâng hỏi về sức khỏe của Tam tôn cung⁽¹⁹⁾ và hiện tình quốc sự. Tôi tâu bày tường tận. Lòng Hoàng thượng rất thương xót nhân dân nghe lầm lạc nên mang vạ, cần phải liệu cách gì để dẹp loạn. Tôi tâu xin Hoàng thượng sớm hồi loan chính đốn quốc chính để thần dân ngắm trông thanh quang, văn giáo tỏ bày thì thói ngoan ngạnh tận diệt. Được kính dạy rằng: “Trẫm học chưa tốt nghiệp, hồi loan chưa có lợi ích [84] cần lưu lại năm ba năm vào đại học để tìm phương pháp chính trị, hấp thụ chính sách văn minh để khai hóa quốc dân mới đạt được mục đích của việc du học”. Tôi tâu rằng: “Dân trông vua như trông tuổi, xin Hoàng thượng nắm rõ các việc then chốt, hiểu rõ đại thể, rồi mua sách đem về nước từ từ nghiên cứu, việc học của Hoàng thượng có thể mong phát huy sáng tỏ, mà việc nước cũng có phương hướng chủ trương, thì rất may cho xã tắc, rất may cho thần dân”. Ngài Sa nói về chuyện khác, hỏi tôi: “Lúc sắp lên đường có nghe chuyện Khâm sứ Lê-Phong [Le Fol] trở về nước chẳng?”. Tôi nói: “Chưa”. Ngài Sa nói: “Chính phủ Pháp triệu Lê-Phong về chất vấn nguyên ủy, khoảng tuần nhật Lê-Phong trở về đến” [85]. Lại hỏi: “Vì có gì Cơ Mật Viện lại không chịu hợp tác với quan Khâm sứ?”. Tôi nói: “Sao lại không hợp tác. Mọi việc đều thương thuyết lợi hại cùng lo. Tức như gần đây, cộng sản phiến loạn, tôi đã cùng quan Khâm sứ đến tận nơi lưu lại 8 ngày để đi xem xét tình thế, trù liệu phương lược. Lại cùng với Giám đốc Bông-Nôm [Bonhomme] cùng đến trú dài ngày đến tháng 5. Chỉ vì quan Khâm sứ không theo kế hoạch của tôi, không chịu phái thêm lính tập chia ra đóng đồn ngăn chặn khiến cho đảng Cộng sản khinh mạn hoành hành. Ông Bông-Nôm hận không như ước hẹn bèn xin trở về. Ông Đa-Bi thay làm đại diện không chịu đến Nghệ Tĩnh, tôi liệu chính lệnh trước sau bất nhất, sợ làm không được mới xin thôi chức vô yên. Đó là quan [86]

¹⁹ Tức Thánh Cung Nguyễn Thị Nhân, Tiên Cung Dương Thị Thục (vợ vua Đồng Khánh) và Từ Cung Hoàng Thị Cúc (vợ vua Khải Định).



Trang 86, quyển 5, tác giả bệnh vực cho Viện trưởng Nguyễn Hữu Bài trong buổi nói chuyện với cựu Toàn quyền Charles.

Khâm sứ không chịu hợp tác chứ không phải Viện chúng tôi không chịu hợp tác”. Ngài Sa nói: “Viện trưởng Nguyễn Hữu Bài không chịu hợp tác, quan Khâm sứ thương thuyết, bị nhiều lần phản đối, Lê-Phong rất thán hận”. Tôi nói: “Đó là vì quan Khâm sứ dùng lầm Công sứ Nghệ An Ghi-Da-Mi-Nê [Guilleminet] - người đã gây ra nhiều sai lạc, lầm lẫn, Viện trưởng bàn nên đổi đi, quan Khâm sứ không chịu đổi, khiến cho có một số mâu thuẫn”. Ngài Sa nói: “Nguyễn Hữu Bài vốn là phản phúc, Ghi-Da-Mi-Nê không cùng một tôn giáo với Nguyễn Hữu Bài, khiến cho ông ta không vui, nhân hiềm khích ông ta muốn xua đuổi mà không được, ông ta bèn phản đối”. Tôi nói rằng: “Tôi không rõ việc riêng như thế nào, nhưng Ghi-Da-Mi-Nê là người nóng nảy vội vàng [87]. Việc nổi loạn ở Nghệ Tĩnh, ông ta kích động mà nên. Trước đó ông ta ở Hà Tĩnh, xử vụ án thôn Nhượng Bạ [nay thuộc xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên], nhân dân oán đến tận xương tủy. Tại Nghệ An là vụ Hạnh Lâm, vì vội tin tên Ký Viễn báo cáo lão mà hấp tấp dùng lính bắn chết người vô tội, khiến cho cộng sản được cơ xướng loạn. Viện trưởng đề nghị là có căn cứ, quan Khâm

sứ không nghe lời, ngược lại gây tai tiếng. Đó là điều bất hạnh của nhân dân nước Nam vậy”. Ngài Sa nghe tôi nói vẫn có ý nghi ngờ, im lặng dẫn đo. Lại nói: “Con trai Nguyễn Hữu Bài là Nguyễn Hữu Giải lại sang Pháp học, tôi không muốn bảo đảm, vừa qua bị bệnh nặng, bác sĩ không cho trở lại Pháp, nay vì lòng tham nên mạo hiểm trở sang, nay mai bệnh cũ tái phát [88] đoán mạng thì chớ hối hận”. Tôi thấy ngài Sa có ác cảm với Nguyễn Hữu Bài nên mỗi lời đều biện bạch.

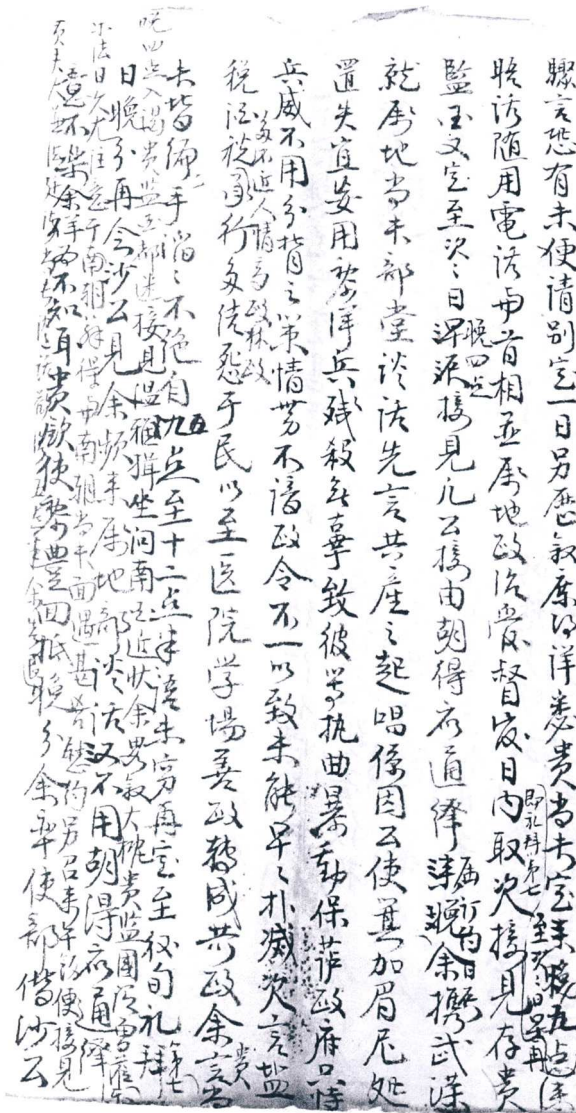
Hoàng thượng cũng nói: “Viện trưởng tính kiêu căng, bủn xỉn, ghét người hơn mình, y thấy trẫm còn lưu học ở đây thì Phụ chánh thân thân vẫn là đại biểu cho quyền vua, y không muốn cựa Thân thần có vị trí trên y, y giục trẫm sớm về để cựa Thân thần sớm về hưu, y sẽ ỷ thế lộng quyền để thỏa mãn ý riêng, y không nghĩ đến kế lâu dài cho quốc gia”. Tôi tâu rằng: “Tôi dân trong cả nước đều mong Hoàng thượng sớm trở về, chứ không chỉ là ý riêng của Viện trưởng”.

Hầu ngự thiện xong, 2 giờ rưỡi chiều tôi cáo từ trở về nơi trú ngụ. Các ngày khác đến hầu, mỗi lần tôi đều chọn lời tâu xin Hoàng thượng [89] chú ý quốc hồn, tìm đường chính trị và sớm hồi loan, trên là an ủi sự trông chờ của Tam cung, dưới là thỏa niềm vui của nhân dân, để chấn chỉnh triều cương, duy trì phong hóa, còn các chương trình kỹ nghệ, văn chương, bắn súng, cỡi ngựa, viết chữ, toán pháp thì có bề tôi giúp đỡ cho Hoàng thượng khỏi lao nhọc. Ngài Sa nghe tôi nói có ý không vui, nhiều lần tìm lời biện bác. Mỗi lần tôi đều giữ lý lẽ, thuyết minh rõ không từng che giấu.

[90] Tôi soạn bản quốc thư và các tặng phẩm để chuẩn bị tặng cho ngài Giám quốc điện hạ [tức Tổng thống Pháp], ngài Thủ tướng, ngài Thượng thư Bộ Thuộc địa và cựu Toàn quyền, các ngài quý Khâm sứ, tâu xin Hoàng thượng thân hành ban tặng hoặc do tôi đệ tặng. Ngài Sa không muốn cho tôi đến trực tiếp chính phủ Pháp, nói rằng hãy đợi Hoàng thượng đến thăm rồi tặng luôn thể. Hoàng thượng nói rằng: “Bản quốc thư là tuân theo ý chỉ của Lương tôn cung, quan Phụ chánh thân thần và Viện Cơ Mật ủy cho Khanh dâng lên, trẫm sẽ gọi điện thoại hỏi quan Thượng thư Bộ Thuộc địa ngày giờ nào sẽ tiếp Khanh, để Khanh đem tặng mới hợp”. Ngài Sa xin thay mặt để hỏi, được quan Thượng thư trả lời: Định 9 giờ sáng mai. Tôi hỏi vào yết kiến Thượng thư Bộ Thuộc địa nên mặc kiểu y phục gì. Ngài Sa trả lời: “Dùng áo gấm tay thụng”. Hoàng thượng nói: “Vào yết kiến ngài Giám quốc mới dùng áo tay thụng, còn yết kiến ngài Thủ tướng và ngài Thượng thư dùng áo gấm tay hẹp”. Ngài Sa dẫn tôi vào yết kiến chính phủ Pháp nếu như có hỏi đến việc cộng sản chỉ nên nói qua, và nói rằng vì bọn xuất dương lên trở về cổ động quốc dân nghe theo. Hoàng thượng bảo rằng: “Khanh hãy cứ theo điều nghe thấy mà nói thực, không được giả cách văn vẻ. Khanh là Thượng thư Nam triều cần giao thiệp bình đẳng, vào yết kiến Giám quốc bắt tay mời ngồi thì cứ ngồi, chớ sợ hãi”. Tôi tuân vâng.

Đến giờ tôi vào, quan Thượng thư Bộ Thuộc địa Dê-Nô⁽²⁰⁾ tiếp kiến vui vẻ, cầm tay ngồi hỏi hiện tình nước Nam. Tôi nói: “Hôm nay tiện chức đem quốc thư và tặng phẩm trước hết là nói việc tốt đẹp, còn hiện tình việc nước có nhiều chi tiết [91] vội nói sợ chưa tiện. Xin định một ngày khác sẽ đến trình bày kỹ càng”. Quan Thượng thư định 9 giờ sáng ngày hôm sau tức ngày thứ bảy, đến nói chuyện, có thể điện thoại cho Thủ tướng và quan quản đốc chính trị thuộc địa lần lượt tiếp kiến nội trong ngày, còn ngài Giám quốc thì định đến 4 giờ chiều ngày thứ bảy sẽ tiếp kiến. Việc giao tiếp là do Hồ Đắc Ứng thông dịch.

²⁰ Tức Paul Reynaud, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp từ 27/1/1931 đến 20/2/1932.



Trang 91, quyển 5, phân tích các chính sách của Pháp ở Trung Kỳ với Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Paul Reynaud và Tổng thống Pháp Paul Doumer.

Đến giờ hẹn, tôi cùng Võ Vinh đến dinh Bộ Thuộc địa đàm thoại, trước hết là nói việc công sản khởi xướng nhân Công sứ Ghi-Da-Mi-Nê xử trí thất sách, dùng bừa lính lê dương tàn sát người vô tội, khiến cho chúng lấy lý bạo động. Chính phủ bảo hộ chỉ dựa vào binh lực, không dùng kế sách phân hóa, không hiểu tình thế, mệnh lệnh bất nhất, khiến cho chưa thể đánh dẹp. Sau đó nói đến thuế muối, thuế rượu phần lớn không hợp nhân tình, những người thừa hành ngành thương chánh, lâm chánh phần nhiều gây oán với dân, cho đến chính sách tốt đẹp về bệnh viện, trường học chuyển thành hà khắc. Tôi nói thì quan Thượng thư ghi chép không ngừng, từ 9 giờ đến 12 giờ rưỡi vẫn chưa xong, lại định đến chiều thứ bảy tuần sau gặp lại.

Bốn giờ chiều ngày thứ bảy tôi vào yết kiến Giám quốc Đô-Mê,⁽²¹⁾ ngài nhã nhận tiếp, cầm tay tôi ngồi, hỏi về tình hình gần đây của nước Nam. Tôi trình bày đại lược, ngài Giám quốc nói từng cai

trị Đông Pháp đã lâu, càng chú ý đến Nam triều, nay được gặp mặt quan Thượng thư Nam triều rất là vui vẻ, hẹn sẽ mời đến ăn trưa tiện tiếp kiến với phu nhân và quý bộ trưởng trong chính phủ. Trò chuyện đến 5 giờ tôi cáo từ lui về. Ngài Sa thấy tôi đến Bộ Thuộc địa chuyện trò lại không dùng Hồ Đắc Ứng thông dịch có ý không vui, tôi giả như không biết.

Quan Khâm sứ Lê-Phong về đến buổi chiều, tôi dẫn sứ bộ cùng ngài Sa [92] và quan phụ đạo đến nhà ga Ba-Lê đón tiếp. Lê-Phong thấy tôi thì vui vẻ

²¹ Túc Paul Doumer, giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ 1897 đến 1902, sau làm Tổng thống Pháp từ 1931 đến 1932.

hỏi han ân cần. Ngài Sa đến nói nhỏ dẫn đi nơi khác chuyện trò, rồi cùng chia tay. Cách ba ngày Lê-Phong đến nơi tôi ngụ, nói rằng: “Người nước Nam hiện đang ngằm theo cộng sản rất đông. Nguyễn Trác, Lê Thuộc, Trần Bá Vinh đều có quan hệ, thậm chí quyền Tri huyện huyện Nghi Lộc là Tôn Thất Kiều cũng ngằm liên lạc. Tòa Liêm phóng hiện đang do thám sẽ bắt trị tội”. Tôi nói hiện thời tốt xấu lẫn lộn, phải phân biệt rõ ràng mới hết hiềm nghi. Rồi chuyển sang nói chuyện khác. Lê-Phong biết Tôn Thất Kiều là cháu ruột của tôi, muốn lấy chuyện này dọa dẫm khiến tôi lo lắng xin y, nhân đó lợi dụng. Tôi nói với Thượng thư Bộ Thuộc địa như lời y nói. Tôi để mặc không hỏi, y cũng không thể làm gì, lát sau cáo từ về. Tôi khiến Võ Vinh viết thư gửi cho quyền Khâm sứ Sa-Tiên [Châtel] xét đúng như Tôn Thất Kiều quả là bội phản thì giết đi cũng được. Nếu như bị người khác vu cáo thì phải tra xét rõ ràng, chớ dùng thám báo mơ hồ, làm bại hoại danh giá của y tức là làm bại hoại thanh danh của tôi, tôi quyết không cam chịu khuất. Thư trên do máy bay chuyển về.

Đến ngày thứ bảy tôi lại đến Bộ Thuộc địa hội đàm [93], trình bày rằng: Gần đây các nghị định đều chiếu theo hòa ước năm Giáp Thân 1884, có nhiều sai khác, quốc dân bất bình phần nhiều là do đó. Thượng thư nói: “Các quan Toàn quyền, Khâm sứ trở về nước mỗi người đều than thở là quan nước Nam nhiều người ăn hối lộ đục khoét, khiến cho dân không phục”. Tôi nói: “Thói tệ này cũng không thể không có, duy về quyền nội trị, Nam triều không được tự chuyên thuyên bỏ quan lại, xét xử án kiện đều phải thương với quý bảo hộ phúc y mới được thi hành thì quan lại có khả năng hay không, chính sự được mất thế nào, không chỉ một mình Nam triều gánh vác trách nhiệm. Phong tục đồi bại, trật tự lộn xộn đều có nguyên nhân cả”. Thượng thư nói: “Thiểm chức định đích thân đến Đông Pháp một phen để xem xét tình hình, phạm mệnh lệnh có gì bất tiện cho dân thì tùy nghi sửa chữa, cốt cho Pháp Việt đề huề, đôn đốc tình hữu nghị mãi mãi”. Tôi nói: “Đó cũng là điều tiện chức rất mong muốn. Đại nhân ra ơn đến hỏi han lượm lặt, lời nói của tiện chức may có kiến hiệu, nếu ngôi ức đoán, hư thực vẫn còn nghi ngờ, xử trí sợ không hiệu quả”. Thượng thư nói: “Kế của tôi đã định rồi, tôi sẽ trình Nội các chuẩn định chương trình hẹn ngày đến để cùng quan lớn thăm quanh mấy tuần khắp cả ba kỳ, tai nghe mắt thấy, trở về sẽ cùng chính phủ trù liệu phương lược thi hành để đạt mục đích bảo hộ.” [Tôi nói]: Cảm tạ đại nhân đã hỏi kỹ, xét kỹ, nước tôi may ra sẽ được văn minh tiến bộ, phần nhiều là trông mong vào đại nhân. Thượng thư cũng cảm tạ, tôi cáo từ, đích thân đến lầu ngự lần lượt tâu bày cho Hoàng thượng rõ về các khoản đã đàm thoại cùng Thượng thư Bộ Thuộc địa. Hoàng thượng nói: “Mọi việc cần phải nói thật mới có ích lợi. Chuyến đi này khanh dám đem tình trạng khổ sở của quốc sự nói rõ cho chính phủ Pháp, mới không phụ chức phận và lương tâm vậy”. Tôi cúi đầu cảm tạ, tâu rằng: “Mục đích lần đến này của bề tôi là ai cáo lúc gian nan, may có cơ hội, nên đem hết thực trạng bày tỏ, không dám nghĩ đến ý riêng, không đoái gì đến danh lợi, được mất vậy”.

[94] Tôi lưu trú ở nước Pháp hai tháng, thường đi khắp thành Ba-Lê xem xét nửa tháng để xem dấu xảo và giao thiệp sắp đặt, mắt nhìn lòng hiểu, biết

được nước Pháp có phương pháp hay để đào tạo quốc dân. Già trẻ đều biết bảo tồn công lý.

Lại đi Vi-Si [Vichy], Pha-Ra, A-Miên, A-Ra, Bóc-Đô [Bordeaux], Mã-Tái [Marseille], mỗi nơi khoảng 2, 3 ngày. Và đến các làng thôn [95] lân cận của Ba-Lê, một ngày hoặc nửa ngày để xem xét việc cày cấy gieo trồng làm ăn. Về khéo léo hoa lệ chưa dám nghĩ đến, duy việc cần kiệm, kiên nhẫn, thì người nước ta mười phần chưa được hai, ba. Còn như mỹ tục giữ lễ nhượng, ngăn chặn gian phi, thương người xa tới, vui giao tiếp và yêu nước, đoàn kết, người nước ta vạn phần chưa được một, hai. Ngày đi, tối suy nghĩ, nhìn người xét ta, lòng nhiệt tâm bỗng bột hy vọng, định ngày trở về nước đem hết điều nghe thấy hô hào truyền bá, trước hết đem những điều gần gũi giản dị ra làm thì tinh thần vẫn minh cũng khá hy vọng từ từ cảm hóa. Lại kính đệ sắc thư về nước trình với Phụ chánh thân thần và các đại thần Viện Cơ Mật đồng tâm thi thố để tạm cải cách, bỏ vụng tăng khéo, vì quốc dân tạo hạnh phúc, báo đáp ít ỏi lòng mong ước.

Ngày 11 tháng 7 [tôi] cáo từ Hoàng thượng, đáp tàu La-Tốc [Athos] trở về nước. Mồng 3 tháng 8 đi qua cửa biển Cô-Lông-Bô [Colombo, nay là thủ đô của Sri Lanka], nhận được thư trả lời của Khâm sứ Sa-Tiên, nói rằng Huyện Kiều quả có liên lạc với cộng sản. Y không muốn làm quyền Tri huyện, nay hoán bổ [96] chức khác, tôi mới được an ủi nỗi lo đôi chút. Trên tàu gặp được quan Tư người Nhật Bản nói chuyện về việc duy tân, tôi lại có nhiệt tâm chấn chỉnh quốc tục, tái tạo quốc hồn. Nào ngờ con người có lòng ganh ghét, khi đệ sắc thư trở về, cụ Thân thần đem qua Viện trưởng, Viện trưởng đùn lại Thân thần, chậm trễ lưu đến tuần nhật mới hội đồng tại Tả Vu tiếp nhận tuyên đọc. Kế đó tôi đem các lời ân tình sắc dạy tuyên cáo, cả triều đình trên dưới chỉ nghe suông, tôi thấy quái lạ, rất tức giận, bèn dẫn sứ bộ đến sân trước điện Cần Chánh làm lễ vọng bái phục mệnh mà lui ra. Dần dần hỏi, nghe nói tôi lên đường chừng tuần nhật, quan Khâm sứ Lê-Phong nhận được điện văn của chính phủ Pháp gọi về chất vấn. Khâm sứ Ai Lao là Sa-Tiên [Châtel] đến thay chức Khâm sứ Trung Kỳ cùng Viện trưởng đại thần đi Nghệ Tĩnh xét hỏi tình thế, lại ra Hà Nội trình với quyền Toàn quyền Rô-Bin [Robin] xin thêm lính tập. Quyền Toàn quyền [97] thuận tăng thêm 1.000 lính, đầy đủ súng đạn. Viện trưởng chiếu họa đồ bàn phái đi đồn trú. Lúc đó Công sứ Nghệ An Ghi-Da-Mi-Nê cũng trở về Tây nghỉ ngơi. Công sứ Hưng Yên là Đa-Bô-Ti-Ni⁽²²⁾ đến thay. Đa-Bô-Ti-Ni là người lão luyện, cẩn thận, có mưu lược, trước đã cùng Bông-Nôm bàn định kế hoạch, quan Công sứ nêu ra đều phù hợp. Viện trưởng bàn đặt chức Bang tá tuần tập tại các làng tổng huyện phủ, đem các tú tài tại quê, giáo sư hoặc tổng lý thân hào sung bổ hơn 280 người, mỗi tháng cấp bổng mỗi người 2, 3 đồng. Lại tư rút các quan viên người Nghệ Tĩnh tại kinh đô và các tỉnh trở về hiệp với các hưu quan tại quê đi khắp hiểu thị, từ đó nhiều người thám báo, các quan đồn [98] lần lượt bắt được các tên đầu sỏ, hoặc bắn ngay, hoặc giải về tra xét. Đồn ả nối liền, trình thám khắp đường, các đầu sỏ tìm cách trốn xa, nhân dân không a

²² Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

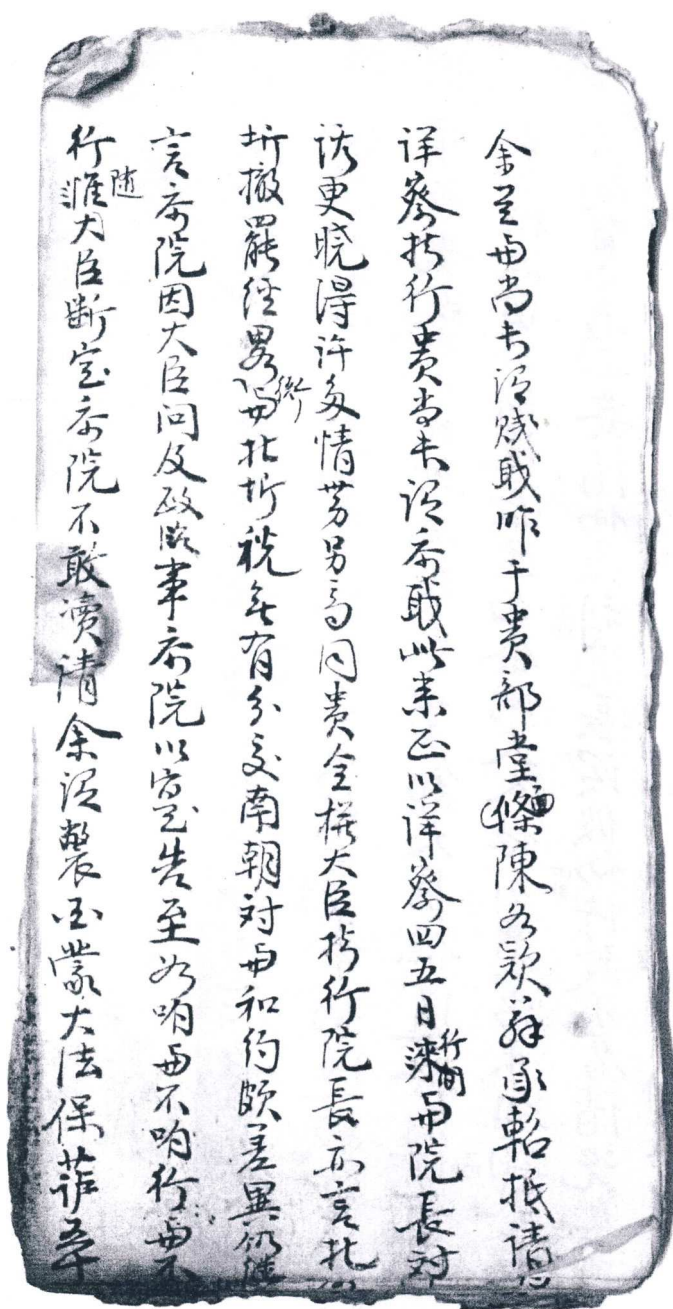
tòng nữa, các hạt vì thế yên ổn. Từ Quảng Ngãi về Nam cũng làm mưu kế này. Công việc đã nửa phần thành tựu. Viện trưởng nhận mình có công lao đứng đầu. Quan tân Khâm sứ cũng nghe theo mưu kế của cụ. Từ đó, Viện trưởng tác oai, tác phúc. Các quan lớn đều xu phụ. Quan lớn Bộ Hộ cử con rể Viện trưởng là Nguyễn Bá Tuân làm Tá lý Bộ Hộ, Viện trưởng lại cử con của quan lớn Bộ Lễ là Võ Chuẩn làm Tá lý Bộ Học. Tôi ra nước ngoài công vụ mới 4 tháng mà đã phá bỏ luật lệ, đặc cách bỏ cử, công nhiên mua quan bán tước [99] không e dè gì. Còn các án chính trị các tỉnh gửi về hơn 200 vụ vẫn để đó đợi tôi. Trước đó quan lớn Bộ Công là Vương Tứ Đại cùng với Giám đốc Pha-Da-Đa⁽²³⁾ đi các tỉnh Nam trực⁽²⁴⁾ xem xét, kể đó đem tình trạng các viên huyện ở Bình Định như Trần Văn Bạ ở Tuy Phước, Võ Khắc Triển ở An Nhơn, Trần Văn Kiểm ở Phù Mỹ xin Viện triệt về cứu xét. Tôi xem các khoản đều là việc đã qua được các bộ xử đoán, Viện trưởng ghét quan lớn Bộ Công hà khắc, nên che chở các viên này không chịu triệt về xét xử, mà đem ba viên này bỏ làm viên chức các bộ, tờ tư này chưa qua đề nghị. Tôi đi Pháp vắng, Viện thương lập hội đồng do Công sứ Quảng Nam chủ tọa, Tham tri Bộ Lễ Nguyễn Hữu Trí, Ngự sử Phan Triệu Khanh đều sung vào hội đồng đi Bình Định [100] cứu xét. Rồi đem Nguyễn Hữu Trí làm quyền nhiếp Tuần vũ Phú Yên, Công sứ lại về Quảng Nam, giao Phan Triệu Khanh quản thủ các tờ khai. Triệu Khanh trình Viện xin gửi cho ấn kiểm để đóng vào văn thư phiếu trát, Viện trưởng truyền tư cho Nội Các lấy “Khoa đạo hành án” giao cho nhận dùng. Tôi nói: Theo lệ thì khoa đạo không được một mình xét xử, chỉ giúp hội đồng để tham hặc⁽²⁵⁾ mà thôi. Hễ làm khâm phái xem xét chỉ dùng phiếu, sơ mật tâu, không được dùng tư di.⁽²⁶⁾ Huống nay Công sứ Quảng Nam bận việc không dự, thì cần phải trình quan Khâm sứ chọn vị khác sung làm chủ tọa, nếu không thì phải tạm đình. Viện trưởng sức tư cho Công sứ Quảng Nam đi hội đồng cứu xét, hội đồng đã gửi về đề nghị Trần Văn Bạ [101] giáng 3 cấp, Trần Văn Kiểm giáng 2 cấp, Võ Khắc Triển được miễn nghị. Quan lớn Bộ Công muốn gia nặng hơn, Viện trưởng lại muốn giảm nhẹ, bèn chỉ trích quan lớn Bộ Công, trước làm quan ở Bình Định có mua nhà cửa ruộng vườn, và việc tham hặc Trần Văn Bạ có nhiều điều không đúng sự thực. Viện trưởng muốn đặt lại hội đồng để cứu xét. Tôi nói rằng khoản này không có gì quan hệ, nên giảm bớt việc, Trần Văn Bạ đã được cứu xét, án không có thực tội, hội đồng đề nghị tương cũng thích đáng, xin quan Khâm sứ và các đại thần duyệt định. Viện trưởng đã biện bạch hùng hồn, các đại thần không dám nói lời gì. Quan Khâm sứ nói: “Trần Văn Bạ được người có thế lực che chở, hội đồng không thể đưa ra [102] tang chứng, thì nên lấy lượng khoan hồng để xem xét, hội đồng cũng nghĩ đến việc làm nhiều ám muội của Trần Văn Bạ thì y không thể không có lỗi, nên đã đề nghị giáng chức, cũng không phải là quá nặng. Nay cần châm chước, xử giáng 1 cấp đình bổ 2 năm, còn Trần Văn Kiểm thì ghi vào lý lịch là yếu kém, Võ Khắc Triển miễn nghị, bọn họ đã được đổi bổ, thì

²³ Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

²⁴ Tức các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

²⁵ Hặc tội, chỉ trích.

²⁶ Một loại văn thư.



Trang 103, quyển 5, Paul Reynaud, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp hội thương với Nam triều tại Huế.

chọn người khác điền bổ vào các phủ huyện này”. Hội đồng đều thuận. Viện trưởng không biết làm sao đành im lặng.

Sau đó nghe tin Thượng thư Bộ Thuộc địa sắp đến, Viện trưởng sang Tòa Khâm họp bàn chương trình.

Viện trưởng và quan lớn Bộ Hộ là Thái Văn Toản cùng với quan Khâm sứ đi vào Sài Côn [Sài Gòn] đón tiếp rồi về kinh hội thương [103]. [Trong cuộc hội thương], tôi trình với Thượng thư rằng: “Vừa rồi tiễn chức đã đến quý bộ trình bày các khoản, nay lại được đón ngài đến xin xét kỹ để thi hành”. Ngài Thượng thư nói: “Thiểm chức lần này đến chính là để xem xét kỹ. Bốn, năm ngày qua đã cùng Viện trưởng nói chuyện, đã hiểu nhiều về tình thế, nên đã bàn với ngài Toàn quyền dự định thi hành”. Viện trưởng cũng nói về việc bãi bỏ Nha Kinh lược Bắc Kỳ và việc không chuyển giao thuế ở Bắc Kỳ cho Nam triều, so với hòa ước là sai khác. Ông nói tiếp: “Nhân được ngài hỏi đến việc chính trị, thiếm viện đã trình bày sự thực, còn như nghe hay không, hoặc thi hành hay không là tùy ngài quyết định, thiếm viện không dám nói nhiều”.

Tôi nói: “Tệ quốc được Đại Pháp bảo hộ 50 năm nay [104], nay mới được ngài đến thăm, trong triều ngoài nội đều vui mừng chào đón, bày tỏ mong ước lớn, ngài sao nỡ gác bỏ cơ hội tốt này, không mưu cầu hạnh phúc cho tệ quốc”.

Thượng thư nói: “Sẽ có trù liệu”. Rồi nói qua chuyện khác. Lát sau thì giải tán. Rồi Thượng thư ra Bắc. Viện trưởng và quan lớn Bộ Hộ cùng đi để tiễn

đưa, tôi không được dự.⁽²⁷⁾ Thượng thư xuống Hải Phòng đáp tàu, Viện trưởng trở về. Tôi hỏi đại nhân cùng đi với Thượng thư từ Nam ra Bắc gần nửa tháng có đòi hỏi gì ích lợi cho nước ta không. Viện trưởng nói: Họ có chịu hứa gì đâu nên cũng chẳng thêm xin. Huống chi mọi việc đã có các đại thần Toàn quyền, Khâm sứ hội thương, chúng ta nói với ngài Thượng thư thì các đại thần ấy bất bình [105], chúng ta không khỏi tổn hại. Tôi thở dài nghĩ thầm: Anh hùng mưu trí mà như thế ư, nên không nói lại nữa. Nhớ lại cố quan lớn Bộ Hộ Trần Đình...⁽²⁸⁾ thường nói: “Ngô Đình Khả và Nguyễn Hữu Bài giỏi giao thiệp, khẳng khái có đảm lược, việc nước phần nhiều trông cậy vào hai vị”. Tôi cũng hâm mộ, xem như bậc thầy. Ngài Ngô Đình Khả thì đã qua đời, Nguyễn Hữu Bài hiện sung Cơ Mật Viện đại thần. Tôi trước đây nghe Tham tri Bộ Binh nói rằng: Có thể làm cánh tay cho ông ta mới mong tiến bộ. Mỗi khi xướng họa thơ văn, lấy việc châm chích, phúng thích⁽²⁹⁾ làm vui. Ông ta lại thông hiểu tình hình bên ngoài, ghi chép nhiều việc đã qua. Về việc tiền đồ của đất nước, tôi đã bày tỏ với ông ta rất chân thành, đối đãi với ông rất kính cẩn, sau lưng chưa từng phản trắc, có người công kích ông thì tôi phản đối, thường nói rằng: Đến nay không có ai anh hùng hơn ngài Nguyễn Phúc Môn. Nay mới biết rằng giỏi giao thiệp là khéo giữ gìn bản thân và gia đình khỏi mất lợi lộc. Còn như quốc kế [106] dân sinh thì cầu thả chỉ nói suông không quan tâm đến lợi hại. Những trù liệu và kỳ vọng của tôi hơn mười năm nay đến đây hoàn toàn thất vọng. Trong tuần nhật, tôi ăn uống thất thường, trở nên bệnh nặng, may nhờ có vài người bạn thân đến thăm, chuyện trò khuây khỏa, muốn từ quan, lo việc khác, ngặt vì mong ước “dữ quốc đồng hưu”,⁽³⁰⁾ trông đợi Hoàng thượng hỏi loan, việc nước còn có chút hy vọng, nên ẩn nhẫn đợi chờ.

Nhân viên của Viện đem các bản án đến xin trình duyệt, nghĩ rằng đó là việc chuyên trách, thế khó đùn đẩy, nên lần lượt duyệt xem. Trước hết là đem các án tử hình đệ đến Tòa Khâm phúc duyệt. Trễ nải đến tháng 12 mới phúc ba án xử trảm quyết đến 8 phạm nhân. Tôi tư trình Phụ chánh thân thân, rồi nhận được trả lời rằng: Nhân dân phạm tội nặng, chiếu luật lệ không thể dung tha, nhưng gần tết mà xử tử đến 8 người [107] nghĩ đến đức hiếu sinh thì không nỡ, Viện nên thương nghị lại. Nhân hội nghị, tôi trình xin đem 4 phạm nhân xử hoãn tử hình, đày đi Lao Bảo, còn 4 phạm nhân y như đã xử, trảm quyết 2 phạm nhân, còn 2 phạm nhân đợi đến tuần Chính trung⁽³¹⁾ sẽ trảm quyết. Viện trưởng không cản trở gì, sức cho nhân viên viết đơn để thương với Tòa Khâm.

²⁷ Theo sách *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945)* của Dương Trung Quốc (Nxb Giáo dục, tái bản lần thứ nhất, Hà Nội, 2001, tr. 204-205), Paul Reynaud, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp đến Việt Nam để kiểm tra tình hình Đông Dương từ 16/10 đến 16/11/1931. Sách có ghi chép lịch trình của Reynaud trong thời gian ở Việt Nam nhưng không có chi tiết làm việc với Nam triều tại Huế.

²⁸ Có lẽ là Trần Đình Bá (1867-1933), nhưng tác giả viết nhầm, Trần Đình Bá là Thượng thư Bộ Hình. Mấy chữ “cố quan lớn” cho thấy đây rõ ràng là một tập hồi ký, bởi sau sự kiện này xảy ra 2 năm, Trần Đình Bá mới mất.

²⁹ Dùng lối trào phúng để phê phán.

³⁰ Cùng hưởng ơn phước với nước nhà.

³¹ Tuần lễ kỷ niệm Quốc khánh Pháp, 14/7 dương lịch.

Tôi và các đại thần đều phê vào. Viện trưởng nói rằng: “Tòa Khâm đã duyệt định, nay đề nghị hoãn xử tử ắt không chịu nghe, hãy thương đổi rằng: Năm nay xử tử 4 phạm nhân, sang năm đến tuần Chính trung xử tử 4 phạm nhân”. Tòa phúc y. Phụ chánh thân thần cũng không thay đổi gì được.

Ngày 16 tháng Giêng năm Bảo Đại thứ 7 [1932] nhận được tờ thương của Tòa Khâm hỏi rằng: Năm nay vẫn còn 4 phạm nhân chưa xử tử, và sao chưa thấy thương định. Tôi nghĩ bọn này [108] cùng can một án, trước đã xử tử 4 phạm nhân, bọn nó tất sợ hãi hối hận, bèn sức thảo điện hỏi quan tỉnh xét thực bọn đó có hối hận không, có thể hoãn tử hình không. Cả Viện đều phê vào đệ trình lên Tòa Khâm duyệt ký. Cách vài ngày nhận được tờ phúc rằng: “Các bản án này đã được Toàn quyền đại thần xét xử”. Tôi phê vào tờ phúc văn này rằng: “Thiểm chức có lòng thương xót, thể hiện đức hiếu sinh, nên đã sức thảo điện văn hỏi lại kỹ càng, ý rất ngay thẳng. Nay vô tình sinh ra trái ý, thực lòng trù liệu có chỗ bất cập. Nếu như vì việc thảo bức điện [109] mà quy tội thì thiểm chức cũng cam chịu. Chỉ mong trên vì đức, dưới vì dân, không thẹn với lương tâm. Nay trình vậy”.

Suy nghĩ kỹ việc khấu thiết này là do gần đây Viện trưởng đem Bửu Tiệp điền bổ Tri huyện Nghĩa Hành, tôi đề cử Hà Văn Đại, quan lớn Bộ Hộ đem Hồng Thúc Huệ điền bổ Tri huyện Kỳ Anh, tôi đề cử Nguyễn Phán, Tòa Khâm y theo đề nghị của tôi. Hai đại thần và Thượng tá Hồng Quang Dịch mất lợi quyền oán tôi nên xui quan Hội lý Cô-Chi-Ê [Gauthier] mượn cớ chỉ trích để làm mất nhuệ khí của tôi. Có ngờ đâu tôi đã thoái chí, nếu nhân việc này rút lui để khỏi phụ vua phụ nước cũng rất tiện, không quan tâm được mất, không chút khuất thân.

Năm ngày sau, quan Khâm sứ nhờ quan lớn Bộ Công khuyên tôi đến Tòa nói chuyện. Tôi nói quan Khâm sứ nghe lời dèm pha, ý đã lộ ra, tôi không muốn cưỡng cầu, tôi không chịu đến. Quan Khâm sứ lại nói với [110] Phụ chánh thân thần là ông ta biết tôi chưa từng sơ hở, gần đây do công việc bức bách nên mới có tư văn này, vì thế ông ta đã gửi thư riêng xin quan Toàn quyền xử trí sơ qua, không tổn hại gì đến thể diện của tôi, vậy hãy đến để nói chuyện. Cụ Thân thần khuyên tôi: “Họ đã muốn trọn vẹn trước sau ta cũng nên chịu nhún chớ cứng quá, sợ hỏng việc lớn, sao lại chằng đến một lần cho hòa hảo”. Lòng giận của tôi giảm bớt, bèn đến Tòa hỏi quan Khâm sứ rằng: “Đại nhân ghét tôi thẳng thắn, tôi xin về hưu, cơ sao lại nghe người khác dè nén tôi. Bức dự thảo bức điện ấy nếu đại nhân đồng thuận thì ký, nếu không thuận thì bảo sửa đổi, cơ sao lại làm cho đất bằng nổi sóng như vậy?”. Quan Khâm sứ nói rằng: “Bức điện ấy nếu như thiểm chức nhận được đã sức giao lại sửa đổi, nhưng quan Kiêm đốc Cô-Lâm-Bông [Colombon] nhận được [111] đã sơ suất ký vào xong mới biết, lại sợ quan Toàn quyền quả trách nên đã gửi tư văn nhận lỗi. Thiểm chức với đại nhân là tri giao rất thân chưa từng thay lòng đổi mặt, nên đã có thư tay xin quan Toàn quyền nói sơ qua. Đại nhân hãy xét lòng mà thân thiện như xưa”. Tôi nói: “Đại nhân không bỏ tôi, tôi nào dám phụ đại nhân”. Nói cười một lát rồi cáo từ. Quan thự Thượng thư Bộ Công, Bộ Binh đến nói: “Hãy nói

rõ tờ tư văn này với Viện trưởng, cho được trọn vẹn”. Tôi nói: “Đã phê trình vào tờ tư văn rõ ràng, các đại thần chiếu theo đó trừ liệu, sao lại đợi nói rõ”. Quan Thượng thư Bộ Binh có sắc thẹn lui về.

Sau đó quan Khâm sứ sai người mời tôi đến Tòa, cho xem thư trả lời của Toàn quyền [112], trong đó nói rằng: “Nhận được điện nói về Thượng thư Bộ Hình Tôn Thất Đàm làm chậm và trái mệnh lệnh tựa như tự chuyên, vượt phạm, bốn chức cũng giận muốn khiển trách, nhưng bốn chức vốn biết Tôn Thất Đàm tính tình dũng cảm, cương quyết, vui việc cứu người mà quên nghĩ đó là hành vi sơ suất lộng quyền. Ông ta và quan Khâm sứ xưa nay thân thiết, nên giao cho Khâm sứ mời y đến trách cứ trước mặt, khuyên ông ta tỉnh ngộ, khiêm nhường. Nếu như không thể nhún mình thì cũng nên cố gắng đợi đến ngày Hoàng đế hồi loạn v.v...”. Khâm sứ đại thần khuyên tôi đã biết rõ thư của quan Toàn quyền, về sau hãy khiêm nhường, dè nén, cẩn thận. Tôi nói: “Lòng tôi vẫn còn lễ nhượng, ứng phó [113] với công việc không vượt lễ phạm. Duy gặp việc nói thẳng, xin tuân thủ lời của Toàn quyền đại thần, hứa không dám trái lời ước. Toàn quyền đại thần Bát-Kê trước đã giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ đem tôi sung đại thân Viện Cơ Mật, từng dặn tôi gặp việc thì nói thẳng để giữ gìn công lý, đừng dựa dẫm tạm bợ, khiến cho 7 năm nay tôi theo đó mà làm dấu có tổn hại quyền lợi cũng không đoái hoài. Tôi bàn bạc ngay thẳng há mưu cho thân mình nhà mình, đại nhân lượng xét cho. Bức thư này bằng tiếng Pháp tôi đọc chưa hiểu hết, xin sức cho nhân viên của Tòa phiên dịch, hoặc sao lại giao cho Viện để sai nhân viên dịch ra Quốc ngữ để tiện xem”. Quan Khâm sứ nói: “Bức thư này là thư mật chỉ có thiêm chức và đại nhân đọc, nếu như ngài [114] chưa hiểu hết thì sẽ triệu quan lớn Bộ Công đến dịch miệng cho ngài, không thể cho nhân viên được biết”. Nói xong, quan Khâm sứ gọi điện cho quan lớn Bộ Công đến dịch ra. Tôi cảm tạ, cùng trở về không biết quan lớn Bộ Công có tiết lộ không. Đến chiều thấy Viện trưởng truyền nhân viên thảo tờ phúc rằng: Hôm trước có đệ trình điện văn số mấy là do Viện chúng tôi thận trọng phúc hỏi. Nếu như quý đại thần có ý không thuận, xin hẹn ngày điện cho quan tỉnh chiếu theo các bản án thi hành. Tòa phúc hẹn ngày. Từ đó quan Hội lý Cô-Chi-Ê [Gauthier] trước mặt tôi có vẻ hổ thẹn, tôi không từng đá động. Y [115] từng đến trò chuyện có ý thăm dò, tôi vẫn giả như vô tình.

Tôi xem xét biên bản hội thương thấy ngày 16 tháng 7 năm ngoái (dương lịch) quan Toàn quyền từ Pháp trở về chủ tọa hội nghị, định ra 3 khoản chính yếu:

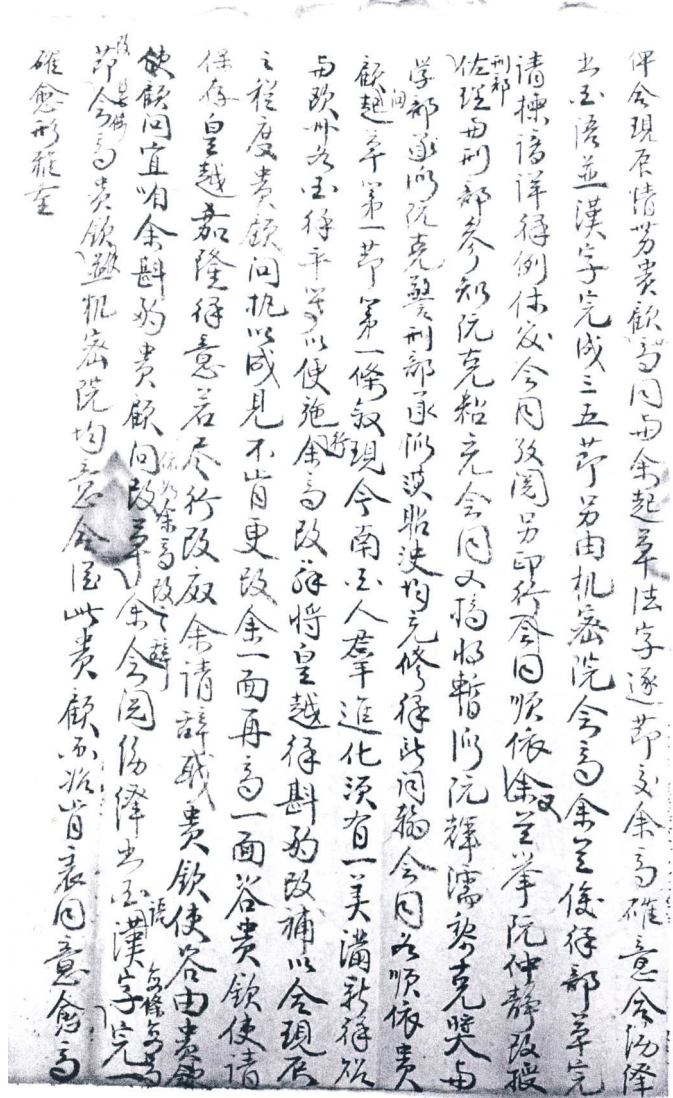
- Một là chấn chỉnh quan lại.
- Hai là chỉnh đốn việc học.
- Ba là chỉnh đốn luật lệ.

Hạn phải làm xong trước khi Hoàng thượng hồi loạn, để đến khi Hoàng thượng trở về chấp chính sẽ thi hành chính sự cho tốt đẹp. Viện trưởng bàn rằng việc quan lại do hai quan lớn Lại, Hộ lo trông nom việc chỉnh đốn. Việc học do hai quan lớn Bộ Binh, Bộ Lễ lo chỉnh đốn. Việc luật lệ do hai quan lớn

Bộ Hình, Bộ Công lo liệu. Hội đồng đều đồng thuận ghi biên bản. Nhưng đến gần tròn một năm vẫn chưa thấy đặt ra việc gì. Tôi hỏi Viện trưởng lần ấy tôi không dự họp [116] nay chiếu theo biên bản có giao cho tôi và quan lớn Bộ Công chỉnh đốn luật lệ. Từ đó đến nay Viện vẫn chưa tư lại, chưa biết việc bàn định có phải làm không hay là gác qua, xin phúc rõ. Viện trưởng nói: Các khoản ấy quan Hội lý đã dự thảo chương trình, có nhiều khoản làm không được, cần từ từ suy nghĩ. Tôi nói: Mọi việc phải tự ta phác thảo, đệ đến Tòa Khâm sứ bàn luận thì mới châm chước phù hợp, nếu từ chối giao cho Tòa Khâm lo soạn thảo thì có thành kiến, ta không thể thay đổi. Vả lại các khoản này phải bàn định xong trước khi Hoàng thượng hồi loan. Nay Hoàng thượng đã hẹn tháng 8 hồi loan, còn lại 3, 4 tháng có thể làm xong không. Viện trưởng [117] nói: Làm thì cứ làm còn xong hay không thì không dự kiến được. Quan lớn Bộ Công lấy cơ

bản việc không tham gia. Viện trưởng giao cho tôi làm. Quan Khâm sứ cho biết Toàn quyền đại thần đã cử ông Chánh án Tòa Thượng thẩm Nam Kỳ, trạng sư Cô-Lê [Collet] sung vào hội đồng soạn luật cho hợp với tình thế hiện thời.

[118] Quý cố vấn [trạng sư Collet] bàn với tôi khởi thảo các khoản bằng chữ Pháp, giao tôi thương xác hợp ý mới sức cho dịch ra Quốc ngữ và chữ Hán, hoàn thành năm ba điều rồi hội thương với Viện Cơ Mật. Tôi trình đợi bộ luật thảo xong xuôi, sẽ chọn các hữu quan am tường luật lệ hội đồng khảo duyệt rồi in ra. Hội đồng thuận y. Tôi trình xin cử Nguyễn Trọng Tĩnh đổi làm Tá lý Bộ Hình cùng Tham tri Bộ Hình Nguyễn Khắc Niêm sung làm hội đồng, lại lấy tạm phái Nguyễn Huy Nhu, Lê Khắc Tường và thừa phái Bộ Học Nguyễn Khắc Cảnh, thừa phái Bộ Hình Chiêm Lại đều sung vào Từ hàn Sở Tu Luật. Hội đồng đều thuận y. Quý cố vấn khởi thảo điều thứ nhất của tiết thứ nhất rằng:



Trang 118, quyển 5, thảo luận việc sửa đổi bộ luật Gia Long với cố vấn Pháp.

Hiện nay xã hội nước Nam tiến hóa cần có bộ luật mới tốt đẹp ngang bằng với các nước Âu Châu để tiện thi hành. Tôi thương sửa đổi là: Nay đem *Hoàng Việt luật lệ* châm chước sửa đổi để hợp với trình độ hiện thời. Quý cố vấn cố chấp vào thành kiến không chịu sửa đổi. Tôi một mặt thương lại, một mặt tư cho quan Khâm sứ xin bảo tồn ý của luật Gia Long, nếu bỏ hết thì tôi xin từ chức. Quan Khâm sứ tư cho quý cố vấn nên nghe tôi mà châm chước. Quý cố vấn đã sửa bản thảo y như lời tôi bàn. Tôi hội duyệt súc dịch ra chữ Quốc ngữ và chữ Hán xong mỗi tiết thì hội thương. Quan Khâm sứ và Viện Cơ Mật đều thuận ý. Từ đó quý cố vấn mới chịu biểu đồng tình, càng bàn bạc càng biểu lộ sự kính trọng.⁽³²⁾

[119] Tiếp đó, nhận được tin Hoàng thượng về nước, triều đình chuẩn bị đón rước long trọng.⁽³³⁾ Viện trưởng và hoàng thân cùng với quan Khâm sứ đi Sài Côn [Sài Gòn] chờ nghênh đón. Quan lớn Bộ Binh và quan lớn Phủ Tôn Nhơn đi Đà Nẵng. Hai quan lớn Bộ Lễ, Bộ Công và đình thần tôn tước cùng các hưu quan trong hạt đến ga Huế chực chầu. Về sau quan Toàn quyền tâu chuẩn cho điện về Viện trưởng và hoàng thân đến tại cảng Vũng Tàu nghênh đón rồi theo đường bộ đi về Đà Nẵng, cùng tôi và quan lớn Bộ Binh đến nơi đầu của thuyền ngự nghênh đón. Quan lớn Bộ Công và đình thần cùng tôn tước từ tam phẩm trở lên đón tại ga Huế, còn các hưu quan nghênh đón tại trước cổng phủ Thừa Thiên. Quan lớn Bộ Lễ dẫn các tôn tước từ tứ phẩm trở xuống, các công tử, họ ngoại và thuộc viên các nha, bộ, quỳ đón ở ngoài cửa Ngọ Môn. Tòa Liêm phóng cảnh giới rất nghiêm mật. Thuyền ngự vào cảng Đà Nẵng, nhân dân đứng trên bờ tranh nhau [120] chiêm ngưỡng trước, lính cảnh sát phải dẹp. Hoàng thượng đứng trên đầu tàu cho nhân dân được thấy, sắc cấm đội cảnh sát không được dùng roi đánh đuổi, nhân dân rất hoan hô. Đông đảo người chạy đến, nhìn thấy uy nghi. Tôi thấy Hoàng thượng độ lượng ôn hậu, thanh nhã không chút gì nghi kỵ, lòng rất vui mừng. Hoàng thượng vào Tòa Đốc lý tiếp kiến các quan Tây, quan Nam và Viện Đại biểu nhân dân,⁽³⁴⁾ ung dung hỏi han đặc thể. Rồi ngự lên xe lửa đến ga Liên Chiểu. Các quan viên thân hào kỳ lão tỉnh Quảng Nam tề tựu, thiết hương án làm lễ lạy mừng. Hoàng thượng xuống xe đi bộ nhận xem biểu chúc mừng. Thân hào được thấy long nhan, mọi người đều thỏa nguyện. Khi xe đến địa đầu phủ Thừa Thiên, Phủ doãn Ứng Bình quỳ đón, tôi tâu lên, Hoàng thượng ra đầu xe sắc cho đứng dậy. Viện trưởng khen ngợi tỉnh Quảng Nam đón mừng, cờ xí rất rực rỡ, mới và đẹp, còn phủ Thừa Thiên thì cờ phần nhiều rách, Hoàng thượng im lặng. Đến ga Huế [121], Hoàng thượng lên xe hơi, sắc mở trần xe, chạy từ từ cho nhân dân trông ngắm, chẳng chút lo ngại ngờ vực. Đến khi

³² Liên quan đến việc bỏ nghị bộ luật Gia Long do Tôn Thất Đàm phụ trách, xem thêm Henri Le Graucloade, *Những thời kỳ trọng đại của nước Việt Nam trong lúc hồi xuân*, Sdd, 1933, tr. 21-24.

³³ Sau 10 năm du học ở Pháp, ngày 16/8/1932 vua Bảo Đại về nước trên tàu D'Artagnan, ngày 6/9 đến Vũng Tàu, ngày 8/9 đến Đà Nẵng và trở về kinh đô Huế. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945)*, sdd, tr. 218. Liên quan đến việc hồi loan của vua Bảo Đại, xem thêm Henri le Graucloade, *Những thời kỳ trọng đại của nước Việt Nam trong lúc hồi xuân*, Sdd.

³⁴ Túc Viện Dân biểu Trung Kỳ, thành lập ngày 24/02/1926.

làm lễ khánh hạ, Hoàng thượng sắc cho miễn lạy, chỉ vái 3 vái, và sắc cho ngài Viện trưởng Phước Môn bá xếp ban châu trên điện.

Một tuần sau, Viện trưởng dâng sớ tâu rằng tuổi đã trên bảy mươi xin về hưu. Được Hoàng thượng phê chuẩn cho lưu lại, rồi tấn phong Phước Môn quận công. Từ đó Viện trưởng càng kiên cường, mọi việc đều mật bàn với quan Khâm sứ trước rồi mới nói cho Viện, chứ không vào tâu.

Hoàng thượng ngự giá ra các tỉnh Bắc trực,⁽³⁵⁾ đến Nguyên Miếu⁽³⁶⁾ làm lễ cáo yết. Viện trưởng và quan Khâm sứ định chương trình chỉ có Viện trưởng và quan Khâm sứ hộ giá, tôi không dự đi. Lúc hội thương, bèn biện bạch, Viện trưởng làm ra vẻ to tiếng [122] muốn tôi nổi giận, nói năng thất lễ để bắt bẻ tôi. Tôi biết ý nên nín nhịn không nói. Hôm sau tôi đến dinh Bộ Lại hỏi Viện trưởng rằng: “Đêm qua có sao tướng công lại làm như thế, nếu tôi vì công lý nói thẳng, tướng công lại vì lòng riêng giận dữ, nếu như tôi không nhịn được, cãi vả cùng nhau thì còn gì thể thống”. Viện trưởng nói: “Thôi hãy bỏ qua, tôi vì hận người ta bức ép, khiến bất giác to tiếng, xin đừng trách quá”. Tôi nói rằng: “Tôi muốn bảo tồn cựu chế, khi ngự giá đi Triệu Tường, Hoàng gia có biệt lệ cho bề tôi tôn thất cùng đi, đại nhân không cho theo xa giá, đó là phế bỏ lệ định. Đại nhân nghĩ rằng đại cuộc hiện nay, một mình đại nhân có thể đảm đương không?”. Viện trưởng nói: “Việc đó là vâng sắc chỉ”. Tôi bảo: “Sắc chỉ có sai với lệ định, chúng ta nên can ngăn. Đại nhân quả có lòng với miếu xã, xin cùng tôi vào nội tâu lại”. Viện trưởng lặng nghĩ một lát rồi cùng đi vào nội, được Hoàng thượng cho ngồi. Viện trưởng hươ tay nói lớn bằng tiếng Tây. Tôi để ý toàn là nói phiếm về phong tục bên Tây, lại hỏi thăm tình hình các quan lớn trong chính phủ Pháp, hoặc nói chuyện săn bắn, vừa nói vừa cười huyền thiên. Đến khi Hoàng thượng đứng dậy, tôi đem chuyện tâu, Viện trưởng gạt đi, bảo là 12 giờ rồi, đến giờ dâng ngự thiện, đừng nói nữa. Tôi nhận ra sự xảo trá của Viện trưởng, chỉ âm ức [124] mà lui.

Hôm sau tôi lại vào thì Viện trưởng đã vào trước, còn đang cười nói. Tôi đợi ông ta lui ra bèn vào tâu lại. Hoàng thượng nói: “Chương trình chuyến đi này là do Khâm sứ dự định, thông báo cho các tỉnh để trú ban đêm hay nghỉ trưa đều có nơi chốn, nay khanh muốn cùng đi, sợ các tỉnh phải thay đổi thêm phiền. Trẫm phải tuân hạnh⁽³⁷⁾ nhiều phen, lần sau khanh cùng đi cho tiện”. Tôi tâu rằng: “Đất Triệu Tường chỉ có hoàng phái, tôn thất, người quý hương mới được vào. Đó là lời dạy của Hoàng gia về lệ đặc biệt, xin Hoàng thượng tuân thủ cựu chế để khỏi hối hận về sau”. Hoàng thượng bảo: “Chuyến đi này có quan Toàn quyền, quan Khâm sứ [125] cùng đi, mục đích là xem xét hiện tình để sửa định hành chính, trẫm chỉ đến nền vương ở Nguyên Miếu làm lễ cáo yết liền trở về ngay, đợi lần sau thăm viếng lăng tẩm sẽ chuẩn cho khanh hộ giá”. Tôi biết Viện trưởng đã ngăn cản trước, không nói thêm nữa.

³⁵ Tức các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa.

³⁶ Nơi thờ Triệu Tổ Nguyễn Kim và vợ, còn gọi là miếu Triệu Tường, tại Tống Sơn, Thanh Hóa.

³⁷ Đi thăm.

Chuyến đi này Viện trưởng nhằm khoa trương thanh thế, các tỉnh trọng đãi như phó vương, ngôi nằm sánh ngang với chỗ vua ngự, nên không cho tôi cùng đi. Tôi liệu biết ý đó, lại từ từ xem xét hành vi cử chỉ, [thấy] phong thái hủ lậu, phiên dịch dụ chỉ có nhiều chỗ sai lạc.

Trạng sư cố vấn Cô-Lê đến Tòa Khâm hội thương, nói rằng việc tu chỉnh luật lệ nên đem *Hoàng triều luật lệ* châm chước tăng hay giảm để sửa chữa.

Nội Các Tham tá Võ Hoành nghiệm thuốc phiện nặng. Hoàng đế lấy làm lạ hỏi sao lại cho hút mà không cấm chỉ.

Tôi dâng sớ cử Trần Trinh Cáp, Đặng Văn Hường, Phan Võ có thể kham thay thế. Viện trưởng đều không đồng tình. Vâng chỉ lục do Cơ Mật Viện chọn điền thế. Mỗi khi đến kỳ triều hội [126] Viện trưởng chỉ đem việc bảo hộ làm trái hòa ước ra tâu xin Hoàng thượng kháng nghị. Hoàng thượng im lặng không trả lời. Lần nữa 4, 5 tháng, Hoàng thượng sắc hỏi việc chỉnh đốn quan lại và việc học như thế nào. Viện trưởng đổ cho quan Khâm sứ không đồng ý nên chưa thể làm xong. Hỏi về việc chính sự khác cũng nói bảo hộ nắm lấy quyền bính nên không làm được. Hoàng thượng thấy sao nhãng bàn cử Thượng thư Phạm Quỳnh sung Tổng lý Ngự tiền văn phòng. Hôm đó sắc giao Võ Hoành do Cơ Mật Viện đổi bổ. Viện trưởng không vui, nói Nội Các đặt Thượng thư [tức Phạm Quỳnh] là không hợp lệ, dẫu Ngự sử Phan Triệu Khanh dâng tấu. Triệu Khanh xin tôi nêu lên. Tôi nói: “Vua một nước đề cử dùng một nội thần tướng không có gì quá đáng, tôi không dâng lên. Ông là Ngự sử [127] muốn dâng tấu thì dâng, tôi không ngăn cản”. Có lệ Viện trưởng Viện Đô Sát không ngăn cản Ngự sử. Phan Triệu Khanh không dám dâng tấu. Viện trưởng mật tâu lên Lương tôn cung ngầm cản trở cũng vô hiệu. Lúc hầu triều, Viện trưởng tâu rằng: “Nguyên trước tạm bãi bỏ chức Kinh lược Bắc Kỳ, giao cho Thống sứ Bắc Kỳ kiêm lý, không giao nha thự. Nay bảo hộ lại triệt phá nha thự, quan Nam triều ra Bắc công cán không có công sở nghỉ lại. Đến như thành trì các tỉnh chưa từng nhường giao, nay quan bảo hộ lại hủy phá hết khiến tỉnh quan phải ra ngoài phố cư trú làm công vụ thì còn gì sự thể, xin thương thuyết thu hồi”. Hoàng thượng không trả lời. Tôi tâu xin trước hết thi hành chỉnh đốn [128] các nha môn, quán các, bộ viện ở triều đình, nơi nào cần giữ như cũ, nơi nào cần thay đổi, nơi nào cần có kỷ cương phải chỉnh đốn trước, thứ nữa là chỉnh đốn quan lại các tỉnh ở Trung Kỳ cốt cho xứng chức trách, chính trị cho hợp thể lệ để tiện noi theo, rồi sẽ đề cập đến việc Bắc Kỳ.

Hoàng thượng nói: Trẫm lưu ý các khoản này đã ủy cho quan Toàn quyền bàn với Viện Cơ Mật, cơ sao đến nay chưa thấy làm. Viện trưởng nói qua chuyện khác, rồi bãi triều lui ra.

Tháng 12 ngự giá đi các tỉnh Nam trực. Viện trưởng cũng chuyên sung hộ giá. Trong lúc đi đường càng kiêu lộng. Tổng lý văn phòng Phạm Quỳnh thu thập hết, bàn riêng với cựu Toàn quyền Sa [Charles].

Ngự giá trở về, Viện trưởng đem môn khách là bọn Nguyễn Thành Hưng, Nguyễn Nghi, Nguyễn Pháp [129] làm tập tâu xin thưởng ấn hàm

Hồng lô tự khanh. Châu phê không chuẩn. Viện trưởng lại dâng sớ xin, sớ vẫn còn lưu lại.

Ngày tháng Giêng năm Bảo Đại thứ 8 [1933] Khâm sứ đại thần Sa-Tiên về nước nghỉ ngơi, Công sứ tỉnh Bình Định là Ti-Bô-Đô làm quyền Khâm sứ.

Tham tri Bộ Lễ Dương Quang Lược, Thị lang Bộ Lại Nguyễn Xuân Đàm, Án sát tỉnh Quảng Bình Đào Nhữ Tuyên đều đến tuổi nghỉ hưu, Viện trưởng tâu xin giữ lại, đều không chuẩn y. Còn bọn Nguyễn Thành Hưng hoặc chuẩn cho Hồng lô tự khanh, hoặc Thị độc, Thị giảng, đều không như sớ đã xin. Viện trưởng có nhiều bất mãn, quy oán cho Phạm Quỳnh.

Ngày tháng 3, Phạm Quỳnh xin về Bắc thăm viếng tuần nhật, đem các khoản đã làm của Viện trưởng trình với Toàn quyền đại thần Bát-Kê và thủ hiến chính trị kiêm phóng Marty⁽³⁸⁾ liệu lý.

Ngày tháng 4, quan Toàn quyền và Marty [130] đến kinh vào nội tấn kiến xin lưu trú ở Tòa Khâm, cùng bàn bạc với ngài Sa và Phạm Quỳnh mà không gặp Viện Cơ Mật. Tôi nói với cụ Thượng Bình rằng: Đại cuộc chắc có sự thay đổi, ông anh đã dâng sớ xin về hưu, nên quyết xin ban lục ra, tôi sẽ xin theo anh. Cụ Thượng Bình đến xin Viện trưởng đệ đạt. Viện trưởng nói: Tôi chưa về, các ông chưa được nói lời này. Hôm ấy là chiều ngày mồng 7 tháng 4.

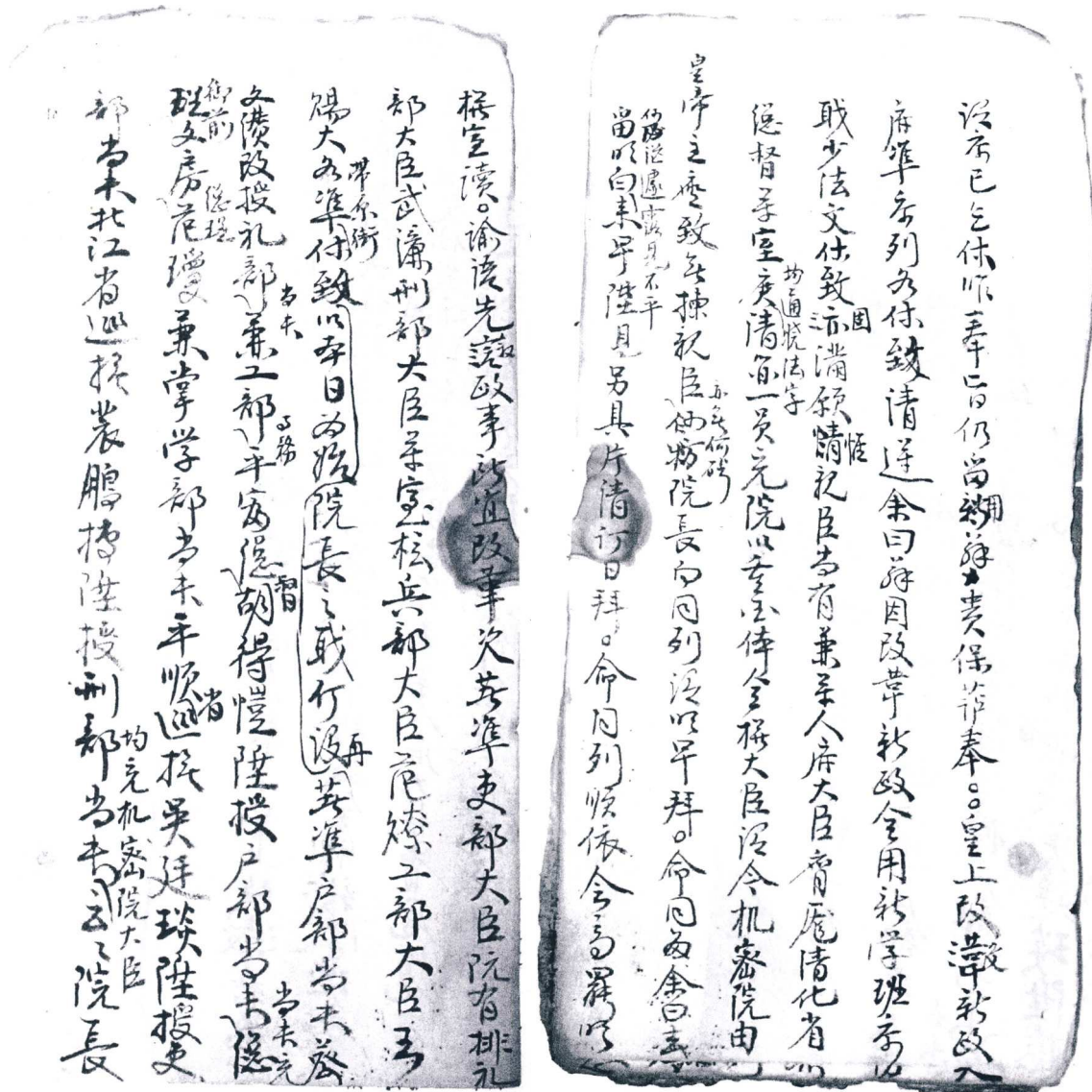
Cụ Thượng Bình nói với tôi rằng: Viện trưởng lăm ròi, khiến cho chúng ta cũng lăm cả.

Sáng mồng 8,⁽³⁹⁾ nhận được thư của Tòa Khâm báo 4 giờ chiều nay quan Toàn quyền chủ tọa cuộc hội thương tại Cơ Mật Viện. Đến giờ vào hội thương [131] quan Toàn quyền đọc lời dụ, trước hết nói về chính sự cần phải cải cách, thứ nữa là chuẩn cho đại thần Bộ Lại Nguyễn Hữu Bài, đại thần Bộ Lễ Võ Liêm, đại thần Bộ Hình Tôn Thất Đàm, đại thần Bộ Binh Phạm Liệu, đại thần Bộ Công Vương Tứ Đại được mang nguyên hàm trở về hưu trí, lấy ngày hôm nay làm đầu, lại đình đặt chức Viện trưởng. Và chuẩn cho Thượng thư Bộ Hộ Thái Văn Toản cải thụ Thượng thư Bộ Hộ, Thượng thư sung Ngự tiền văn phòng Tổng lý Phạm Quỳnh kiêm chưởng Thượng thư Bộ Học, Tuần vũ tỉnh Bình Thuận Ngô Đình Diệm thăng thụ Thượng thư Bộ Lại, Tuần vũ tỉnh Bắc Giang Bùi Bằng Đoàn thăng thụ Thượng thư Bộ Hình, đều sung Cơ Mật Viện đại thần.

Cụ Viện trưởng nói [132]: “Tôi đã xin hưu, hôm trước lại phụng chỉ lưu dụng. Nay các quan bảo hộ vâng theo Hoàng thượng cải cách, đặt tân chính phủ, chuẩn cho tôi và quý vị hưu trí, xin tuân”. Tôi nói: “Nay nhân cải cách tân chính toàn dùng ban tân học, thiếu chức ít tiếng Pháp nên được hưu trí vốn đã mãn nguyện, duy thân thân còn có đại thần kiêm Tôn Nhơn Phủ Ứng Bằng, Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Quảng đều thông hiểu chữ Pháp, xin chọn một

³⁸ Tức Louis Marty, Giám đốc Sở Liêm phóng Đông Dương.

³⁹ Sự kiện này xảy ra vào ngày 8 tháng 4 năm Quý Dậu (2/5/1933).



Trang 131 (trái), 132, quyển 5, sự kiện bãi chức 5 vị Thượng thư năm 1933.

viên sung vào Viện để trọng thể thống”. Toàn quyền đại thần nói: “Nay Cơ Mật Viện do Hoàng đế chủ tọa nên không cần chọn thân thần cũng không ngại gì”.

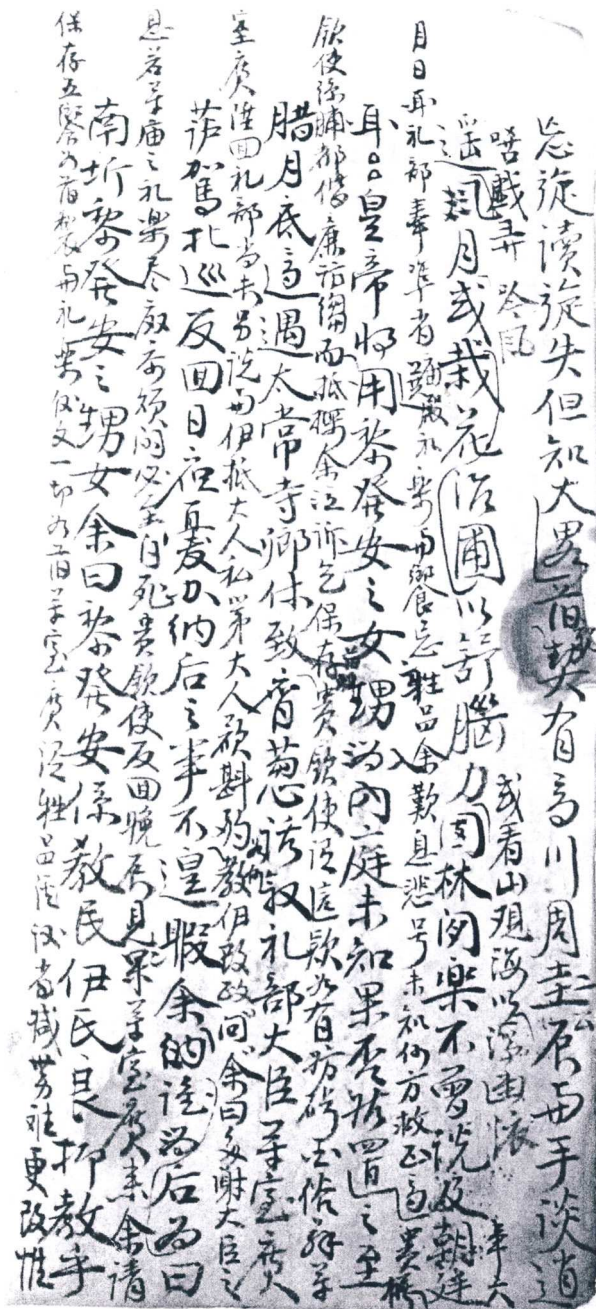
Viện trưởng nói với các quan trong Viện rằng: Sáng mai làm lễ bái mạng rồi cùng về. Tôi nói: Đi hay ở đã sáng tỏ, sao lại còn bực lộ bất bình, sáng mai bộ kiến sẽ dâng phiến xin hẹn ngày làm lễ bái mạng. Các quan đều thuận ý. Hội thương xong, ngày hôm sau [133] vào hầu, Hoàng thượng tiếp kiến như xưa, ban ngồi, ban trà, nói về các lý do cải cách tiến hóa. Viện trưởng nói rằng: Đã kính xét Hoàng đế ưu đãi, phó thác duy trì các việc trọng đại. Hoàng thượng không trả lời. Tôi tâu như lời đã hội thương. Hoàng thượng sắc dạy như lời quan Toàn quyền trả lời trong hội thương. Nói chuyện đến 11 giờ đều lui, dâng phiến xin sáng sớm ngày 13 làm lễ bái mạng, được chuẩn ý.

Đến ngày được tuyên lễ bái mạng, sau đó đến điện Càn Thành bệ kiến, lúc đó văn võ đình thần tề tựu tại Tả Vu chờ xếp ban châu. Quan lớn Bộ Lễ đứng trước Viện trưởng than thở rằng: Không ngờ có việc hôm nay. Các quan đều có vẻ không vui. Tôi trình với Viện trưởng nên xét lại mình. Lại nói rằng: “Chúng ta [134] lâu nay cùng làm việc, nay cùng trở về, như một bầy cá trôi theo nước lụt, khiến cho người ta trông vào cũng khoái, mà đình thần cũng được một trận cười”.

Lễ bái mạng xong, Hoàng thượng ngự điện Càn Thành, quyền Khâm sứ Ti-Bô-Đô [Thibaudeau], Thủ hiến Ty Liêm phóng Sô-Nhi [Sogny], các quan cố vấn Hội lý Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Hình và Thái Văn Toản, Phạm Quỳnh đều tề tựu. Hoàng thượng tự tay ban cấp cho Viện trưởng kim khánh hạng lớn, quan lớn Bộ Lễ kim tiên hạng nhất, tôi và các quan lớn Bộ Binh, Bộ Công được ban long tinh hạng nhì, mỗi người đều được ban rượu sâm-binh [sâm-banh] ủy lạo. Tôi tâu: “Thân năm nay 63 tuổi, cũng hơi mệt mỏi, hiềm vì là bề tôi người trong tôn tộc nên chưa dám xin lui, nay đội ơn [135] chuẩn cho hưu trí di dưỡng tuổi già, lòng mong ước của thần đã mãn. Duy mong Hoàng thượng ‘pháp tổ, cần dân, trách trung, đồ đại, thân hiền, viễn gian’⁽⁴⁰⁾ để tốt đẹp thêm, ngõ hầu nước nhà được hưởng ơn phước vô bờ, thân của thần dù ở núi rừng cũng được vui vẻ vô cùng. Kính chúc thánh thể vạn an, hoàng triều muôn muôn năm”. Các quan Tây cầm tay tôi an ủi, hẹn đến chiều mai đến nhà riêng thăm viếng. Tôi cảm tạ rồi cùng đồng sự đến bái yết Tam tôn cung, [Tam tôn cung] đều có ý luyện tiếc buồn bã. Tôi tâu rằng: “Chúng thần tuổi già về hưu đó là đã trọn ước nguyện, nếu còn lưu lại cũng làm sao bổ ích cho tân chính hiện nay, không bằng an mệnh lạc thiên, ngưỡng mong liệt miếu thiêng liêng thăm phò hộ cho Hoàng gia lâu dài, thì mong ước của chúng thần trọn vẹn vậy”.

Tôi lui ra, sức nhân viên của bộ kiểm điểm [136] công văn, tài sản công, lại sức kiểm các điều luật đã dịch xong, đã trình hội thương, Tòa Khâm sứ và Cơ Mật Viện đồng thuận, gồm 380 điều, còn 218 điều đã sửa chữa, dịch xong nhưng chưa hội thương, dặn sắp đặt tề chỉnh đợi bàn giao. Quan viên ở bộ xin mời 4 giờ chiều đến bộ đường thết tiệc trà đưa tiễn. Nhân có tân Bộ trưởng hiện trú ở nhà của Phạm Quỳnh, Tổng lý văn phòng, tôi sức mời đến cùng đưa đón nhất thể. Tân Bộ trưởng đến dự tiễn tôi, y chưa bái mạng, chưa tiễn bàn giao, nên còn do Tham tri, Thị lang quyền chưởng. Trước mặt tân viên và nhân viên trong bộ tôi nói rõ việc đi hay ở đã định trước [137] chúng ta đều hãy an mệnh, người đi kẻ ở đều lấy trên vì đức, dưới vì dân làm mục đích, lấy thành tín lễ nhượng mà chủ trì, mới cũ không ngại gì. Cử tọa vui vẻ nghe, tân Bộ trưởng càng cảm kích lời tôi. Việc tỏ bày đáp chúc xong, bèn giao lại bài vàng, áo gấm cho nhân viên nhận giữ để nạp lại. Các quan trong viện, bộ, Tôn Nhơn Phủ và nhân viên phủ đường tiễn tôi về nhà riêng. Các quan khác đưa tiễn cụ Phước Môn xong cũng lục tục đến thăm, đến khuya mới bãi. Tôi có ba bài thơ Quốc ngữ ghi ơn và lưu giã (có trong tập Quốc ngữ).

⁴⁰ Nghĩa là: Bất chước tổ tông, siêng năng việc dân, chọn nơi ngay thẳng, mưu lo việc lớn, thân người hiền, xa kẻ gian.



Trang 139, quyển 5. Dù đã nghỉ hưu, Tôn Thất Đản vẫn tha thiết xin triều đình duy trì cộu chế.

trò chuyện rong chơi đùa trăng ghẹo gió, hoặc làm vườn trồng hoa để thư trí não, hoặc xem núi ngắm biển để giải u hoài, hoặc nhàn lạc nơi vườn rừng không từng nói đến triều đình.

⁴¹ Văn tập của Tuy Lý Vương Nguyễn Phúc Miên Trinh.

⁴² Hai người này cũng là dòng dõi tôn thất, nhưng dùng biệt hiệu nên không rõ tên cụ thể.

Hai ngày sau thấy nhân viên bộ đem hai chiếc áo gấm thụng và hẹp tay đến trình rằng: Được đại thần Bộ Lễ Thái Văn Toản chuyển truyền kính vâng sắc ban, không cần nạp lại.

Thượng tuần tháng 5 tiếp Tôn Nhơn Phủ cung lục phụng thượng dụ tấn phong tôi làm Phò Nhơn nam. Ngày 23 tháng ấy phụng [138] mệnh sứ đến nhà riêng tuyên phong và ban một kim bài (một bên khắc Phò Nhơn nam, một bên khắc Bảo Đại sắc tứ), một đạo cáo trực màu [thể trực], một hộp gỗ sơn son thếp vàng có ổ khóa, chìa khóa bạc đầy đủ. Tôi dâng biểu bái tạ (có trong Văn tập). Nhớ lại bình sinh mong ước, việc trí quân trạch dân [vừa giúp vua, vừa làm cho dân được nhờ] mờ mịt, vốn do thời thế trái nhau, nên học thức chưa chín vậy.

Nhân lúc nhàn hạ đọc sách để bổ sung chỗ chưa đủ. Trước hết đọc *Vỹ Dã văn tập*⁽⁴¹⁾ mấy lần, đọc *Ngự phê Việt sử cương mục* hai ba lần. Lại đọc *Cảnh Nhạc y thư*, *Mạch lý*, *Nạn kinh* và sách phong thủy địa lý một cách nhất quán, như: *Kham dư*, *Tuyết tâm phú*, *Nhân tử tu tri*, *Địa lý biện chính*, *Địa lý chân nguyên*, *Thanh nang*, *La kinh giải*. Nhưng nãi lực liệt giảm [139], lại mau quên, thoát đọc thoát quên, chỉ biết đại lược.

Bạn cũ chỉ có hai ông Thương Xuyên, Chu Khuê,⁽⁴²⁾ có lúc cầm tay



Trang 140, quyển 5, Tôn Thất Đản và Tôn Thất Hân bàn cách can gián việc vua Bảo Đại cưới vợ Công giáo.

Lại nghe Bộ Lễ vâng chuẩn cho giảm bớt lễ vật tam sanh⁽⁴³⁾ trong các lễ cúng ở miếu, điện và lễ hưởng, lễ kỵ, tôi than thở buồn lo chưa biết cách gì uốn nắn. Gặp lúc quyền Khâm sứ Ti-Bô-Đô và Liêm phóng Sô-Nhi đến thăm. Tôi úa nước mắt bày tỏ xin bảo tồn cựu chế. Quan Khâm sứ nói: “Khoản này nếu như có phương hại đến quốc tục, nay Tôn Thất Quảng được thăng về làm Thượng thư Bộ Lễ, sẽ nói riêng với ông ta đến nhà của đại nhân, đại nhân muốn châm chước như thế nào thì dạy ông ta sửa đổi”. Tôi nói: “Đa tạ ơn của đại thân. Nếu lễ lạc ở tôn miếu phế bỏ hết, tôi phiền muộn tất sẽ tự tử”. Quan Khâm sứ ra về. Đến chiều quả thấy Tôn Thất Quảng đến. Tôi xin bảo tồn lễ ngũ hưởng⁽⁴⁴⁾ như cựu chế, và nghi văn lễ lạc tất cả như cũ. Tôn Thất Quảng nói: Lễ vật tam sanh đã bàn giảm bớt, thế khó thay đổi. Duy [140] lễ lạc có thể phục hồi như cũ. Tôi dặn phải làm cho nhanh để phụng chuẩn.

Ngày tháng 11 nghe tin Hoàng đế sắp đưa cháu ngoại của Lê Phát An vào nội đình, chưa biết thực hay không, tạm gác. Đến tháng Chạp bỗng gặp Thái thường tự khanh hừ trí Ứng Thông nói chuyện rằng đại thân Bộ Lễ Tôn Thất Quảng hộ giá Bắc tuần trở về, ngày đêm lo lắng việc nạp hoàng hậu không rảnh. Tôi hỏi: Hoàng hậu là ai? Trả lời: Cháu ngoại của Lê Phát An ở Nam Kỳ. Tôi nói: Lê Phát An là giáo dân vậy cô ấy là lương hay là giáo? Ứng Thông nói: Tất nhiên là giáo dân. Tôi nói: Hoàng hậu mà là giáo dân, tương lai có chịu thờ phụng tôn miếu không? Tôi nghĩ trong lòng phải tùy cơ can ngăn, nhưng chưa nói ra.

⁴³ Gồm các lễ phẩm trâu (bò), heo, dê.

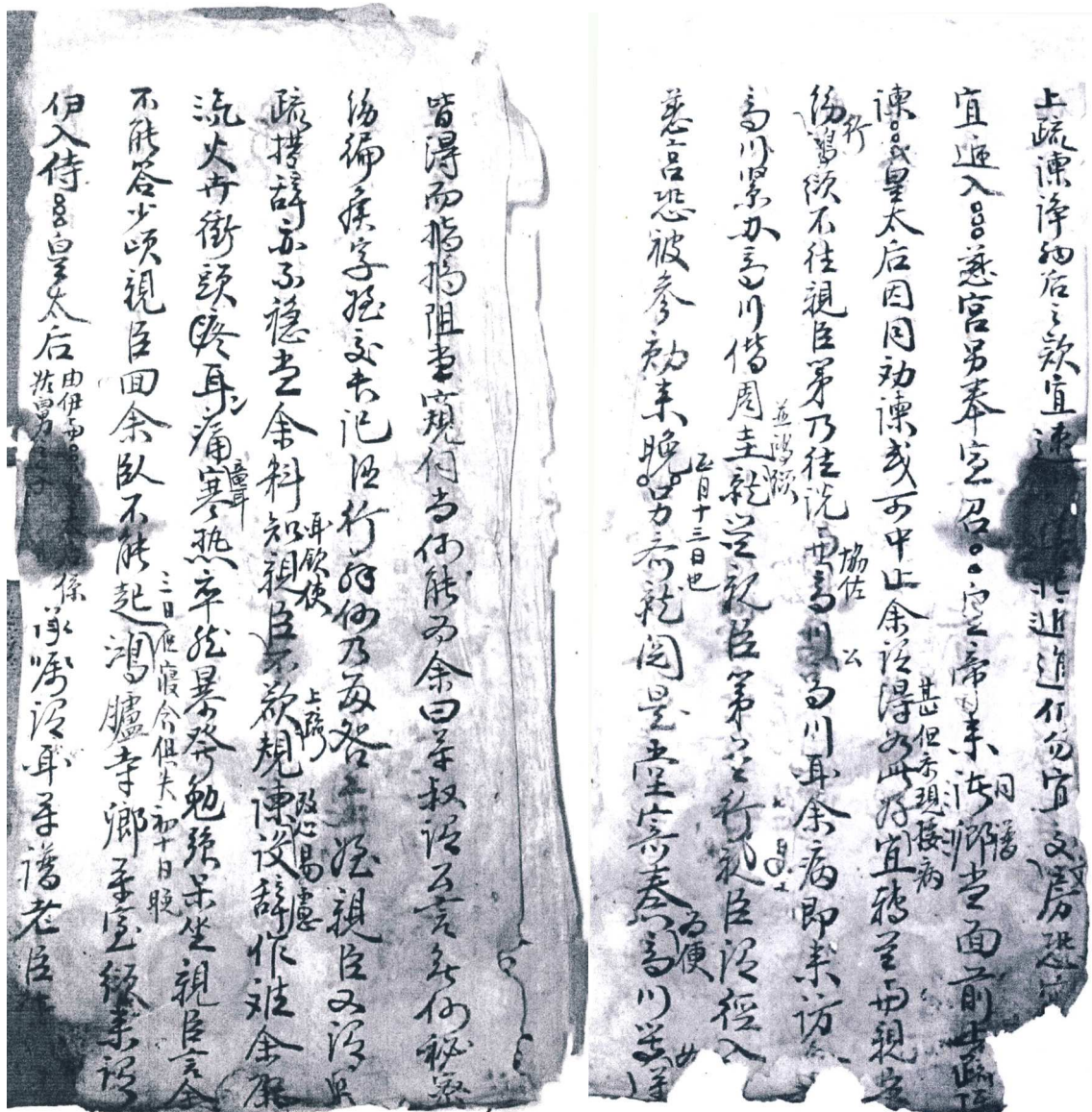
⁴⁴ Là 5 lễ cúng cho tổ tiên nhà Nguyễn theo các mùa xuân, hạ, thu, đông và gần cuối năm: ngày mồng 8 tháng Giêng, mồng 1 tháng Tư, mồng 1 tháng Bảy, mồng 1 tháng Mười và 22 tháng Chạp.

Tết Nguyên đán năm Bảo Đại thứ 9 [1934] tôi đến nhà riêng cụ Thân thần lạy mừng tuổi. Cụ Thân thần hỏi tôi: Hoàng thượng sắp nạp cháu ngoại gái của Lê Phát An làm hoàng hậu, ông có biết không. Tôi thưa: Sáng hôm qua mới nghe Ứng Thông nói qua. Cụ Thân thần nói: Dòng tôn thất nên dâng sớ can ngăn. Tôi nói: Dâng sớ chỉ sinh ra dấu vết, cháu nghĩ nên vào triều tâu tận mặt, biện bạch rõ ràng, mới có thể văn hồi tâm ý của Hoàng thượng. Thân thần nói: Việc quan hệ đến điển lễ nước nhà cần dâng sớ tâu bày, giả như không thể văn hồi [141] vẫn còn minh văn khởi để cho sĩ phu nghị luận. Tôi nói: Can gián thì mong muốn được nghe, nếu như chú chịu cùng đi với năm ba người lão thành trong tôn thất cùng vào hết lời can gián ắt có hiệu quả. Thân thần nói: Sợ đã nghe lời ngon ngọt, nên chẳng chịu nghe lời. Ông hãy thảo sớ, lấy chữ ký của các ấn quan trong dòng họ dâng lên ngự lãm mới tốt. Tôi đáp: Dạ, nhưng phải làm lễ mừng tuổi đã. Đến chiều cụ Thân thần lại thăm trả lễ, cũng dặn thảo sớ. Tôi xin đợi sau ba ngày tết sẽ thảo, duy việc lấy chữ ký rất bất tiện không khỏi kéo dài và bại lộ. Thân thần nói: Ông thảo xong, tôi sẽ ký trước, phái người đi trình các ấn quan duyệt ký. Đều là lời công khai không có gì bí mật nghi kỵ. Nếu có người nào không ký, tôi [142] và ông ký thay dâng lên cũng được. Tôi suy nghĩ thảo, ngày mồng 4 đệ trình Thân thần, cụ bảo để lại tờ thảo một đêm để xem, nhuận sắc. Ngày mồng 5 sai người giao lại, phái người đi lấy chữ ký. Tôi giao viên thư ký thường xuyên của tộc là Tư giáo Tôn Thất Trung thuộc hệ 8 đi khắp xin chữ ký. Hoài Ân công [Bửu Kiêm] không chịu dưng vào, kiêm Tôn Nhơn Phủ đại thần Ứng Bằng cũng không dám dưng, duy các ông Trung quân Hồng Thiện, Đông các Tôn Thất Trạm, Hiệp tá Tôn Thất Tế, Ứng Đồng, Ứng Ân, Ứng Bình, Tham tri Hồng Thiết, Bửu Phán, Bửu Lang, Hồng lô tự khanh Tôn Thất Tu đều ký.

Ngày mồng 8 thấy Thượng thư Bộ Lễ Tôn Thất Quảng đến nói về việc nạp hoàng hậu là: “Ý Hoàng thượng đã quyết, đã tâu lên Tam cung, ý chỉ Tam cung cũng thuận. Quan Toàn quyền, quan Khâm sứ [143] đều biểu đồng tình, xin đừng kháng sớ”. Tôi nói: “Việc này bất lợi cho xã tắc, Tam cung sao chẳng lo xa. Hoàng đế nghe mưu tà của người khác, ngày sau miếu xã bị phế bỏ thờ cúng, Tam cung có thể trường hưởng an lành phú quý vinh hoa chẳng. Lúc tôi về hưu mong được bề tôi trong dòng họ sung vào Viện Cơ Mật để bảo vệ điển lễ của Hoàng gia. Ông đón nghinh nhận ơn sủng không nghĩ đến tôn miếu, điều đó là rước voi về giày má tổ thì còn nói gì nữa. Tôi không tiếc sống, liêu chết ra sức can ngăn mới khỏi phụ là hậu duệ của liệt thánh. Ông ghét tôi chỉ việc dèm pha với bảo hộ là tự tôi phản đối, dấu giết cũng không ngại gì”. Tôn Thất Quảng nói: Sao lại đến nỗi thế, duy nghe Hoàng đế nói người ấy đã bỏ giáo, trở về [144] lương, ngày sau sẽ tuân theo lễ pháp bái cúng như thường, có quan ngại gì. Tôi nói: Không dám tin, không bằng dừng lại trước. Tôn Thất Quảng liệu không thể cãi lại, bèn trở về.

Sáng hôm sau thấy Sô-Nhi [Sogny] đến nói rằng: “Nghe đại nhân sắp dâng sớ can ngăn việc nạp hoàng hậu, quan Khâm sứ đại thần ủy tôi đến nói với đại nhân đình việc dâng sớ”. Tôi nói: “Hoàng đế tuổi trẻ chưa thể nghĩ

sâu, sơ suất nghe lời xằng bậy, sợ người trong nước chỉ trích. Vả không phải bọn lão thành chúng tôi không biết việc can gián tổn hại đến danh giá Hoàng gia, bất đắc dĩ mà có lời”. Sô-Nhi nói: “Người theo giáo mà hôn lễ không đến nhà chung làm lễ là xuất giáo rồi, không cần can ngăn nữa”. Tôi nói: “Nghe nói hoàng hậu là [145] người Công giáo thì họ nhà vua và quốc dân xôn xao bàn tán, có nhiều trở ngại. Huống chi người này là dân Tây, nay Hoàng đế tuyển khiến người ta bỏ đạo, nếu như Giáo hoàng và vua các nước Âu Châu lấy đó làm điều dị nghị thì làm thế nào?”. Sô-Nhi không nói lại nữa, bèn trở về. Tôi đến nhà riêng cụ Thân thần hỏi xem ý kiến thế nào. Cụ bảo: Việc nạp hoàng hậu nếu như Hoàng đế và Tam cung đã quyết định thì việc dâng sớ của



Hai trang cuối quyển 5, Lạc Viên tiểu sử.

ta cũng chỉ là vô ích. Tôi nói: Cháu vốn không muốn bộc lộ ra văn tự, nhưng vâng lời chú thảo sợ lấy chữ ký người trong họ, cháu không thể không tuân mệnh. Cụ Thân thần nói: Ban đầu tưởng làm thận trọng kín đáo, không cho người ngoài biết, không ngờ sai phái bất cẩn, người [146] đều dòm ngó còn làm gì được. Tôi nói: Chú bảo là lời công khai không có gì bí mật sức đi lấy chữ ký, cháu giao thư ký nhận đi. Nay sao lại quy lỗi cho cháu. Thân thần lại nói: Sớ này lời vẫn không ổn đáng. Tôi liệu biết Thân thần nghe quan Khâm sứ không muốn dâng sớ can ngăn đã thay lòng đổi dạ đặt lời làm khó. Tôi bỗng hỏa khí xông lên đầu, đau điếc cả tai, hàn nhiệt bỗng nhiên bạo phát, găng gương ngời yên. Thân thần nói, tôi không thể trả lời. Lát sau cáo từ cụ ra về, tôi nằm không thể dậy được. Ba ngày đêm ăn ngủ không được. Chiều ngày mùng 10, Hồng lô tự khanh Tôn Thất Tu đến nói y vào hầu (y và Hoàng thái hậu là anh em cô cậu), được kính dặn nghe các lão thần trong họ [147] dâng sớ can ngăn về khoản nạp hậu hãy nên nhanh chóng dâng lên nhưng chớ giao cho văn phòng sợ chìm mất, hãy đệ vào Từ cung,⁽⁴⁵⁾ sẽ tuyên triệu Hoàng đế đến, các khanh trong dòng họ sẽ dâng sớ trước mặt để can ngăn. Được Hoàng thái hậu cùng khuyên can ngăn hoặc có thể được chấng. Tôi nói: Được như thế thì rất tốt, hiềm tôi đang mắc bệnh nên chuyển trình đến cụ Thân thần sai lầm. Hồng Tu không đến cụ Thân thần mà đến nói với Hiệp tá Thương Xuyên công. Thương Xuyên nghe tôi bệnh tức thì đến thăm hỏi. Tôi nhờ Thương Xuyên gắng lo. Thương Xuyên cùng Chu Khuê và Hồng Tu đến nhà cụ Thân thần trình. Thân thần nói: Đi tắt vào Từ cung sợ bị tham hặc. Đến chiều ngày 13 tháng Giêng, đều tề tựu ở Duyệt Thị Đường gửi tâu mới tiện. Các ông Thương Xuyên đều tuân theo.

[Bản thảo dừng lại ở đây]

⁴⁵ Chỉ nơi ở của bà Từ Cung Hoàng Thị Cúc, mẹ vua Bảo Đại.